

THANH SĨ

CHÚ NGHĨA

Loạt bài

HUẤN LUYỆN ĐẠO ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

VÀI NÉT VỀ ÔNG THANH SĨ

Ông Thanh Sĩ tên thật là : Trần Duy Nhứt sanh năm Mậu Thìn-1928 tại Nha Môn, Sa Đéc. Vì hoàn cảnh khó khăn, Ông chỉ học đến lớp ba trường làng. Khi Đức Huỳnh Giáo Chủ ra giáo đạo, ông cùng bà mẹ qui y theo Phật Giáo Hòa Hảo, hằng ngày tu hành tại gia như bao tín đồ khác.

Đến năm 16 tuổi, bỗng nhiên ông sáng tỏ, thông minh một cách lạ thường, nhưng không biểu lộ cho nhiều người biết. Gặp lúc loạn ly Ông cùng mẹ rời đất Nha Môn tản cư lên Châu Đốc và Long Xuyên.

Mùa Xuân năm 1948, được 21 tuổi. Ông bắt đầu thuyết pháp một cách hùng biện, xuất khẩu thành thi làm cho mọi người rất ngạc nhiên. Ông đi châu thuyết nhiều nơi trong các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sa Đéc.v.v... có nhiều lần ông đàm đạo với các nhà sư, những bậc trí thức đều được hoan nghinh và mến phục.

Năm 1951 Ông về ngụ tại xã Long Kiến. Cùng vài anh em tín hữu, Ông đưa ra sáng kiến trùng tu ngôi Tây An Cổ Tự lúc bấy giờ là một ngôi chùa nhỏ lợp lá. Ông thường thuyết pháp ở đó bằng lối ứng khẩu, có rất nhiều tín hữu xa gần đến dự thính. Ông có mở hai khóa hoằng pháp đạo tào hằng trăm giảng viên để truyền bá đạo đức theo giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo.

Năm 1955, vì hạnh nguyện và nhân duyên cứu đời nên Ông sang Nhật Bản vào đầu mùa Xuân. Ở Đông Kinh, ông vào học Nhật Ngữ tại Quốc Tế Học Hữu Hội một năm và tự rèn luyện thêm sinh ngữ phụ là Anh Văn. Ông sử dụng cả hai sinh ngữ này rất thông thạo.

Ông thường tiếp xúc với nhiều lãnh đạo tôn giáo và trí thức Nhật Bản. Ông dạy tại Đại Học Waseda ở thủ đô Đông Kinh và dịch nhiều sách để làm phương tiện truyền đạo.

Tại Đông Kinh Ông có sáng tác 17 tác phẩm lần lượt gửi về nước hiệp với 10 quyển đã sáng tác lúc ở quê nhà thành một pho sách quý giá về hai phương diện đạo đức lẫn văn chương.

Ông làm việc ngày đêm không ngơi nghỉ. Đầu tháng 3 năm 1972 Ông lâm bệnh và đến ngày 26 tháng 12 năm Nhâm Tý – (29-1-1973) Ông viên tịch...

Kính bút

Mùa Xuân năm- 1973.

ĐẠO LÀM NGƯỜI

Tôn chỉ của Phật Giáo Hòa Hảo gồm có đạo nhân và đạo Phật. Đạo nhân là nấc thang đầu, đạo Phật là nấc thang chót, nghĩa là chúng ta trước phải thật hành đạo nhân rồi lần đến đạo Phật một cách trọn vẹn. Đức thầy dạy chúng ta trước nhất phải đem đạo nhân ra mà xử sự với mọi người.

Đây là bài đạo làm người:

“Khuyên trai gái học theo Khổng Mạnh,

Sách Thánh Hiền dạy đạo làm người”.

Hai câu này Đức Thầy dạy chúng ta cần phải học theo Khổng tử và Mạnh tử, tức là học cái đạo làm người.

Khắc kỷ: Khắc có nghĩa là trị. Kỷ có nghĩa là mình, gồm nói là trị mình. Thời nay có những người không trị sửa mình, lại sửa trị người khác không khi nào kết quả. Và đó là hạng người không biết khắc kỷ.

Trước khi đối xử mọi người, thì mình phải sửa trị mình cho được ngay chánh, mới có thể sửa người và nói cho người nghe theo. Như Thánh Nhơn có câu: “Chánh kỷ dĩ giáo nhơn giả thuận, thích kỷ dĩ giáo nhơn giả nghịch” nghĩa là mình giữ được lẽ chánh rồi đem ra dạy người là phải lẽ, mình còn tà vậy mà đem ra dạy người là trái lẽ.

Bởi thế việc khắc kỷ không phải nói bóng nhoáng bề ngoài mà phải thật tâm tự trị mình cho đến khi không còn một lỗi nào mới quý, như:

- Nam phải biết: Tam cương ngũ thường;
- Nữ phải biết: Tam tòng tứ đức.

Ngoài ra còn cần phải tập tành thêm những đức tánh tốt đẹp khác nữa. Trong xã hội ngày nay về mặt luân thường họ chỉ cho là một vấn đề cổ hủ, thành thử giữa cha con, giữa chồng vợ không còn trọng hiếu nghĩa để sắp đặt cho thành một gia đình có nề nếp gì cả.

TAM CANG – Là quân thần cang, phụ tử cang và phu thê cang.

1- **Đạo quân thần**: Theo đà tiến hóa của thời đại mà hiện giờ chữ quân thần phải đổi lại chữ quốc dân.

Muốn cho quốc dân được phú cường, chúng ta phải làm cho mặt kinh tế được dồi dào, chánh trị được khéo léo và mỗi con dân đều biết tự trọng lịch sử nước nhà.

Với cái thiên chức làm dân biết giúp cho nước nhà phú cường và giữ vững nền độc lập mới xứng đáng là một tôi con của Tổ quốc và mới giữ mồ mả của ông cha. Song đứng ra cứu quốc không xem đó là điều nguy kịch đời mình, vẫn hy sinh cả sự nghiệp vật chất lẫn tinh thần để đổi sự thành công mới trọn nghĩa trung.

2- **Đạo cha con**: Làm cha mẹ rất là khổ sở với con cái, từ sự nuôi nấng và dạy dỗ cho nên người, gặp phải gia

đình nghèo khó cha mẹ phải làm sao cho ra tiền đặng lo sắm y thực cho con, đưa con đến trường để học tập, được trở nên người hữu dụng.

Nếu kẻ làm con biết xét đến điều đó, thì phải hết lòng hiếu thảo cha mẹ, cung phụng cha mẹ từ miếng ăn, thức mặc hoặc thuốc thang khi đau ốm, để đáp trọng ân và biểu dương một tinh thần hiếu hạnh cao cả trong xã hội.

Ông Mạnh tử nói: “Nội tắc phụ tử, ngoại tắc quân thần, nhân chi đại luân dã”, nghĩa là bên trong thì đạo cha con, bên ngoài thì đạo vua tôi, đó là cái giềng mối lớn của đạo người vậy. Như thế chữ hiếu đâu phải là việc phụ thuộc mà kẻ làm con chẳng hết lòng báo bổ được ư ?

3- **Đạo chồng vợ**: Đã vui vẻ kết cấu với nhau lập thành một gia đình, thì kẻ làm chồng vợ phải cần tiêu biểu cách đối xử tốt đẹp cho gia đình người khác bắt chước, không nên vì lý do không chánh đáng mà sanh ra tình phai ý lợt. Nhiều khi vợ chồng bỏ nhau quá dễ dàng chỉ vì thú dục mạnh hơn tình nghĩa. Nếu loài người, sống không biết tình nghĩa thì cái sống ấy không khác loài vật, chẳng chút nề nếp gia phong, tôn ti trật tự. Như thế có thú vị gì đâu ?

NGŨ THƯỜNG: Nói đến ngũ thường không một đồng đạo nào lạ tai cả vì điều này hẳn mỗi người đã được cha mẹ hoặc ông già bà cả thường hay nói đến và dạy cho con cháu trong nhà học theo. Nhưng cách chỉ bảo ấy chỉ lấy đại khái, nên lắm người hiểu còn mờ昧. Hôm nay cần hiểu rành hơn để cư xử đúng đạo làm người.

Ngũ thường gồm có: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

NHÂN – Nhân là keo là hồ để hàn gắn lại bao vết thương lòng của nhơn loại. Người có lòng nhân hay tha thứ kẻ lầm lỗi, giúp đỡ người khác từ miếng vải, bát cơm và không chủ trương sát sanh hại mạng. Hơn nữa, đối với cha mẹ họ còn đầy lòng hiếu hạnh.

Sách có câu: “Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan giả”, nghĩa là lòng thương yêu mọi người là mối đầu của lòng nhân. Thế nên, lòng nhân là nguồn sống của mọi loài, và người có được lòng nhân tức là ân nhân của tất cả nhân loại:

Lẽ thứ nhất của lòng nhân là thường ra tay giúp đỡ kẻ thiếu hụt và thương yêu người nguy nàn mà tế trợ mọi công ăn việc làm có lợi ích.

Lẽ thứ hai của lòng nhân là họ đối với người lỡ phạm tội lỗi đến họ, thì họ luôn luôn tha thứ, nếu người biết ăn năn. Lại họ còn dạy dỗ những điều chơn chánh và đạo lý khiến người ấy trở nên người nhân từ như họ.

Lẽ thứ ba của lòng nhân là họ không khi nào vì sự lợi riêng cho mình mà làm cho kẻ khác bị đau khổ, hay vì món lợi chung mà giết hại người khác một cách vô cớ.

Lẽ thứ tư của lòng nhân là lúc nào họ cũng giữ sự ăn uống có chừng mực, không hề đụng dẫu ăn đó, hay ăn quá độ, để vô tình tự sát đời họ quá vô nghĩa và họ không khi nào vì cuộc vui thích không có ý nhị mà sát hại sanh vật cho được thỏa mãn khẩu dục.

Lễ thứ năm của lòng nhân là họ rất hiếu hạnh với cha mẹ, nuôi dưỡng cha mẹ từ miếng ăn, thức uống, chỗ ở, cho đến lời nói hoặc việc làm gì cũng đều làm vui lòng cha mẹ và giữ danh giá của cha mẹ không để người khác rẻ khinh hay để cha mẹ có một điều gì khổ sở.

NGHĨA – Mỗi người đều hiểu việc nghĩa là điều tốt đẹp nhất, dù ai cũng phải có nó trong lòng mỗi ngày và cần thực hành đúng cách.

a) – Đối với trong nhà từ trên ông bà cha mẹ anh em lúc nào cũng phải đầy lòng thương mến và giúp đỡ. Có thể chia sẻ cho nhau điều vui, gánh đỡ cho nhau việc khổ, nghĩa là bất tất việc gì luôn luôn nghĩ đến lẽ phải đối với thân quyến. Có được thế mới làm cho thân quyến bền chặt.

b) – Ngoài việc đối xử gia đình, chúng ta còn đem việc nghĩa đối với xã hội, từ vua quan đến dân dã, bạn bè, lúc nào cũng phải đem hết tâm tư trí lực của mình và làm việc lợi ích cho nhau, nghĩa là phải biết cùng sống còn, cùng vinh hạnh trên lẽ phải và phải biết cứu nhau trong chỗ nguy biến. Nói tóm lại là từ trên đến dưới có thể giúp nhau nhiều việc công nghĩa.

c) – Là trong khoản sống, chúng ta không tránh khỏi gặp phải lúc bất trắc của mình hay kẻ khác, nếu gặp việc bất trắc của kẻ khác mình hãy tận tâm ứng phó để cứu giúp họ không hề sụt sè lánh hé.

d) – Đến như gặp phải trường hợp nghèo khó cho đến cơm không đủ no, áo không đủ mặc nhưng với lòng của

kẻ biết việc nghĩa không hề chủ trương những việc bất lương và luôn luôn giữ tiết tháo trong việc chôn chảnh đầu cạp đất ăn rau, không hề thâm đoạt của người vô cố. Còn được giàu sang dư giả thì đem giúp đỡ kẻ thiếu hụt, không có tư lợi ích kỷ hay vị danh.

LỄ – Mỗi người đều phải biết lễ, vì nó tiêu biểu lòng kính mến. Nếu hiểu được ý nghĩa việc lễ thì:

a) – Đối với gia đình từ ông bà cha mẹ anh chị trong nhà luôn luôn giữ sự chào hỏi lễ phép và nói năng bất thiệp. Sự chào hỏi ấy với lòng thành thật cung kính chớ không có hoa dạng bề ngoài, khi nghe tiếng gọi của cha mẹ, anh chị hoặc người lớn tuổi thì liền dạ, gặp người quen lớn hay xa lạ cũng vậy, phải hai tay nắm lại để ngay ngực cúi đầu chào hỏi một cách nghiêm cẩn. Và có điều cần nhớ là dù gặp khách quen hay lạ mình cũng vẫn đối đãi tử tế như nhau, nếu vì người quen mà ta chỉ chào hỏi qua loa khiến người ấy chẳng vui lòng, chẳng thể còn làm cho kẻ trong nhà bất chước cử chỉ ấy không tốt.

(Cách lễ Phật chấp tay xá gọi là hiệp chưởng. Đối với người thủ lễ nắm tay lại gọi là cung thủ).

b) – Ngoài việc chào hỏi trong gia đình, chúng ta còn đối với bên ngoài như hàng vua quan, các bậc tôn trưởng luôn luôn giữ lấy lời lễ độ chào hỏi. Chẳng những được nhân cách lịch sự mà còn gây được cảm tình với người nữa.

c) – Khi đến các ngôi chùa, miếu, lăng, tẩm luôn luôn giữ vẻ cung kính, trước khi vào bái đường phải lột giày, guốc, khăn, nón để ngoài rồi sẽ từ từ tiến vào một cách nghiêm chỉnh, không được chấp tay sau lưng. Khi lễ bái, ngoài dung nghi chỉnh tề, còn giữ trọn lòng cung kính và tin tưởng Đức Phật.

d) – Nam cũng như nữ mỗi khi hầu chuyện với nhau đều phải giữ lời lẽ lễ độ, cử chỉ đoan trang không nên nói giễu cợt tục tằn và không để cho lòng nghĩ quấy.

e) – Việc chồng vợ mặc dầu đã ăn ở lâu ngày, chẳng vì thế mà nói lờn lã, trái lại phải đem lòng cung kính nhau luôn; khi nói năng phải thưa dạ, lúc đi, đứng, nằm ngồi phải biết nhường nhịn cho lễ phép không được xem thường nhau mà sanh lòng lờn lã.

TRÍ – Con người hơn loài vật nhờ có cái trí, như:

a) – Lấy trí xét nghĩ chất rượu thường làm cho con người tâm trí cuồng tảo không còn phong độ tốt lành, không còn biết suy xét việc phải trái, làm nhiều tội lỗi: chửi vợ mắng con, gây ó xóm diêng tụ tập bạn bè bày tiệc độ, sanh việc cướp bóc, gây lăm sàu khổ, nên không hề uống.

Đức Phật cho rượu là thứ thuốc độc. Ngài thường răn các môn nhơn của Ngài phải cử rượu. Song muốn cử rượu thì lúc nào cũng nhận nó là tai hại, không nên nếm thử. Chỉ trừ khi nào có bệnh mà lương y bảo phải dùng với thuốc mới được uống, song mạnh rồi thôi.

Xưa có một người qui y Tam bảo, một hôm khát nước y gặp bình rượu liền uống cho đỡ khát, bỗng con gà chạy đến y bắt làm thịt uống với rượu, người con gái mắt gà đến kiểm, y lại bắt hãm hiếp, bà già cô gái ấy kiện y ra tòa thì y chối rằng không có bắt gà và hiếp dâm. Thế thì từ cái tội rượu dẫn đến tội ăn trộm, tà dâm vọng ngữ một cách dễ dàng chẳng là đáng sợ lắm sao ?

b) – Lúc nào cũng lấy trí xét thấy việc cờ bạc là thứ phá hoại tài sản, nó thường làm cho người tiêu tan sự nghiệp, hết bạc tiền; như thua thì bán vòng vàng, quần áo, đất cát, cửa nhà; đến khi không còn món gì bán được nữa thì sanh ra trộm cướp. Trai sa vào cờ bạc thì sanh ra đàng điếm; gái sa vào cờ bạc thì sanh ra dĩ thỏa, họ không còn nghĩ đến danh giá của họ hay phong hóa nước nhà là gì. Xét cờ bạc, có tai hại như thế; người có trí luôn luôn xa lánh không nên mó vào.

c) – Lấy trí xét nghĩ sắc đẹp là món hại như nọc ong, nọc rắn, nếu người chạm đến là nguy hại nên ngăn ngừa không hề say đắm:

- Vua lụy vì sắc thành lũy tan hoang;
- Quan lụy vì sắc bại trận mất chức;
- Dân lụy vì sắc bị tù đầy khổ sở. Ngoài ra sắc đẹp còn làm cho người phải mờ ám trí huệ, vì nhốt tư lự trong chướng rời và cũng xô người vào cảnh nghèo nàn tù tội không kể xiết.

Đã thấy nạn đắm mê sắc lịch tai hại to lớn, người có trí chẳng lúc nào mà không tìm cách ngăn ngừa nó.

d) – Việc hút xách thường làm mòn mỏi xác thân, tiêu hao tiền của quá vô ích, còn làm cho người coi rẻ tuổi tên, lấy trí xét rõ chỗ hại của nó tự gắng gổ giữ và chừa bỏ nó, nếu mình lỡ ghiền.

e) – Mỗi khi thấy những việc phi nghĩa bất lương, chẳng luận có tai hại cho mình hay kẻ khác, dầu có đem lại món lợi to bao lớn ta vẫn cự tuyệt cho đến hủy kiếp; và luôn luôn tìm cách tránh cho kẻ khác không để lâm vào. Tại sao? Vì việc làm ấy chỉ có lợi vật chất ngắn ngủi mà gây khổ báo lâu dài cho đời mình vậy.

TÍN – “Nhơn vô tín bất lập” nào ai chẳng biết? Chữ tín giúp cho người quên mọi mệt để theo sát nguyện vọng. Để hiểu nó như thế nào, chúng ta:

a) – Lúc nào cũng tự tin nơi lòng dè dặt và cố gắng của mình thì sớm muộn gì cũng đạt được mục đích, nghĩa là đến chỗ mình muốn, nên gặp những khó khăn không hề nản lòng bỏ dở.

b) – Tự tin rằng: nếu chúng ta không đem lời dối gạt người, cố nhiên người không dối gạt lại và chúng ta đối với ai cũng lựa câu ứng đáp chắc thật, việc làm chơn chánh thì họ sẽ tin vào việc làm và lời nói của ta, khiến cho việc làm ấy mau được thành công viên mãn.

c) – Chúng ta tự tin rằng: việc nào của mình làm thì sớm muộn gì nó cũng trả lại cho mình không sai một mảy, như câu: “Tự tác hườn tự thọ”. Nói theo luật nhân quả: hễ gieo thứ giống nào thì lên trái nấy, và mình càng gieo thì nó càng lên, do đó chúng ta luôn luôn ngăn ngừa chừa bỏ những điều mà chúng ta đoán biết rằng ngày kia nó sẽ đem lại một kết quả không hay cho chúng ta.

d) – Khi thấy người khác có những việc làm chon chánh, đối xử thành thật, nhứt là có đức hạnh nghiêm cẩn, thì chúng ta nên giao phó cho họ việc làm hệ trọng. Vì con người ấy, sẽ gây sự kính mến và được tin cậy của nhiều người. Trái lại, khi thấy rõ người có tâm đức tốt lành ngay thật mà mình không mạnh dạn trao cho họ những công việc xứng đáng, thì không thể nào mình làm việc lớn trong xã hội được.

e) – Khi thấy người khác có lòng tin cậy chúng ta, thì chúng ta chỉ nên làm cho họ tin cậy thêm, bằng cách nêu rõ việc làm chon chánh, lời lẽ thành thật. Ngược lại chúng ta không nên vô tình hay cố ý để lòng tin cậy ấy bị mất.

g) – Mỗi khi lòng còn nghi ngờ điều chi, chúng ta nên đến hỏi người của ta nghi hay người hiểu biết hơn để nhờ họ giải bày rõ rệt việc ấy, nếu là việc hợp lý thì mình cứ tin ngay, không còn nghi nữa. Được thế thì bắt đầu từ đó việc làm của chúng ta được tiến xa hơn. Nhược bằng nghe người giải bày tường tận mà lòng mình còn nghi thì sự hiểu biết cũng như việc làm phải ngưng trệ và thất bại.

TAM TÙNG và TỨ ĐỨC

Đặc tánh của đạo tam tùng tứ đức dành cho hàng phụ nữ. Thánh hiền dạy phụ nữ phải biết tam tùng tứ đức, nó là căn bản của khách thuyền quyên thực nữ; thiếu nó thì giá danh phải hư hỏng. Chính nó là phương thuốc chữa bệnh hư hèn của đám phụ nữ thời này để trở nên con người có hạnh đức thuần mỹ.

TAM TÙNG: Đạo tam tùng gồm có: tùng phụ, tùng phu, tùng tử.

a) – *Tùng phụ*: Phận gái trong lúc chưa xuất giá, là lúc có thể làm thay cha mẹ mọi việc trong nhà, nào lo chăm nom cơm nước cho cha mẹ và lúc nào cũng siêng năng trong công việc làm. Nếu cơ hội ấy (tức lúc chưa chồng) mà không để ý đến ơn cha mẹ, bằng những việc làm lợi ích cho cha mẹ, để qua rồi khó kiếm lại được.

Bất tất việc chi cũng cần đãi lịnh cha mẹ, chỉ trừ việc thường thức của phận gái thì khỏi hỏi. Ngoài ra những việc bất thường, như là việc có quan hệ đến gia tộc thì luôn luôn thưa lại cha mẹ. Khi cha mẹ cho phép rồi sẽ thi hành, cũng không quyền quyết định lấy. Lại nữa người con lúc nào cũng phải biết bảo trọng thân danh của cha mẹ và phẩm hạnh của mình, cần tập sửa nét na đằm thắm, không học theo phường ong bướm làm những việc tủ nhục tông môn.

Kỳ dư đối với các việc làm, dù việc nhỏ cũng phải khéo léo, gọn gàng nhưng không hấp tấp; và phải nhớ ăn ở

cần mẫn tiết kiệm. Lúc nào cũng lấy lòng trinh bạch làm quý, nếu vì sự vui thú nhứt thời để thất thân thì dễ bị thói quen tánh liêu, hèn hạ suốt đời lại còn gieo sự tủi nhục Tổ tiên cha mẹ. Cần nhứt bỏ tánh tham ăn, mê ngủ, nên thức khuya dậy sớm lo làm phận sự được chu đáo. Đó là tòng phụ.

b) – *Tòng phụ*: Sau khi có chồng mọi việc chi đều do chồng dạy bảo. Điều khéo léo của người phụ nữ biết thờ chồng là xem cái nào chồng ưa để tuân theo cái nào chồng không ưa để chừa lánh, chồng ưa lẽ chánh nên nung đúc, còn ưa việc tà thì tìm cách khuyên lơn ngăn cản cho chồng hối cải. Người vợ biết khuyên chồng chừa việc sai quấy, nung đúc chồng làm điều chánh chơn cũng có thể đem lại nhiều vinh diệu.

(Thuở xưa có người đánh xe cho Án Tử nước Tề, anh tỏ vẻ mặt vênh váo hách dịch, vợ của anh thấy vậy mới khuyên rằng: Án Tử vóc giạc bé nhỏ còn làm quan Đại phu và ông không có vẻ gì tự đắc, còn chàng có hình tướng vạm vỡ chỉ đi đánh xe cho người mà không biết thẹn lại còn ra vẻ dương dương đắc ý được ư ?)

Nghe vợ chỉ trích thế, bữa sau anh không còn tánh ấy nữa, ông Án Tử thấy lạ liền hỏi tại sao hôm nay anh không có cử chỉ như bữa trước? Anh liền kể chuyện của vợ anh nói cho Án Tử nghe, ông liền cất nhắc anh làm quan, từ đó rất vinh hiển. Đó là một trong số người vợ khéo khuyên chồng lập nên địa vị.

Mỗi việc chi nếu có tánh cách hệ trọng cần cho chồng biết không nên giấu giếm, giấu giếm chồng là còn ý riêng không tốt.

Cả mọi việc trong nhà thuộc phần người vợ đảm nhiệm, việc ở ngoài do người chồng cáng đáng, những việc thường thức như đường kim mũi chỉ, nồi cơm trách mắm nhứt nhứt phải chu đáo không làm phiền đến chồng những việc nhỏ mọn, trong nhà luôn luôn xếp đặt có ngăn nắp, vén khéo và sạch sẽ. Cũng đừng vì chồng quá yêu mà ra tuồng ỏng ảnh khinh lòn.

Lúc chồng đi vắng gặp bạn của chồng đến thăm phải giữ lễ độ nghiêm chỉnh chào hỏi tử tế, nhưng cẩn thận từ cử chỉ nói năng, nằm ngồi đều phân biệt ngôi chủ khách rõ rệt, không được nói cười lả lơi khiến người khác trông vào sanh nghi mà mang tiếng thất tiết. Đó là tòng phu.

c) – *Tòng tử*: Sau khi chồng qua đời, muốn trọn tiết với chồng thì nên ở vậy nuôi dưỡng con cái lớn khôn, nếu không được cũng phải đợi mãn kỳ tang khó rồi sẽ tái giá.

Trong thời gian góa bụa thường gặp sự thử thách trên bèo ở xung quanh, người quả phụ phải đủ lòng can đảm lướt qua. Khi con lớn lên cho nó học tập. Không nên áp ủ để nó dốt nát. Tạo cho con nghề nghiệp chánh đáng để bảo thân. Khi muốn cưới vợ gả chồng cho con chẳng nên cò kè kén chọn chỗ giàu có, hãy lựa nơi cha lành con thảo có đạo lý đức hạnh để gây lấy sự tốt đẹp về sau cho chúng nó.

Bồn phận làm mẹ lúc nào cũng treo gương tốt lành cho con học theo, nghĩa là việc làm phải chánh đáng lời nói cho chơn thật, để con bắt chước lối ấy mà làm theo. Cứ thế cho đến ngày mình nhắm mắt theo chồng thì không có cái đẹp nào bằng.

Trái lại người chồng thác chưa lạnh mồ vì lòng dục vọng vội vã cải tiết thì:

- Lễ thứ nhất lỗi việc hương khói Tổ Tiên
- Lễ thứ hai lỗi tiết với chồng.
- Lễ thứ ba làm cho con bắt chước thói hư hèn sẽ làm khổ cho chúng nó sau này. Như thế chẳng đáng người làm vợ và làm mẹ có gương mẫu trong giới nữ lưu.

TỨ ĐỨC – Gồm có công, dung, ngôn, hạnh là việc làm hằng ngày của giới phụ nữ.

Công: Tức là công việc làm thường ngày của phụ nữ không ngoài việc nấu nướng vá may. Tuy các việc ấy không lớn lao, song phải khéo léo lẹ làng. Đến việc làm lụng khác cũng vậy, không được làm dối mị thừa thác.

Dung: tức là dung mạo. Dung mạo phải đoan nghiêm, mỗi bước đi, đứng khoan thai chậm rãi; không được chưa đi mà chạy; ngồi đứng phải chỗ, nằm phải nơi, nghĩa là dòm ngó trước sau cẩn thận rồi sẽ ngồi hay nằm cho lễ phép và kín đáo; không nên nằm chỗ trống trải quá hay nằm trước người tuổi tác. Lúc ngồi đứng cũng vậy tránh đừng ẹo lưng, dựa ghế.

Ngôn: tức là ngôn ngữ. Lời nói phải được dịu dàng êm ái, muốn trình bày với ai nhứt là người lớn hơn mình thì phải thưa, khi người gọi đến phải dạ, trong câu chuyện của mình muốn nói phải nói cho rõ ràng. Người đời thường cho phụ nữ hay nói thêm bớt, nên cần nói lời chín chắn, không được chửi rủa tục tằn, bày lời điêu xảo.

Hạnh: tức là hạnh nết. Về hạnh nết cần phải hiền hậu chơn chất, hay giúp đỡ kẻ hoạn nạn, cung cấp người thiếu hụt, chốn khuê phòng thường treo cao tấm gương trinh bạch, không nên học thói ong bướm lả lơi, nhứt là không xem sách tiểu thuyết hoa nguyệt để tránh sự mơ mộng xấu xa có hại trí não. Còn việc giao thiệp với chị em bạn gái cần phải lựa người tốt lành trinh chánh, có thể học hỏi thêm những cái hay tránh những cái dở. Nếu gần gũi kẻ lả lơi trây trúa khiến cho người khác cho mình cũng là một phần với kẻ xấu xa ấy mà chịu sự chê bai khinh miệt.

Cư xử với ông bà, cha mẹ, anh em, xóm giềng phải luôn luôn giữ lễ độ khiêm cung không nên ý mình lanh lợi khéo léo mà hồng hách điêu ngoa. Nếu người phụ nữ giữ được bốn đức này, thì không thẹn với người thượng cổ, lại còn xứng đáng người tín đồ Phật giáo.

TỰ TRỊ

Về đức tánh việc tự trị là đứng đầu. Nó có mãnh lực làm cho con người tránh được lỗi lầm.

Vả lại người biết tự trị lấy mình hẳn không bị người khác trị. Con người sống để người khác trị là kẻ bạc nhược quá đê tiện, thiếu giác ngộ dễ bị đàn áp.

“Coi rồi phải thân mình tự trị.

Chẳng độ xong Phật khó dắt dìu”.

Câu ấy Đức Thầy bảo chúng ta sau khi nghe một lời, một tiếng kệ phải hiểu ý nghĩa mà tự trị lấy mình, nhược bằng không trị lấy mình tức mình không độ được mình thì Đức Phật cũng khó mà tiếp dẫn cho.

Khi xét mình còn vạy tà ô trược, cần gấp rút ngăn ngừa chừa bỏ không tái phạm để đứng người lương thiện chơn chánh tức là kẻ biết tự trị.

Và mỗi khi thấy mình có những xấu xa vạy vò mà biết trừ bỏ không để nó sanh nở ra nhiều thì người ấy mới đeo đuổi theo được ý nguyện cao cả và sẽ trở nên người có đủ nhân cách của bậc trượng phu quân tử.

Còn những hạng người trí thức, được nghe nhiều học rộng nhưng họ không để ý trừ bỏ cái quấy nơi họ, thì cái trí thức ấy không có giá trị và họ sẽ đưa thân đến chỗ chán chê của thiên hạ. Đến những người có địa vị cao sang trong xã

hội hay đang kiêm chức vụ quan trọng trong xứ sở mà không biết ngăn ngừa chừa bỏ những điều phi nghĩa vô liêm, nghĩa là họ không tự trị lấy thân thì địa vị hay chức vụ ấy có ngày bị đánh rơi, đổi lại người (bạch đình) bần quẫn trong thôn dã. Trái lại kẻ nghèo mà biết tự trị không phạm đến tội lỗi lại được nhiều người kính trọng và tin dùng ở nhiều trường hợp. Do đó mà họ từ chỗ thân cô bạch thủ sẽ dần dần bước lên chỗ cao quý trong xã hội.

Các trường hợp kể trên ai có xem kinh sử đều thấy vua Trụ vua Kiệt, vua Lệ các ông là hàng thiên tử đương quyền chưởng quản bốn cõi, vì các ông để tâm hồn phóng túng theo cảnh dục lạc, địa vị của các ông mới bị sụp đổ, thành lũy tan nát, lưu lại tiếng như đến đời hậu tấn. Đổi lại ông Nhan Tử là người nghèo nàn ăn mặc rách rưới, nơi thân vón vện một bầu nước, đai com mà giữ được đức hạnh thanh cao, tinh thần sáng suốt, đương tiền ai cũng kính phục, sau khi thác người đời còn nhắc nhở và noi gương theo. Như thế bực giàu sang của các bạo chúa đâu sánh bằng cái nghèo của ông Nhan Tử.

Được đọc thấy và nghe hiểu con người thiếu tự trị thường đưa thân đến chỗ nhuốc nhơ, chúng ta là kẻ học đạo, hiểu đạo cần phải biết cách tự trị lấy thân để tránh mọi tai hại ấy. Tự trị có ba cách:

TỰ TRỊ THÂN THỂ. – Cách trị thân thể là chúng ta luôn luôn ngăn ngừa mọi việc làm tội lỗi; không ngay thẳng, không hợp lý, trái ngược đạo lý, chạm đến luật pháp hay quyền lợi của người khác phải bị người sỉ nhục, công lý

trừng trị quá cay khổ, nên bảo trọng thân danh của mình đừng để cho kẻ khác vầy vò hành phạt làm đau lòng cha mẹ. Thánh nhơn có nói: “Thân thể phát phu thọ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương hiếu chi tử già”. Nghĩa là: hình vóc của ta bởi cha mẹ sanh ra, ta chẳng để người khác giày đạp nó vô có đó là kẻ hiếu. Vì xác thịt của chúng ta đang mang đó là cha mẹ sanh sản nuôi nấng, thân chúng ta có chút thương tích gì thì cha mẹ luôn luôn ràng rịt chăm nom, sợ sệt từ hồi e có việc không may đến tánh mạng của đứa con. Như thế há để thân thể mình bị người chà đạp được ư ?

Vả người có tự trị thì lúc nào cũng cần giữ việc làm chánh đáng, tránh việc đụng chạm mọi người và không phạm pháp luật đó là phương pháp bảo thân tối diệu.

Tự trị thân thể còn giữ cho thân mình được đoan trang, dung nghi ngay ngắn về người đằm thắm, từ tiếng nói, giọng cười được hòa nhã êm đềm và biểu lộ nét vui tươi, đó là điều tốt nhất của đạo làm người mà dù ai cũng phải kính yêu học hỏi.

TỰ TRỊ TÂM TÁNH. – Cách trị tâm tánh của ai nấy biết. Bởi tâm tánh vốn không hình tượng, không thấy được, không sờ đụng, nó là ông chủ của con người. Tâm tánh phát ra lời nói, việc làm, nói tóm lại mọi điều gì cũng do tánh xúi giục. Và nó làm cho con người biết phân biệt điều vinh nhục hơn kém vui mừng phải quấy, nhưng phân biệt để làm phải thì ít, còn làm quấy thì nhiều, thế nên kẻ được giác ngộ việc làm đầu tiên là tự trị tâm tánh. Nhưng sự tự trị tâm tánh là

một điều không phải dễ, lúc nó ra cũng không thấy, khi nó vào cũng không hay vì nó không phải hình ảnh.

(Sách có câu: Tọa mật nhất như thông cù, ngự thốn tâm như lục mã.) Nghĩa là: Tuy ngồi trong nhà kín, có vách ngăn che, nhưng nhìn kỹ lại như ngồi ngoài ngã ba đường cái, chỗ nào nó cũng đến được cả. Còn muốn ngăn che cái tâm, không khác ngăn giữ sáu con ngựa, hễ bắt con này con kia chạy, bắt con kia con nọ chạy. Thế nên ta phải kèm giữ cái tâm, nhược bằng ta không kèm giữ nó được để nó mơ mộng truy lạc vào đường tội lỗi; như nhớp, gian xảo thì không tránh khỏi tai hại. Lại nữa, nếu không tự trị được tâm tánh dầu bậc vua quan cũng sụp đổ dễ dàng và bị đánh rơi ngày nào cũng được.

Vả lại tâm tánh của người thanh tịnh mới có trí huệ, có trí huệ mới chứng đắc đạo quả. Sở dĩ đạo chưa phát vì tâm tánh còn xao động, lượn sóng vô minh cứ tràn ngập mãi mà thành tối tăm. (Mỗi ngày phải xét mình như thế dầu hạng bạch đình cũng có ngày xứng đáng, tài đức chẳng kém bậc vua quan.)

TỰ TRỊ LỜI HỨA: Ngoài việc tự trị thân thể, tâm tánh còn phải biết tự trị lời hứa. Lời mình hứa với ai đều phải giữ đúng, trước khi muốn nói cần phải chọn lọc thật kỹ không cười đùa, nói bỡn vô ích. Vì lời nói đánh giá con người. Nó biểu lộ ít nhiều sự thật của tâm tánh, nếu trong sự giao tiếp với người khác, mình dùng lời khiêm từ, tao nhã sẽ khiến cho họ cảm tình và trọn lòng tin tưởng ở mỗi câu

chuyện của mình. Thế nên lời hứa hẹn dù khó khăn gì cũng phải giữ đúng, chớ để sai thất.

Hơn nữa, chẳng những lời nói quan hệ đến đời sống của người mà nó cũng ảnh hưởng tinh thần của người rất to tác như tiếng của Đức Phật Thích Ca thuyết ra cả 49 năm từ trước tới giờ lời ấy vẫn còn hiệu lực dắt chúng sanh đến con đường giải thoát và vãng sanh Cực lạc vô số kể. (Trái lại lời nói trong những loại sách đầu độc dân chúng chỉ làm cho con người sa vào chỗ tối tăm vô ích cũng chẳng xiết lường.) Chúng ta là kẻ học đạo chỉ yếu con đường cao siêu chơn chánh lẽ cố nhiên phải học theo câu nói của Đức Phật. Nghĩa là chúng ta chỉ nên nói những lời ích lợi cho mọi người mà dù trải qua bao nhiêu thời gian nó cũng còn giá trị và thích ứng với tâm trạng và phong hóa của người mãi.

“Kết luận: Về mặt tự trị gồm có tự trị thân thể, tâm tánh và lời hứa. Tự trị tâm tánh cốt làm cho sạch hết những điều vọng tưởng sai quấy chỉ thuần ý nghĩ tốt lành: tự trị thân thể khéo làm cho thân xác đôn nghiêm việc làm chơn chánh; tự trị lời hứa là đem câu chuyện gì nói ra với người đều giữ chắc không để sai thất. Được vậy khiến kẻ khác đầy lòng tin tưởng vào việc làm và lời nói của ta, thì việc lớn đến đâu cũng có thể thực hiện được.”

ĐỨC HẠNH

Đã biết tự trị lấy thân dĩ nhiên không quên việc gìn giữ đức hạnh. Cái đức hạnh là việc trọng yếu nhất của con người. Đức hạnh là mối đầu của các tánh nết khác; đức hạnh là một việc khó kiếm nhất, già trẻ lớn nhỏ ai cũng phải rèn đức hạnh và nó là trụ cột của đạo làm người. Có được đức hạnh mới có được hành động lợi ích cho mọi người và hợp với giáo lý của Thánh nhơn.

“Rán giữ gìn luân lý tam cương,

Tròn đức hạnh mới là báu quý”

Câu ấy Đức Thầy bảo chúng ta hãy rán gìn giữ về mặt luân lý tam cương: Quân thần cương, phụ tử cương, phu thê cương. Song muốn tròn được luân lý tam cương thì mỗi người của chúng ta cần giữ gìn đức hạnh mới hợp lý và cũng là báu quý.

Lòng lành của mỗi người ấy là đức; nết tốt của mỗi người ấy là hạnh. Lòng lành ấy được ban rải khắp mọi nơi, nết tốt ấy làm gương mẫu cho xã hội. Tuy nhiên có được nết tốt mới làm được việc lành. Thế nên cả đức lẫn hạnh phải khăng khít không để rời bỏ nhau. Kẻ có được đức hạnh giống như người dựng ngôi nhà có được cái nền dễ đặt, chắc chắn sẽ được ở lâu và vững vàng. Đã cho đức hạnh là nền móng thì lúc nào chúng ta cũng cần có nó và trau luyện thường ngày, đến khi nào chúng ta thấy đức hạnh nơi mình được đầy đủ nghĩa là không còn chỗ thiếu sót lỗi lầm.

(Những người có tài giỏi, trí cao siêu quần, bạt chúng mà thiếu đức hạnh chỉ thêm tai hại cho mình sau này và chẳng giúp ích được ai.) Tại sao nói thế? Là bởi theo thường tánh thì đức chủ trì các lẽ chánh, trí hay xui những điều xảo, thế nên người chuyên mặt tài trí thường tự phụ hơn người và sanh nhiều mưu chước chiếm trên kẻ khác quá bất công thì đâu tránh khỏi: Cơ thâm họa diệt thâm. Mình dùng trí xảo quyết đối với người, thì người cũng dùng trí xảo quyết đối lại, ấy là thường sự xưa nay. Nhưng hai con hổ tranh đấu nhau, con nào cũng nanh vuốt bén nhọn thì cả hai đều bị thương tổn. Xem thế có tài mà không có đức, có phải là tai hại chẳng? Thêm nữa với những kẻ tự ý tài trí của họ thì họ thường mưu việc danh vọng, quyền quý không nghĩ đến điều nhân nghĩa, miễn chiếm trên và lấn hiếp được kẻ khác để cướp lợi. Kẻ khác vì bị họ áp bức lăng ngược quá nhục nhã cho nên họ cực lực chống trả lại diễn thành cuộc đấu tranh ghê tợn. Như thế kẻ có tài trí mà thiếu đức hạnh không khi nào thân phục được ai. Dầu có thân phục được cũng chỉ một số ít, (hạng người hòa hập, nịnh hót theo họ để hưởng lấy những lợi lộc quý quyền vậy thôi), chớ họ chẳng hề thành thật và dám người ấy chẳng làm được những gì hạnh phúc cho ai.

Xin lặp lại một lần nữa, giữa hai việc tài lẫn đức không thể rời nhau ở lúc nào cả nếu rời nhau thì không làm việc gì lớn lao được, vì rằng có tài mà không có đức chỉ chuyên sự xảo quyết, làm thương tổn non tâm, trái lại có đức không tài thì không được (khoán triển) thiện chí cho mau lẹ. Đức ví như cốt bánh xe, tài như cãm bánh xe; cốt và

cắm không rời nhau mới làm cho bánh xe lăn được. Nếu có cốt mà không cắm làm sao thành bánh xe để chạy; có cắm mà không có cốt không thể giúp bánh xe lăn đi. Nên tài với đức phải dung hòa lại làm một sẽ được tiến đến mức hoàn thiện.

Tóm lại kẻ chuyên sống về tài trí của mình, chỉ là sống trên sự giả dối và tai hại, nên kẻ tu hành cần phải chuyên tâm vào việc đức hạnh, khiến mình được tu chất thanh cao như:

1– Kẻ có đức hạnh hay thương xót người nguy cơ mà hết lòng giúp đỡ họ tiền của, lúa gạo, thuốc men, áo quần để khỏi phải cùng khổ nghèo nàn. Kẻ có đức hạnh nếu thông minh, thường rủ lòng thương người ngu dốt mà tìm cách dạy dỗ khiến kẻ còn thấp kém được mở mang kiến thức kịp bước trào lưu tiến hóa của nơn loại.

2– Người có đức hạnh, lời ăn tiếng nói của họ lúc nào cũng dịu ngọt với người đối thoại. Chẳng những đối với ông bà cha mẹ và thân quyến trong gia đình mà còn đối với người ngoài xã hội cũng vậy; họ có những giọng nói hiền hòa do lòng họ thốt ra, không giống người xảo quyệt chuyên nói dối trá. Hơn nữa những lời của người có đức hạnh nói ra đều lợi ích, chẳng những lợi trong gia đình mình mà còn lợi ích cho kẻ xung quanh. Và lời nói của họ có hương vị thơm tho khiến người nghe không chán.

3– Người có đức hạnh, đáy lòng của họ lúc nào cũng tiềm ẩn sự mong muốn các việc nhân từ hòa nghĩa. Các điều

ấy họ nhắm ngay dân chúng mà làm: Nhân là tha thứ người lỗi lầm; từ là giúp đỡ kẻ khác cùng được sống đầy đủ; hòa là liên kết mọi người gây lấy hạnh phúc; nghĩa là quên mình để cứu người lâm cơn nguy nan, như là cứu kẻ thân quyến của họ vậy.

4- Người có đức hạnh, lòng họ luôn luôn khoan dung. Khoan dung là bản tánh của họ đã có từ phút, từ giờ không phải tập tành trong nhứt thời rồi bỏ. Họ khoan dung tha thứ tất cả loài người đến loài vật; họ không khi nào vô cớ làm cho kẻ khác chịu đau khổ hay giết chết loài vật một cách quá đáng. Con người ấy luôn luôn có trung hậu, cư xử trong gia đình hiếu thuận, tình nghĩa đượm đà; còn đối với người ngoài thì ăn ngay ở thật.

Nói tóm lại, người có đức hạnh đối với đạo ngũ luân như: vua tôi, thầy trò, chồng vợ, anh em, bằng hữu họ luôn đối đãi phải nghĩa không khi nào kiêu căng phản bội.

5- Người có đức hạnh, tánh nết cũng giữ sự trong sạch: trai thì giữ lấy liêm chánh, chẳng hành động điếm đàng gian trá; gái thì vẫn giữ sự trinh tiết đức hạnh, không hề học thói trên bệch trong dâm cùng những phường bất tiết. Thêm nữa họ luôn luôn có cử chỉ hòa hữn, nói năng nho nhã tiêu biểu cho người có giáo dục đạo đức đúng sách Thánh hiền.

6- Người có đức hạnh, dung nghi tướng mạo của họ lúc nào cũng giữ được đoan trang nghiêm chỉnh, ví như công việc phải đi họ đi, phải chạy họ chạy, vì nếu việc phải

đi mà chạy khiến người hồ nghi là việc cấp bách, còn việc phải chạy mà thủng thủng đi khiến người cho là việc thông thường rất có hại. Nên sự đi, đứng, nằm, ngồi của người thường có đức hạnh luôn luôn dòm trước ngó sau rất cẩn thận.

Ngoài ra với những điều động nhỏ nhút nơi thân của họ đều tập tành có nề nếp điều hòa, không thái quá bất cập. Ví dụ: không phải việc khoác tay không khoác tay. Tiếng nói, giọng cười cũng vậy, nếu phải việc nên nói thì nói, đáng cười thì cười họ cân đoán từ chút, cho trở thành con người gương mẫu.

7- Người có đức hạnh, đi, đứng, nằm, ngồi đều giữ sự lễ phép, không đi suông sã ngang qua mặt người tuổi tác, không đứng áng người trưởng thượng chỗ nằm của họ cũng giữ đúng phép, ngồi rất khiêm nhượng không nghênh ngang. Họ luôn luôn có bài toán trong lòng nên việc làm của họ thường ăn nhịp với đạo lý.

8- Người có đức hạnh, luôn luôn ăn cần ở kiệm, không xa hoa phung phí không tiêu xài vào việc vô ích, trái lại thường sẵn sàng giúp đỡ kẻ thiếu hụt mà không một mảy tiếc của. Và họ không vì kẻ thường gàn gửi họ mà họ châm chế tội lỗi; không vì kẻ xa lạ họ mà thêm bớt sái quấy, mà là việc làm của họ luôn luôn công bình. Trong nhà đều thứ lớp, ngoài xã hội được phân minh với việc làm nào cũng tương xứng chức vụ và họ quên mình vì công nghĩa, vì lẽ phải của đạo lý.

Họ có thể lột tất cả những gì bất công trong xã hội đời họ thường chủ trì lễ trong sạch. Họ có sự hiếu thảo trong việc thờ cha kính mẹ; lúc cha mẹ còn sanh tiền họ lo cho được cơm no áo ấm và chỗ ở chu toàn; ngoài ra còn lo tu bồi đạo đức để cứu vớt phần hồn tở tiên cha mẹ. Và họ lúc nào cũng cẩn trọng ở việc làm, lời nói, ý tưởng; vì họ thấy rằng việc làm và lời nói có tiếng động, có hình sắc thì kết quả cho bản thân: còn ý nghĩa không hình ảnh thì kết quả cho trí óc, nếu để ý nghĩ quấy thì làm cho trí óc tối mê; còn ý nghĩ chơn chánh thì trí óc mở mang sáng sủa. Nên họ luôn luôn cẩn trọng dè dặt từ giờ từ phút trong những việc ấy.

Người có đức hạnh dù có đảm nhận một chức vụ gì họ cũng luôn luôn giữ một mực hiền hậu, chơn chánh, không vì sự nghèo mà làm việc lếu, hay giàu mà kiêu cách và lúc nào họ cũng nói làm chắc chắn thành thật, nên giá trị của họ vẫn thơm tho.

Song người có đức hạnh thường xuất hiện trong cửa đạo vì đó là yếu điểm của nền đạo. Và cũng có do ông bà cha mẹ của họ được sự điểm hóa của Thánh hiền dạy lại họ tập theo, hay nhờ kẻ chung quanh uốn nắn mà họ tiệm nhiễm theo, nên việc đức hạnh nhiều người được biết và họ còn giữ gìn. Và đã lắm người có thiện chí muốn đem việc đức hạnh phổ thông rộng ra.

Tại sao đức hạnh cần được phổ thông? Là vì nó là nấc thang đầu của đức tánh và chính nó thường sản sanh mọi việc tốt lành. Song muốn cho đức hạnh đủ đầy và mau kết

quả chúng ta cần phải chuyên học đạo lý để hiểu cách kèm hãm thói hư tật xấu, chừng đó chúng ta mới đến chỗ tốt đẹp trọn vẹn được và nhờ đó sẽ đi đến một kết quả về phần đức hạnh chắc chắn.

Đại để: Muốn cho mình được có đức hạnh, trước tiên rán chừa bỏ điều như xấu nơi lòng rèn luyện cho lòng được tốt tươi, sự nói năng, trông ngó đều được tề chỉnh đoan trang thêm nữa là đặt mọi việc làm lợi ích cho cả người trong gia đình đến ngoài xã hội.

Nếu người giữ được đức hạnh suông theo lối tiêu cực, không phổ cập được nhiều người thì chẳng hóa ra người độc thiện kỳ thân ư ? Chúng ta nên giữ đức hạnh theo lối tích cực, nghĩa là vừa làm cho mình có đức hạnh và làm cho mọi người đều được có đức hạnh như mình. Vậy mới gọi chơn đức hạnh.

HIẾU THẢO

Chúng ta được hiểu cách tự trị và bề đức hạnh như thế nào rồi ? Có đức hạnh đã đành là có được nền tảng của việc hành xử đạo làm người, nhưng muốn làm chứng cho người có đức hạnh thì mỗi người rán giữ việc hiếu thảo.

Hiếu thảo là một vấn đề quan yếu đạo làm người. Bởi nó rất quan yếu nên bậc thánh hiền nói rằng: Ngàn kinh muôn sách việc hiếu thảo đứng trước hết.

Con người có hiếu thảo mới có được đức độ quảng đại. Và người có hiếu thảo là người đã nhận công sanh thành của cha mẹ trọng đại. Có nhận sự sanh thành của cha mẹ, nên mới vui làm việc hiếu hạnh.

Sự hiếu hạnh ở thời xưa hầu hết mọi người đều tôn kính, nhưng thời nay họ xem đó là thường, vì vậy chợ đời có lắm cuộc con chửi cha mắng mẹ làm điều hổ nhục tông môn. Do thảm trạng ấy mà Đức Thầy chúng ta than như thế này.

“Nào chửi cha mắng mẹ lãng xãng,

Chẳng kể đến luân thường thảo hiếu”

Đó là lời của Đức Thầy trách cứ những đứa con ngỗ nghịch thường lấy lời thô lỗ mắng nhiếc cha mẹ. Kẻ đã đem lời mắng nhiếc cha mẹ dĩ nhiên họ không còn đếm xỉa đến việc luân thường. Luân thường là mối giềng trọng đại của gia đình mà họ không kể thì sự hiếu hạnh chẳng khi nào họ nhớ đến.

Hiếu thảo nó có nghĩa là tôn kính và nuôi dưỡng cha mẹ lúc nào cũng nhắm ngay cha mẹ để cung phụng mọi nhu cầu cần thiết: Về mặt vật chất không để cha mẹ rách lạnh; về mặt tinh thần không để cha mẹ ưu não. Người biết hiếu thảo họ luôn luôn làm cha mẹ vui vẻ và được no ấm đầy đủ.

Xét lại loài quạ mỗi khi cha mẹ nó già, nó còn biết đi tha mồi về nuôi dưỡng. Nó là loài chim chóc cố nhiên là tính đứ của nó không sánh kịp loài người, thế mà nó còn biết đáp ơn cha mẹ nó, bằng cách là nó thấy cha mẹ nó già yếu không thể đi kiếm ăn được, nên nó đi tha mồi về nuôi. Đói lại loài người tự hào rằng khôn hơn loài vật, có tổ chức trật tự, có tiêu biểu tôn ti mà không biết lấy lòng hiếu thảo thờ kính cha mẹ thì không bì kịp được loài quạ.

Chữ hiếu các kinh điển đều có nói và nói rất nhiều, nó là vấn đề tối tôn tối thượng của mọi người. Phật Ngài nói: nếu chúng sanh nào sanh vào thời kỳ không gặp Phật, thì xem cha mẹ như Phật, mỗi ngày lo cung phụng các món ăn mặc cho cha mẹ được đầy đủ tức là được vô lượng phước vì cha mẹ là ông Phật tại gia. Gần gũi cha mẹ như gần gũi Phật; tôn thờ cha mẹ như tôn thờ Phật vâng lời cha mẹ như vâng lời Phật, con làm cho cha mẹ hài lòng tức là Phật hài lòng; cha mẹ nhìn nhận đứa con tức là Phật nhìn nhận vậy. Thế nên đối với kẻ học đạo chẳng chuyên chú đến việc hiếu thảo ư ?

Làm người sở dĩ đem hết lòng thờ kính cha mẹ là tự mình đã nhận thấy cha mẹ tốn công lao, hao tinh huyết đối

với con rất nhiều. Khi thai nghén, người mẹ trong thời gian ấy thấy trong người rất mỏi mệt, mất ăn, mất ngủ. Trải qua thời gian chín tháng mười ngày mang mẫn, khi sanh đứa con ra còn chịu thêm ba năm bú mớm rất cả ruột gầy cả thân, nuôi đứa con từ khi lọt lòng đến lớn khôn, chẳng phút nào sung sướng, chỉ phải khổ nhọc rất nhiều. Chẳng những phải khổ nhọc lo thức đêm hôm săn sóc đứa con, lại còn chịu đựng mọi sự dơ dáy của đứa con: Đang lúc ngon bữa mà nghe tiếng khóc éo của con thì mẹ xót lòng chạy đi bông dỗi; hoặc trong giấc ngủ bỗng nghe con tước thì lồm cồm ngồi dậy rửa ráy chẳng ngại tanh hôi. Rủi đứa con bệnh hoạn, cha mẹ đầy vẻ lo lắng chạy chọt thuốc men, săn sóc cách đáo để. Con đau đâu thì cha mẹ đau đó. Giữa cha mẹ với con cái lúc nào cũng có một mối tình liên lạc và thông cảm rất đượm đà, nên cái vui, cái khổ gì của đứa con đều có ảnh hưởng đến lòng của cha mẹ cả.

Chẳng những thế, cha mẹ phải khi túng nghèo không đủ tiền nuôi con đành làm những việc bất lương để kiếm tiền nuôi con được cơm no, áo ấm, khi đứa con đã có vợ con nhà cửa riêng rồi mà lòng lo của cha mẹ cũng vẫn còn; chẳng những lo cho con mà còn lo đến cháu chắt nữa. Thật ra tấm lòng lo của cha mẹ đối với con cái không bờ bến; thế mà có mấy ai nghĩ đến tình thương cao viễn của cha mẹ để tìm cách báo đáp.

Đã hiểu trọng ân của cha mẹ thì người học đạo cố nhiên cần phải cư xử cho có hiếu thảo để đáp ơn cha mẹ được một phần nào.

Sự hiếu thảo ấy có nhiều cách:

1– Người có hiếu thảo, dù ở hoàn cảnh giàu có hay nghèo nàn cũng lo cha mẹ từ miếng ăn được ngon miệng, đến vải mặc được lành thân và chỗ ở được ấm áp. Đi đúng theo câu: đắp lạnh quạt nóng; chịu sự sương gió muỗi mòng thay cho cha mẹ, miễn là làm cho cha mẹ ngon lành trong giấc ngủ, ấm áp chỗ yên thôi.

2– Người có hiếu thảo, lúc nào cũng bảo tồn danh thể của cha mẹ, không để vô cớ bị lu mờ và dùng tài sức của mình lập nên công nghiệp gì rõ ràng tuổi tên cho cha mẹ vui lòng hoặc đem não trí của mình để tạo tác được một công hạnh gì thơm tho siêu việt có thể cứu được cha mẹ và họ cực lực dùng lời lẽ chánh đáng và hợp lý đem giáo lý Thánh hiền truyền rộng ra nhiều nơi làm cho mọi người nhờ nhờ về mặt tinh thần đạo nghĩa. Nói một cách dễ hiểu hơn là họ làm sao cho tiếng tăm của họ được mọi người nhắc đến và họ luôn luôn không quên làm cho cha mẹ được kẻ khác kính trọng.

3– Người có hiếu thảo, lời nào của cha mẹ nói ra, sau một phút suy nghĩ họ thấy rằng chánh đáng thì họ vâng làm theo những việc ấy. Nhược bằng việc của cha mẹ đã làm hoặc nói không được hợp lý, họ sẽ tìm cách khéo léo khuyên can làm cho cha mẹ sự nhớ lại việc sai quấy ấy mà ăn năn hối cải. Và họ luôn luôn phải phân biệt chỗ phải và quấy của cha mẹ, chớ không khi nào họ vâng dạ hay phản đối quá đường đột, hốp tốp. Nghĩa là không nhận lời nói quấy của cha mẹ mà vội bắt ra hay vì câu chuyện phải của cha mẹ và

gấp vâng theo, họ rất bình tĩnh suy nghĩ kỹ lưỡng trước mọi việc.

4- Người có hiếu thảo, họ không hề đem những lời nặng nề cay đắng đối với cha mẹ; họ không hề dùng bước đi quá mạnh động đậy chỗ nghỉ ngơi của cha mẹ và lời của họ thốt ra với cha mẹ đều được lễ phép dịu dàng. Cái bước của họ đi ngang chỗ nghỉ, chỗ ngồi của cha mẹ rất nhẹ nhàng cung kính. Tại sao họ tôn trọng cha mẹ một cách đáo để như thế ? Vì người biết hiếu thảo coi cha mẹ như vua chúa, như Phật sống trong gia đình cố nhiên họ phải hết lòng nể vì kính sợ.

5- Người có hiếu thảo, họ luôn luôn kính sợ cha mẹ, chẳng hề móng khởi điều nào thương tổn đến cha mẹ xác thịt lẫn linh hồn; và họ đã biết bổn phận của họ phải đáp ơn cha mẹ được sống một đời no ấm, an vui về vật chất và tinh thần. Đồng thời họ làm những việc lành cho sáng danh cha mẹ bằng cách: “Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế dĩ hiển kỳ phụ mẫu”.

6- Người có hiếu thảo, ngoài việc làm cho cha mẹ được thơm danh, được no ấm còn lo đến ngày quá vãng của cha mẹ, nên lo tu hành chứng quả cứu cha mẹ khỏi nẻo trầm luân và một điều gần hơn là cầu ơn trên ban bố phước lành cho cha mẹ còn sanh tiền được trường thọ. Điều chót hết và cao siêu hơn hết của việc hiếu là ở khoản đó.

Nếu mỗi người trong xã hội đều biết thật hành việc hiếu thảo như đã kể trên, thì người ấy là then chốt của xã

hội, không trào lưu nào chẳng cần đến họ không hạng nào chẳng kính trọng họ: họ là tấm gương tốt lành của xã hội, xã hội sẽ nhờ họ đem lại sự tôn nghiêm cho giữa cha mẹ và con cái ở mỗi gia đình.

Sự hiếu thảo nếu mỗi người làm được, thì các đức tánh tốt đẹp sẽ có được. Và nếu chúng ta muốn đến chỗ giải thoát trước phải thiết hiện việc hiếu thảo. Vì việc hiếu giống như luồng gió thuận đưa cánh buồm đạo lý của ta được đến nơi đến chốn.

(Huống nữa lòng hiếu thường cất nhắc con người lên địa vị tôn quý trong đời như vua Thuần nhờ lòng hiếu mà được vua Nghiêu nhường ngôi cao cả.) Còn sự hiếu làm cảm động đến trời đất là trường hợp tiền thân của Phật Thích Ca. Phật Thích Ca xưa nhiều kiếp vì hiếu cha mẹ. Ngài quên hết sự đau đớn thân mình để lo cha mẹ. Như sau Phật Tỳ bà Thi nhập diệt, có nhà vua tên là La Xà bị gian thần tên La Hâu xua binh đến vây thành. Vua cùng Hoàng Tử tên La đề Xà lén trốn qua nước khác, khi đi không kịp chuẩn bị lương thực được nhiều, nên nửa đường phải đói. Vua và Hoàng Hậu than chẳng biết lấy chi ăn đỡ đói để đi đến nước khác cầu cứu. Lúc ấy Hoàng Tử La đề Xà xin lóc thịt mình mỗi ngày ba miếng, một miếng dâng cho cha, một miếng dâng cho mẹ và một miếng cho mình. Biết không nỡ ăn thịt của con, nhưng vì muốn sống để cứu quốc buộc lòng vua và Hoàng Hậu phải ăn. Hoàng Tử lóc thịt nuôi cha mẹ đến ngày chót, chỉ còn gân lẫn xương không chỗ nào lóc được nữa. Lúc ấy Hoàng Tử kiệt sức không đi nổi, mời quì thưa cha

mẹ để con ở lại đây, còn cha mẹ hãy rán đi đến nước kế cận để cầu cứu đặng phục quốc; cha mẹ nên nghĩ việc lớn của muôn dân mà kể như con không có, chớ nên bịn rịn sẽ hại đại sự của nước nhà. Nghe qua Vua và Hoàng Hậu lấy làm đau đớn vô cùng muốn ở lại cùng chết với con, nhưng nghe Hoàng Tử khuyên can và nghĩ ra cái chết như vậy cũng vô ích, không cứu vãn được nước nhà. Vì thế Vua và Hoàng Hậu ôm lòng đau xót đi luôn. Sau phục quốc được.

Đó là trường hợp của người thật hành sự hiếu một cách đáo đẽ, nhờ lòng hiếu ấy khiến cho La đề Xà đắc đạo chánh đẳng chánh giác.

Chúng ta muốn giải thoát thì hãy noi gương Hoàng tử La đề Xà; còn muốn được người nâng nhắc lên địa vị tôn quý trong xã hội thì hãy noi gương vua Thuấn. Cái hiếu hạnh đó mới là chơn hiếu hạnh. Không như cái hiếu hạnh giả dối bề ngoài của thường tình chỉ làm màu mè cho đời chán ngán chớ chẳng có thật hành đúng nghĩa cao quý của nó.

KẾT LUẬN: Việc hiếu chỉ yếu ở lòng biết thờ kính cha mẹ và đặt lòng mến thương cha mẹ như cha mẹ mến thương mình; cha mẹ nuôi nấng mình bao nhiêu thì phải đáp lại bấy nhiêu.

Có cư xử như vậy mới đền được một phần nào đối với công sanh thành trời biển của cha mẹ. Vì cha mẹ đối với con không sao cho cùng, không sao hết, nên Đức Phật nói đứa con muốn đền đáp ơn cha mẹ dù vai bên phải công cha, vai bên trái công mẹ, ăn cũng trên vai, tiêu tiêu cũng trên vai

mà không oán giận vẫn cung cấp y thực đầy đủ mỗi ngày cho đến khi cha mẹ già khoản đi, với cái trọng ơn ấy cũng chưa đền hết được. Đức Phật dạy cách đền đáp như thế mà còn chưa rồi, huống hồ người đời chỉ đối đãi cha mẹ một cách tầm thường làm sao lấp cái biển ơn to lớn của cha mẹ được.

LỄ ĐỘ

Chúng ta có hiếu thảo, cần biết thêm lễ độ, vì hiếu thảo và lễ độ hai việc luôn đi sát nhau. Người có hiếu tất có lễ, hiếu vốn trụ cốt bên trong. Lễ là việc phô phang dáng điệu bên ngoài của người. Vì lễ độ phô phang ở hình dáng của con người, nên chúng ta trông vào người ấy thì thấy họ có lễ, hay là không.

Lễ độ Đức Thầy nói:

“Đối với cha mẹ có lễ độ, với gia đình, với bà con, cô bác, với chòm xóm quen thuộc lời nói mình phải đoan trang nghiêm chỉnh”

Đức Thầy có ý bảo: tất cả mọi người cần phải đối với cha mẹ, cô bác, anh chị, xóm chòm và những người quen thuộc cho có lễ độ. Lễ độ là một điều tốt trong ngũ thường. Kẻ hiểu biết về mặt đạo nhân chẳng một ai không biết học theo cách lễ độ. Và lễ độ có mãnh lực khiến cho giữa người này với người khác có sự cảm mến nhau và biểu lộ đáng cách lịch sự.

Nói rõ hơn, lễ độ là một kính ý thường bày tỏ nơi diện mạo hay lời nói của người ở mỗi ngày. Nó có đặc tánh dung hòa giữa trạng thái người này với người khác trở nên vui vẻ bất thiệp mà nếu người biết dùng lễ độ đến chỗ tuyệt đích của nó thì giữa mọi người không còn phân biệt ân, oán, thân, sơ mà là chỉ xem nhau như một. Nhứt là sự đối đãi với nhau trước sau không dời đổi.

Vả lại con người nhờ có lễ độ mà mỗi cảm tình giữa mọi người ngày một chặt chẽ, dù gặp hoàn cảnh khắt khe cũng vẫn giữ lòng đến phút cùng rốt của đời mình một màu đượm đà son sắc. Nhờ đó khỏi phải diễn ra những cuộc bội phản, lãnh đạm giữa bè bạn, giữa thân quyến.

Hơn nữa việc lễ độ, nếu người biết đem nó tô điểm cho thân mình, thì thân mình hẳn chẳng phạm các tội lỗi giết hại, trộm cướp, tà dâm, hoa nguyệt. Tại sao ? Vì nếu người đã biết tu chỉnh xác thân mình có lễ độ, thì tánh nét đoan trang đâu làm những trò khoét vách đào tường hay trêu bẹo kiêu hãnh với người khác tỏ ra đáng thô bỉ bất chính. Khi đã hiểu lễ độ và đem lễ độ dùng vào xác thân với sự đi, đứng, nằm, ngồi đều được chỉnh tề đúng đắn rất thích hợp đạo lý, ví có người quăng cục vàng sau hè bảo họ ra lấy về xài họ vẫn không, mặc dù họ rất nghèo. Hoặc gặp phải đóa hoa rất xinh xắn trong bùn lầy bảo họ lội xuống bẻ, họ thấy đó là chỗ dơ, họ chẳng hề để chơn xuống bẻ hoa ấy. Do đó có thể nói người biết dùng lễ độ đúng cách thì thân xác rất đoan trang và tỏ ra một người rất thấm nhuần đạo lý.

Kế đó nếu người biết đem lễ độ dùng vào lỗ miệng thì miệng sẽ tránh được các tội mắng nhiếc, thêu dệt, đâm thọc, dối trá. Tại sao ? Vì họ chuyên luyện lỗ miệng họ luôn luôn nói năng dịu dàng, thưa dạ êm ái, chẳng bao giờ vì lễ gì để miệng nói láo khoét, đâm thọc hay mắng nhiếc. Bởi những lời nói không chánh đáng, không chơn thật chẳng những làm dơ miệng mà còn tai hại cho họ về sau, nên họ chẳng bao giờ dám khinh suất để phạm những lỗi lầm. Thêm

nữa, kẻ biết đem lễ độ dùng vào lỗ miệng, thì dù có người bảo họ đi nói dối nửa lời được trăm lượng vàng, họ cũng không nói, hay mặt sát một kẻ khác sẽ được địa vị cao sang họ cũng không làm; hoặc thêu thùa để mê hoặc kẻ khác sẽ thâu được món lợi to tác, họ cũng cự tuyệt không làm.

Chốt hết nêu người đem lễ độ trau giồi tâm lý, thì tâm lý ấy chẳng hề phạm các tội: tham lam, nóng giận, ngu si, ngạo mạn. Tại sao? Bởi họ thấy rằng: những khi lòng họ khởi lên điều tham, dấy lên cơn giận hoặc có ý nghĩa tự cao, dường như mắt cả tánh tốt đẹp mờ hết trí huệ, nên họ chẳng hề dám nghĩ đến; chỉ thường phát xuất lời chơn thật, đáng cung kính, và đến khi nghĩ ngợi cũng giữ chơn chánh tốt lành.

Thế nên người biết đem lễ độ trấn áp vào lòng, tuy họ đang đói rách mà ai xúi họ lấy một xấp lụa hay một viên ngọc trong lúc không người, họ chẳng hề lấy; hay bảo họ làm theo đạo tà để được phép màu, chiếm địa vị lớn lao trong xã hội họ cũng không màng; hoặc bảo họ tỏ vẻ giận dữ không hợp pháp sẽ được thỏa mãn họ vẫn không theo; cho đến người khác bảo họ tỏ vẻ kiêu căng với người để tỏ ra người khôn ngoan học thức đặng người khác tôn trọng họ cũng chẳng khứng. Bởi việc làm và ý nghĩ đó gây lấy nghiệp đau khổ cho họ và kẻ khác sau này, nên họ không hề mó đến.

Nói tóm lại việc lễ độ giúp cho con người về ngôn ngữ, cử chỉ, tâm hạnh trở nên nghiêm trang cẩn áo không còn mang lầy những điều xác xược, phách lối.

Thêm nữa nếu cả mọi người trong gia đình biết dùng lễ độ thì sẽ được nâng cao giá phẩm của gia tộc, bằng cách là sẽ làm cho giữa cha mẹ với con cái lúc nào cũng có sự thương kính đầy đủ: giữa anh chị em trong nhà luôn luôn được đem lòng hòa thuận đái nhau; giữa chồng vợ đều lấy ân tình đối xử nhau được đầm ấm. Ngoài ra nhờ lấy việc lễ độ mà trò không phản Thầy; chòm riêng không gây ó; bậu bạn không gạt lừa để xây đắp thân ái và hạnh phúc chung.

Chẳng những vậy thôi, nếu trong nước có lễ độ thì toàn dân đều biết vâng lời của người cầm quyền và lệnh chánh đáng của nhà cầm quyền ban ra, họ vẫn vui vẻ làm theo và những lá đơn họ gởi lên trên hay lời họ nói với người trên, kẻ dưới đầy câu lễ độ làm cho phong tục nước nhà được thêm cách lịch sự. Hơn nữa, người có lễ độ không những họ cung kính người trong gia đình, trong xứ sở mà đối với ngoài xã hội mình, ngoài đất nước mình cũng có lễ phép.

Vả được một người lễ phép sẽ làm cho mười người biết lễ phép, rồi truyền rộng đến trăm người, ngàn người đều trở nên người có lễ phép như nhau, khiến cho sự đỏi đái trong nước được bật thiệp, không còn cảnh ngạo nghễ, khinh khi diễn ra trước mắt mọi người thì có sự cao quý nào bằng!

Hơn nữa về mặt đạo lý người có lễ độ luôn luôn gìn giữ thân tướng trang nghiêm, sự ăn mặc hay đi đứng đều được cẩn trọng. Họ chẳng hề dùng lấy mắt trong trẻo nhìn vào chỗ tà; không dùng lỗ tai rất linh thánh nghe những điều quấy; không dùng lời lẽ dịu ngọt nói chuyện dơ bẩn, mà những lễ của họ làm trước hết là giữ gìn nền nếp gia phong, nhân luân đạo lý, không để cho xúc phạm đến.

Và người có lễ độ chẳng những không dùng mắt, tai, nghe thấy chỗ bất chánh, mà họ còn đem lễ độ ấy phụ vào việc tiến hành đến chỗ vi diệu đạo đức. Đồng thời họ đem cử chỉ khuôn phép lễ độ đó làm cho kẻ ngoan cố, lỗ mãng trở nên có đức tánh khiêm cung và việc làm đạo nghĩa. Tại sao? Vì gương mẫu của họ đánh mạnh vào lương tâm của người vô liêm sỉ, khiến họ tự thấy kém hèn mà bắt chước theo người có lễ độ có đạo đức.

Với sự lễ độ ấy, không những riêng loài người ở thế gian yêu kính, đến như bậc Thần Thánh còn tôn phục và ủng hộ cho người ấy đến tột mức thanh cao. (Do sự lợi ích lớn lao của việc lễ mà xưa đức Mạnh Tử ngài nói rằng: “Động dung châu thiên trung lễ giả, thành đức chi chí dã” nghĩa là trong chỗ cử động toàn thân của con người đứng với lễ độ thì đức hạnh được rộng lớn.)

Thế là về mặt lễ độ nó sẽ làm cho con người rộng lớn đức hạnh, song muốn đến tột mức lễ độ là người phải luôn luôn có từ nhượng. Đức Mạnh Tử nói: “Từ nhượng chi tâm giả, lễ dã” nghĩa là muốn đi đúng việc lễ, lòng phải biết

khiêm cung từ tốn, không tự đắc, tự cao và không vì sự kém hơn mà sanh lòng đố kỵ, phải luôn luôn yêu kính mọi người như bạn tác, như tôn trưởng. Nghĩa là người lớn hơn mình đôi mươi tuổi coi như cha mẹ; lớn hơn mười mấy tuổi coi như chú bác, cô dì; lớn hơn năm, bảy tuổi coi như anh chị đều hết lòng cung kính. Cứ thế mà gìn giữ, thì chẳng bao giờ trái việc lễ.

Nói tóm lại, lễ độ không ngoài việc chào hỏi như: mình nói thì thưa, người gọi thì dạ; nói với người phải dịu dàng và dung dáng tức là đi, đứng, nằm, ngồi phải có vẻ khuôn nghi cung kính, ví dụ: khi đi ngang qua đình miếu, chùa, am đền dờ nón cúi đầu; gặp người lớn tuổi biết cung kính; nằm chỗ rất khiêm nhượng; khi ngồi cũng lựa chỗ sau người trưởng thượng; chỗ đứng không nên đứng chắn trước mặt người lớn, cũng không đứng che trước mặt người đang xem việc gì. Như thế mới đúng cách lễ phép.

Ngoài cách lịch sự của lễ phép đối việc gia đình, còn đối với xóm giềng, lân lý đều được tốt đẹp cả. Như vậy, nó mới đáng tiêu biểu một phần nào quý hóa của con người có lễ độ.

CÔNG CHÁNH

Chúng ta học theo lễ độ và biết lễ độ là một cử chỉ rất lịch sự của con người đạo lý, song nếu chúng ta chỉ dùng lễ độ để sơn vẽ bên ngoài, còn bên trong chúng ta chứa đầy vạy tà bất chánh, thì việc lễ độ ấy đâu có giá trị. Chẳng những thế, nó còn khiến kẻ khác đem lòng khinh miệt ta là kẻ giả dối. Khi họ cho ta là kẻ giả dối thì việc làm và lời nói của ta họ đâu tin tưởng.

Vì thế đứng sát mục lễ độ là mục công chánh. Chúng ta vừa giữ lễ độ ở hình dáng bên ngoài thân thể, vừa bảo trì những điều công chánh ở bên trong tâm trí. Ngoài có lễ độ, trong có công chánh thì cái công chánh ấy sẽ như là cội cây rất vững chắc, lại có được hoa lá sum sê khiến trở nên tốt đẹp khác thường.

Bởi sự quan yếu ấy, hôm nay chúng ta tham khảo đến việc công chánh:

“Làm gian ác là quỷ là ma,

Làm chơn chánh là Tiên là Phật”.

“Đấng Thần minh công bình trực dạ,

Đâu ăn lo dối họa làm may”

Đó là hai đoạn văn của Đức Thầy đã viết. Trong hai câu này, Thầy bảo chúng ta rằng: Muốn biết kẻ đó ma quỷ hay là Phật Tiên thì hãy nhắm vào việc làm của họ hiện giờ thì hiểu ngay: Hễ người làm gian ác tức là ma quỷ; còn kẻ

làm chơn chánh tức là Phật Tiên. Và điều này mọi người muốn biết ngày kia mình thành Phật hay thành ma thì khỏi cần hỏi ai, hãy tự xét lấy việc làm của mình chánh chơn hay ác thì tự tâm mình đủ biết rõ. Có câu: "Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhân do cánh vấn thù". Việc làm của mình thiệt hay giả thì mình tự biết, mà họa hay phước đều do ở chỗ đó mà ra khỏi cần hỏi ai.

Thêm nữa với các bậc Thần minh luôn luôn ngay thẳng, thường tuần du xem xét tất cả nhơn dân, nếu kẻ nào làm lành các Ngài ủng hộ, còn kẻ nào làm dữ các Ngài chiếu theo luật Trời mà trị tội. Kẻ có tội lỗi quá nhiều, dù dâng lễ lộc, cúng bái, chèn xôi cho các Ngài, các Ngài cũng không thể tha tội được, vì các Ngài không dùng hối lộ như kẻ giả dối ở hồng trần. Đó là hai đoạn văn tổng mạo của bài công chánh.

Thường thấy những kẻ chuyên làm những việc phi nhân, phi nghĩa mà họ được hưởng cảnh giàu có sang trọng. Nhưng mà họ chẳng thật sung sướng, vì họ nhớ lại việc làm của họ rất vô nhân nghĩa nên họ cứ mãi phập phồng lo sợ. Họ lo sợ việc làm tội lỗi của họ vừa qua đã gây thù oán với mọi người rất nhiều, nếu có cơ hội tốt cho kẻ bị họ bóc lột thì họ không tránh khỏi việc trả đũa, thì với sự giàu có của họ đang thọ hưởng hiện tại không bằng một tên nông dân tuy khổ về xác thịt mà họ được thông thả về mặt tinh thần. Chẳng những thế thôi, họ còn thấy người xung quanh thường có những cách đối đãi với họ rất lạt lẽo, vì rằng trong khi họ có của tiền không xuất đồng bạc hay bát com để bố

thí cho kẻ xung quanh, nên kẻ xung quanh đối với họ hoàn toàn là người dung kẻ lạ, nhứt là người ta không bao giờ cảm tình những việc làm bất chánh của họ. Thế thì dù được sống trên đồng bạc, ở trong tháp ngà, mà người xung quanh không ưa, không thích, thì cái sống ấy, nào khác ở trong rừng sâu, núi thẳm, không vui vẻ, không thú vị chút nào hết.

Như đã kể qua, chúng ta thấy những kẻ làm bất chánh họ phập phồng lo sợ kẻ khác trả thù và mọi người xung quanh đều lãnh đạm với họ, vì vậy họ thấy ngày cũng như đêm bị sự hình phạt của lương tâm, ăn không biết ngon, ngủ không được yên, không được khoái lạc như kẻ khác. Điều này cũng làm cho chúng ta tỉnh thức.

Lòng của mỗi người như tòa án, nếu việc làm phải thì thấy nó vui vẻ nhẹ nhàng; còn làm quấy thì thấy nó buồn bã nặng trĩu. Khi làm phải dường như trong lòng thúc đẩy cho ta làm thêm; nhược bằng làm quấy tựa hồ cõi lòng răn đe khiển trách cho ta dừng lại. Tòa án lương tâm rất công bình, không một việc nào giấu giếm nó được. Nếu mỗi người tuân theo tòa án của lòng mình, thì không khi nào lâm vào vòng tội lỗi thái thậm.

Với những kẻ làm việc bất chánh, trong lúc sống đã bị mọi người xung quanh không yêu vì không kính nể, sau khi thác linh hồn phải sa đọa, vào các giới thấp thỏi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chẳng hạn, thật là cực kỳ thống khổ. Huống nữa, những hành động bất chánh của họ, không riêng họ chịu lấy tai hại mà họ còn gieo rắc tai hại ấy cho gia đình của họ chịu nữa. Việc lây họa ấy, như đi chung một chiếc

thuyền, chỉ một người lật mái chèo, thuyền bị đắm thì mọi người trong thuyền đều bị chết chìm, chớ không riêng người đó chịu.

Được hiểu việc làm bất chánh có tai hại dường ấy, nên chúng ta cố gắng thực hiện cho đời mình công chánh trong việc làm, ý nghĩ và lời nói, như:

1- Người ở công chánh về mặt hành động dù rằng có món lợi đem lại to gấp muôn lần số tiền của mình đã có mà thấy rằng nó rất tai hại cho người khác, thì mình nhứt định không làm. Tại sao ? Vì nếu làm ra việc đó chỉ được giàu có tiền của mà bị kẻ khi người ngạo mất cả thân danh và giá trị của mình thì cái giàu ấy có quý gì?

2- Người ở công chánh, với lời nói ra được người khác cúi đầu sợ sệt, mà lời nói ấy rất bất nghĩa, thà là chịu câm chớ không nói ra. Trường hợp hay nặng lời kẻ dưới, thường xảy ra trong giới có quyền. Khi có quyền, nói cách nào kẻ dưới cũng làm tai để nghe, mặc dù lời ấy không hợp đạo nghĩa, không thích nơn tâm. Tuy họ không dám cãi, hay chống lại lời mình, nhưng nếu ngày kia địa vị mình bị mất, quyền hạn không còn, thì câu nói của mình khi trước, họ sẽ nhắc lại để nhểch máng xài xẻ rất cay đắng. Thế là việc làm nào của mình sớm muộn gì cũng trả lại cho mình được cả. Đã xét và hiểu như thế, thì lời nói không chánh được kẻ khác sợ sệt, với kẻ học đạo không hề nói.

3 - Người có công chánh, với lòng của họ lo nghĩ điều nào, toan tính việc chi tuy kẻ khác không thấy biết, vì

nó không hình ảnh, nhưng riêng phần họ tự biết rõ ràng, khi thấy cái lo nghĩ ấy quấy, toan tính ấy bất chánh thì họ tức khắc ngăn ngừa, chận đứng lại không để phát lộ ra ngoài cho kẻ khác thấy, nghĩa là họ đã trừ nó khi còn nằm trong ngòi, chớ không để nó nẩy mầm mọc ra ngoài sẽ khó bề trừ được. Song muốn việc làm này có hiệu quả hơn, không những mình vừa trừ bỏ ý nghĩ xằng bậy, lại vừa biết hổ thẹn. Tự thấy nó chẳng khác trong nhà có bếp un thì cả nhà đều bị khói mờ mịt: một người làm quấy nếu không hối cải được, thì cả nhà phải hại lây. Vả lại, người sớm trừ được ý nghĩ quấy thì không còn phải nhiều làm lỗi nơi thân, điền đảo đầu óc, tâm trí sẽ trở lại thanh tịnh sáng suốt.

4 – Người ở công chánh, mỗi khi nhìn ra vật chi thấy nó bất chánh, thì họ kềm như không biết và không cần biết đến, chớ không để mắt nhìn vào chỗ vạy vò ấy làm cho nó hút kết vào đầu óc của họ những việc bất hảo. Có thể mới tránh cho họ khỏi bị ấn tượng hình ảnh như xấu vào đầu óc, mất cả sáng suốt và mờ mịt cả đôi mắt tinh minh.

5 – Người có công chánh những tiếng đồn, tiếng quyền, nói lãnh lót có ý nghĩa không được chánh đáng, không hợp đạo lý thì họ chịu điếc, chớ họ không nghe điều quấy làm cho mất chơn thính giác của họ, nói rõ hơn, những lời lẽ bất chánh thì họ sẽ đưa nó ra ngoài tai. Còn nếu tiếng nào hay ho chánh đáng thì họ sẽ đem vào đầu óc. Có được như vậy sự nghe của họ mới thính và không còn nghe làm lộn lời nói của kẻ khác.

6 – Người có công chánh về miếng ăn, tuy rằng con người sống phải nhờ ăn, nhưng họ không đụng đầu ăn đó; những miếng ăn bất chánh của kẻ khác quăng ra hay mời cách lơ là, thà họ chịu chết chứ không thể ăn. Nhờ đó họ mới giữ còn đức độ liêm sĩ khỏi bị người khinh khi, vì miếng ăn.

7 – Người ở công chánh, chỗ không thích hợp đạo lý và chưa phải lúc đi tới thì dù cho có phồn thịnh hay danh thắng cách mấy họ cũng không đến. Họ không vì sự xúi bẩy của người khác hay tự mình háo kỳ mà đi lại những chỗ chưa phải lúc. Nhứt là thời kỳ loạn lạc chia rẽ có nhiều nơi không được thích hợp nếu mình đến đó sẽ có những tai hại.

- Lẽ thứ nhứt, mình không giữ được chính danh.
- Lẽ thứ nhì, sẽ có tai bay họa gởi cho mình.
- Lẽ thứ ba, bị người khác bắt nạt mình làm việc phi pháp.
- Lẽ thứ tư, là e mình bị tiêm nhiễm việc nhơ xấu.
- Lẽ thứ năm, phải phạm tội láo khoét trong câu chuyện đối đáp với người.

Với người có đạo đức, mặc dù không phân biệt Nam, Bắc nhưng cũng tùy trường hợp mà phải đi hay phải làm, không đụng đầu làm đó, hay đụng đầu đi đó.

Ngoài bảy việc đã kể trên, còn những điều mình muốn nói, cười hoặc đối đáp với ai cũng phải cho thích hợp. Việc đáng cười thì cười không nên cười sai lúc hoặc cười bằng cách nịnh bợ, hay cười miễn cưỡng. Cũng như lời nói phải cho đúng chỗ, không nên nói trong lúc mọi người không muốn mình nói hay nói không nghiêm chỉnh. Tóm lại, lời nói cho phải lẽ, cười cho phải lúc, đến việc đối đáp cũng cần cho hợp lẽ.

Nhờ biết xử thân được công chánh và biết phương tiện trong việc làm công chánh mà sự hành đạo của mình khiến cho kẻ xung quanh được tin tưởng mạnh mẽ, và ủng hộ cho việc làm của mình mau thành tựu.

Nói tóm lại, mục công chánh dạy mình phải giữ thân từ sự nghe, thấy, nói, cười, đối đáp, ý nghĩ và việc làm đều phải công chánh. Được như thế sẽ treo gương tốt lành cho kẻ xung quanh học theo và làm đẹp giá phẩm chung trong gia đình, và đời mình không lâm vòng pháp luật và không một điều gì chẳng thích ứng với thiên hạ. Và nếu mỗi người đều được như thế thì trong xã hội sẽ trở lại trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực Lạc tại thế.

KHIÊM NHƯỢNG

Hôm qua chúng ta tham khảo mục công chánh. Theo thói thường người ta lấy việc làm công chánh của mình để đi hách dịch với người khác, tỏ ra mình có công cán, khiến kẻ khác không bằng lòng và họ cho mình tự đắc, tự phụ. Vì thế, hôm nay chúng ta tham khảo đến việc khiêm nhường.

Có công chánh mà biết khiêm nhường, khiêm nhường ấy, khiến người đời hiểu mình có nhân cách quân tử và nhận nơi mình có chút đạo đức; không hô hào, không tự phụ.

“Làm cho hoen ố Phật đường,

Không rèn được đức khiêm nhường từ bi”.

Đó là lời nói của Đức Thầy. Hai câu ấy Đức Thầy chỉ người trong cửa Phật, hiểu kinh kệ bao nhiêu mà tự cao, tự đắc làm mất hết tính khiêm cung, khiến cho người ngoài khinh bỉ. Cũng vì mình thiếu tư cách mà làm cho đạo đức hoen ố và không tự biết sức hiểu biết của mình nhỏ như hạt bụi đối với trái núi, mới dám tỏ ra(cống cao, ngã mạn).

Đặc tánh của khiêm nhường là biết kính nhường. Kính ai ? Tức kính người tuổi tác. Nhường ai? Tức nhường đoàn em út. Người biết kính kẻ trên, nhường kẻ dưới để dung hòa lại, sẽ làm cho trên hài lòng và giúp kẻ dưới vui vẻ. Có được như thế mới khiến cho cuộc bàn cãi không khi nào dẫn đến chỗ kích độ, sẽ đem lại sự hòa nhã giữa nhau.

Với hạng người có lòng hay phục thiện, nghĩa là hay chịu học những người có tài năng, đức hạnh hơn mình hoặc kẻ đã giác ngộ trên con đường đạo đức thì họ không bao giờ quên tánh khiêm nhường, vì tánh khiêm nhường nó tượng trưng cho lễ độ và làm khuôn mẫu cho sự hòa ái giữa mọi người. Nếu con người thiếu tánh khiêm nhường không tránh khỏi lòng tự đắc, tự cao, mỗi việc gì cũng tưởng mình hơn người và ở cao, gác hơn kẻ khác. Với những hành động ấy, khiến cho kẻ khác bất mãn và sanh lòng chống báng lại. Vì đó sẽ gây sự thù hằn thương tổn cho mình với người khác.

Con người được tánh khiêm nhường thì với cử động nào của họ cũng bất thiệp, cũng nho nhã họ không tự cao tự phụ, họ sẽ giúp cho đời hài lòng trong câu chuyện của họ nói, hay việc họ làm chẳng khác nào luồng gió mát trong lúc nắng nóng, làm cho ai cũng vui thích.

Lại một việc đáng kể hơn, người có khiêm nhường, đời họ chẳng khác nào có kho sách lớn lao, trong đó đủ kinh điển, tài liệu giúp cho họ được kinh nghiệm dồi dào xác đáng, được thêm kiến thức rộng rãi giúp đời sống của họ càng gần vinh diệu; và cũng như đi đường tối, gặp ngọn đuốc thật sáng để tránh cho họ khỏi sụp hầm hố để đến chỗ của mình đã nhứt định.

Nếu được kho sách lớn lao và ngọn đuốc sáng sủa thì đời mình không kém sút chúng bạn.

Và tánh khiêm nhường sẽ giúp cho phong nghi đức độ của mình thêm cách lịch sự, những sự ăn, nói, đối đáp

ngang ngược được đổi lại sự nhường nhịn cung kính và làm cho giá trị của mình thêm lên, gây tình cảm với mọi người được chặt chẽ. Thế thì nó có lợi ích như thế, ai lại chẳng tìm đến và học đến.

Lợi ích ấy:

1 – Tánh khiêm nhường giúp cho con người đáng mặt hay tướng đi vẫn được điềm tĩnh không có gì lộ ra hơi hãi sợ sệt, vẫn được điềm tĩnh.

2 – Tánh khiêm nhường giúp cho người được có nhân cách lễ độ, mỗi câu chuyện nói ra, cử động, dung mạo đều tề chỉnh khuôn phép.

3 – Tánh khiêm nhường giúp cho người từ cử chỉ một cũng đều được điều hòa, hưỡn dãi và luôn luôn cẩn trọng. (Những cái điều động nào cũng đều dòm trước ngó sau không để ngỡ ngàng, ngỡ ngàng. Nghĩa là gìn giữ từ cử chỉ của mình phát ra, cho khỏi sơ siển.)

4 – Tánh khiêm nhường thường giúp cho người ít khi đụng chạm đến kẻ khác, có nghi đáng rất nhường nhịn lễ phép làm cho kẻ khác vui lòng, không buồn phiền chán nản.

5 – Tánh khiêm nhường giúp cho người học hỏi thêm nhiều chỗ mật mọ, hay ho của kẻ khác. Tại sao? Vì họ nhận thấy ở mình có cái khiêm nhường nên họ vui lòng chỉ cho việc bí mật, giúp nhiều việc hay ho, không giấu giếm mình một điều nào để mình có đủ phương tiện và nhiều hành động lớn lao giúp kẻ khác nhờ nhờ.

6- Tánh khiêm nhường giúp cho người được nhiều kẻ cảm mến, cảm mến ở tính đức khiêm ti, tổn lượng của mình. Trong đời ai cũng có tự ái, nếu nói gác hơn họ thì họ không vui, trái lại mình nhường nhịn họ thì họ thích ý và khi đối đáp với mọi người nếu mình có nhường nhịn, thì họ cũng giữ tánh khiêm nhường như mình, sẽ khiến câu chuyện thêm đẹp đẽ.

7- Tánh khiêm nhường giúp cho người giữa tình bằng hữu càng lúc càng được đượm đà yêu mến và đối nhau không có cao gác, tật hèm, vì mỗi người đã có sự nhường nhịn giúp đỡ cho nhau. Nhờ vậy tình bè bạn càng ngày càng thắt chặt thêm không chia lìa vô cớ.

Ngoài bảy khoản lợi ích đã kể trên, khiêm nhường còn có việc tốt lành hơn là nó rất phù hợp với người tu hành, vì nếu người tu hành không có tánh khiêm nhường cung kính thì bao nhiêu người khác sẽ cho mình còn non già, tự ái quá to hơn người đời, không đúng người đạo đức.

Huống lại cảnh sống của mỗi người, không một ai sống riêng mà có thể sống đầy đủ được; mà là mỗi người đều phải sống chung đụng và nhờ nhờ lẫn nhau như: người làm ra vải thì đổi lấy lúa gạo, kẻ làm ra lúa gạo thì đổi lấy vải, nghĩa là người làm được việc này đem đổi vật của người khác mới cung ứng mọi nhu cầu cần thiết cho nhau được.

Về mặt giao tế trong xã hội loài người, cần phải có sự trao đổi nhau ở mọi việc mới được đầy đủ. Đến như con người trong lúc mới sanh. Không ai được trí thức khôn

ngoan bao giờ, khi lớn lên đều phải nhờ học. Sự học đầu tiên của người là học kêu ba, kêu má lần lần học thêm tiếng nói, đến hành động khéo léo khác. Thế thì việc học là việc không ai tránh khỏi; chúng ta cần phải có sự khiêm nhường để học hỏi với mọi người những cái chúng ta chưa biết. Nếu mình không tánh khiêm nhường vẫn cho mình cao hơn người, học rộng hơn người thì không sao học được sự hay ho của họ, thì đời mình chẳng khác dòm trời trong ống quần nhỏ, chỉ thấy trời bằng ngón tay.

Nhận thấy mình không thể sống đơn độc, không nhờ đến kẻ khác chỉ giáo cho mà có sự sống đầy đủ về tinh thần hay vật chất bao giờ, nên lúc nào mình cũng tự nhận còn thiếu kém, nhờ người chỉ giáo thêm. Khi mình biết tự nhận chỗ thiếu kém thì kẻ khác chẳng bao giờ tiếc với mình những lời chỉ giáo. Ví dụ: mình chưa biết cái đồng hồ, bèn hỏi người kia vậy: cái chi mà hai cây nhọn chạy vòng tròn trên mặt đó, thì người kia nghe mình không biết họ liền dạy mình, đây là cái đồng hồ để phân giờ khắc. Nếu mình hui hui tự đắc cho rằng thông thái thì không khi nào người khác chỉ cho mình, dù việc rất nhỏ.

Vẫn biết lúc nào chúng ta cũng có khiêm nhường: song cái khiêm nhường ấy từ đáy lòng của mình đem ra đối với mọi người, chớ không màu mè bên ngoài để gạt người; còn người dùng khiêm nhường bên ngoài đối với người là kẻ giả dối, sẽ không được người kính nể. Nói rõ hơn, là cái khiêm nhường do tâm mình phát ra một cách chơn thật thì ai

cũng công nhận, còn khiêm nhường lờ dối thì khiến người đời phê phán khạc nhổ.

Nói tóm lại, đức tánh khiêm nhường dạy chúng ta dẹp bỏ hết tánh nết kiêu căng, đáng về xác lồi, phải cần được lễ phép, nhường nhịn đối với ông bà, cha mẹ, cô bác và anh chị. Mà cái nhường nhịn và lễ phép này không những đối với người trong gia đình mà còn đem ra đối với tất cả mọi người ở xung quanh. Trong trường hợp giữa chúng ta cùng mọi người bàn luận vấn đề chi, chúng ta vẫn để người mở câu chuyện trước dù kiến thức người cạnh hẹp, sau ta sẽ phụ họa theo. Ví câu chuyện của họ có sai lầm chúng ta cũng không nên cười biếm hay bắt chặt nơi đó mà trách lỗi họ, nếu cần thì chúng ta vui vẻ đính chánh lại một cách nhún nhường êm dịu để cho họ được hiểu, hầu có sửa đổi lại.

Còn chúng ta có câu chuyện gì cần đến thì hãy bày tỏ ra và xin họ bổ chính lại, tự nhiên cuộc nghị luận giữa ta cùng người càng thân mật không khi nào xảy ra cuộc cãi vả ó la. Đó là phận sự và đặc tánh của người biết khiêm nhường.

Chúng ta, kẻ học đạo bao giờ cũng cần phải học hỏi thêm thì đối với tánh khiêm nhường không lúc nào quên được, vì nó sẽ giúp tính đức của mình càng đầy đủ và hiểu biết lớn hơn, nhứt là chúng ta đối với các tôn giáo khác phải tự ti mặc cảm, nghĩa là cho mình còn biết thấy kém cỏi sẵn sàng nhận học sự chỉ biểu của họ, thì sự học hỏi và việc làm của chúng ta càng lan rộng thêm ra.

KHOAN DUNG

Hôm nay chúng ta tham khảo mục khoan dung. Vì sao có mục khoan dung? Bởi con người không ai thập toàn và biết khiêm nhượng dĩ nhiên là có tánh khoan dung. Biết khiêm nhượng tức là hay nhường nhịn đến người, không khi nào muốn cao gác hơn người, trái lại còn có lòng tha thứ người. Ấy là tánh khoan dung đó.

“Tập đức tánh khoan dung đại độ

Tránh tất cả những điều thô lỗ”.

Đó là lời của Đức Thầy. Đức Thầy kể lại chuyện của Bà Hoàng hậu Ma Gia xin Đức Vua Tịnh Phạn, để cho Bà tự do ở long lâu lo tịnh dưỡng tâm trí, tập tánh khoan dung và xin Vua bao dung những kẻ khốn nạn.

Người có tánh khoan dung tức là người hay tha thứ. Họ tha thứ những kẻ lỗi lầm mà biết ăn năn và những người vô tình xâm phạm đến họ.

Ai cũng hiểu tính khoan dung là cao quý tốt đẹp. Song nếu người không lòng từ ái thì không dễ gì làm được; bởi có lòng từ ái mới biết yêu thương người lầm lỗi dốt nát mà mở đức nhiều dung, hoặc chỉ giáo cho họ. Trái lại người không lòng từ ái, thì họ còn đầy lòng cố chấp oán giận, chỉ biết làm lợi cho mình hơn lợi cho người, chớ không nghĩ đến việc đau khổ của kẻ khác. Bởi thế cho nên, vì muốn đi

theo lòng nhân từ, của Thánh hiền và ngừa lỗi cho mình về sau, chúng ta không khi nào lòng quên tha thứ cho kẻ khác. Trước khi tha thứ kẻ có lỗi thì ta đã có suy luận kỹ càng rồi:

1 – Người đã làm những việc quấy, ta hiểu đó là điều tội lỗi. Ta đoán biết ngày kia họ sẽ hái lấy quả đau khổ, thế mà ta không thương họ lại ghét bồi thêm, sẽ làm cho họ đau khổ tăng lên nữa, thì chẳng khác nào người té xuống giếng sâu, chẳng những ta không cứu họ lại còn vác đá liệng xuống nữa, khiến họ thêm nguy kịch. Với hành động ấy rất là độc ác.

2– Còn những người hoặc vô tình hay cố ý phạm lỗi, khi biết lỗi họ hối hận, mà ta không tha thứ trở lại ghét thêm, họ thấy rằng việc của họ làm lỗi sai quấy họ đã van xin mà ta không đem lòng chế giễu, thì họ sẽ đánh liều mà làm quấy thêm nữa, Như thế, vô tình ta đã thúc đẩy họ làm thêm tội lỗi, chẳng khác nào người đã đắm thuyền họ vừa vớ được be, ta không kéo họ lên lại còn gỡ tay xô họ chìm xuống nữa, thì với việc làm ấy rất là tàn nhẫn.

3 – Những kẻ làm điều quấy, theo chỗ chúng ta hiểu thì họ còn đầy dẫy vô minh, nghĩa là lòng họ còn rất nhiều tối tăm. Nếu còn lòng tối tăm thì chỉ trong một phút lảng quên thì các niệm ác liền phát khởi xúi giục con người làm lắm việc tội lỗi. Ta thấy như vậy, chẳng đoái thương để tìm cách chỉ giáo cho họ thì chưa phải người có tâm lượng rộng rãi. Và người còn vô minh chẳng khác người mù, mọi việc đi đứng thật khó khăn, không sao tránh khỏi sự đụng chạm.

Khi thấy người mù đụng chạm vào tường, vào cột hay sụp hầm hồ nếu có ta đứng đó mà không giúp đỡ họ để họ máng lầy tai nạn, như thế ta đâu có lòng ái chủng và không phải người có từ tâm đối với kẻ mù quáng.

4 – Chúng ta đã biết sự lỗi lầm có tai hại lưu lại nhiều đời, chẳng khác nào chứng bệnh phong lao cổ lại, có mãnh lực truyền nhiễm người này đến người khác, gốc độc của nó lâu đời chưa hết. Con người mới sanh ra liền hấp thụ tập quán trong gia đình, nghĩa là học theo những cái thói quen như xấu của cha mẹ anh em đến kẻ chòm xóm xa gần truyền lại, nên khi lớn lên trong đầu óc chứa đầy thứ như xấu ấy, họ mới biết ham muốn đòi hỏi những sự thương tình. Sự ham muốn đòi hỏi đó, phần nhiều không được chánh đáng tốt lành, nếu không người giáo hóa, họ sẽ dễ phạm tội lỗi. Nói rõ hơn các tội lỗi đó, nguyên nhân vì sự hấp thụ ở hoàn cảnh xung quanh họ gây ra, thế là muốn bắt tội họ, thì hãy nhắm ngay vào hoàn cảnh trực thuộc của họ trước. Như thế ta mới truy nguyên được nguồn cội của tội lỗi và ta khỏi phải gặt gao gieo thêm sự khổ cho kẻ vô cô.

Đã hiểu như thế, chúng ta chỉ nên tìm cách đào tạo đức tốt từ cá nhân, nếu không được uốn nắn học từ lúc thơ bé, thì phải khuyên can họ lúc lớn khôn cho biết lẽ tội phước, việc chánh tà, tức nhiên tánh chất con người ấy sẽ trở nên tốt lành được.

5– Điều chót hết, là suốt đời chúng ta có dám tự hào rằng mình không lỗi chãng ? Nếu khi mình có lỗi không cần người dung thứ chãng? Nếu khi có lỗi chúng ta còn tha nha

thiết xỉ cầu người dung thứ thì ngay bây giờ người có lỗi, mình hãy dung thứ họ trước đi thì đến ngày kia mình lỡ phạm, người sẽ tha thứ lại mình. Còn như hiện giờ họ phạm lỗi, mặc dù họ lảm lời van cầu mà chúng ta vẫn khắc buộc, thì ngày kia chúng ta có lỗi họ sẽ khắc buộc và nghiêm trách lại như thường.

Vả như kẻ kia tội đáng mười, thì người đương quyền hãy nhắm ngay chỗ ở của họ có bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của người kẻ cận không, để chế giếm cho họ phần nào. Còn khi trừng trị họ thì chúng ta chỉ căn cứ vào luật pháp mà buộc phải trừng trị, chớ riêng lòng chúng ta rất thương hại họ, vì họ cũng như chúng ta đều biết đau đớn, chỉ vì vô minh mà phải mang lấy tội trạng. Nói rõ hơn, suốt đời mình không sao tránh khỏi một hai lần lầm lỗi, thì khi người lầm lỗi ta hãy nguôi bớt sự nóng giận mà nói lòng tha thứ họ.

Tuy nhiên chúng ta đem lòng thương yêu tha thứ những kẻ vì mê dốt, tham vọng mà gây lấy điều lỗi phạm, nhưng không phải nói thế mà tha hồ cho họ làm quấy mãi. Chúng ta phải luôn luôn chỉ bảo họ trước khi làm lỗi hay dạy dỗ khuyên răn họ sau khi đã phạm, nếu họ không biết ăn năn chừa bỏ, chừng ấy chúng ta sẽ thẳng tay trừng trị giúp xử sở khỏi cảnh đời bại.

Nói tóm lại, mục khoan dung này dạy chúng ta cần phải tha thứ cho những người không hiểu và nhiều dung cho những kẻ làm quấy biết ăn năn, cũng như chúng ta không quên lòng thương xót hạng còn tối tăm gây nên tội ác. Thêm

nữa chúng ta nên nghĩ đến các việc như xấu xung quanh họ, khiến họ đã quen theo từ nhỏ đến lớn, thì chúng ta cần chỉ bảo họ sửa cải lại, để nên người tốt đẹp. Được vậy chúng ta cứu người khỏi thêm sự khổ và vừa làm cho mình khỏi mất lòng khoan dung.

THANH BẠCH

Đã là người học đạo và quyết tâm hành đạo, cố nhiên chỉ thích với đời sống đơn giản và thanh bạch. Có sống đơn giản mới giúp cho mình có thì giờ lễ Phật và trì kinh; có sống thanh bạch mới giúp cho tâm hồn thơ thới rảnh rang để thiết thi đúng qui điều của Phật.

Thêm nữa, có sống đơn giản và thanh bạch mới tiêu biểu được con người thoát tục và chứng tỏ lòng mình không còn luyến ái vật chất thế gian, chỉ lo trau tria cho tâm hồn được sáng suốt trong trẻo khỏi nỗi phiền não khóc hận.

Phương chi, nếu người có ý nguyện tế thế độ dân thì cần phải nêu lên tâm hồn trong sạch để gây lấy sự tin tưởng với kẻ chung quanh, rồi sẽ đưa ra phương pháp chánh đáng cho họ thật hành theo. Nhược bằng nơi miệng mình hô hào đạo đức, nói việc huyền cơ, mà đời sống xa hoa, đó là con người phỉnh đời giả dối, không bao giờ kẻ khác tin dùng. Như thế chẳng phải là mình giết chết danh dự của mình và lòng tin tưởng của mọi người xung quanh sao? Bởi tánh thanh bạch là quý nhứt của kẻ hành đạo, nên đã có lắm người đề cập đến.

“Ước ao xuân mới bằng xuân cũ,

Thanh bạch tâm hồn được thanh thoi”

Hai câu này, Đức Thầy viết trong bài thơ tặng Bác sĩ; Ngài ước ao sao xuân tới đặng như xuân qua rồi, được màu

sắc thanh bình, khỏi có điều khốn khổ hầu giúp cho tâm hồn trong trắng được thanh thoi.

Thanh bạch có nghĩa là trong trắng. Trong trắng ở chỗ nào? Xin trả lời ngay rằng: Trong trắng ở tâm chí và hành động của mình. Tâm hồn trong trắng thì không nghĩ ngợi điều nhơ xấu: hành động trong trắng chẳng làm điều gì hư hại tông môn của mình hay của mọi người.

Nếu người biết chủ trì tâm hồn thanh bạch trong việc làm lợi ích, thì trong đầu óc của họ luôn luôn có ý nghĩ tốt.

Sở dĩ con người sống thanh bạch, vì họ nhận thấy càng sống xa hoa lung, thì lo liệu lung, mà lo liệu lung thì sự khổ não nhiều. Với điều khổ ấy, người đời chỉ cho mình, vì đi mạnh vào vật chất, nên bị nó lôi kéo, khiến sai phải làm nô lệ cho nó mãi. Nếu đời sống của mình cứ làm nô lệ cho lòng say mê vật chất thì danh giá, tiết tháo của mình đâu còn. Nếu con người đã mất cả tiết tháo và danh giá thanh cao, thì chỉ coi là lớp người cặn bã của xã hội. Vậy chúng ta là kẻ biết giác ngộ lẽ vinh nhục lúc nào cũng lấy tâm thanh bạch nghĩa là lấy lòng trong trắng ở đời.

Sự thanh bạch, ngoài việc giúp cho mình khỏi bị vật chất chỉ huy, còn làm cho mình, được có thêm đức hạnh. Nhờ đức hạnh đó mới có đủ điều kiện cho mình tiến lên đường đạo nghĩa một cách đầy đủ.

Lòng thanh bạch được hai việc lợi ích: một là tâm hồn được khinh khoái, hai là sinh hoạt ít bị phiền toái bận rộn.

1- Tâm hồn được khinh khoái, là người sống thanh bạch mặc dù đang quây quần trong hạng bần dân năm này, tháng nọ không đủ sống, nhưng lòng luôn luôn giữ lấy sự trong sạch và việc làm đoan chính, tự thấy mình không làm gì nên tội với đời nên lòng rất nhẹ nhàng hơn những người sống lộng lẫy, nệm gấm giường ngà mà suốt ngày đêm bị sự trách phạt của lương tâm trong những hành động phi pháp. Lại còn giữa người trong gia đình họ thường gấu ó nhau, mặt giận, mày hờn nhau.

Về phương diện đạo đức nhờ thanh bạch khiến cho con người có kiên trinh về hành động chơn chánh và giữ lấy tâm hồn lặng lẽ quán xét bản tâm để thấy chỗ phát sanh tội lỗi hầu trừ diệt. Rồi từ đó được thấy lòng mình từ thiện, không còn lo muôn mắt người đời nhắm vào khinh bỉ.

Như thế là những điều ác chúng ta đã diệt trừ nó hồi còn trong trứng, không để sanh nở ra, khỏi sự hình phạt cắn rứt nơi tâm và tâm sẽ từ từ hiện ra sáng suốt như mặt Trời mặt Trăng soi chiếu khắp cả vạn vật. Đó là trí huệ phát hiện. Như ai muốn biết đạo quả mình đắc không? Có thể nhắm ngay đó mà đoán trước được. Cũng như muốn biết được người khác sau này như thế nào? Thì cứ xem cách sống của họ thì biết, nếu họ sống giản dị, không tham cầu vật chất chỉ chuyên về đạo lý, thì con người đó đến ngày kia sẽ chứng

đạo hoàn toàn. Còn kẻ sống lo cầu danh, cầu lợi, cầu nê nhơn ngã, nhứt là tham mê tiền bạc, mặc dù họ có truyền thuyết đạo lý bao nhiêu đi nữa cũng sẽ bị sa đọa và vấp ngã trong một ngày gần.

2- Sinh hoạt ít bị phiền toái bận rộn, là người sống thanh bạch chẳng khi nào bị vướng máng cuộc sinh hoạt cầu kỳ đến nỗi phải đầu bù tóc rối và loạn cả trí óc. Mặc dù họ không quá cầu ở vật chất, nhưng không phải ăn không ngồi rồi mà họ vẫn phải sanh hoạt. Họ sanh hoạt cách giản dị, không làm quá sức đến tiêu tụy tiêu hao xác chất; họ dành thì giờ để cúng bái Tam bảo. Ngoài sự cúng bái họ còn rảnh rang để chuyên luyện về kiến thức bằng cách xem xét kinh sách để tìm rõ chơn lý. Và đã được thì giờ dư, họ không bỏ sót việc phước lợi cho mọi người và cho mình. Với phước lợi ấy chẳng những đem tiền bạc, vải sò bố thí, đồng thời họ còn đem giáo lý cao siêu của Phật truyền rải cho người không hiểu đạo lý được thức tỉnh. Nếu họ đánh thức được một người, tức là họ tạo được một ngọn đuốc trong xã hội đó.

Con người như thế ấy, tấm gương giúp đời của họ đánh giá rất mắc cái thiện chí của họ. Họ chẳng chịu để thân họ chỉ là cục thịt biết chạy, biết nói một cách không tron làm cho đời sống vô vị, mà là họ rất hoạt động đủ cách để giúp vào xã hội một công nghiệp gì xứng đáng, vì muốn sống cần ích cho đời, nên họ phải ăn, phải mặc cho thân thể khỏi lỏa lồ, tiêu kiệt, chớ lòng họ chẳng se sua ô nhiễm vật chất.

Xin đính chánh sự hiểu lầm của người đời cho kẻ thanh bạch là dạng người biếng lười nhút nhát, ăn xổi ở thì, không óc kinh doanh, chẳng màng thực tế, muốn ngồi đó giữ phần nhàn nhã không làm ích lợi cho ai có bằng chứng cụ thể. Phải hiểu rằng người sống thanh bạch họ chuyên ở tinh thần đạo đức, lúc nào họ cũng tô điểm thần trí sáng suốt để chủ trì lòng tốt đẹp cao quý, vừa cung phụng cho đời những món quà mà họ đã có và đời sống của họ chỉ đúng theo sự nhu cầu, chớ họ không câu nệ vào vật chất một cách quá đáng. Vì họ nhận thấy, nếu có chuyên tâm về vật chất không thì vật chất có ngày hư hoại. Vật chất ấy thì chỉ có tiền bạc là hơn hết. Mà tiền bạc nó có cứu được người lúc chết không? Và nó có làm cho đời sống con người vinh diệu mãi không? Hay là nó thường dắt người đến chỗ trụy lạc.

Thế nên người thiếu giác ngộ hay bị tiền bạc chôn mất thanh danh và thương tổn đạo đức. Lại kẻ vì tiền bạc mà phải tiêu tan trí huệ, đời bại danh tiết đến khi hấp hối, dù lúc sống đã tạo được nhiều tiền bạc, tiền ấy cũng không đem theo để lo lót Diêm vương cho khỏi tội được. Khi họ chết của ấy chỉ lọt vào tay kẻ khác hưởng, còn linh hồn của họ thì phải bị vướng vít tội trạng, chịu sự hình phạt đau khổ do những tội lỗi của họ đào tạo vừa qua và phải đầu thai lại thế gian để đền nợ trước. Vì thế mà họ cứ trối thân trong guồng máy luân hồi không thể dứt.

Thế thì vật chất là huyền ảo không bền bỉ, nó chỉ giúp người một phần về xác thịt thôi. Trái lại về đạo đức thì nó

giúp người hiền hòa để khỏi xúc phạm kẻ khác và sau này không bị luân hồi.

Nhờ sống đơn giản và tấm lòng thanh bạch không bận việc đời, khi chết hồn được tiêu diêu về cõi thượng, nên con người cần sống thanh bạch hơn. Đó là câu chúng ta trả lời những người cho đời sống thanh bạch là hạng người lười biếng.

Gia dĩ, người thanh bạch, lúc hiện hữu nêu cao tâm hồn cao thượng cho kẻ xung quanh học theo và đem vật chất giúp cho kẻ xa, gần nhờ đến, vì thế mà người đời xem họ là bực ân nhân.

KẾT LUẬN: Mục thanh bạch dạy chúng ta trong khoản sống thời gian chẳng bao lâu, không nên buông lung, phóng túng lắm. Nghĩa là đừng nên ăn xài, xa xỉ thái quá; đừng nên se sửa chung dọn thái quá, cũng không vì quá trọng xác thân mà để nó chỉ huy mình. Được vậy, với tinh thần không bị hoàn cảnh sanh sống gây rối tâm trí, tức đời mình không có điều nào làm buồn tủi cho Tổ tiên, cha mẹ, đồng thời chúng ta sẽ còn được phô phang hành động chính đáng bằng cách làm lợi ích cho mọi người có phước đức và huệ lợi.

Như thế chúng ta đã giúp cho đời được hai việc vừa vật chất lẫn tinh thần.

KIỆM TIẾT

Bài trước là thanh bạch. Đã hiểu thanh bạch là một vấn đề rất quan hệ cho đời sống của chúng ta, nó có thể giúp cho chúng ta nhiều việc cao quý trên đường đạo nghĩa. Thấy thế, dĩ nhiên chúng ta không quên gìn giữ nó và quyết tâm thiệt hiện cho được vẹn cả mười. Còn một vấn đề không kém hơn việc thanh bạch là mục kiệm tiết.

Bởi kiệm tiết có giá trị tương đương với thanh bạch; nên loạt bài này có mục kiệm tiết.

“Họ (đạo tặc) là giống sâu làm rầu nồi canh, là tội nhân gây ra những tai biến trong những gia đình cần lao kiệm tiết, là nguyên nhân của sự nghèo, sự khổ, họ phá hoại hạnh phúc của con người”

Đoạn ấy Đức Thầy nghiêm trách hạng người đầu trộm đuôi cướp, chỉ chuyên sống nghề khoét vách, đào tường. Họ là kẻ gây rối cho xã hội, họ làm khốn thêm cho những gia đình của kẻ kiệm cần; họ là kẻ dẫn một số người sống trong khu vực nghèo nàn và họ phá hoại sự vui tươi hạnh phúc của dân chúng.

Với hạng người nữ rấp tâm đi làm chuyện trộm cướp, không phải toàn cả vì sự nghèo mà đi làm những nghề hèn hạ ấy, mà phần lớn vì họ ăn to xài lớn, đánh bạc cụng chén cho lung, nên phải tiêu sạch của cải đang có, đành xua thân làm việc phi pháp. Nhược bằng người kia biết tiết kiệm,

sống cách vừa vặn, đơn giản hẳn khỏi phải bần quẫn đến làm nghề đê tiện ấy.

Việc kiệm tiết là bảo mỗi người hãy nên xén bớt cái gì thừa ra để đắp vá lại cái gì còn thiếu hụt cho được đồng đều, được bằng phẳng và được đầy đủ cho sự sống, được điều hòa, khỏi cái nào chinh lịch. Đó là nghĩa của chữ kiệm tiết.

Từ trong cửa đạo đến ngoài trường đời, nếu thiếu kiệm tiết là một tai hại lớn. Những tai hại đó, xin cử ra ba hạng người như dưới đây để làm bằng chứng:

1- Hạng này hẳn không một ai còn lạ, là những người trong thôn của mình thường thấy, trước kia họ là người giàu có: Tiền bạc đầy tủ đầy rương, ruộng đất cò bay thẳng cánh, nhà cửa năm bảy cái nối liền, nhưng sau đó một thời gian, chúng ta lại phải ngạc nhiên thấy họ ăn thô mặc rách, nương tạm dưới mái lá dột dạt, thân sống hẩm hiu, tỏ ra con người hết sức nghèo nàn cùng khốn, gần như kẻ khát tử. Hạng người ấy, phần đông là lúc họ có tiền của, lo ăn tiêu xa xỉ cho lung, tha hồ nào phấn son, chè rượu, hút xách, vì thế của cải bị tiêu hao đi, trong rương họ không còn một chiêm và điền sản bị cầm cố cho người hết, đến đổi nhà cửa của họ và những vật quý báu của ông bà họ để lại họ cũng bán sạch. Đó là hạng thứ nhứt.

2- Hạng kế đây là những người đã có một địa vị quan trọng trong xã hội đang kiêm một chức vụ trong hành chánh hay quân sự của chính phủ, lúc có quyền họ ý trọng vào

quyền lực mà bóp họng thất hầu dân chúng, đày đọa dân chúng phải lo tiền đót hối, để họ ngồi không thủ lợi to tát hơn lương bổng của Chánh phủ cấp cho họ mỗi tháng. Đồng thời việc làm này họ tự tung tự tác bất cần lệnh lốt của cấp trên, họ tự quyền thao túng dân chúng hay cấp lệ thuộc. Với việc làm đen tối phi pháp ấy, bị tiết lộ, hoặc bị dân chúng tố cáo nên địa vị họ bị gậy đổ; có tội nặng thì bị tù đày hành hạ, trở lại như kẻ tiểu tốt; tội nhẹ thì trở lại làm dân đê hạ. Đến chừng đó, với kẻ bị họ hành hạ trước kia sẽ nhắc lại, mắng nhiếc, xài xỉ, chà xát họ, có khi họ còn đánh đập thái thạm. Đó là hạng thứ nhì.

3 – Còn hạng sau hết là những người đã xuất gia đầu Phật, lánh tục tầm Tiên, họ chỉ thích thú dưới bóng từ bi, hôm sớm chuyên chú kệ kinh, con người họ chẳng quản đến việc tranh đua lợi danh quyền quý mới vào ở chùa chiền am cốc lo tu tịnh thán ngày.

Trong thời gian tu tịnh họ giữ giới tinh nghiêm từ chỗ hành trì đến khi tịnh niệm, họ được dân chúng tôn lên làm Hòa Thượng, Yết Ma hoặc Đại Sư chẳng hạn. Sau khi được tôn xưng cao tước, họ tự coi mình là ông Phật sống hiện tiền, tha hồ muốn nói thì nói, muốn làm thì làm, tự ý không gìn giữ cẩn thận. Vì vậy trong lúc họ lừng quên thì bao nhiêu hột giống nhơn xấu còn ẩn trong tâm họ có cơ hội đâm chồi mạnh lên, trở lại dần dần xô đẩy họ phạm giới: Từ chỗ không ham tiền trở lại ham tiền; từ chỗ lìa bỏ ái dục trở lại mê sắc đẹp; từ chỗ không ham địa vị thì họ lại làm đủ cách để có địa vị; từ chỗ không nhiễm trở lại ô nhiễm; từ chỗ

không ham muốn trở lại ham muốn v.v... Lúc đó, bên ngoài thấy họ đáng vẻ Hòa Thượng, ông sư; chớ bên trong toàn là cốt chỉ ác tăng. Câu kinh hay tiếng kệ khi ấy không đủ làm cho họ sực tỉnh nữa, họ sẽ hoàn tục trở lại có vợ con, lập gia đình, mưu đồ tư lợi và thêm vào sự giết chóc gian lừa thêm việc tội lỗi là khác.

Ba hạng người đã kể qua, chỉ vì họ không biết tiết kiệm của cải, quyền oai và đức hạnh của họ đã có để sử dụng cho hợp lý nên bị sa ngã, gãy đổ, thất đức trở lại cuộc đời thấp hèn như trước.

Bởi những tình trạng phản biến kể trên, nên chúng ta có thể nói: Người giàu có dư ăn, dư mặc mà không biết tiết kiệm sẽ dần dần trở lại túng rỏi, thiếu ăn, thiếu mặc và không chỗ ở; những người có quyền thế trong tay lại hiu hiu tự đắc không biết tiết kiệm quyền oai ấy, thì ngày kia quyền nọ bị tan nát lật đổ trở lại làm người dân mà không bằng hạng dân, nghĩa là trở lại làm con người rẻ rúng hèn hạ của thiên hạ; còn những bậc đã được đời coi tôn kính là nhà hữu đức, nghĩa là họ được tôn lên bậc cao tăng trong giới tu hành mà không biết tiết kiệm đức hạnh phước trí của họ đặng đem ra ban rải cho mọi người nhờ đến, trở lại ỷ trọng vào đó cho trụ lạc thì địa vị của họ bị hư hỏng tan nát, bồi lem đạo lý thì còn thua hạng người còn trong vòng tục lụy.

Ngoài ra bao nhiêu việc khác cũng vậy, nếu mình có nhiều tiền của mà không biết xài đúng cách, xử đúng phép

thì dầu cho của ấy lớn bằng núi non, sông biển cũng không thể tồn tại được.

Trái lại, những người đã phải gặp cảnh nghèo khổ mọi việc đều thiếu mà họ biết tiết kiệm, dành dụm lương tiền và biết com kinh từ việc làm nhỏ đến việc làm lớn, dần dần họ sẽ trở nên nhà giàu có được. Còn những hạng người ở trong giới quan trường, ở vào bực thợ lại tiểu chức mà họ cố gắng công việc làm, năng trau giồi chức nghiệp, lương bổng biết dành để, siêng cần học tập và giữ các việc làm được chu đáo, dần dần họ sẽ được nâng nhắc lên địa vị to tát hơn gấp mấy lần địa vị họ đang có. Đến những hạng mới bước vào cửa đạo, thấy mình còn thấp kém đức hạnh chưa đầy đủ phước duyên nhưng lòng vẫn chuyên chú thiệt hành đạo đức từ ngày một thì lần lượt họ sẽ được kinh kệ thông minh, tu hành tinh tấn và cách cử của họ trang nghiêm, khiến mọi người xung quanh hoan nghinh tôn tặng họ lên cao trong giới tu hành.

Suy đây đủ biết thêm vấn đề khác, nếu chúng ta biết cần lao kiệm tiết để bồi bổ thường ngày thì trong việc làm nào cũng sẽ đem lại kết quả đúng như lòng của chúng ta muốn. Với kiệm tiết này, là một vấn đề thực tế, một công việc làm cụ thể, không phải phỉnh phờ tưởng tượng, nếu làm đúng sẽ kết quả thật sự.

Tóm tắt, vấn đề kiệm tiết là phải ăn xài có chừng mực đừng tiêu phí vô ích, nhưng không nên để mình phải lọt trong chỗ tham lam bòn xén, vì người tiết kiệm quá, xem

đồng tiền như núi, ngòi ôm giữ bo bo sẽ trở thành con mọi giữ của. Trong hạng người ấy, không lợi ích cho ai cả. Với sự tiết kiệm là không nên ăn xài lãng phí, chớ không phải bòn xén, gặp việc có lợi ích dù tốn bao nhiêu cũng đem xài ra, còn chổ phí lý dù hao một đồng xu cũng không dùng đến.

Có biết cân nhắc sử dụng phải lẽ, hành động đứng đắn theo nghĩa của kiệm tiết thì ở vào địa vị nào cũng vững chắc, còn người dù có lòng lành mà không biết tiết kiệm thì sẽ có tai hại hoặc nhỏ hay lớn chớ không khỏi.

TRUNG THÀNH

Về mặt nhân đạo có hai việc rất quan hệ hơn hết là chữ trung với chữ hiếu. Lòng trung không những đối với bậc trên của mình mà còn đối với mình nữa. Có trung thành mới tránh khỏi những sự thay đổi ở tâm trí của mình hay thay đổi ở chỗ mình đang thù phụng tín ngưỡng. Có được chặt lòng tín ngưỡng và giữ một mực thờ kính người trên thì tất cả những gì của mình muốn sẽ được có kết quả. Do chỗ quan hệ ấy, hôm nay chúng ta tham khảo mục trung thành.

“Ghi biên những kẻ quá lương hiền,

Một mực trung thành với Phật Tiên”.

Mỹ ý của Đức Thầy bảo rằng: Ôn trên sẽ ghi chép những người lương hiền và một lòng trung thành vâng lời giữ thờ kính Tiên Phật.

Nghĩa của chữ trung thành là ngay thật. Sự ngay thật ấy, không những đối với mọi người mà còn phải đối với mình nữa. Có đối với mình ngay thật, từ đó mới phát đoán sự ngay thật đối với người khác. Nhược bằng mình không ngay thật thì không thể đem ra đối với người khác được. Khi mình tự dối mình được, đó là triệu chứng làm mờ mông để dối kẻ khác. Nghĩa là lòng mình có phát khởi điều chi dối, mình biết trước mà còn dung túng nó, không trừ dứt thì có ngày mình sẽ dối với người khác nữa.

Vả lại trên đời này, bất cứ việc tu hành hay là việc làm ăn, nếu người không trung thành với ý nguyện của mình hay với lời giao kết cùng kẻ khác thì cả mọi việc sẽ thất bại hết chín phần mười, nếu có được kết quả cũng chỉ miễn cưỡng vậ thôi, chớ không chắc chắn.

Vì lẽ đó, mỗi người trong giới học Phật phải trung thành với mục đích cao quý, việc làm trước tiên là phải tín ngưỡng Đức Phật, Đức Thầy và theo dõi đạo lý, dù gặp cọp đón đường, ma chận lối cũng tiến tới và dầu ai có để cách mua chuộc cũng không bán, giữ tâm chí không phai lợt. Được vậy, tôn chỉ tối cao, tối thượng của đạo có thể lần dò đến đó được.

Với lòng trung thành ấy, tóm lại bốn việc: Trung thành lời nói, ý nguyện, việc làm và bốn phận. Bốn điều này dĩ nhiên chúng ta phải trung thành đáo để. Song cũng có một vài trường hợp cần phải cải sửa được, ví dụ: Việc của chúng ta đã làm hay lời nói sai quấy mà chúng ta không biết, một hôm có người chỉ rõ ra, thì chúng ta phải sửa bỏ ngay.

Chúng ta không trung thành việc quấy cũng như không bảo thủ thành kiến của mình mà phủ nhận lời nói phải của người khác, thế mới đổi dờ thành hay, cải tà qui chánh được.

Trường hợp thứ nhứt của người biết trung thành, là lời gì của mình nói ra với người lớn hoặc nhỏ, người trong nhà hay ngoài đường cũng đều giữ đúng. Sự kỳ hẹn cam kết câu chuyện chỉ với người, dù gặp khó khăn nguy hiểm cũng

không để sai, việc của mình đã như định thì không nên tráo trở. Như vậy, mình mới có thể gây lòng tin tưởng với mọi người ở nhiều việc khác nữa.

Khi người tin tưởng mình, thì việc của mình nói ra họ đều tin cậy và việc của mình làm ra cũng được họ luôn luôn ủng hộ. Nếu mình dối lừa họ ở lúc ban đầu thì sau mình có nói đúng sự thật họ cũng không tin và còn cho mình ăn nói đùa bỡn là khác nữa. Như thế lời nói của mình há dám coi thường được ư?

Trường hợp thứ hai của người biết trung thành, là với ý của mình đã nguyện làm theo hay đi theo con đường chính chánh hợp lệ, dầu cho phải gặp lắm người chỉ trích, xuyên tạc, bài bác, nói ra nói vào mình cũng vẫn cố gắng thực hiện cho được. Được vậy cái nguyện của mình không hư bỏ, nó sẽ thành hình cụ thể.

Hơn nữa, mình không nên để lòng mơ hồ hoặc bị người phá hoại bằng cách này hay cách khác làm thay đổi chí tốt đẹp, đem vào ý chí như xấu, thì công cao nghĩa cả nào mà chẳng làm nên.

Trường hợp thứ ba của người biết trung thành là việc mình đang làm hoặc sắp làm với mục đích rất cao quý tốt đẹp, có lợi ích không những cho mình mà còn cho mọi người nữa, thì dù phải hy sinh phần nào trong đó mình cũng cương quyết tiến tới chỗ thắng lợi. Với sự hy sinh này, dù gặp bao nhiêu chông gai nguy hiểm cũng phải cố gắng lướt qua để đạt kết quả vinh diệu. Ngày xưa các bậc danh nhân

đã thành công trên bước nguy hiểm ấy, mình há chẳng đề hiểu theo dõi ư?

Hơn nữa, trên bước tiến hóa thường gặp phải nhiều việc thấy chết trước mắt mà không thối chuyển mới được đòi tôn lên vị cứu tinh của nhơn loại. Như trường hợp Đức Phật Thích Ca lia ngai vàng điện ngọc, lia vợ đẹp con xinh đem thân vào rừng bụi tu hành khổ hạnh, ngày chỉ ăn vài hột mè, đêm uống vài giọt sương năm này qua năm khác, như thế sau khi Ngài thành đạo được người đòi tôn sùng kính bái làm bực Từ phụ, chớ đâu phải Ngài vẫn làm một vị thái tử trong trào mà họ tôn phục đâu. Các việc khác cũng vậy, nếu thấy việc đáng làm thì chúng ta cứ làm ngay, dù khó cũng rán cho được, khi được rồi sẽ thấy mọi sự vinh diệu trong ấy.

Trường hợp thứ tư của người biết trung thành, là phận mình làm dân đối với đất nước phải hết dạ trung cang nghĩa khí, làm sao nâng vạc đỡ thành, cứu quốc an dân, không vì tham sống sợ chết mà rụt rè trước kẻ xâm lăng; và không vì cá nhân tư lợi nở chà xát đồng bào để thủ lợi. Còn đối với cha mẹ thì hết lòng thờ kính, làm cho cha mẹ khỏi rách rưới, không đói kém, không thiếu thuốc men, được nơi ở yên, được con thảo, dâu hiền, cháu ngoan, như thế mới phụng sự cha mẹ được chu đáo. Đối với Thầy thì luôn luôn kính thờ, vâng lời dạy bảo và hy sinh đời mình để cung phụng cho Thầy ngang hàng cha mẹ: Cha mẹ sanh ra xác thịt, còn Thầy dìu dắt linh hồn.

Về mặt tạo sanh xác chất và điu dắt linh hồn cả hai đều có giá trị tương đương, không trước mặt Thầy thì tôn kính, vắng mặt Thầy lại phụ bạc. Được như vậy mới tròn phận tín đồ, môn đệ của Thầy. Còn đối với anh em, chồng vợ, bè bạn, chủ tớ đều phải luôn luôn lấy lòng ngay thật giao tiếp nhau cho ổn đáng từ việc này đến việc khác. Trong khi mình đối với nước non, cha mẹ sư trưởng, anh em, chồng vợ bạn bè và chủ tớ dù gặp gay go nguy hiểm, nhiều khi phải thập phần tử nhứt phần sanh cũng vẫn giữ một mực như cũ không phản phúc. Nếu mình được giữ lòng sắt son như thế thì đứng giữa cõi đời, ngược mặt ngó lên không thẹn với Trời, dòm xuống chẳng thẹn với người và đọc sách Thánh hiền tự thấy mình vui vẻ lên, sáng suốt lên không có gì phải hổ.

Thêm nữa, lòng trung thành giúp mình về mặt cư xử với đời mà còn giúp cho mình thực hành trong cửa đạo nữa, như mình đang phượng thờ tín ngưỡng đạo lý, dù chóng thác đi nữa cũng không ngừng chí, vẫn đi đến rốt ráo của lý tưởng. Đó chẳng khác chúng ta bước lên nấc thang: phải leo lên nấc này đến nấc nọ cho đến nấc chót hết mới thôi.

Vả lại, lỵng trung thành như keo để dán từ miếng giấy này dính với miếng khác; như hồ trộn với vôi, cát để xây cất lâu đài chắc chắn; và nó cũng như nền móng cứng chắc để dựng tòa lâu ấy, nên lúc nào mình cũng cần có nó.

Vì lòng trung thành có năng lực giúp mình vững lòng để đi đến mục đích của đạo mà Đức Thầy đã chờ đón, nếu mình đeo đuổi mãi sẽ đến kết quả vinh diệu.

Tóm tắt, mục trung thành dạy mình lúc nào cũng phải ăn ở ngay thật với kẻ nhỏ đến người lớn, từ trong gia đình đến ngoài xã hội: trong việc nói năng, ý nguyện, hành động và bổn phận. Mình nên xem thường sự chết để bảo tồn lòng trung thành và coi sự chết là khẩu hiệu duy nhất của mình trên đường tiến bộ.

KIÊN TRINH

Hôm qua chúng ta tham khảo mục trung thành. Có một vấn đề khác cũng có mãnh lực giúp đỡ người về mặt tu tỉnh không kém gì mục trung thành, đó là mục kiên trinh.

“Tín nữ thiện nam gìn mỗi đạo.

Dầu cho lãn lóc rần kiên trinh”.

Hai câu này Đức Thầy có ý khuyên tất cả nữ nam hãy gắng gìn giữ mỗi đạo của Đức Thầy đã dạy cho đó, dù phải gặp lúc nản tai nguy hiểm đến sanh mạng tài sản cũng vẫn kiên nhẫn, không nên thay đổi tâm chí của mình. Trên đường đạo từ xưa đến nay không lúc nào suôn sẻ, nó hay đụng chạm nhiều sự gai gạnh và phải xông lốt trên sự nguy hiểm, nếu gặp cảnh ấy mà người nản chí thì sẽ trở lại tục lụy không khi nào tiến đến chỗ cao siêu của Phật pháp được.

Vả lại thời kỳ này là thời kỳ chót của buổi Hạ ngron, những người gặp được Đức Thầy là vì đã có gieo duyên lành ở nhiều tiền kiếp, nếu lòng dạ không thay đổi, cứ lo tu bồi thêm đức hạnh thì chắc được phần giải thoát. Và không dịp nào may hơn dịp này, được gặp Đức Thầy, lại sẽ được gặp Hội Long Hoa, khuyên tất cả tín đồ lúc tu hành rần kiên trinh để lướt qua mọi nỗi khó khăn.

Kiên trinh là giữ chắc lòng trong sạch. Lòng trong sạch ấy giới luật đào tạo, do qui điều dẫn chỉ, do Phật pháp khai thông, dù một môn nhơn nào cũng cần phải cố gắng lắm mới đi đến mức cuối cùng. Hãy coi lòng trong sạch là vật quý vô giá của con người; nó là nhịp cầu đưa con người đến bờ giải thoát; nó là mái nhà mát để che đỡ nắng mưa; nó là tình yêu giữa mọi người, được có nó con người mới sống vui tươi, nếu thiếu nó thì con người sẽ lâm sâu khổ. Vì thế người học đạo lý nhận xét sự ích lợi của lòng kiên trinh, mà về mặt tinh thần lúc nào cũng giữ sự trong sạch làm gốc.

Vả lại, với lòng kiên trinh nó có một đặc điểm tốt cao và tốt quý, nó có thể giúp cho chúng ta giữ vẹn lòng tín ngưỡng dù gặp lắm sự nguy kịch cũng không dời đổi. Người có được lòng kiên trinh thì họ thờ tôn giáo nào hay ông Thầy nào cũng luôn luôn theo đuổi đến cùng, dù gặp thiên lao vạn khổ, ăn cay uống đắng họ cũng vẫn giữ một lòng sắt son như một.

Vì vậy mà người có lòng kiên trinh, trên đường đạo, họ đã đi được hai phần ba đường, còn một phần nữa nếu họ có chí mạnh mẽ sẽ được đến mục đích.

Với sự lợi ích của lòng kiên trinh như thế, nên mỗi ai cũng cần phải có:

1- Lễ thứ nhất của lòng kiên trinh là sau khi mình đã tin tưởng Phật pháp, thì phải tập trung hết thảy tâm lực, thân xác của mình vào đó để thật hành đúng đắn từ việc một của luật đạo và của chơn sư dạy bảo. Chẳng may trong lúc hành

đạo, trong lúc tín ngưỡng có lắm người chỉ trích bài xích, nhục mạ hay họ lẩn thoát tài sản, nếu thấy nhẫn nại là tốt thì chúng ta cứ nhẫn nại để lướt qua, miễn sao tâm mình được vững vàng, đức tánh được đầy đủ để ngày kia tiến tới quả phẩm: Mặc dù họ đối với chúng ta quá khắt khe hờn ghét, hãy xem đó là tánh mê của kẻ thường tục không nên câu chấp.

Trái lại chúng ta chẳng vì trường hợp khó khăn mà để cho tâm ý mình mềm nhũn đen đúa mất hết ý nghĩa thanh cao của người hành đạo.

2 – Lễ thứ hai của lòng kiên trinh là không luận hạng người nào và đứng trong địa vị nào với việc làm lớn nhỏ nào chúng ta cũng đều phải nghĩ đến, hiểu đến sự thiệt giả hay vinh nhục của nó, nhứt là phải hiểu hết tánh tình, cách cử thể nào được lịch sự để đối với người chòm xóm, lân lý. Và luôn luôn chủ trương ở việc làm ngay ngắn lương thiện, nếu đứng vào địa vị nhà cầm quyền thì phân xử thanh liêm; ở vào hạng dân phải làm ăn chất phác; kẻ trong nhà trường phải nỗ lực trau dồi đèn sách để phát triển bản năng cao quý trong xã hội; kẻ đứng trong tiệm buôn phải so cán cân cho ngang, kéo cái vá cho bằng, không nên có sự lường cân tráo đấu làm chuyện giả dối gây lấy sự thương tổn cho người khác.

Ngoài ra những nghề nghiệp khác cũng đều phải kiên cố chơn chánh như vậy.

Huống lại, một nhà tu hành, việc làm đầu tiên là không chạy theo quyền thế, nịnh bợ, không để mình bị thị dục dẫn dắt như sợi dầm dất con bò; không để sắc đẹp câu nhử mình như cá theo mồi, và luôn luôn tự chủ ở mỗi việc làm để được trong trắng tuyệt vời của đời mình. Bởi lòng trong trắng và việc làm chánh đáng là ánh sáng thơm tho của gia tộc chúng ta, nên chúng ta phải gìn giữ nó cho trọn vẹn. Đối những người kiên trinh những hành động như vậy, nếu họ ở ngoài trường đời họ sẽ có địa vị đáng kể trong xã hội, còn họ vào cửa đạo thì sẽ có đức lớn, huệ to, như ngọn đuốc sáng trong khoảng người tăm tối.

3- Lễ thứ ba của lòng kiên trinh là với đời sống của chúng ta nếu chẳng may lâm trong cảnh nghèo đến đổi mình trần thân trải, không đủ cơm ăn, không thuốc men uống trong lúc đau ốm cũng phải bảo vệ giá trị đời mình được đầy đủ. Chúng ta nghèo vì tiền bạc, nhà cửa không se sua, chớ đức hạnh thanh cao, tánh nết hiền hậu và tâm hồn đạo đức không nghèo. Chúng ta thua họ về tiền bạc chớ tâm hồn chúng ta luôn luôn nêu cao hơn và sáng suốt hơn họ. Đó là phần gốc của chúng ta vậy. Nếu phần gốc chúng ta giữ được thì bông trái có ngày sẽ được trổ sanh không gì khác.

Ngược lại, chúng ta sợ sự nghèo mà đua theo phường đạo tặc bắt lương đặng sống như: giựt tiền cướp của hay dùng những quỷ kế đào tường khoét vách nhà người. Với hành động đê tiện, miếng ăn như bản đó, nó sẽ giết tâm hồn trong sạch của chúng ta và đưa chúng ta vào địa ngục nữa. Bởi thế mà, thà chúng ta chịu đói chớ không làm điều bất

công phi lý, vì hạt cơm của người, lớn như núi Thái sơn, ăn không phải khó tiêu.

Chẳng những thế, chúng ta xua theo việc bắt chánh chè rượu, điếm dàng vào chỗ xó hóc, trộm cướp, gieo sự tủ nhục cho Tổ tiên cha mẹ, như thế đối với xã hội là một kẻ vô dụng, sâu mọt; còn đối với gia tộc thì chỉ xem là một đứa con ngỗ nghịch và làm cây đinh trước mắt người đời.

Ngoài ba khoản chánh kể trên với các vấn đề khác cũng phải kiên trinh trong lẽ phải, cố gắng theo điều chánh thì đời sống không ai khinh bỉ và muốn làm việc chi cũng sẽ được kết quả. Và có một điều khác quan hệ hơn là kiên trinh khiến cho con người gây thêm sự tốt trong luân thường; làm con thờ kính cha mẹ, chồng vợ trọng nghĩa thì chung, giữa anh em hòa mục, tình bè bạn đối xử thật thành, tôi chúa luôn luôn lấy lòng trung, nhờ đó trong loài người có nền nếp thứ bậc.

Trái lại người không kiên trinh thì ai cũng là chúa mình được; ai cũng là cha mình được; ai cũng là chồng mình được; ai cũng là vợ mình được, luân thường hỗn loạn, đạo lý xô đùa cả.

Bởi lý do đó, làm người phải kiên trinh để gìn mỗi luân thường đạo nghĩa và giúp cho loài người giữ còn danh giá tốt đẹp.

Nói tóm lại, mục kiên trinh này, chỉ yếu là muốn cho toàn cả chúng ta gắn chặt ở hành động tín ngưỡng và đời

sống trong những lẽ từ thiện, công bằng và nhân đạo. Rủi phải có sự khó khăn đưa lại, chúng ta cũng nhẫn nại bước tới không để cho lòng biến đổi dễ dàng thì mới đến chỗ chí thiện. Chừng đó mới thấy sự cố gắng của chúng ta thành hình một cách cụ thể.

ĐIỀM TĨNH

Chúng ta đã hiểu được kiên trinh là một đức tánh dẻo dai cứng rắn có thể dám chịu mọi sự khổ não để thi hành phận sự và chí hướng của mình, đó là một việc đáng quý và cần có. Nhưng muốn giúp cho đức tánh kiên trinh đi đến chỗ toàn bích hơn thì chúng ta còn cần tánh điềm tĩnh.

Lòng được kiên trinh, mặt được điềm tĩnh, chính con người ấy sẽ được đủ điều kiện thông suốt việc lớn mà họ không bao giờ biểu lộ đáng kiêu mạn hống hách hộp tộp trong việc làm, nhờ vậy mọi điều gì của họ đang làm hoặc sắp làm kẻ khác đoán biết được và họ sẽ thành công rực rỡ.

“Sĩ điềm tĩnh tiểu nhơn lãn lướt,

Thời vận hèn dụng nhược thắng cương”.

Đó là lời của Đức Thầy, Đức Thầy tả một kẻ sĩ lúc nào cũng điềm tĩnh, mặc dù lòng mình có ý chí mưu đồ đại cuộc nhưng vẫn tỏ ra tầm thường. Vì thế kẻ tiểu nhơn khinh thường lại còn lãn lướt. Nó chẳng ngờ kẻ sĩ trong lúc còn hèn yếu thì phải dùng cách nhu nhược để thắng cương cứng, những là lấy mềm mại thắng cứng rắn, như giọt nước mềm mà soi phủng được đá. Trường hợp này, là cảnh ngộ của Đức Thầy, mặc dù Đức Thầy chứa đầy ý nguyện cứu thế đạo, cứu quốc dân song gặp phải thời quay vận kiểng đành phải nén chịu kẻ tiểu nhơn húng hiếp, miễn sao mình đạt được chí cả.

Những kẻ được lòng điềm tĩnh họ luôn luôn biểu lộ sắc mặt của họ những nét thần nhiên, lặng lẽ và cử chỉ lời nói của họ rất êm đềm. Gặp những lúc rối rắm họ không hề ra dáng sợ sệt và không có cử chỉ lau chau mà vẫn điềm tĩnh để tìm lẽ hay ho, hầu giải quyết được việc ấy. Họ không như bao nhiêu người khác gặp những thắng lợi thì vui vẻ tươi cười, rủi chạm cuộc thất bại loạn ly thì ra tuồng buồn rầu hốt hoảng.

Con người đang lúc vật lộn với đời mà giữ được điềm tĩnh thì mọi việc ắt nên, chẳng khác nào cột đồng trắn ở rún biển làm cho sức lớn của biển được bình định. Tánh điềm tĩnh giúp cho con người, quan sát việc này, tìm hiểu việc nọ được rõ ràng không lầm lạc sai thất sẽ đoạt đến kết quả của chúng ta muốn. Có được điềm tĩnh mới có ý nghĩ hay ho, mở mang công việc làm của chúng ta chóng đến thành công thắng lợi. Và nhờ có điềm tĩnh, dù gặp việc bất trắc xảy ra, mắt chúng ta không lao đảo, lòng chúng ta không nghi ngờ thất bại và không cử chỉ hấp hối đáng tiếc. Hoặc trường hợp chúng ta suất lãnh một việc quan trọng trong xã hội, hay cầm đầu một đám người trên đường tranh đấu, dù gặp lúc nguy kịch mà mình điềm tĩnh, tỏ ra tự nhiên, khiến họ thấy cử chỉ bình thần của mình mà trở lại đủ nghị lực làm theo lệnh của mình, chẳng những khỏi bị thất bại còn được thắng qua những trở ngại ấy.

Cần sử dụng tánh điềm tĩnh như sau đây:

1- Lễ thứ nhứt của tánh điềm tĩnh là mỗi khi gặp phải sự nguy hiểm bất ngờ với kẻ khác thì họ lấy làm nôn nao sợ

sệt, trái lại với mình thì vẫn giữ cử chỉ thản nhiên và có ý chí lạnh lẽo sáng suốt để giải quyết các vấn đề ấy một cách dễ dàng. Đồng thời nếu là một người chỉ huy một toán binh hay cầm đầu một cơ quan khi có gặp bất trắc xảy ra, với lòng bình tĩnh, với sự thản nhiên của mình sẽ làm cho kẻ xung quanh tự tin nơi mình có thể điều khiển và cứu giúp họ được, nên họ không sợ sệt xao xuyên có đủ tinh thần hợp lực với mình để lướt qua các biến cố ấy được ổn đáng.

2- Lễ thứ hai của tánh điềm tĩnh là mỗi khi người hỏi đến mình câu chuyện gì mà mình chưa hiểu đến, chưa biết đến và chính mình cũng chưa biết ý người muốn điều chi thì không nên trả lời vội hãy bình tĩnh để gắng hỏi lại cho rõ ràng đặng trả lời cho ăn khớp với câu hỏi. Có như vậy mình mới không đi lạc ngoài câu chuyện và khỏi phải có sự lầm lộn trong lúc trả lời. Thêm nữa mình nói chuyện với người mình được bình tĩnh trả lời một cách đứng đắn hợp lẽ, họ sẽ đem lòng kính mến, cho mình là kẻ lịch thiệp, biết phán đoán tường tận không vội vã, không hấp tấp.

3 - Lễ thứ ba của tánh điềm tĩnh là trong việc làm có thắng lợi cho đoàn thể hoặc cho riêng mình, chúng ta chớ nên lấy đó làm tự đắc, tự phụ cho mình tài hay, trí giỏi hơn người, mà phải hiểu rằng trên đời không ai thắng mãi và không ai bại mãi, việc thắng bại cũng như nước có lớn có ròng, không phải lớn không hay ròng không. Thế nên hãy coi sự thắng bại là thường, để tránh hai việc không hay như:

- Một là khi mình thắng, được có người khen ngợi rồi mình tỏ ra kiêu căng tự đắc, khiến cho kẻ bại không ưa, cố sức tăng cách trả thù.

- Hai là đến khi mình thất bại thì kẻ mà mình đã chê trước kia họ trở lại chê mình gấp hơn mấy muôn lần của mình chê họ. Như vậy đâu có ích lợi gì? Vả lại việc làm của mình được thắng lợi chẳng khác: liêng cục đất lên trời coi chừng nó sẽ rớt lại mặt mình; liêng cục gạch xuống nước coi chừng nước văng ướt mình trước. Nghĩ là việc gì của mình làm đều có phản lực tất cả. Như thế thì chúng ta hãy phòng bị từ cái lợi đến cái hại vì nó đều có thể trả lại cho chúng ta được cả. Có lo sợ rồi mới tránh việc hại cho mình về sau và tránh kẻ khác khỏi có cơ oán ghét mình.

4- Lễ thứ tư của tánh điềm tĩnh là với việc nào của chúng ta làm ra kẻ khác khen hay, khen tốt, cho là tài năng xuất chúng, chúng ta cũng không lấy đó làm vui. Vì người đời không phải toàn thương chúng ta hết mà cũng có kẻ ghét chúng ta, nếu chúng ta được nghe người khen mà chúng ta ra vẻ mừng thì hạng người ghét chúng ta sẽ thêm khinh; cũng như người khen chúng ta họ khen nức khen nở, thì người chê chúng ta họ tìm đủ cách oán ghét chúng ta thêm nữa.

Huống nữa, nếu người khen mà chúng ta vội mừng cho rằng hơn người và lấy đó làm đắc chí không lo tiến tới nữa, thì tiết tháo của chúng ta không thêm, trí não của chúng ta phải lụi trong một ngày rất gần.

Thế nên chúng ta chỉ dè dặt để tầm cách học hỏi các việc khéo léo hay ho để tiến đến chỗ toàn mỹ, không vì sự khen của người mà mừng, lời chê của người mà giận, luôn luôn điềm tĩnh như thường; quyền khen chê ở nơi người, chớ riêng mình vẫn điềm tĩnh để tiến tới chỗ xa hơn.

5- Lễ thứ năm của tánh điềm tĩnh là mỗi việc gì của chúng ta làm hoặc nói hay là viết ra mà kẻ khác hiểu lầm: câu chuyện ta nói phải, họ cho là quấy, việc chúng ta nói chung, cho là riêng trở lại giận ta, rồi đến trước mặt ta mắng nhiếc, hàm hừ muốn moi gan móc ruột chúng ta, lúc ấy chúng ta nên bình tĩnh để nghe rõ câu chuyện của họ nói, rồi từ từ đính chánh lại cho họ nghe rõ sự thật. Chúng ta không nên thấy họ giận dữ mà phản đối lảm lòi, sẽ làm cho sanh ra gây ó dẫn đến cuộc ấu đả. Như thế chẳng khác nào lửa gặp lửa thêm cháy to, sanh ra kiện tụng xáo náo cả xóm riêng, đó là cách giải quyết tâm thường.

6 - Lễ thứ sáu của tánh điềm tĩnh là mỗi khi đối trước công việc làm thường ngày cũng như việc phi thường xảy đến, chúng ta hãy bình tĩnh để hiểu từ việc một của nó: lợi thế nào? Hại thế nào? Điều được rõ tận gốc. Nếu thấy nó có lợi sẽ làm; như là việc lợi ấy vừa cho mình, vừa cho người khác.

KẾT LUẬN: Với mục điềm tĩnh này, dạy chúng ta đứng trước tình trạng nguy biến, đứng trước câu hỏi đột ngột, đứng trước việc làm thắng lợi, khen ngợi hay những sự hiểu lầm, giận quấy của người đều phải điềm tĩnh để tìm

cách hay ho thích đáng hơn, để định đoạt việc ấy được chu đáo. Kỳ dư các vấn đề khác cũng điềm tĩnh để tìm phương khéo léo, để giải quyết.

SUY XÉT

Bữa trước chúng ta tham khảo mục điềm tĩnh. Điềm tĩnh chỉ tỏ con người rất dè dặt nhưng trong sự dè dặt đó chưa đủ làm cho mình đến kết quả toàn mỹ được. Muốn đến kết quả toàn mỹ chu đáo hơn cần phải có suy xét. Vừa có điềm tĩnh, vừa có suy xét, nếu gặp khi người ngợi khen hay giận dữ, tuy bên ngoài điềm tĩnh mà bên trong có sự suy xét để tìm phương pháp điều hòa thích ứng để giải quyết cho được ổn đáng. Như thế trong sự điềm tĩnh mới có hiệu năng để đi đến chỗ hoàn thiện được.

“Hãy xét suy cạn kỹ mới là

Coi Ta nói câu nào bất chánh”.

Đức Thầy bảo toàn cả mọi người hãy suy xét cho kỹ lời của Đức Thầy đã dạy, coi điều chi bất chánh không? Nếu lời của Đức Thầy dạy hợp lý và đúng với chánh đạo hãy tin tưởng và thành thật theo sẽ có kết quả tốt đẹp.

Suy xét là biết nghĩ ngợi để tìm hiểu rõ nguồn cội của các việc làm: từ đâu đi đến đâu? Do những nguyên nhân nào và sẽ có kết quả chi? Phân biệt suy xét rõ ràng của từ việc một, để rồi mình chọn cái nào được tốt lành và rất lợi lạc, không những cho mình mà luôn cho nhiều người để thật hành cho đến khi thành tựu. Đứng trước mọi việc nào mình cũng đặt suy xét thì mười việc được thành công hết chín việc rườì.

Vả chăng, loài người được có giá trị hơn loài vật là do chỗ có suy xét. Từ chỗ suy xét ấy mới có tổ chức, như tạo nhà cửa ở, chế xe tàu đi, biết may mặc, biết cày cấy để có lúa ăn và có những nghề nghiệp để khuếch sung các việc nhu cầu khác nữa.

Nhờ có suy nghĩ, con người mới có hàng ngũ tôn ti như: chúa tôi, thầy trò, cha mẹ, anh em, tránh sự tồi tệ, được ý niệm thanh cao về luân lý. Nhược bằng không biết suy nghĩ thì chẳng khác loài vật càn ngang càn dọc, thương luân bại lý, không còn sự kính nể giữa chúa tôi, thầy trò, cha mẹ, anh em và chủ tớ, trở lại hỗn loạn không biết phải quấy thứ bực gì cả.

Hơn nữa nhờ sự suy xét mà mỗi người đều có thể tiến hóa, để phanh phui hiểu rõ sự thật trên thế gian, chế tạo thêm vật dụng để bù đắp chỗ thiếu cho cho được đầy đủ. Những hành động ấy, toàn là do bộ óc của con người suy nghiệm ra cả. Và nhờ người biết suy xét mà ít khi bị lầm lẫn tai hại, nó giúp con người tuân tự tiến đến mức hay ho bằng mọi người trên thế giới.

Cũng vì những sự quan hệ của lòng biết suy xét mà trong xã hội không luận người nào mà không cần nó, nhưt là những người có đạo đức thì càng cần suy xét hơn nữa. Có suy xét con người mới không tham điều xấu, tạo việc quấy mà chỉ nhiệm sự đáng nhiệm, làm việc đáng làm. Nhược bằng thiếu suy xét thì đầu óc phóng túng, tâm trí xua đùa, gặp món gì cũng muốn gặp nhà nào cũng ham, thấy sắc ai

cũng thích. Như thế đâu phải người tu, mà là con người điếm đàng, làm vật chướng ngại cho người đời chớ không ích lợi cho ai cả.

Cần phải suy xét như thế này:

1– Lễ thứ nhất là suy xét lại những việc mình đang muốn không thể được, như anh ăn mà muốn bà công chúa thì không thể nào được, dầu anh muốn lắm cũng không kết quả, nên không để ý muốn. Với sự muốn khác cũng vậy, nếu thấy mình muốn không thể kết quả nghĩa là nó quá hơn sức mình, thì định trí ngừng lại đứng muốn quá vô ích.

2– Lễ thứ hai là thấy những việc của mình sắp làm theo chương trình chung hoặc công việc riêng của mình đã tính, nhưng sau khi suy xét và quan sát lại việc đó thấy nó không thành công được mà còn phải hao tổn công cán, lãng phí thì giờ, thì hãy đình chỉ lại. Hay mình thấy việc mình đang làm có sự sai quấy chỉ bị tai hại đưa lại, không thể tiến hành xa được, thì hãy đoạn tuyệt đi đừng để nó thất bại dở dang đáng tiếc.

3 – Lễ thứ ba là trước khi mình muốn nói với người câu chuyện gì, mình nghĩ rằng câu chuyện đó không có ý nghĩa hay ho, không hợp cảnh, không hợp tình, không hợp lý sẽ làm cho người kia chán tai và họ không thể thừa nhận lời mình sắp nói ra. Dù mình có nói cũng chỉ mỗi miệng chớ chẳng ích gì, thì tốt hơn mình không nói.

4 – Lễ thứ tư là thấy rằng trong khi mình đang suy nghĩ việc không chánh đáng, ví dụ: thấy người đẹp đẽ mà lòng ham muốn, hay thấy tiền bạc sanh ý nghĩ tham lam cố lấy, việc ấy chẳng những không được mà lại rất bất chánh phi nghĩa thì hãy chận đứng ý nghĩ đó đi, để thay vào ý nghĩ đạo đức tốt hơn, mới khỏi phí thì giờ và còn giúp cho đầu óc mình sáng suốt để nhận xét việc gì cũng rõ ràng tinh tú hơn.

5 – Lễ thứ năm là chúng ta nhận thấy những việc phần đông người đáng khinh rẻ, chê dè dề là việc không hợp đạo lý, trái lẽ từ bi, thất nhơn tâm không đúng theo lời thánh hiền giáo hóa, thì hãy tránh đi, nếu mình làm theo sẽ bị người đời chê ghét luôn. Nếu mình cố ý để người đời chê ghét thì đời sống mình không đáng sống, dù sống cũng không làm lợi ích cho thiên hạ. Chỉ trừ những việc làm quấy của mình bị người khinh bỉ, chê dè thì mình hãy suy xét để ăn năn, cố gắng dứt bỏ, sửa đổi lại theo lẽ chơn chánh, cho họ kính vì và xóa bỏ lỗi trước của mình.

6 – Lễ thứ sáu là chúng ta nhận thấy rằng những hành động chơn chánh, ý chí thanh cao lời lẽ đạo đức, cách xử sự công bằng, việc làm đúng đắn sẽ được người đời quý mến ca tụng, thì phải hăng hái hy sinh tài sản và sanh mạng của mình để thi hành cho được việc ấy, hầu làm cho mọi người bằng lòng thích ý ở hành động đạo lý của mình.

Ngoài những khoản đã kể trên với công việc khác cũng vậy, trước khi làm chúng ta hãy suy nghĩ tột nguồn cội

và biết kết quả của việc ấy như thế nào rồi sẽ thi hành sau. Việc suy nghĩ không mất thì giờ bao nhiêu mà chính nó giúp chúng ta thành công; nó như bộ tham mưu của chúng ta sẽ tránh trước mọi sự nguy hiểm; nó như vị Tề Thiên (trí) giúp Tam Tạng (tâm) đi đến Đông độ khỏi bị các yêu tinh nhiễu hại. Với điều cần yếu hơn hết là người tu hành lúc nào cũng cần có nó (suy xét) mới tránh sự cám dỗ của các cảnh dục lạc và tránh tất cả lời dụ hoặc của tà thuyết, còn làm cho mình nảy ra nhiều sáng kiến để dắt người còn mê muội cuồng tảo được tỏ ngộ. Và nhờ suy xét chúng ta mới thấy rằng những việc nào có công đức thì cứ làm, những việc nào có khai thông trí huệ thì đi tới, không những nó làm cho mình khỏi nhiễm cảnh trần gian còn tiến tới chỗ giải thoát theo ý mình đã muốn.

Tóm lại, mục suy xét chủ yếu ở chỗ trước khi làm việc gì, hay trước khi muốn nói câu chuyện chi đều phải để chút thì giờ suy xét để tránh việc làm tổn hại cho người, tránh câu chuyện bại hoại phong hóa và cố gắng làm việc lợi ích cho gia đình chính ta và kẻ khác. Nếu đời sống của chúng ta, lúc ngồi nhà hay ra giúp đời cũng dùng lòng suy xét luôn, tất nhiên cả việc nhỏ đến việc lớn sẽ chu đáo, không có xảy ra thất bại một cách oan uổng đáng tiếc.

CƯƠNG QUYẾT

Mỗi người được có suy xét như trong trào đình có vị quân sư, nhưng các mưu mẹo sáng suốt về phần suy xét; còn về mặt thật hành phải giao cho lòng cương quyết. Nếu mãi suy xét mà không đem thật hành thì cái suy xét ấy chẳng khác nào làm giàu trong giấc mộng, chẳng ích gì cả.

Bởi thế nên, muốn cho các suy xét được thật hiện một cách rõ ràng, chúng ta cần có sự cương quyết.

“Ngài thuở ấy nên mười chín tuổi,

Tâm đại hùng cương quyết tu trì”.

Đoạn văn này. Đức Thầy tả việc Thái tử Sĩ đạt Ta, lúc ngài mười chín tuổi, vì cảm thấy kiếp sống của con người chịu các nỗi khổ: già, bệnh, chết chóc, Ngài cương quyết tìm cách xuất gia tâm đạo tu hành. Ngài suy xét rồi dùng tâm đại hùng cất ái từ thân, bỏ đèn đài, lia vợ con vào núi Tuyết sơn tham thiền tịnh dưỡng, tìm được chơn lý cao siêu cứu vớt chúng sanh. Lòng cương quyết ấy Ngài được thành chánh quả hiệu là “Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Cương quyết là lòng mình lúc nào cũng được cứng cỏi làm theo việc gì của mình như định, không để lươn khươn, lơ lỉnh, dù việc nhỏ hay việc lớn.

Không luận việc nào, nếu chúng ta đã đặt lòng suy nghĩ kỹ lưỡng, hiểu từ chi tiết của nó mà chúng ta thiếu lòng cương quyết để thi hành hay là có thi hành mà chỉ làm cho

có chừng đôi, không hăng hái, không gắng gỏi, không có ý định hẳn hoi, thì việc làm ấy muôn lần chỉ một hai lần kết quả, còn bao nhiêu lần nếm lấy thất bại chua chát.

Thảng hoặc, chúng ta đã nhọc trí suy xét mà không được thực hành hay thực hành một cách lừng lờ thì đừng suy xét vô ích. Nghĩa là vấn đề nào, chúng ta đã suy nghĩ rồi để đó, ôm ấp đó không thiết hành, thì cái suy nghĩ ấy, chỉ tổn hao tâm trí mà không thành tựu chi cả thì phải nghĩ ngợi làm gì? Cũng như trên con đường đạo của chúng ta đã nhận thấy kỹ lưỡng rồi, Đức Thầy là bậc siêu phàm ra đời cứu thế, mở mỗi đạo đúng theo chánh giáo của Phật Thích Ca, nên chúng ta qui y và thiết hành theo những lời của Ngài đã dạy, hay lời Ngài viết ra trong Sám Giảng. Chớ không phải thấy người tu rồi bắt chước tu theo, thấy người cúng bái rồi bắt chước cúng bái mà lòng chẳng ưng thật hành một điều nào trong đạo. Như thế là tu bắt chước, tu giả dối, tu miễn cưỡng làm cho kẻ khác chê chán, chớ đâu thành ông gì.

Vì lẽ đó mà tất cả việc làm chánh đáng của chúng ta, trong lúc đương sấn lướt tới, nếu gặp gai góc đá gành trở ngại vẫn cương quyết một cách mạnh mẽ xông lướt qua các trở ngại đó; dù phải bỏ mấy lần sanh mạng cũng đi tới không hề lùi bước.

Như thế con đường tiến đạo của mình kiếp này không được giải thoát cũng kiếp tới, chớ không phải kéo dài để vật lộn với đời huyễn mộng mãi.

Bất tất việc chi nếu chúng ta muốn làm đều được có lòng cương quyết tất cả, thì nhứt định trên cõi đời này không

việc gì khó, dù việc đó trong trường đời hay trong cửa đạo. Ví dụ: như chúng ta thấy các cơ sở, các chức vụ trên thế giới này, hễ chính tay người làm ra được, thì mình cũng có thể làm được, vì người kia cũng đủ mắt, mũi, tay, chơn như chúng ta, chỉ nhờ lòng cương quyết mà họ làm được. Nói rõ là người nghèo khổ mà có lòng cương quyết lo làm ăn cũng trở nên giàu có; người dĩ điểm bóc lột mà cố gắng đoạn tuyệt lòng nham hiểm bước vào đường đạo đức thì đời sống họ chắc chắn sẽ trở thành người tốt lành, đạo quả có ngày thành công được.

Thuở xưa có ông Ngu Công tuổi đã ngoài thất tuần, từ nhà ông đến bến nước có hai hòn núi trở ngăn, ông cương quyết đục bỏ. Có người lại hỏi ông: ông đã già rồi mà đục sao nổi hai núi này? Ông trả lời: tôi già thì còn con tôi, cháu tôi, thế nào cũng đục nổi. Thật vậy, nhờ lòng cương quyết mà ông đục bằng được hai hòn núi cao ngàn nhần. Với hai hòn núi như vậy, chỉ một ông già cương quyết còn ban được; thì với việc khác nếu chúng ta cương quyết chắc cũng làm được.

Cương quyết có hai cách: cương quyết việc đời và cương quyết việc đạo.

1 – Cương quyết việc đời:

a) – Lễ thứ nhứt của lòng cương quyết việc đời là ỷ định gì của mình cũng có thể đem ra thật hành được cả, không để chôn giữ nó chết ở trong đầu mà không làm được việc gì.

b) – Lễ thứ hai của lòng cương quyết việc đời là mình có thể vượt qua tất cả những gì ngăn trở trên con đường tiến hóa của mình; với sự vượt qua các chướng ngại này, bằng cách lòng mình lì lợm dẻo dai toàn thắng được chướng ngại để đem lại kết quả theo lòng của mình muốn.

c) – Lễ thứ ba của lòng cương quyết việc đời là việc làm của mình đem lại thành công dễ dàng mau lẹ, nếu đó là việc thông thường; còn việc bất thường quá hơn sức mình năm, bảy phần và chính mình chưa làm đến, chưa hiểu đến mà bây giờ mình cương quyết làm thì cũng được thành công, nhưng phải chậm một chút.

d) – Lễ thứ tư của lòng cương quyết việc đời là có thể thắng được tất cả những trạng huống nguy hiểm, nghĩa là trước sự gai nhọn mình sẽ lướt qua một cách anh dũng kỳ đặc, khiến người khác khiếp phục qui thuận theo mình để làm những việc lợi ích. Và nhờ cương quyết như thế mà lời mình khuyến hóa người xung quanh được họ tin tưởng mạnh mẽ thêm và họ luôn luôn tín phục thật hành.

g) – Lễ thứ năm của lòng cương quyết việc đời là sẽ khiến cho những người quen thân, bạn tác hay kẻ được sự chỉ huy của mình họ nhận thấy tất cả công việc làm của mình đều có cương quyết một cách rõ rệt không lung chùng úp mở, nên họ không bao giờ khinh chán mình là hèn nhát, họ vẫn vui vẻ cộng sự. Và nhờ đó họ mới noi theo chí cương quyết của mình, dầu gặp trở ngại gì họ cũng không uể oải rụt rè.

2. –Cương quyết việc đạo:

a) – Lẽ thứ nhất của lòng cương quyết việc đạo là trong lúc hành đạo tâm trí chúng ta không hề ngờ vực, không hề lưỡng ứn mà vẫn cương quyết theo hướng phía lành, xa phía dữ, thực hiện việc đạo đức rõ ràng đứng đắn để nêu cao con người có đạo gương mẫu.

b) – Lẽ thứ hai của lòng cương quyết việc đạo là tự cố gắng chừa bỏ tất cả lòng ham muốn xằng bậy nơi mình, không để nhục lòng Thầy, bạn răn đe lắmlời. Trong việc trừ bỏ các thói xấu nơi mình một cách quả quyết nhanh chóng; nghĩa là giờ trước hứa thì giờ sau thi hành, không chần chờ, khi đứt khi nổi để rách rồi mới vá lại làm cho tâm trí xáo não bất đứnh.

c) – Lẽ thứ ba của lòng cương quyết việc đạo là đối với tất cả vấn đề lợi ích cho nhơn sanh mình đều làm đến, không hề bỏ qua việc nào, nhứt là việc ấy rất thuận tiện.

d) – Lẽ thứ tư của lòng cương quyết việc đạo là mình vẫn tự tin rằng với sự cương quyết của mình nó sẽ đưa mình đến cảnh giới siêu mầu của chư Phật để toại hưởng cảnh giải thoát.

Ngoài các vấn đề đã kể qua, đối với mọi vấn đề khác, khi chúng ta suy xét kỹ lưỡng, thấy nó có ích lợi cho đời sống của mình hay của kẻ khác về mặt đạo lý hoặc việc sanh cư thì cương quyết thực hiện cho đứợc, ví dụ: khi thấy người không nước uống, thì mình cương quyết đào cho đứợc giếng để có nước cho người trong xóm uống: dân chúng trong

vùng đó kém về mặt văn hóa mình hãy mở trường học làm cho người dốt nát trở nên biết chữ, nghĩa là thấy điều nào có lợi ích cho dân chúng thì chúng ta cương quyết thật hành cho kết quả.

Tóm lại, với lòng cương quyết có lợi ích không ngần, dù phải tả bao nhiêu giấy hay nói bao nhiêu giờ cũng không hết được. Bất luận vấn đề nào, hễ lòng mình cương quyết làm thì cứ làm, ngày này không được, ngày khác cũng được. Lòng cương quyết nó có lợi ích thật, nhưng phải dùng hợp chỗ, bằng dùng trái chỗ sẽ có hại to tác, ví dụ: anh ăn trộm thấy nhà người hư hỏng anh cương quyết vào lấy cho được đồ của người, thì cái cương quyết đó là có hại cho lương dân; hoặc giữa anh Mít với anh Ôi rủ đụng chạm nhau, đôi đảng cương quyết ấu đả cho lợi gan thì làm sao khỏi mất sự hòa hảo giữa hai bên, như thế, là cương quyết họa hại. Trái lại gặp người túng bản thì mình đem tiền bạc giúp cho, thấy người dốt nát đem lời lành khuyên bảo, đó là cương quyết lợi ích. Nói rõ hơn là mỗi việc làm nào chúng ta hãy suy nghĩ kỹ lưỡng hễ có lợi ích công cộng thì cứ cương quyết thật hành ngay, việc làm nào có tai hại thì cương quyết bỏ ngay, được như vậy, mỗi việc làm nào của chúng ta mới thoát khỏi tổn thương cho nhiều người.

ÔN HÒA

Như đã nói ở bài trước, các việc làm của chúng ta đều có cương quyết cả thì sớm muộn gì cũng được kết quả. Nhưng tùy theo trường hợp mà cương quyết ở ý chí, ở hành động của mình cho thích hợp chứ không phải đem đặc tánh cương quyết bày trên dáng mặt hay ở lời nói cho người sợ hoặc để người khen mình mà gọi là có cương quyết đâu. Muốn cho lòng cương quyết được đến một địa hạt dung hòa hơn và có những điều tốt đẹp hơn chúng ta cần phải kèm thêm đức tánh ôn hòa. Đức tánh ôn hòa là một tiêu ban hòa giải tất cả việc làm gay gắt, và nó sẽ làm cho mọi việc được dung hòa nhau, trừ khi trường hợp không còn dung hòa được nữa nó sẽ đưa lại cho lòng cương quyết định đoạt việc ấy.

*“Giá mướn phải thường thường dễ thờ,
Xử ôn hòa niềm nở yêu nhau”.*

Đoạn văn này, Đức Thầy khuyên người chủ mướn kẻ làm công hãy mướn với giá cả phải được khá hơn để cho người làm thuê được đủ sống. Và người chủ đối xử với kẻ làm công phải được ôn hòa và yêu mến họ, giúp đỡ họ trong công việc làm.

Ôn hòa là tánh của mình không vội vàng nóng nảy, không câu nệ quá khích mà là với công việc gì cũng đều phải lấy lẽ hòa nhã và tuân tự giải quyết cho êm thấm có thể tránh tất cả việc hấp tấp có thể gây ra tai hại.

Có lẽ hầu hết chúng ta thường thấy trong thôn mình có nhiều khi giữa anh A với anh B trong cuộc gặp gỡ đàm luận lúc đầu rất vui vẻ thân mật, sau đó có cuộc giận dữ gất giọng lên; hoặc giữa anh Xoài với anh Ổi lúc đầu có sự làm giận sơ sài, sau lại kẻ thì quynh tay người lại quynh chơn thoi đá, mắng chửi lẫn nhau thậm tệ, giai do thiếu ôn hòa nhẫn nhịn nhau mà ra cả.

Thiếu ôn hòa, nên trong khi đàm luận có những lời qua lại đụng chạm nhau mà không nhẫn nhịn được, không dung hòa được, vì thế mới xảy ra cuộc gây ó nặng lời nhau, khiến từ chỗ chích mích nhỏ mọn không xóa bỏ được, không lấy lẽ ôn hòa để giải quyết được, đôi đảng đều muốn có lợi gan mình và muốn được cao gác hơn cho ra vẻ anh hùng mà thành có cuộc chửi bới hoặc dẫn đến cuộc ẩu đả lưu huyết đôi bên.

Bởi con người vì thiếu ôn hòa, thường xảy ra những tai hại. Với kẻ đã am hiểu nhơn tình thế thái, được rõ lòng người rất giàu tự ái tự tôn nên đối với họ lúc nào cũng trước lấy sự ôn hòa, nhứt là những người được biết đạo lý rõ việc tội phước thì không khi nào quên tánh ôn hòa được; nhờ tánh ôn hòa để dung hợp tất cả kẻ thân người sơ, khiến cho giữa hạng ân oán đều được trở lại niềm hòa ái cả.

Vả lại ôn hòa, nếu mỗi người đều có, thì trong câu chuyện đàm luận không một ai có khí sắc giận dữ, tranh luận nặng nhẹ và trong việc làm đều được dung hợp quyền lợi

giữa người này với người khác không chinh lịch, không đến đổi gây thù về cách xử sự.

Mặc dù trong việc xử thế lúc nào chúng ta cũng lấy tánh ôn hòa để đối xử với mọi người, song trong cái ôn hòa vẫn có sự cương quyết theo ý định của mình, ví dụ: như ý định của ta muốn làm việc chánh đáng cho khắp vùng này đến vùng khác, trong lúc đó mình lấy hết lý lẽ êm dịu, hòa ái để giải thích cho mọi người ganh tị và bài bác lý thuyết của mình được hiểu, nếu họ vẫn còn bảo thủ, câu chấp ý định của họ chống báng mình, chừng ấy mình sẽ cương quyết thi hành theo ý định chơn chánh của mình, không vì sự cản đoán của họ mà bỏ công việc làm lợi ích của mình.

Có điều cần phải có ôn hòa là về việc thu xử trong gia đình và trị lý trong xã hội, quốc gia. Trong gia đình không ngày này cũng ngày khác phải có sự bất bình giữa cha mẹ, anh em, vợ con, trong lúc đó nếu mình không dùng lời lẽ ôn hòa hay việc làm từ nhượng để điều giải thì hẳn không tránh khỏi sự chích móc giữa người này với người nọ, khiến cho không khí trong gia đình trở thành nặng nề khó thở. Nhứt là người làm cha mẹ phải làm gương mẫu cho con cái, bằng cách đặt đức tánh ôn hòa trước mọi việc, như thế mới có thể điều chỉnh được giữa người trong nhà.

Sự lợi lạc tánh ôn hòa đại khái như sau:

1 – Lễ thứ nhứt của tánh ôn hòa là lời lẽ của mình nói ra đều được nhã nhặn êm ái, khiến cho người gần đến kẻ xa,

người ân đến kẻ oán đều có thể sanh lòng luyến ái đến mình cả.

2 – Lễ thứ hai của tánh ôn hòa là mình có sắc mặt vui vẻ tươi cười mỗi ngày, khiến cho người xung quanh, dù có giận hờn buồn thảm cách mấy, họ trông vào gương mặt của mình mà họ nguôi dần được. Nhờ sắc vui tươi ấy, khiến cho gia đình được đầm ấm, chùng như đời sống của toàn cả mọi người đang đứng trong không khí nhẹ nhàng mát mẻ khỏi bức rứt khó chịu.

3 – Lễ thứ ba của tánh ôn hòa là thắng hoặc gặp cuộc cãi giữa người này với người khác mình dùng lời nhã nhặn, đáng vẻ vui tươi để giải hòa cho đôi đảng rõ lợi hại mà ngưng cuộc gây ó trở lại tha thứ và thân mật giữa nhau được.

4 – Lễ thứ tư của tánh ôn hòa là với công việc làm hoặc lời nói của mình thường ngày hẳn không hề bị sự quá gấp rút, quá chần chờ, vẫn điều động các việc vừa vặn: cái nào làm trước, cái nào làm sau, mọi công việc cứ điều hòa đến lúc thành công.

5 – Lễ thứ năm của tánh ôn hòa là sẽ giữ còn được niềm thương mến và câu chuyện dịu dàng giữa cha mẹ, chồng vợ và anh em.

6 – Lễ thứ sáu của tánh ôn hòa là sẽ giúp cho mình đối với những người trong làng xóm, nghĩa là trong vùng cư trú của mình tránh khỏi sự méch lòng vì việc gà, heo, ranh rấp, ruộng nương, ao hồ, vườn tược; và không sự đụng chạm

gây ó từ việc lớn đến việc nhỏ, nhứt là không xảy ra việc giữa người nọ với người kia vác môm chửi nhau, nói lời thô lỗ.

7 – Lễ thứ bảy của tánh ôn hòa là sẽ giúp cho mỗi người gây lấy tình nồng nàn thân thiết giữa bạn tác, dù việc lợi lớn hay nhỏ đều có sự chia sót cho nhau, gặp lúc hữu sự thì kê vai gánh đỡ, đến câu chuyện thường ngày cũng đều trao đổi cho nhau cùng một hiểu biết, khiến cho giữa nhau càng ngày càng thêm rộng kiến thức và lòng tin cậy được chặt chẽ.

8 – Lễ thứ tám của tánh ôn hòa là sẽ giúp cho người được xứng đáng kẻ thắm nhuần đạo đức, có sự dạy dỗ của cha mẹ, của nhà trường, nghĩa là chỉ tỏ ra con người được có sự uốn nắn của kẻ bề trên.

Ngoài ra, trường hợp giữa chúng ta cùng người khác hợp lại bàn việc chi, trong lúc đó chúng ta luôn luôn biểu lộ trên khuôn mặt những nét vui tươi, từ câu chuyện nói năng với người vẫn được khiêm từ nhẫn nhịn, nghĩa là mình có đủ đức tánh ôn hòa, có đủ tư chất khoan lượng khiến cho người cùng mình tiến sát câu chuyện đang nói. Lỡ khi người ấy có nói sai, luận trật chúng ta cũng đừng vội lời gay gắt đối chọi lại, hoặc người có vẻ cười không chánh đáng, dáng ngồi đứng thiếu khiêm nhượng, chúng ta cũng đừng lấy đó làm bất bình, tỏ lời phiến hà khiến người nhột nhạt đối kháng lại hay bỏ ra ngoài một cách bẽn lẽn. Lúc đó có phương pháp hay ho hơn hết là chúng ta vẫn giữ cử chỉ tự nhiên để tùy

phương tiện, tùy trường hợp mà giải quyết cách êm thấm. Như thế chúng ta sẽ thấy rằng người kia, khi họ nhớ lại cứ chỉ sơ suất và câu chuyện thô lỗ của họ đã nói lúc nãy, mà chúng ta không chấp nê, họ tự hổ và ăn năn trở lại bất thiệp và khiêm tốn như mình vậy.

Đức tánh ôn hòa là việc làm rất khó đáo để, khó cùng tận, phải người có kinh nghiệm nhiều đã lịch thiệp lắm, thường từng trải việc đời, biết được lòng tự ái của người rất khó đề nén, khó tiêu diệt mới cố gắng dung hòa cho tánh người này với người khác trở nên êm nhã với nhau được.

Như trường hợp của Đức Phật Thích Ca khi thành đạo có kẻ ngoại đạo đến trước mặt dùng lời nhiếc mắng Phật. Phật vẫn làm thinh. Sau Phật nói rằng: “Người kia ! Ví dụ: Người đưa món đồ cho Phật mà Phật không lấy thì món đồ đó còn ở tay ai?” Người kia trả lời rằng: “Đồ ấy còn tay tôi”. Phật nói: “Như thế thì lời mắng nhiếc của người khi nãy Phật không lãnh thì nó còn ở nơi người”. Khiến kẻ ngoại đạo bẽn lễn trốn mất.

Với câu chuyện rất ôn hòa và đức lượng từ bi của Đức Phật rất rộng lớn, trong lúc kẻ ngoại đạo hiểu lầm mắng Phật mà Phật chỉ đem câu chuyện khéo léo nói lại, khiến cho người kia phải hổ thẹn ăn năn.

Tóm tắt mục ôn hòa này bảo chúng ta lúc nào cũng cần lấy lời lẽ dịu ngọt, êm ái để đối đáp với mọi người và trong câu chuyện nào cũng từ từ phán đoán cho được ổn thỏa. Đức tánh ôn hòa có năng lực điều giải tánh tình người

này với người khác rất hiệu quả: nó như nước hòa vôi cát thành hồ xây viên gạch này dính viên gạch khác thành cột, thành tường cất lên được ngôi nhà; nó giúp chúng ta có tư cách đứng đắn trong nền đạo đức, có sự huấn luyện của các đấng phụ huynh và của nhà minh triết. Nếu chúng ta đều có tánh ôn hòa cả, thì giữa kẻ quen thuộc với người xa lạ sẽ đem lại tình hòa ái chặt chẽ không có sự tranh đua gấu ó với nhau một cách đê tiện.

NHẪN NHỤC

Chúng ta là môn nhơn của Đức Thầy, hơn nữa chúng ta là kẻ tu hành giữa đời loạn lạc thường hay đụng chạm nhiều việc khó khăn, nhứt là phải đương đầu với bao nhiêu lời cay tiếng đắng của kẻ khác, nếu chúng ta theo thường tánh gậy ó lại, chống chỏi lại thì lòng chúng ta ngày nầy đến ngày khác cứ chác lấy sự buồn tủi không khi nào dứt để tu tỉnh được. Còn như muốn lướt qua chỗ ấy cần phải có cách nào? Có cách nhẫn nhục.

Tánh nhẫn nhục mềm mại như nước, có sức chiều uốn các hình thể: gặp vuông chiều theo vuông, gặp tròn chiều theo tròn, những chỗ rộng nó truông qua mau, chỗ đặc nó làm thấm ướt dần dần, chớ không một vật nào mà nó không thấm không xoi qua được.

Lòng nhẫn nhục sẽ lướt qua tất cả chướng ngại; và chính nó giúp cho con người tu tiến đến chỗ thành tựu.

“Phải nhẫn nhục chờ người cố tích,

Phật với Trời phân định cho ta”.

Đức Thầy bảo chúng ta hãy nhẫn nhục để chờ đợi người xưa trở lại và hãy đợi sự phân định của Trời Phật. Nếu trong sự tu hành của chúng ta được công cao, quả dày, phước nhiều, đức lớn, dù ai xô không ngã, ai phá không xiêu, vẫn trơ cứng vững vàng đến ngày kết cuộc, tùy theo công hạnh của mình mà Trời Phật ban cho quả phẩm xứng

đáng. Nhược bằng trong lúc tu hành gặp việc khó khăn, chúng ta không nhẫn nhục được để sa ngã theo lòng tham lam, nóng giận thì bao nhiêu công phu đều tan nát hết cả, đó cũng như đốn củi ba năm chỉ thiêu một giờ.

Tại sao trong lúc chúng ta tu hành lại gặp sự khó khăn? Bởi người đời nay tiến mạnh về vật chất nhiều hơn về tinh thần đạo đức, số người theo đời nhiều hơn theo đạo, xây bên này đụng người khuấy rối, xây bên kia bị kẻ khác chọc giận, trước mặt sau lưng đều có người cuốn lôi cám dỗ cả, người tu đứng giữa nếu không vững tinh thần và tự chủ lấy thân thì không khỏi sa ngã. Vì thế mà tánh nhẫn nhục sẽ giúp cho người trong lúc tu hành rất có hiệu năng.

Nhẫn nhục có nghĩa phải chịu hèn, chịu kém hơn người và phải chịu thua thiếu hơn người, để người tránh qua bên đường cho mình đi tới, hoặc họ bót rầy ó khắc khổ cho mình được yên tĩnh trong lúc tu niệm. Nói rõ là mình dám chịu lúc khó khăn, nén lòng khi thử thách của đời, để giữ còn tâm đức và đạo hạnh của mình cho đi tới chỗ tới nơi.

Lòng nhẫn nhục của người trượng phu quân tử mới trông qua nó mềm dường như nước mà nhìn kỹ thì nó cứng không thua sắt đá, họ chiều những việc khó chiều để giữ còn giá trị và làm xong ý nguyện cao cả của họ.

Trong lúc nhẫn nhục mình đã suy lường cân nhắc rất kỹ lưỡng rồi, mình đã dò xét sự lợi hại, sự nhục vinh, rõ hiểu từ lý từ tí của việc ấy như thế nào rồi, thấy rằng mình cương mạnh lên sẽ thất bại, còn chịu nén mềm xuống ắt thành

công, nên phải nén lòng xuống nghĩa là chịu nhẫn nhục để cho nên việc.

Nhớ lại trường hợp của Khổng Minh gởi chẵn yếm cho Tư Mã Ý, có ý thị Tư Mã Ý như đàn bà, những là con người rất yếu ớt, khiến Tư Mã Ý nóng lòng ra thành để ông chặn đánh, vì ông lập kế vây thành lâu ngày mà không thấy Tư Mã Ý ra đánh. Tư Mã Ý thấy mình ra thành sẽ thất bại nên ông thà chịu nhục, không ra thành. Việc của mình cân lường so sánh thấy nhẫn nhục được thì lợi, còn cương lên sẽ bị hại nên phải nhẫn là như vậy đó.

Còn các Ngài Đại sĩ và các bậc Cổ đức cũng nhờ sự nhẫn nhục mà mau chứng quả Bồ đề. Xưa có vị Tiên tu hành bị Ca Lợi vương cắt tay, theo mũi mà lòng không oán giận cũng là do tu pháp nhẫn nhục. Vì lẽ đó toàn cả chúng ta là kẻ học Phật lúc nào cũng cần có tánh nhẫn nhục.

Nhẫn nhục với ta và với người khác nữa.

Nhẫn với ta:

1- Lễ thứ nhất của tánh nhẫn nhục với ta là ngay từ miếng ăn uống, thức may mặc, đến chỗ ở của mình cũng đơn giản tiết kiệm, không bì theo người ăn chơi phung phí để khỏi làm cảnh rách lạnh đói khát sanh nghề bất lương gây ra nhiều điều tội lỗi.

2 - Lễ thứ hai của tánh nhẫn nhục với ta là lời của mình nói ra, phải rán nhẫn những lời độc ác, chừa lời dối trá, nói với người trong nhà hay ngoài đường cũng lấy sự thật và

nói những lời hiền lành, hầu tránh cho đời mình khỏi ác lương thiệt, ý ngôn, ác khẩu, vọng ngữ và khiến cho những người khác vui vẻ tiếp nạp câu chuyện của mình nói với họ sẵn sàng hoan nghinh tin tưởng những lời lẽ của mình bàn xét với họ, như là họ không hề chán ghét điệu giọng của mình.

3 – Lễ thứ ba của tánh nhẫn nhục với ta là nhẫn đến cái thấy hằng ngày của mình, đừng để mắt thấy sắc tà hay trông vào tướng quấy, phải luôn luôn gìn sự thấy tỏ tường ngay thẳng đáng người có hạnh kiem. Cũng như trường hợp của ông Quảng Ninh, trong lúc ông nghèo, đi cày đất trồng tía, gặp cục vàng văng lên ông không ngó tới, vì ông cho đó là của vô có. Còn một trường hợp nữa là con gái của Ma Vương để lỏa thể đến trước mặt Phật, mà Phật chẳng hề vọng tâm. Với cái thấy phải được chính đáng như vậy là nhẫn con mắt.

4 – Lễ thứ tư của tánh nhẫn nhục với ta là nhẫn ở chỗ nghe: không móng nghe đến lời dâm loạn hay câu thô tục, giữ cho sự nghe của mình được tốt lành được ngay thẳng, ví dụ: người kia đọc quyển tiểu thuyết trong đó đầy lời lẽ lôi trây trúa để kích thích dục tình của mình; hoặc họ dùng câu chuyện Lương sơn bạc đủ mách khéo cướp giựt của người hoặc họ đem việc gian thần của Tạ Thị mưu mẹo soán ngôi vua hoặc họ đem lời tồi bại của người loạn luân mà xúi giục mình, với những lời trái nhân đạo ấy, mình nên bít tai và lánh đi, nếu trường hợp mình không thể lánh đi được thì tuy

ngồi đó nhưng không nghe theo việc ấy. Đó là nhẫn về sự nghe.

5 – Lễ thứ năm của tánh nhẫn nhục với ta là ngoài tánh nhẫn: khi nói, nghe, thấy còn phải nhẫn luôn cái ý của mình, khéo đề nén nó, trấn dẹp nó đừng cho vọng khởi những điều ác, mơ mộng việc quấy, nói rõ hơn là đừng để nó vọng khởi lòng tham khi thấy của người, hay vọng khởi lòng ưa thích khi thấy sắc đẹp hoặc vọng nhiễm khi nghe tiếng dâm và không khởi lòng oán giận khi người khác chê đề húng hiếp riêng mình, nghĩa là mình phải nhẫn tất cả thói xấu xa để đổi lại lòng tốt đẹp.

6 – Lễ thứ sáu của tánh nhẫn nhục với ta là trên con đường tiến hóa của mình, dĩ nhiên phải gặp lắm gai chông nguy hiểm; kẻ chê người ghét, kẻ bòn ra người thọt vào đủ cách, mình không vì đó mà núng nao sa ngã, cứ vẫn một mực tiến tới, chừng nào công đức được cao, quả phẩm được dày mới thôi.

Đó là trường hợp nhẫn với ta.

Nhẫn với người:

1– Lễ thứ nhất của tánh nhẫn với người là khi mình cô thế gặp phải kẻ khác ỷ mạnh, ỷ đông húng hiếp, trong lúc mình chưa có phương hay, hoặc chưa đủ điều kiện thắng phục họ, nghĩa là mình chưa có sức mạnh, chưa có phương tiện nào tốt đẹp hay hơn thì phải nhịn họ để tránh khỏi trường hợp châu chấu chống xe.

2 – Lễ thứ hai của tánh nhẫn với người là khi người dùng lời lỗ mắng, thô tục với mình, mình không nên lấy lời nặng nề đáp lại, cũng không dùng lời nói xuyên tạc quèo móc để trả đũa mà phải luôn luôn lấy lời lẽ ôn hòa tao nhã giải bày cho họ được hiểu hầu khiến cho họ từ chỗ dùng lời nặng nề với mình đổi lại dịu giọng êm ái và hiền lành hơn. Được thế mới tránh câu chuyện gây ó giữa mình cùng người trong khi luận bàn qua lại.

3- Lễ thứ ba của tánh nhẫn với người là khi thấy người tham lấy món gì hay ăn chẹt vật chi của mình, mình thấy đó là vật nhỏ mọn không đáng kể, nhứt là của cá nhân mình thì hãy tỏ ra vui vẻ như thường, chỉ dùng lời lẽ dịu ngọt đừng nói gay gắt với họ và đừng về nghi ngờ họ, song phải nói cách nào khéo léo để đánh tan lòng tham nhỏ mọn ấy đi. Được như thế thấy rằng giữa mình cùng người kia không mất lòng thân ái còn khiến họ bỏ tánh tham lam đổi lại lòng bố thí ngay thẳng.

4 – Lễ thứ tư của tánh nhẫn với người là khi người khác quyền rủ mình làm việc không hợp pháp, không chánh đáng, trái qui luật đạo, không hợp luân thường thì mình hãy tìm cách chối từ, không nên làm theo những điều phi pháp, ví dụ: mình không ăn thịt bò, gặp bạn rủ dùng thịt bò thì nên từ chối không nên tưng ý bạn phải phạm giới, Đức Phật nói “thà mổ bụng đi, chớ không ăn vật không chánh đáng hay phi thời. Có được vậy, mới tránh sự rủ ren của kẻ bất chánh để giữ còn tánh trong sạch của mình”.

Ngoài những điều nhẫn đã kể qua, với các việc khác chúng ta cứ tùy tiện, nếu việc nào nhẫn được có ích cho mình hay cho người khác thì cứ nhẫn, hay việc nào cương mà có lợi lành thì vẫn cương lên. Cứ tùy trường hợp lợi hại hoặc cương đi tới, thực hiện lòng nguyện ước của mình trước kia, chớ không bỏ trôi.

Tóm tắt mục nhẫn nhục này, dạy ta về tâm tánh thì hãy nhẫn tất cả những điều hung hăng bạo tợn, đổi lại hiền lành; về lời nói thì nhẫn lời thô tục, đối trá đổi lại lời chơn thật tốt lành; về ý nghĩ thì nhẫn tất cả những ý nghĩ xằng xiên độc ác đổi lại ý nghĩ ngay ngắn từ thiện. Như thế là ý nghĩa của lòng nhẫn nhục.

HỔ THEN

Trong lúc người khác tiến bộ hơn chúng ta, chúng ta phải tự biết hổ then. Cũng như người khác dùng sức mạnh đàn áp, vì muốn tránh nghiệp bất lành hay vì chưa đủ sức chống chọi lại, chúng ta đành nhẫn nhịn, song trong lòng lầy làm mắc cỡ. Tại sao người được tiến bộ hơn chúng ta, chúng ta tự thấy hổ then? Bởi lẽ người kia cũng mình vóc tóc da, cũng cơm ăn, áo mặc như mình, tại sao họ được tiến hóa, được mở mang, có những việc làm ngay ngắn phúc lợi cho đời, còn mình lại lười bước, chưa làm được những gì xứng đáng, vì thế mà chúng ta phải hổ then?

Có những xét nghĩ nơi lòng như vậy, rồi tự biết hổ then thì trên đường đạo đức hay việc làm ở thế gian sẽ đem lại cho mình những kết quả đúng theo lòng tốt của mình đã muốn. Nhược bằng thấy người tiến hơn mà không biết hổ, kẻ húng hiếp mà không biết tui, con người sống như búp bê, có xác không hồn, sống như cái máy cho người khác xài, thì kiếp sống ấy vô ích cho đời và uổng công sanh thành của cha mẹ. Tại sao thế? Vì là nếu con người không biết hổ then lúc người tiến hơn mình, hay chẳng buồn khi kẻ hiếp mình, thì không khi nào danh giá mình được nổi bật lên trong đám quần chúng và cũng không làm việc gì tốt đẹp cho cha mẹ, lợi ích cho nhơn sanh, nhất là không được đề tên trong kỳ công lịch sử.

Nhắc lại một lần nữa, việc hổ then không những dùng trong trường đời mà còn dùng trong trường đạo nữa: ngay

các vị Bồ tát còn hổ thẹn. Các Ngài hổ thẹn khi nhớ lại các vị Phật trước kia cũng như chúng sanh, song các Ngài sớm cắt ái, ly gia lo việc tu hành mà được chứng quả; còn mình lại mãi vẫn vương tục lụy, đeo đấm lợi danh, chôn xác vô số trong cõi u đồ. Như thế có phải là điều nhục nhã chẳng? Các Ngài còn có điều thẹn hơn nữa là thấy con người đẹp đẽ như thế này, mà không một ai chẳng từ trong chỗ ô uế sanh ra, các Ngài còn nghiên cứu để tìm hiểu tại đâu con người có sanh? Khi chết rồi về đâu? Khi các Ngài hiểu được con người do tâm tạo mà sanh ra và khi chết do nghiệp tạo mà đi đâu thai ở thế giới vui hoặc khổ, bây giờ muốn cho không sanh không diệt nữa các Ngài xem lại bản tâm, vạch lối giải thoát, tiến mạnh vào việc đạo đức, quyết lên thuyền Bát nhã qua bờ giác ngộ, dứt rồi biển sanh tử luân hồi.

“Đưa hai lòng sao chẳng hổ người,

Đáng thùa thẹn với cây cùng cỏ”.

Đoạn này Đức Thầy trách thiện kẻ hai lòng: thấy cơm nói theo cơm, thấy cá nói theo cá, đến người nọ chống lại người kia, đến người kia chống lại người nọ; đối với đất nước họ không làm điều nào xứng đáng, đối với đạo lý họ không hướng dẫn một ai; ngược lên Trời họ không thẹn mình đã hưởng yển sáng, gội giọt sương mỗi ngày đưa lại; dòm xuống đất họ không thẹn mình từng nhờ cây cỏ lá rau cung cấp; ngó lại người, họ không hổ mình chịu ơn rất nặng mà mình chưa làm được công ích gì đáng kể, họ là hạng người buôn dân bán nước, là kẻ sâu mọt của đồng bào, họ chỉ ngồi không thủ lợi, tiên chiếm địa vị giàu sang sung

sống không hề biết hổ thẹn việc quấy của mình, nên mới bày những trò xấu xa thế ấy.

Hổ thẹn là mỗi khi nơi mình có làm điều gì tội lỗi sai quấy thì mình tự thấy xấu xa thẹn thùa, dòm đến người lấy làm gương, xét lại mình lấy làm hổ. Gương và hổ như thế nào? Gương ở chỗ mình rất dối trá với người và không làm việc gì được bằng người, mặc dù việc mình làm người kia không biết song mình tự xét lấy mà hổ thẹn.

Người quân tử lúc nào họ cũng biết hổ thẹn họ coi việc hổ thẹn là việc lớn của đời họ. Và chính vì biết hổ thẹn mà họ gây được lòng kính mến của kẻ xung quanh, giữ còn giá trị và làm cho tên tuổi của họ nổi bật lên trong đám dân chúng.

Với kẻ có những chí hướng to lớn: cứu nước cứu dân hay muốn lợi sanh hoằng pháp mà được thêm lòng biết hổ thẹn thì chẳng khác nào mình đi thuyền được gặp nước trôi thuận, gió thổi xuôi chiều, sẽ giúp con thuyền mình từ chỗ này đến chỗ kia một cách mau lẹ. Sự lợi ích của nó như thế đó, nên người trong trường học Phật, cũng như kẻ đang đứng trong thế đạo đều phải biết hổ thẹn.

Người ta biết hổ thẹn, khi đọc đến sách sử, thấy những vị anh hùng, các bậc chí sĩ từng tạo được nhiều hạnh phúc cho đời, làm lắm việc lợi ích cho dân tộc, còn chính mình đã hưởng thụ sự giúp đỡ của đời rất nhiều mà chưa tiến hành được việc gì cho đất nước thiệt lấy làm hổ.

Có biết hổ thẹn như vậy, mới làm cho chí hướng của mình nảy nở, trí hóa mở mang; trái lại con người trơ trên: đặng không mừng mát không lo, nước nhà hung vong không nghĩ đến, đạo giáo bị suy đồi cũng không lo chấn chỉnh, phong hóa tồi bại chẳng liệu cách hưng phục lại, cứ như thế thì kiếp sống của mình chỉ choán cho chật đất, chớ ích lợi cho ai.

Và con người mà theo cái đà sống vô ích ấy, thì đời việc các bực anh hùng tiền bối, với các chí sĩ ngày xưa há mình chẳng tự thẹn, chưa làm được một việc nhỏ nào của các Ngài.

Hổ thẹn có sáu khoản:

1- Lẽ thứ nhất, mỗi khi mình trông thấy người kia được có tài, có đức hơn mình rất nhiều thì chính mình tự xét rằng: người kia họ cũng sống trên mặt đất như mình, cũng cha sanh mẹ đẻ như mình, họ được tài đức như thế mà mình chẳng làm được việc gì xứng đáng thì lấy làm hổ thẹn mà cương quyết lên, cố gắng lên để tiến kịp người, hầu nhìn người khỏi phải hổ thẹn nữa.

2- Lẽ thứ hai, mỗi khi lời mình nói ra hay làm ra có ản điều gian dối với kẻ bề trên của mình, hay lừa phỉnh người dưới tay của mình, thì chính mình tự lấy làm hổ: không trọn lòng thành thật thờ kẻ trên, chẳng treo gương mẫu cho kẻ dưới mình cho họ bắt chước giữ sự chơn chánh; trái lại mình nở nhân chỗ không biết của người trên mà bày điều dối gạt; thừa lúc kém thiếu của kẻ dưới mà kiếm

chuyện lừa phỉnh, nếu họ hay được chẳng những họ không phục, trở lại họ còn bắt mò theo đó sẽ tai hại về sau. Huống chi với người trên, mình ở bất hiếu, bất trung, thì không khi nào mình làm được việc lớn trong xã hội, vì còn ai ủng hộ cho mình làm nên việc ấy. Nghĩ như thế cần sửa chữa lòng mình được thành-thật ở mỗi việc đối với bề trên hay cấp dưới mình.

3- Lễ thứ ba, khi tâm trí mình vọng khởi những điều xằng bậy, quay quần những tư tưởng như xấu, mặc dù kẻ khác không hiểu, nhưng chính mình tự hiểu mà hổ thẹn; và cho ý nghĩ đó, mơ mộng đó như khói dầu hôi sẽ làm mờ trí óc của mình, nếu mình không sớm trừ diệt nó thì nó sẽ gây tai hại cho mình hay người khác nữa. Song muốn trừ diệt cái tư tưởng xấu, mình phải trừ diệt nó từ ngày này đến ngày khác, chừng nào thấy lòng như nhiên trong sạch mới thôi.

4 - Lễ thứ tư, mỗi khi việc của mình đã làm hoặc đang làm, thấy nó có đặc tánh ích kỷ đê tiện, chỉ làm lợi cho mình chớ không giúp kẻ khác được một điều nào, thì mình lấy làm hổ thẹn mà chừa bỏ. Nhứt là khi trông vào người khác, thấy họ biết giúp kẻ nghèo đói từ món ăn thức mặc, giúp kẻ bệnh hoạn những thuốc men, cho đến họ còn giúp người cùng quần không nơi cư trú được nhà ở, thì mình lấy làm hổ không bì được họ, mà rán lo đào thải đầu óc như xấu, tánh nết nhỏ mọn của mình đi, để đổi lại lòng rộng rãi biết giúp đỡ mọi người được hưởng mọi sự đầy đủ như mình.

5 – Lễ thứ năm, mỗi khi lời mình nói ra độc ác, dối mị hay có ẩn ý tà tịch trong ấy, khiến cho người khác nghe đến họ bịt tai, lánh mặt, nghĩa là họ lấy làm xấu xa khó chịu câu nói ấy, thì mình biết hổ thẹn chừa bỏ ngay, thà cảm không nên nói lời láo khoét dữ dằn. Được như thế thì lời nói của mình sẽ dịu dàng chơn thật và trong câu chuyện khác cũng được chánh đáng.

6 – Lễ thứ sáu, mỗi việc làm nào của mình thấy có lợi ích, không hại việc đạo đức, nghĩa là một việc đáng làm và cần phải làm, mà lòng mình chần chờ không làm đến, hoặc làm miễn cưỡng không cương quyết. Không cố gắng, theo lẽ việc làm ấy thành công dễ dàng mà mình để nó gãy đổ, thì mình phải biết hổ thẹn. Và tự hỏi tại sao kẻ khác làm được mà mình có phương tiện hơn họ lại không làm được? Liên đó mình hãy đánh bạt cái ý chí nhu nhược ấy đi, để đổi lại lòng quả cảm cho công việc làm sẽ tới được viên mãn.

Ngoài các điều đã kể qua, với những việc làm khác như: lời nói, xử sự hay niệm tưởng mình cũng luôn luôn biết hổ thẹn điều quấy phạm, như xấu, lần lượt chùi lau trau sửa lại cho đến khi nào được toàn thiện toàn mỹ. Nhờ ở lòng biết hổ thẹn mà các điều xấu xa nơi mình đã được trừ bỏ, không khi nào trở lại được.

Nhưng chúng ta phải hiểu người biết hổ thẹn được lợi ích bao nhiêu, thì chúng ta cũng tự đoán biết kẻ không biết hổ thẹn sẽ có tai hại bấy nhiêu; người biết hổ thẹn là kẻ biết

tiên, kẻ không biết hổ thẹn là kẻ thụt lùi và kẻ ấy nằm sát đáy biển tục trần không khi nào họ trôi lên được.

Hơn nữa, về sự hổ thẹn người học đạo cần có, và lòng thường xét ngoài cõi Ta Bà này có bao nhiêu cõi thanh tịnh vô biên mà mình không đến được, cứ vùi thân trong cõi trước, không những một kiếp này mà đã nhiều kiếp trước rồi cứ chuyển chuyển luân luân, lên lên xuống xuống chịu mọi nỗi: sanh, tử, già, bệnh chưa ra khỏi. Bây giờ mình phải xả thân cầu đạo, lánh tục tầm Tiên để đoạn xong cuộc sanh tử mới được.

Tóm tắt mục hổ thẹn này, dạy chúng ta cần phải biết so sánh giữa mình với người khác, nếu thấy người khác lành hơn mình thì mình sửa cho bằng họ; thấy người khác sáng hơn mình thì mình cũng tiến cho kịp họ; hay lời nói người khác dịu dàng hơn mình thì mình cũng sửa theo. Nghĩa là bất tất việc gì mình thấy thua kém hơn người thì mình tự cố gắng làm cho bằng họ. Được như vậy sẽ thấy nơi mình đối với người khác chẳng thua kém họ nhiều.

CẦN MÃN

Được biết hổ thẹn là một điều hay. Song lòng biết hổ thẹn mà chỉ để đó không vung mình bước tới chỗ xa hơn nữa, thì cái hổ thẹn ấy chẳng ích lợi gì cả. Trái lại, sau khi thấy người khác hơn mình, bất luận về phương diện nào thì lòng mình lấy làm hổ thẹn, phải cần mẫn đeo đuổi công việc làm, không được ngày này cũng ngày khác, cho đến khi nào giá trị của mình tương đương, hiểu biết của mình đồng đều với mọi người, thì lòng hổ thẹn ấy mới ích lợi. Vì lẽ đó hôm nay chúng ta tham khảo đến việc cần mẫn.

Cần mẫn có nghĩa là lòng siêng năng mau mắn trong công việc làm. Sau khi mình đã toan tính việc chi, thì phải hết lòng mài miệt làm cho được việc ấy, không sợ mệt mỏi, không sợ khó khăn, cố gắng làm cho được, tức là người biết cần mẫn.

Do tánh quan sát và nhờ lòng biết tìm tòi mà chúng ta biết rõ hạng người biếng nhác do dự: những việc gì cũng trừ trừ lẫn lộn thì cảnh sống của họ càng càng khốn; sanh hoạt phải eo hẹp; cư trú bị ảm thấp: đời họ hẩm hiu, nghĩa là con người của họ cùng quẫn, đến đổi thân danh chẳng ai biết đến, địa vị chẳng gác trên một ai, với kẻ xung quanh chẳng mấy người dám đến lui gần gũi họ, vì sợ họ vay nợ mà chẳng đáp là điều chi ích lợi.

Bởi thế, về mặt kiến thức cũng như phương diện giác ngộ, người ấy không bì được ai, năm này tháng nọ chỉ thấy họ sống trong ống đồng chật hẹp, không nghe thấy được xa.

Do đó trên phương diện cứu vớt quần sanh cũng như về mặt lợi ích cho xứ sở, kẻ ấy chẳng làm được vai trò gì xứng đáng.

Đã thấy tánh lười lã biếng nhác có tai hại to lớn cho đời sống, vì vậy chúng ta lúc nào cũng nghĩ xa đến tương lai, nghĩa là biết đâu ngày mai mình sẽ vấp chơn vào bánh xe của kẻ ấy, nên phải biết siêng sẵn công việc làm và mau lẹ trong chỗ lo nghĩ, để xoay đổi vận mạng, đào tạo kiếp sống của mình được ngang hàng với kiếp sống của người khác.

Nói rõ là, với sự lợi ích của tánh cần mẫn, nó có thể thay đổi được đời sống tối tăm trở lại sáng sủa; thay đổi được vết đen trong lúc sanh bình trở lại sạch sẽ tốt đẹp; nó có thể làm cho người khỏi phải nghèo, khỏi phải ngốc, đến đời đứng xa hơn người rất nhiều.

Chí cần mẫn nó có năng lực biến đổi cho con người như thế này:

1 – Lễ thứ nhất của chí cần mẫn, nếu con người được có chí cần mẫn, dù đương vật lộn trong cảnh nghèo cũng vùng vẫy đến được giàu có, nếu không được cực kỳ phú hộ, cũng chỉ thua kém chút đỉnh.

2 – Lễ thứ hai của chí cần mẫn, sẽ giúp con người từ chỗ thiếu hụt: tay không còn tiền, thân không mặc ấm, trong họ chẳng gạo dư, sẽ dần dần trở lại đủ ăn, đủ mặc, khỏi phải vất vả, cùng khốn như lúc trước.

3 – Lễ thứ ba của chí cần mẫn, nó có năng lực giúp con người từ chỗ làm thuê mướn, làm công nhặt cho người sẽ dần dần trở nên người làm chủ hãng hay chủ một cơ sở.

4 – Lễ thứ tư của chí cần mẫn, nó còn giúp con người từ chỗ chưa biết một chữ, chưa đọc rành một trang, nghĩa là rất dốt, rất kém mà chăm nom đèn sách dần dần tiến sát đến chỗ học rộng, biết xa.

5 – Lễ thứ năm của chí cần mẫn, còn nâng nhắc con người từ địa vị người làm lính hạng chót hay làm quan thấp hơn hết sẽ từ từ bước lên cấp bậc của nhà đại tướng hay của vị thượng quan.

6 – Lễ thứ sáu của chí cần mẫn, sẽ giúp cho người làm xong tất cả việc gì của cấp trên giao-phó, dù việc ấy rất khó khăn, phải cố gắng nhiều, phải hy sinh nhiều cũng đều làm được cả.

7 – Lễ thứ bảy của chí cần mẫn, giúp con người nếu làm bậc đàn anh hay đương kiêm điều khiển một toán người trong đoàn thể nào cũng rất xứng đáng với nghĩa vụ, không khiến cho người khác đứng sau mình chần chờ chểnh mảng công việc làm, bởi mình siêng năng tính toán mau lẹ, người ấy chỉ noi theo không dám làm sai.

8 – Lễ thứ tám của chí cần mẫn, thường giúp người từ chỗ mới học cưa, học bào, học may, học vá, mới tập viết hay mới tập sơn vẽ, nghĩa là tất cả việc gì từ chỗ thô kệch vụng về sẽ tiến đến chỗ tinh tế khéo léo hơn.

Tám khoản kể qua là đối với việc tạo tác trong trường đời, còn bốn khoản sau này thuộc về mặt đạo lý là:

1 – Lễ trước tiên của chí cần mẫn trong cửa đạo, sẽ giúp con người diệt trừ được các điều ác trong lòng của mình, cho đến khi ngòi ác bị úng, cổ rễ ác bị đứt không còn tái phục được.

2 – Kế đó chí cần mẫn trong cửa đạo, sẽ nung đẩy con người được tóm làm hết tất cả những điều lành, lẽ phải, làm việc công, đem lại phúc lợi cho mình hay đem lại sự mở mang huệ mạng cho người khác.

3 – Sau đó chí cần mẫn trong cửa đạo, sẽ giúp con người vẹn tròn bốn điều ân: đối với đất nước hết lòng trung cang; đối với cha mẹ hết lòng hiếu dưỡng; đối với tam bảo hết dạ kính thờ; đối với đồng bào hết lòng hào nghĩa.

4 – Điều chót hết của chí cần mẫn trong cửa đạo, sẽ đưa con người từ ở bờ mê của chúng sanh, sang qua bên giác của chư Phật, lột bỏ hết tất cả ngu si tà kiến đổi lại trí huệ viên minh, không còn ngu xuẩn lạc lảm, không còn chôn xác trong cõi mê này nữa.

Vẫn biết sự lợi ích của chí cần mẫn rất lớn, nó có đặc tánh giúp đỡ con người tiến hóa cho kịp thời gian, tranh thủ từ tác năng; nó có thể chặn đứng mọi khôn nản; nó có thể làm mòn tất cả ngu dốt để đưa mình đến chỗ toại nguyện, nhưng chúng ta không biết dùng chí cần mẫn phải chỗ thì nó sẽ có tai hại rất lớn. Thế nên phải khéo dùng chí cần mẫn

vào việc chánh đáng, đừng dùng nó vào việc tà vạy. Nhược bằng dùng chí cần mẫn vào chỗ tà vạy, như: siêng làm ra tiền bạc thì sẽ làm cho lòng tham lam: muốn đất cho rộng, nhà cho to, có nệm gấm giường ngà, thì thiếp cho nhiều chớ không giúp được ai cả.

Bởi thế mỗi việc nào của chúng ta làm đều phải đo lường kỹ lưỡng, cân nhắc từ tí, từ ly, nếu thấy việc làm ấy thanh cao chơn chánh, đối với đạo lý rất thích hợp, như tâm phù hòa thì chúng ta hãy làm cho được thành công. Nhược bằng chúng ta thấy việc nào bất chánh có tai hại ở ngày mai thì chúng ta cũng dùng chí cần mẫn mà để lộ bỏ nó, đừng để nó xô nhập chúng ta vào chỗ ân hận lỗi lầm sai quấy.

Ngày giờ qua rồi thì mất, không khi nào trở lại được chí cần mẫn của chúng ta phải biết tiết kiệm từ phút từ giờ, chúng ta không nên chôn đầu óc trong việc làm phi nghĩa chỉ tốn hao thì giờ và tâm lực mà chẳng làm ích lợi cho ai.

Nói tóm lại, về chí cần mẫn chỉ bảo chúng ta phải biết mài miệt trong công việc công nghĩa là lệ làng trong lúc tính toán, nghĩa là sau khi tính toán xong sẽ làm nhanh lệ. Sự miệt mài nhanh lệ ấy, chỉ làm lợi ích cho gia đình và xã hội ở tinh thần cũng như sanh hoạt đủ đầy, giúp cho mọi người từ chỗ không đạo trở nên có đạo; từ chỗ ăn mặc thiếu thốn trở lại đầy đủ áo cơm. Chỉ đặt sự cần mẫn này trong chỗ giúp đỡ cho đời, chớ không mong cầu được sự khen ngợi của người.

Có được như thế, thì sự cần mẫn mới có giá trị và chính nó sẽ giúp cho con người làm xong bổn phận của kẻ đã giác ngộ, hay của một công dân có giáo dục.

ĐẠO PHẬT

Gần một tháng qua, chúng ta tham khảo về đạo làm người và những đức tánh tốt để phụ vào phần cư xử của đạo ấy cho được thêm phần thiện mỹ.

Pháp môn của Đức Thầy, gồm có hai pháp: học Phật và tu Nhân. Sở dĩ học Phật mà tu Nhân, vì trong đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ, nghĩa là tu tại nhà, còn lo sanh hoạt cho sự sống trong gia đình và trong xã hội. Chúng ta chưa ly gia cắt ái như các nhà sư hay ni cô, nên về mặt đạo nhân cần phải giữ cho tròn vẹn.

Loại bài vừa qua để xử sự trong đạo nhân; còn bắt đầu từ đây trở lên nói về đạo Phật.

Trong chỗ tu hành, dĩ nhiên chúng ta phải biết vì đâu chúng ta phải tu? Tu đây để làm gì? Và đến nơi nào? Nghĩa là phải hiểu rõ lý do của sự tu, và sự tu ấy, phải nhứt định theo ý nguyện của mình. Cũng như mình muốn đi đâu thì trước phải biết đường đi nước bước: từ đâu đến đâu. Khi đi có mục đích và lúc trở về, về tới chỗ cũ được. Như thế mới khỏi làm lỡ dở công trình.

Bữa nay chúng ta suy luận coi tại sao chúng ta cần phải tu?

“Nhìn Phật Giáo mà tìm cái lý

Coi tại sao ta phải tu hành”

Đức Thầy bảo mỗi người phải nhìn ngay giáo pháp của Phật, để tìm rõ lý do vì đâu Ngài dạy chúng ta tu hành. Trong sự tu hành ấy, vì sự thống khổ của xác chất giả hợp mà tu? Vì danh lợi mà tu? Hay muốn được người đời tôn làm ông Tiên, ông Phật mà tu?

Để trả lời câu hỏi tại sao chúng ta cần phải tu, tổng quát có ba nguyên nhân.

- Nhờ gặp giáo lý chơn chánh mẫu nhiệm của Đức Thầy.
- Nhờ tin ở luật Nhơn Quả rất nghiêm minh.
- Nhờ nghĩ đến sự khổ của thân và ngày tận diệt của Nhơn loại.

Nguyên nhân thứ nhất, sự tu của chúng ta là nhờ gặp giáo lý chơn chánh mẫu nhiệm của Đức Thầy, vì trước kia chúng ta còn đương quay cuồng vật bất trong trường đời, năm này tháng nọ, giam hồn xác trong chỗ mưu đồ tư lợi, tình ái, danh lợi, miễn sao tiền nhiều, nhà rộng, vợ đẹp, hầu non; thêm nỗ lực vận động cho được chức trọng quyền cao được kẻ thừa, người dạ. Ngoài ra chúng ta chưa hiểu việc tội phước, chưa tin có địa ngục thiên đường, vì vậy việc làm nào của chúng ta cũng nhắm ngay hiện hữu thế gian mà thi thố.

Rất may thay! Trong khoản mê lầm ấy, Đức Thầy ra đời đem lời vàng ngọc vẽ trong giấy mực cho bay lượn khắp vùng này, đến vùng khác, chúng ta được đọc đến những ý nghĩa cao thâm, hiểu rõ kiếp người là giả tạm trong thời gian sống rất ngắn ngủi mà tạo bao nhiêu tội trạng chồng chất như núi Thái sơn, hốt nhiên chúng ta sực tỉnh lại việc quấy phạm của mình đã làm vừa qua mà bắt đầu ăn năn hối cải tu hành theo Phật đạo.

Nguyên nhân thứ hai, sự tu của chúng ta là nhờ tin ở luật như quả rất nghiêm minh, sau khi đọc đến lời dạy bảo của Đức Thầy chúng ta nhận thấy Đức Thầy dạy cho rất kỹ càng, từ tạo nghiệp của người cho đến khi thọ báo, mỗi mỗi đều đúng đắn không sai chạy mảy nào, nghĩa là mọi việc gì ở trong đời: giàu sang, nghèo hèn, mạnh khỏe, tật bệnh nhưt nhưt đều do tạo nghiệp kiếp trước hay kiếp này mà hưởng lấy, chẳng khác nào gieo ớt thì lên cây ớt, gieo đậu thì lên đậu. Với việc phản ứng của nghiệp tạo như thế rất rõ ràng, không sai chạy, chúng ta xét mình hễ còn làm tội thì ngày kia không khỏi sanh vào gia đình cùng quần, cầm, ngọn, đui, điếc; mà còn có thể sanh vào loài vật là khác nữa. Và có điều chúng ta sợ nhưt là luân hồi lên cõi trần nhiều lần cứ chịu sanh, già, bệnh, tử hết đời này đến đời khác, cứ luân luân chuyển chuyển mãi thì không khi nào hưởng cõi tiêu điều khoái lạc và gần Tiên Phật được.

Nghĩ như thế, chúng ta mới gấp rút tu hành; vừa trau dồi đức hạnh đầy đủ, thi thiết việc bác ái, nhân từ; giúp nước thì thanh liêm, hành đạo thì lo tu bồi công đức rộng

lớn; và điều chúng ta cần trau sửa hơn hết là thân mình, miệng mình, ý mình giữ được thanh tịnh chơn chánh, không làm điều tà vạy, nói lời sai ngoa và không vọng khởi ác ý. Nếu chúng ta làm được những điều tốt như thế, chắc không quả khổ xấu xí nào trả lại được.

Nguyên nhân thứ ba, sự tu hành của chúng ta là nhờ nghĩ đến sự khổ của thân và ngày tận diệt của nhân loại: xét ra con người chịu lấy các sự khổ đều do có xác thân, có xác thân mới chịu lãnh các quả khổ đưa lại, nó là kho chứa các nơ xấu. Cũng vì xác thân, con người mới quơ quào tạo tác các món để tô đắp cho nó từ miếng ăn, thức mặc; các vật gì của người ta chung dọn tập tành, thì nó muốn so sánh cho được như vậy. Nó đèo nài cái ý, lo thêm như thế này, lo bớt như thế khác, nào là phải may cho nó mặc và sắm cho nó ăn. Bởi đó mà bao nhiêu tội lỗi, con người đều có thể làm hết mà chẳng chán ngán, chẳng sợ sệt cái quả khổ ở hậu lai. Tuy cung dưỡng tung tiêu xác thân đến thế mà chỉ sống tạm thời, từ trẻ đến già kể bệnh rồi chết. Khi chết xác thân tro như gỗ, rười lảng đục rĩa, rồi tiêu tan ra bùn ra đất là xong đời.

Xét như thế, thấy xác thân con người là mộng huyễn, tuy có hình ảnh nói, cười, nhưng khi thức giấc rồi chẳng có thấy gì nữa cả. Và chúng ta còn nhận thấy xác thân không khác nào cầu xí, chứa đủ vật ô uế, vì thế mà chán bỏ lòng trần gấp rút tu niệm.

Còn một điều khiến chúng ta tu hành hơn nữa là quả Địa cầu của chúng ta sắp sụp đổ để quét sạch các tộ đoạn từ

lâu để lập lại kỷ nguyên mới. Nếu biết trước cuộc trần sắp tang điền biển hải, mọi vật không tồn tại, mà chúng ta còn cạnh tranh theo vật chất thì uổng lắm công phu chẳng ích gì! Chi bằng, chúng ta gấp rút tu hành, hướng về cửa Phật, trau tâm tria tánh cho không còn tội phạm; và những điều phước đức dù nhỏ lớn gì chúng ta cũng không bỏ qua, cứ com kính việc lành từ ngày này đến ngày khác, dầu cuộc thế có thay đổi cách nào hay Diêm vương có nghiêm khắc thế mấy cũng chẳng hành khổ chúng ta được. Chẳng những thế, cảnh Tây phương hay cõi Niết bàn còn dành sẵn cho chúng ta an trụ.

Vẫn biết không quý xác thân tạm giả, nhưng để mắt rồi thì ngày kia chưa chắc kiếm lại được; nếu bây giờ mình làm ác, sau bị đọa vào súc sanh, địa ngục thì không dễ gì gặp Thầy, gặp Phật để tu hành được.

Do chỗ xét nghĩ ba khoản vừa qua, chúng ta không ngần ngại đến thọ giáo Đức Thầy hay tự đến trước bàn Tam bảo qui y. Trong việc tu hành này, trước độ được chúng ta, kể đó cứu vớt được Tổ tiên cha mẹ, chót hết tiếp cứu quần sanh thoát chốn mê đồ.

Nói tóm lại, sở dĩ chúng ta cần phải tu là trước hết nhờ gặp giáo lý của Đức Thầy, lời lẽ dịu dàng mà ẩn ý thâm thúy nhiệm mầu Phật pháp, khiến chúng ta cảm kích; -lẽ thứ hai là chúng ta nghĩ đến sự nhân quả không sai chạy một mảy nào, khiến chúng ta ngán cho việc làm tội của mình ngày kia không khỏi việc đau khổ; lẽ thứ ba là điều của chúng ta sợ hơn nữa, là đời sống của chúng ta mang cái giả

thân này, trẻ rồi già, già rồi cõi, ngày tháng trôi qua không chờ ai, nếu chúng ta lẳng lơ chênh mảng, thì hoặc tử thần đến gấp không thể dờn dỗi ngày giờ lại để tu hành được. Đồng thời có một việc đáng lo nữa là cõi hạ ngươn này sắp biến đổi, nhơn vật tiêu điều lập lại thượng ngươn, kẻ ngang tàn không còn, chỉ còn người hiền đức, nên chúng ta cần tu hành để nhờ ơn trên đưa chúng ta đến cõi an lạc và cứu được cha mẹ chúng ta và cứu được kẻ khác.

TẠI SAO CHÚNG TÔI ĐẶT ĐỨC TIN NƠI ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ?

Đã có lòng muốn tu thì thiếu gì nơi để chúng ta tu, thiếu gì Hòa thượng, Yết ma hoặc ni cô, sư nữ chỉ giáo, sao chúng ta không học theo? Không thọ giới? Lại học theo giáo pháp của Đức Thầy và tin Đức Thầy?

Có những câu hỏi đó, chúng ta cần phải trả lời cho mọi người nhận rõ sự chúng ta theo Đức Thầy là đúng chơn lý và chánh đáng, chớ không phải mê tín.

“Ta là kẻ vô hình hữu ảnh,

Ấn xác phàm gìn đạo Thích Ca”.

Đoạn này, Đức Thầy cho chúng ta biết rằng: chơn linh Ngài tuy không hình mà có bóng, nghĩa là phần chơn linh của Đức Thầy ẩn vào xác phàm để gìn mỗi đạo Thích Ca, nói rõ hơn là để chấn hưng đạo Phật. Sở dĩ Đức Thầy ẩn vào xác phàm để gìn giữ mỗi đạo Phật là vì trong khoản thời gian gần đây người tu hành hoặc ở chùa chiền hay tại gia thất đa số họ còn tu lối thính, âm, sắc, tướng, làm theo pháp hữu hình trái với đạo vô vi của chư Phật; họ lợi dụng cảnh già lam, lợi dụng giáo pháp để mê hoặc kẻ tốt lòng tín ngưỡng. Vì phương tiện mà Đức Thầy phải mượn xác phàm, cũng ăn uống, cũng nói làm như mọi người mà khác hơn mọi người ở ý nghĩ cao siêu thoát tục, giảng giáo chỉ bảo nhơn sanh cốt làm cho người lỡ bước trở lại chơn chánh, kẻ

không hiểu Phật Pháp sớm thức tỉnh quày đầu theo đạo đức. Khi chúng ta được hiểu Đức Thầy là một đấng siêu phàm; với sứ mạng bảo tồn chánh pháp của Phật Thích Ca thì chúng ta rất vui vẻ hăng hái cúi đầu vâng theo từ lời một của Ngài dạy bảo.

Sự phi phàm của Đức Thầy, chúng ta nhận thấy có ba mục quan yếu như sau:

- 1- Nhận thấy trí thức Ngài phi phàm.
- 2- Nhận thấy ngôn từ đạo lý Ngài chơn chánh;
- 3- Nhận thấy nhơn phẩm Ngài thuần khiết và cao thượng.

- Lẽ thứ nhất, chúng ta tin Đức Thầy là bởi sự hiểu biết của Đức Thầy khác hơn người phàm, vì Ngài từ một thanh niên đương độ đôi mươi tuổi chưa từng vào một thư viện nào, không khảo cứu kinh sách nào, không học phù chú, chưa từng đi lại nhiều nơi mà bỗng nhiên Ngài hiểu rõ máy huyền cơ, lãm thông đạo lý, viết giảng kệ, thi phú, mở mang giáo pháp, chỉ vẽ huyền vi khiến cho ai cũng ngạc nhiên và thán phục chỗ Ngài chẳng học mà đối với người thạc sĩ, cử nhơn cũng chưa qua được. Và trong chỗ hiểu biết của Đức Thầy so lại với lời của Đức Phật trước kia hơn hai ngàn năm vẫn được phù hợp khắng khít một nhịp như: sau khi Phật thành đạo Ngài thuyết pháp Tứ diệu đế, độ năm anh em Kiều trần-Như, Át-Bê, Bạt-đề, Ma-Nam-Câu-Ly, Thập-Lực-Ca-Điếp được chứng bực A-La-Hán, thì kỳ này Đức

Thầy ra đời cũng đem pháp ấy dạy ra cho mọi người. Hai Ngài cách nhau trong khoản thời gian gần hai mươi sáu thế kỷ mà cũng cùng một tư tưởng, như thế Đức Thầy đã ám thông với Đức Phật, nên mới tương ứng như vậy. Với người thường học đâu biết đó, có khi sự học rồi mà còn quên đi, chớ đâu được như Đức Thầy chẳng học mà được biết rõ cả việc cổ kim.

- Lễ thứ hai, chúng ta tin nơi Đức Thầy là vì nhận thấy ngôn từ đạo lý của Đức Thầy rất chơn chánh, các sám giảng, kệ cơ của Ngài viết ra trước mặt mọi người, không ẩn ý cầu danh vụ lợi, không rù quyến một ai theo thói thường, mà là toàn cả kệ sám, phú thi của Ngài đã viết đều có mỹ ý trùng hưng đạo Phật, dắt người hiền trở lại của Phật, đánh thức người hung hăng táo bạo sớm thức tỉnh quày đầu. Nhiều khi Đức Thầy rất buồn hạ người hung hăng giả trá, nhưng Ngài không mắng nhiếc ai, vẫn nói lời trung đẳng, dịu dàng, hòa ái, khiến ai cũng vui nghe và cảm lòng mến phục để tu học theo.

Sở dĩ Đức Thầy dùng lời nói, hoặc bút mực viết ra câu kinh, tiếng kệ chỉ việc thiên cơ đạo lý với mục đích làm sao cứu vớt được tất cả quần sanh khỏi tục lụy, lo tạo phước duyên được sanh về Phật quốc khỏi sanh tử chuyển luân.

- Lễ thứ ba, chúng ta tin nơi Đức Thầy là cảm mến nhân phẩm của Ngài Thuần khiết và cao thượng, nghĩa là về phẩm hạnh của Ngài ròng rã trong trắng, không vết bợn nhơ, chẳng điểm hèn xấu, lại Ngài còn có tâm đức cao hơn người phàm và lành hơn người phàm. Và từ đó nay, Đức

Thầy chưa hề làm điều gì sai trái với qui luật của Ngài đã dạy cho tất cả môn nhơn đệ tử, ví dụ: Ngài dạy môn nhơn của Ngài đừng uống rượu, là chính Ngài đã không uống rượu, đừng cờ bạc là chính Ngài không hề cờ bạc v.v...Nghĩa là những gì của Đức Thầy ngăn cấm môn nhơn là Ngài đã không hề phạm việc đó và những hành động của Ngài không để sơ sót vụng về cho anh em tín đồ chịu khổ hại bao giờ.

Mặc dù từ trước đến giờ ngoài đạo Phật đã có nhiều đạo khác, cũng cổ động, cũng tuyên truyền thâm thập môn nhơn đệ tử, song các vị chủ trương ấy luôn cả lý thuyết không được chơn chánh, nhứt là không gồm đủ ba điều kiện đã kể trên, vì thế mà chúng ta chưa tin sự dẫn dắt của mấy ông được, vì chúng ta nghĩ rằng các ông chưa độ được các ông thì độ người khác sao được. Hơn nữa các vị giáo tông cần phải làm gương mẫu cho số thiện tín, nghĩa là mình phải làm trước rồi sẽ dẫn dắt họ, hay mình có được chứng đắc rồi họ mới tin, nếu mình làm trái lời mình dạy, hay mình có cử chỉ tầm thường thì không thể khiến họ tin được. Còn theo Thiên phái ở các chùa Phật, thì Đức Phật đã nhập Niết bàn, kinh luật của Ngài để lại rất nhiều, dù lừa kéo cũng không nổi, những lời lẽ thâm huyền quảng huộ của Ngài chỉ có bực thượng căn, đại trí mới hiểu rõ từ đoạn một được; còn chúng ta trí thức cạn cợt, đức hạnh mỏng manh, mắt không thấy xa, tai không nghe rõ, sự nhận xét quá nông cạn thì làm sao hiểu rõ lý cao diệu ấy nổi, nếu làm càn làm bướng sẽ có hại. Vì lời Phật nói rất bổ ích hơn thâm nhưng, nhưng mà phải biết dùng vào trường hợp nào và cho vừa phân lượng

thì cứu bịnh rất hay ho, nhưng bằng dùng quá cân quá lượng sẽ bị hại ngay. Cũng vì lẽ đó, chúng ta chưa dám sấn tới, nhưt là chưa gặp minh sư dẫn giải lại càng khiến chúng ta ngần ngại hơn nữa.

Mãi đến khi Đức Thầy ra đời, chúng ta đọc thấy giáo lý Ngài dạy ra chơn chánh, chúng ta nhận rõ Ngài là vị cứu tinh của đạo Phật, của chúng sanh, Ngài đánh tiếng chuông lần chót ở thời kỳ này cho mọi người còn mê muội được tỉnh thức. Chẳng những lời của Ngài hạp trong đạo Phật mà còn hạp với đạo Nhân; Ngài dung hòa cho kẻ ở nhà tu cũng được, người ở chùa chiến tu cũng được, kẻ ở thành thị, non núi cũng đều tu được cả. Với những lẽ rất thích đáng nhưt là chúng ta tin Đức Thầy, vì Đức Thầy là bực siêu phàm, đủ tài đức, đủ trí huệ, đủ công năng có thể cứu chúng ta từ chỗ mê khổ đến chỗ an vui, chúng ta không còn ngần ngại, vẫn hăng hái qui ngưỡng theo lời Ngài dạy và nhận Ngài là Thầy của chúng ta.

Nói tóm lại, sở dĩ chúng ta tin Đức Thầy là nhận nơi Đức Thầy có sự hiểu biết khác hơn người tục, lời lẽ Ngài dạy ra rất phù hợp giáo lý của Phật Thích Ca và điều chót hết là gương hạnh của Ngài trang nghiêm, không phải kẻ thường tình làm được.

ĐẠI LƯỢC VÀI KHOẢN VỀ SỨ MẠNG CỦA ĐỨC THẦY

Chúng ta thọ giáo với Đức Thầy, dĩ nhiên phải biết sứ mạng của Đức Thầy ở thời kỳ này như thế nào? Tại sao Ngài phải ra đời? Ra đời để làm gì? Có sự hiểu biết rõ ràng vấn đề xuất hiện của Đức Thầy, chúng ta mới vững mạnh đức tin những lời của Ngài chỉ giáo.

Chúng ta dù phải lăn lóc gai chông, lấm lem bùn trịn, mà lòng không núng nao thối chuyển, là vì chúng ta thấy rõ sứ mạng của Đức Thầy đối với nhơn sanh trong buổi này. Và nhờ hiểu biết tường tận tâm đức của Đức Thầy, chúng ta mới đeo đuổi đạo lý đến cùng, không để tâm lui sụt.

*“Muốn tu tỉnh nay đà gặp cuộc,
Đức Di Đà truyền mở đạo lành,
Bởi vì Ngài thương xót chúng sanh
Ra sắc lệnh bảo Ta truyền dạy”.*

Đoạn này, Đức Thầy nói người đời này, muốn tu tỉnh rất may gặp Đức Di Đà sắc lệnh cho Ngài ra đời khai mở mỗi đạo, thì cứ mạnh mẽ tin tưởng để qui đầu theo Phật pháp.

Sở dĩ Đức Di Đà sắc lệnh cho Đức Thầy ra đời khai sáng mỗi đạo, vì tâm đức Phật quá thương xót chúng sanh ở buổi hạ ngươn đã chịu lấm đau khổ và sẽ không khỏi bị tận diệt, nên Ngài không những sắc lệnh cho Đức Thầy xuống

trần mà còn truyền cho các vị Bồ Tát, La Hán khác đồng hạ phạm, tùy căn cơ, tùy bản xứ và tùy nhơn tâm dạy bảo giáo pháp thích ứng, khiến cho chúng sanh vui vẻ thật hành theo hầu được chút phước duyên để tránh khỏi ngày thống khổ.

Xem đoạn trên đây, chúng ta thấy Đức Thầy ra đời có sắc lệnh của Đức Di Đà, Đức Phật Tổ, chớ không phải việc ngẫu nhiên.

Thiệt ra đối với Đức Thầy, dù chúng ta chưa được cảm thông, máy huyền vi chưa được mách bảo của đấng vô hình đi nữa nhưng chỉ xét trong kệ giảng Ngài, chúng ta cũng được hiểu biết một phần về sứ mạng của Ngài ra đời trong thời kì này, với mục đích thi hành, năm khoản chánh như sau:

- 1- Báo tin ngày tận diệt sẽ tới;
- 2- Đưa các thiện căn đến kỳ đại hội Long hoa;
- 3- Đánh thức các linh hồn đã gieo rắc thiện duyên cùng Ngài ở nhiều tiền kiếp;
- 4- Phò trợ Thánh vương;
- 5- Chấn hưng đạo Phật.

- Lễ thứ nhất, Đức Thầy ra đời là Ngài nhận thấy buổi tận diệt của nhơn sanh gần đến; Ngài không nỡ ngồi an nơi ngai vị Phật quốc hưởng lấy yên vui một mình để cho nhơn sanh chết dưới cảnh tàn hại của nạn binh lửa ở thế

gian, nên Ngài xuống trần; trong kệ sám Ngài luôn luôn nhắc đi nhắc lại việc tận thế để đánh thức lòng người sớm bỏ dữ về lành, cải tà qui chánh, trừ diệt lòng tham, khởi tâm bố thí, dứt sạch mê muội trở lại bản tánh minh mẫn và luôn luôn lo việc lành, việc phải, để nhờ sự ủng hộ của Thần Thánh, ngày kia, dù quả Địa cầu biến đổi, nhơn sanh đa nạn, chẳng những mình được thoát qua mà còn được sống đến ngày ơn trên lập đời thượng ngươn.

- Lễ thứ hai, Đức Thầy ra đời là Ngài dùng đủ cách để đưa con người hiền thảo đi đến hội Long Hoa. Cách thức đưa rước ấy là Ngài dùng thuyền Bát nhã, tức là trí huệ của Ngài mở mang tâm tánh của chúng sanh được khỏi mê si, tà kiến và chỉ bày lẽ huyền diệu đạo lý cho người khỏi tiêm nhiễm nông cuồng, khi chúng sanh cùng trở lại đường chơn chánh, đó là mỗi chúng sanh đã lên thuyền Bát nhã vững vàng đến cõi giải thoát.

- Lễ thứ ba, Đức Thầy ra đời là Ngài có mỹ ý đánh thức các linh hồn đã bao nhiêu kiếp qua từng gieo sâu duyên lành cùng Ngài, mà giờ này họ còn đeo mãi danh lợi, họ còn đương tươm ướp vật dục cho họ có cơ nhớ lại kiếp trước đã từng tu hành, đã từng gặp đạo tu tịnh, nếu bây giờ quên đi, là không khỏi sanh các cảnh giới đê hèn. Vì tiền kiếp Đức Thầy đã từng vào ra ở cõi này, phần nhiều là ở xứ Việt Nam, cũng đã đem lăm lời đạo lý dạy cho nhơn sanh, từ vùng này đến vùng khác, hoặc dùng diệu dược cho sanh chúng lành bệnh hầu cảm ơn cứu khổ mà tu hành. Chúng sanh ở thời kỳ ấy, được sự hóa độ của Đức Thầy và Đức Thầy cũng từng

nhờ sự giúp đỡ của họ, nên thời kỳ này, là thời kỳ tận diệt, Đức Thầy nghĩ vì các con lành kiếp trước, nên Ngài ra đời để gần họ, nói bên tai họ, hoặc dùng bút mực dạy cho họ ăn năn cải hối, khỏi ngày tận diệt. Nhứt là Ngài muốn cho con hiền thảo ấy, cùng Ngài đến Hội Long Hoa về cõi Cực Lạc.

- Lễ thứ tư, là Đức Thầy cảm lòng Đức Minh Vương, nên trong khi Đức Minh Vương xuất hiện thì Ngài phải đem hết tài đức ra phò trì, khiến cho nước nhà cũng như công cuộc của Đức Minh Vương sớm được phục hưng và vững đạt.

- Lễ thứ năm, Đức Thầy ra đời là nỗ lực chấn chỉnh trùng hưng mỗi đạo của Phật Thích Ca đã khai sáng từ lâu, mà ngày nay đã biến đổi cái tánh chất tinh vi của nó, nghĩa là đạo Phật trước kia rất chơn chánh cao siêu, các hạng học Phật rất tín thành, nhưng gần đây, vì sự mua danh chác lợi của kẻ nương bóng từ bi, mượn lời Phật Pháp làm cho nó suy đồi đi; cảnh chùa chiền là ngôi tượng trưng cảnh Tây phương, cõi giải thoát, nơi thanh tịnh, thế mà bây giờ họ lại chứa đựng kẻ bất lương xảo quyệt, phạm trai phá giới, vì vậy Đức Di Đà cũng như Đức Phật lấy làm đau xót, nên sắc chỉ cho các vị Bồ Tát và La Hán len lỏi xuống cõi thế gian, hoặc vào hạng người làm ruộng rẫy, hạng người buôn bán, hạng vua quan hoặc lẫn lút trong hàng đĩ điếm v.v... để đánh thức lòng người chưa hiểu đạo lý sớm biết ăn năn, việc làm ấy, đến chừng nào chúng sanh trở lại bản nguyện rộng lớn của Phật Pháp, thì lòng chư Phật mới thỏa được.

Các Ngài có mỹ ý làm cho chúng sanh đến cõi giải thoát, song chúng sanh hành sai lạc chơn lý thì phải sa đọa, như thuốc rất hay mà dùng không nhằm bệnh thì có hại. Nên lẽ thứ nhất, các Ngài chú ý làm cho chơn lý được nêu cao; lẽ thứ hai, làm cho chúng sanh hành chánh đường; lẽ thứ ba, khi chúng sanh được hành chánh đạo sẽ đến cõi giải thoát. Được thế sẽ không còn chia rẽ chùa này chùa khác, tăng nọ ni kia nữa.

Mỗi khi xét lại năm khoản vừa kể qua, chúng ta thấy rằng Đức Thầy là vì sao cứu khổ chúng sanh ở thời kỳ này, cũng là một tiếng chuông rất thanh, rất lớn trong nền đạo Phật. Ngài sẽ làm cho kẻ mê muội trong đêm hôm có cơ thức tỉnh, Ngài sẽ có phương thuốc mầu nhiệm làm cho hết bệnh mê trong các tầng lớp nhơn loại. Thấy vậy lòng chúng ta càng tin mạnh lên và tin chắc rằng: Vì thời quay vận kiểng mà Ngài phải vắng mặt, chớ ngày kia đến việc thì Ngài cũng trở về làm xong nhiệm vụ, vì nhiệm vụ ấy, với kẻ khác dù có tài hơn cũng không thể thay thế Ngài được.

Nói tóm lại, với sứ mạng của Đức Thầy, đến chừng nào Hội Long Hoa được khai mở cách rõ ràng cho muôn mắt đều thấy, những người thiện, kẻ hiền đức được trở lại vị cũ, nghĩa là những người tiền kiếp có gieo duyên lành với Ngài, hiện giờ họ cùng một nhịp quay về con đường Phật Pháp và những kẻ đã làm được việc lành, việc phước, từng bố thí chẩn bần, từng thi ân lập đức, đến ngày Hội Long Hoa họ sẽ chứng đắc quả vị tại tiền. Và công việc làm của Đức Thánh Vương ở thời kỳ này khi nào được xong xả, đem lại

sự an lạc cho dân, cho nước, nói rõ hơn là Ngài được tức vị hấn hời: và điều chót hết là nền đạo Phật được trở lại chơn chánh, từ hạng tại gia, hạng xuất gia đều giữ giới luật tinh nghiêm, không sự chê bai nhau hay đối trá nhau, chừng ấy sứ mạng Đức Thầy mới tạm gọi là xong. Nhược bằng ngày tận diệt chưa tới, Hội Long Hoa chưa mở, kẻ làm ác chưa quay đầu, với người làm lành, làm phước chưa hưởng sự vui tươi, như là Đức Thánh Vương chưa tức vị, nền Phật Giáo chưa được quang minh, thì nhiệm vụ Đức Thầy còn nặng và Ngài còn trụ thế lâu ngày để làm xong sứ mạng. Mặc dù kỳ xuống thế này Ngài gặp nhiều tai ách và bị Ma vương khuấy nhiễu song Ngài không nao núng và nhờ các vị Long Thần Hộ Pháp luôn luôn bảo vệ Ngài được bình an, nên sớm muộn gì Ngài cũng làm xong phận sự.

MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT GIÁO

HÒA HẢO

Chúng ta là tín đồ của Đức Thầy, cố nhiên phải biết mục đích của đạo Phật giáo Hòa Hảo như thế nào? Để rồi mỗi người nhắm theo đó mà đi tới, khỏi sợ sai đường lạc nẻo.

Vả lại trước khi vào đạo, chúng ta cũng tự hiểu mỗi đạo Phật Giáo Hòa Hảo dẫn chúng ta đến đâu và đạo này có mục đích gì? Hiểu như thế rồi chúng ta mới mạnh mẽ cầm lấy hương đèn trước bàn Phật qui y. Hơn nữa mình ở trong đạo, thế nào cũng gặp người ở ngoài đạo hỏi nền đạo của mình có mục đích gì? Mình phải hiểu rõ để trả lời cho họ hiểu tường tận, không thể nói càn, trả lời bướng được.

Vả như người trong đạo, gặp kẻ ngoài đạo hỏi mục đích của đạo mình mà mình trả lời không được, chẳng những họ cho mình là mê tín mà họ còn cho đạo mình không chánh đáng nữa. Vì đó tín đồ Đức Thầy trước nhứt phải biết mục đích của đạo mình, để trước là tiến thẳng trên đường tu hành, sau sẽ giúp mình giữ vững đức tin và mặt phở hóa mình mới mạnh mẽ hướng dẫn kẻ khác quay về đạo như mình mà mình tin chắc rằng không sai lầm.

Do chỗ quan hệ đó hôm nay chúng ta ôn lại mục đích đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

“Ta thừa vưng sắc lệnh Thế Tôn

Khắp hạ giới truyền khai đạo pháp”

Đoạn này Đức Thầy cho biết: Đức Thầy vung sắc lệnh Đức Thế Tôn xuống trần truyền khai đạo pháp khắp cả nhơn sanh trong thời kỳ hạ ngươn.

Do đâu Đức Thầy ra đời truyền khai đạo pháp để trùng hưng mối đạo của Thích ca đã khai giảng ở ngàn xưa? Vì rằng chánh pháp nhỏ giọt đến thời mạt pháp, bị tà giáo pha trộn vào làm cho phai lạt tinh lý rất nhiều, nên người tu hành thì đông mà kẻ thành đạo thì chẳng được mấy ai. Nhân thế Đức Phật chẳng những cho Đức Thầy xuống trần mà còn sắc lệnh cho nhiều vị khác nữa cũng theo xuống để chỉ dạy việc nhân quả báo ứng, tội phước, chánh tà và kiếp sống thế nào? Khi thác về đâu? Vì sao có Thiên đường? Tại đâu có Địa ngục? Nếu người làm tội sẽ hưởng tội, và ngày kia không tránh khỏi luân chuyển vào đường sanh tử. Và các Ngài cũng cho biết: nếu ai có phước duyên nhiều thì được sống đến ngày thượng ngươn, hưởng lấy mọi cảnh an vui ở ngày ấy.

Giữa Phật Giáo Hòa Hảo với đạo Phật Thích Ca không khác nhau, có thể nói cùng một nguồn gốc nhưng thời kỳ Đức Phật ra đời ở buổi trước thì chúng sanh phần đông là bực thượng căn, thượng trí có thể nghe thấu nghĩa lý tối cao tối thượng và họ có thể hoàn toàn xuất gia được. Đối với thời kỳ này, chúng sanh hạ căn hạ trí, với sự hiểu biết cạn cợt lòng dững mẫn yếu ớt, không nghe được pháp cao và không làm được việc quá sức của họ. Nhứt là họ chưa ly gia

cất ái được, nên Đức Thầy dùng phương tiện, giải pháp dễ tu, dễ hành là đồng tu nhân và tu Phật. Đi sát câu: “Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo, Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hi”. Muốn tu đạo Tiên trước phải tu đạo người, bằng đạo người không tu thì đạo Tiên không đến được.

Sở dĩ Đức Thầy dạy cho người thời này hành đạo làm người, bởi lẽ trình độ của phần đông còn trong vòng tam cương ngũ thường, nói rõ hơn là họ chỉ tu tại gia; còn sanh hoạt trong gia đình cha mẹ, vợ con, anh em, nhứt là họ nặng nợ tứ ân. Thế nên Đức Thầy không tiện đem những pháp xuất gia dạy người tại gia được, mà cần phải đem pháp tại gia dạy cho họ thì họ mới tu theo được. Nhờ vậy lần lượt dẫn họ đi xa hơn, cũng như người đau bại không thể bắt họ đi ngay như người mạnh được, mà phải lần lần dắt họ đi từ bước một cho quen, sau mới bảo họ đi đứng mau lẹ được. Nói rõ hơn, kẻ có nặng nợ gia đình không thể bắt họ ly gia cất ái như kẻ xuất gia được nên dạy họ học pháp tu tề, trị mình trước đã, để họ sửa chữa thân tâm, dần xếp gia đình và đối xử kẻ xung quanh, rồi mới tuân tự chỉ cho họ cách thức tu hành cao hơn nữa. Như vậy mới có thể làm cho họ không làm những việc quá sức.

Thế nên mục đích của đạo Phật Giáo Hòa Hảo gồm có hai việc, văn hồi đạo nhân và xương minh đạo Phật.

- Văn hồi đạo nhân:

Trong xứ chúng ta, trước kia hầu hết trong nước từ hàng vua quan đến dân dã đều đồng nhứt hưởng ứng lý thuyết của Không Tử là tu về nhân đạo. Mỗi người đều phải

học việc: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Việc này, phô trương khắp xứ, ai cũng biết. Sau khi biết nhân, nghĩa, lễ, trí, tín rồi họ thật hành, như: tôi trung với vua, con hiếu với cha mẹ v.v... dù ai cũng vậy. Nhưng từ sau ngày nước nhà bị trị, nghĩa là kể từ đời vua Tự Đức trở lại đây, làn sóng văn minh phương Âu tràn vào xứ sở, bôi xóa tất cả thành tích đạo nghĩa trước kia của dân tộc: từ đó đạo nghĩa bị bôi lọ tất cả, đổi lại lăm thối tồi bại trong xứ sở. Vì thế đạo luân thường phai dần đi, cho đến ngày giờ này, mặc dù có nhiều chùa miếu, nhiều tổ chức trùng hưng đạo Thánh hiền, nhưng không được trở lại như cũ.

Nếu mỗi luân thường đạo lý không trùng hưng chấn chỉnh được nó ở trong tình trạng suy vong mãi, thì trong xã hội không tránh khỏi khổ hưởng con giết cha, vợ bội bạc chồng, tình anh em chia xẻ nhau, và dẫn đến tình bè bạn không còn đãi nhau chơn thật nữa. Chẳng những vậy thôi, mà nó còn dẫn đến giai đoạn khốc liệt là người ăn xé người; chỉ vì lòng ích kỷ độc ác mà họ tàn sát nhau rất dễ dàng hơn giết con vật.

Bởi không thể ngồi yên một chỗ, phó cho tình cảnh phong hóa suy đồi, dân tâm điên đảo, đạo lý mờ lu, cang thường đảo ngược, nên Phật Giáo Hòa Hảo có mục đích phải làm sao cho mỗi đạo ngũ luân: vua tôi, cha con, Thầy trò, chồng vợ và anh em đều trở lại tô điểm màu sắc tốt tươi, bằng cách làm tôi lấy lòng trung thờ kính vua chúa, con lấy lòng hiếu thảo phụng sự cha mẹ; vợ chồng phải biết cân phân ân nghĩa; anh em lấy sự thuận hòa thương mến nhau và

chia sẻ cho nhau lúc khổ vui; rốt hết là giữa thầy trò bạn đem lòng thành tín đối đãi nhau rất mực lịch sự.

- Lễ thứ nhất, hưng phục ngũ luân cho thuần mỹ là làm sao cho tất cả mọi người trong xã hội, như làm tôi thì không bội phản; làm con thì không ngỗ nghịch, làm vợ thì không trái phu; giữa anh em không bạc ác và đối với bạn bè chẳng sự lừa phỉnh nhau. Được như thế, tức là đạo luân thường sẽ khỏi phải làm đau lòng tổ tiên và không phụ Thánh hiền xương suất lý thuyết đạo nhân.

- Lễ thứ hai, khắc kỷ được chơn chánh là trước khi đứng ra hành xử đạo nhân cho được chu toàn thì mình cần phải sửa đổi thân tâm được chơn chánh tròn vẹn. Cách sửa đổi ấy, là phải rèn luyện cho mình được có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nếu người không lòng nhân, nghĩa, lễ, trí... thì hẳn không phải là người. Điều này Đức Thầy nói rõ: “Nếu thiệt người thì biết thương người”. Còn Ngài Mạnh Tử nói: “Vô nhân, nghĩa, lễ, trí, giả phi nhân dã” :Người không lòng nhân, nghĩa, lễ, trí là chẳng phải người, mặc dù họ mang xác chất như người.

Đó là phận sự của người trai, còn gái thì luôn luôn tập tành công, dung, ngôn, hạnh. Những điều này mỗi người phải tiệm tất giỏi luyện từ lúc nhỏ đến lớn. Có được đức công thì việc làm khéo léo gọn ghẽ; có được đức dung thì dáng vẻ được trang nghiêm; có được đức ngôn thì lời được ngay thật; có được đức hạnh thì mới có những vẻ nhu mì và

lòng từ hiếu đượ. Với người phụ nữ gìn đượ bốn đức ấy, sẽ làm gương mẫu cho xã hội xung quanh học theo.

Tuy nhiên các việc ấy chưa đủ, cần rèn luyện thêm các đức tánh có ý nghĩa tốt đẹp khác nữa, như là đừng bỏ qua một tánh hạnh tốt nào mà không trau luyện và cũng không dung chứa một tánh xấu nào mà không chừa tránh. Nếu gái trai cùng biết com kính các đức tánh như đã kể qua thì trong gia đình đượ đầm ấm ngoài xã hội đượ kính vì, đối xử mỗi việc đều đượ chu đáo không đến dở dang tội tệ.

Điều chót hết của đạo làm người là khi mình đứng ra xử sự, mọi việc đều lấy lẽ công bằng và nhân đạo. Không vị tu, vị kỷ, làm lịch đòn cân nhân đạo, và không làm bức người trong việc phi nghĩa, như là làm sao cho mỗi người đều biết trách nhiệm của mình; hễ làm cha mẹ có bổn phận dạy con cái từ bé cho đến lúc trưởng thành, nếu mình không dạy để nó ngỗ nghịch, ngang tàng thì mình phải chịu trách nhiệm, làm anh chị phải kèm chế em út, nếu để nó lung lảng, phóng túng, làm việc bại hoại thì người anh chị chịu trách nhiệm. Các vấn đề khác cũng vậy, đều có tương quan nhau: cha mẹ chịu trách nhiệm con cái; anh chị có trách nhiệm em út; chồng có trách nhiệm vợ; đến như thầy có trách nhiệm trò, bạn bè thì có trách nhiệm bình vực nhau. Mỗi người đều phải biết trách nhiệm như thế cả.

Tóm lại, ai cũng đều biết trách nhiệm trong phạm vi của mình để xử sự cho xong cả việc nhỏ đến việc lớn, khiến từ trên đến dưới đều đem lại sự hòa hảo lẫn nhau, dù phong

tục có suy đồi cách mấy hay tâm trạng con người có đen xấu bao nhiêu cũng lần lượt cải chế lại chánh đáng như trước được. Nhược bằng người sống để mà sống, chớ không hiểu bổn phận mình đối: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em như thế nào, thì phong tục tốt cũng đổi lại xấu, còn nếu phong tục xấu thì càng xấu thêm. Như vậy thì loài người sẽ chìm xuống thấp thỏi không khác loài vật ngu độn.

Xương minh đạo Phật:

Cùng một cảnh hưởng đạo Không tử, đạo Phật Thích Ca ở xứ ta hồi thời nhà Đinh, Lê, Lý, Trần rất thịnh đạt, không những trong dân chúng mà luôn đến hàng vua chúa cũng cùng một tin tưởng mạnh mẽ. Các vua thời ấy, thường hay nhường ngôi cho con để đi tu, hoặc lên non núi lập chùa chiền qui tụ cả muôn tăng lữ lo việc tu hành, hoặc xây cất am tự gần thành quách của mình để truyền bá đạo Phật, như là hồi nhà Trần vua Nhân Tôn tu được chứng quả, đạo hiệu của Ngài là Điều ngự Giác hoàng Đại Đầu Đà. Người thời ấy tôn Ngài làm đệ nhất tổ của phái Thiên tông ở Việt Nam. Hàng quan tướng lúc bấy giờ xem gương của vua Nhân Tôn mà họ cũng lần lượt lánh rời cuộc công danh, phú quý lo tu hành rất đông, như con của Trần Quốc Tuấn là Trần Quốc Tảng. Lúc Trần Quốc Tảng mới mười bốn tuổi vừa đi học về nghe cha bị quân Nguyên vây tại thành Thăng Long thì ông mới nhứt thân nhứt mã ra giải vây cho cha. Chừng ông được hai mươi tuổi đã đi tu, ngộ được Phật chỉ đạo hiệu của ông là Tuệ trung Thượng Sĩ. Còn những hạng tu hành chứng quả ở thời đó không kể xiết.

Nhưng kể từ khi các vị Tổ bên Trung Hoa ngưng việc truyền Y, phó Bát đến nay, phái Thần Tú càng lúc càng thêm mạnh, không những ở Trung Hoa mà còn truyền qua xứ ta, họ bày ra cách thờ cúng đầy thịnh, âm, sắc tướng (đờn, đầu, trống phách, lầu phướn xá hạt v.v...) làm việc hữu hình, hữu ảnh, dân chúng xứ ta dần dần theo đó mà xa dần mỗi đạo vô vi chánh pháp của Phật. Nền chánh giáo từ đó càng ngày càng mờ lu, các ngôi chùa miếu phần nhiều chỉ là cái vỏ để các tà sư làm mê hoặc thập phương, lợi dụng việc no cơm ấm áo vậy thôi, chớ họ không chú vào việc dắt người đến chỗ sáng sửa giải thoát. Cũng bởi phần đông hành đạo không chánh đáng, nên cả ngàn muôn người tu mà chỉ có một số ít người đắc đạo; do đó mà gần đây có người lên án cho cảnh chùa là chỗ chứa những phần tử ăn bám của xã hội, chỉ là tổ chức mê hoặc lòng dân, không có tinh thần tiến hóa, thật là một con sâu làm rầu nồi canh.

Do những lý về kể qua, bây giờ muốn cứu được hạng người đương say gục tà thuyết và kẻ còn lầm đường vạy vò bị người lợi dụng có cơ tình thức thoát vòng trói buộc của tà sư ngoại giáo hầu được giải thoát hay đến được Hội Long Hoa. Phật Giáo Hòa Hảo có mục đích xương minh đạo Phật.

- 1– Duy trì chánh giáo của Phật Thích Ca;
- 2 – Dắt người trở lại con đường lành;
- 3 – Khiến cho mỗi người được tỏ ngộ;

4 – Đưa nhơn sanh đến Hội Long Hoa hay về cõi Cực Lạc.

- Lễ thứ nhất của cuộc xuong minh đạo Phật là duy trì chánh giáo của Phật Thích Ca khiến cho chúng sanh cùng được giác ngộ như nhau và cùng hiểu được chơn lý của Phật. Lúc nào họ cũng tôn thờ kính phụng mỗi đạo vô vi của Phật và hiểu luật nhơn quả báo ứng một cách rõ ràng, tránh tất cả những thuyết có ản ý làm mê tín lòng người.

- Lễ thứ hai của cuộc xuong minh đạo Phật là dắt người trở lại con đường lành, bằng cách dùng đủ lẽ hay ho để hướng dẫn cho những kẻ lầm nghe tà thuyết, tín ngưỡng ngoại đạo, sớm thức tỉnh trở lại con đường quang minh của Tổ Thầy đã vạch sẵn. Nhứt là làm sao mọi người rút bỏ các việc ác theo làm mọi điều lành, khiến lòng ác độc của con người được bớt lần đi, tức thì họa tham tàn lòng giết hại, sự đao binh của nhân loại dần dần ngưng hẳn; rốt hết là sẽ cứu được chúng sanh lấp xong nguồn sống chết để cùng được nhẹ nhàng siêu hóa về cõi thanh tịnh an cư của chư Phật.

- Lễ thứ ba của cuộc xuong minh đạo Phật là khiến cho mỗi người được tỏ ngộ, bằng cách phương tiện dùng pháp quyền biến, hoặc chơn thiệt, hoặc mau hoặc chậm để vạch xé ra từ việc một của sự tham lam, sân nộ, si mê, ái dục không phải là thiệt có, mà chỉ do vọng niệm vô minh của mỗi người mà thấy nó dường như có thật. Bởi vọng niệm vô minh của chúng sanh tưởng sắc đẹp là thiệt, tưởng của cải là trường tồn mới đem lòng tham chấp ghét ưa; nhược bằng

hiểu rõ rằng vạn sự của trần là huyền ảo, bọt bèo, sớm còn tối mất không trường tồn vĩnh cửu, thì dù có mất mát cũng không khờn mẻ nóng nao. Chúng sanh nhận hiểu như thế, rồi tự mỗi người soi chiếu lại bản tâm của mình, được thấy nó tròn trịa sáng sủa như mặt nhật và có đủ công năng để sử dụng một cách mâu nhiệm; nó có thể hiểu tất cả việc làm, tất cả món không bị mọi cảnh ở bên ngoài ám ảnh vào mắt, tai, mũi, miệng mình nữa, khiến đầu óc chẳng còn mê muội rối rắm, vẫn được một màu rỗng rang sáng tỏ, phân tách được từ việc một của sự đời hay sự đạo để thật hành đúng theo chơn lý. Sau hết là khiến cho mỗi người tự tu, tự ngộ lấy mình, không có ý lại vào sự giúp đỡ của kẻ khác; vì nếu cứ ý lại vào sự giúp đỡ của kẻ khác mà mình không lo lấy thì không khi nào đến chỗ giải thoát mau lẹ được.

- Lễ thứ tư của cuộc xuong minh đạo Phật là đưa nhơn sanh đến hội Long Hoa hay về cõi Cực Lạc bằng cách là khiến mỗi người quay về con đường lành và tỏ ngộ bản tâm, tức nhiên đến ngày khai mở Long Hoa họ sẽ được đến đó để nghe lời lẽ nhiệm mầu của chư Phật giảng giải và họ sẽ được sự ban thưởng của vị vua Thánh. Nếu trong lúc tu hành, lòng họ chuyên trì lục tự một cách thuần thành thì họ sẽ được Đức Di Đà hiện thân đến tiếp rước về cõi Cực Lạc hưởng lấy quả an vui hơn cõi Ta bà gấp bội.

Tóm lại, đến khi công cuộc vãn hồi đạo nhơn và xuong minh đạo Phật được thực hiện một cách rõ ràng từ chi tiết một của các vấn đề ấy, thì mục đích của đạo Phật Giáo Hòa Hảo thành đạt. Lúc ấy, mảnh gương của Phật đạo và

nền cương kỷ của mỗi luân thường sẽ bát ngát thơm tho, không còn cảnh huồng đê hèn điễn đi điễn lại trước mắt mọi người như ngày nay nữa.

YẾU PHÁP CỦA PHẬT GIÁO

HÒA HẢO

Chúng ta được hiểu mục đích của đạo Phật Giáo Hòa Hảo thì chúng ta cần phải hiểu luôn đến yếu pháp của đạo Phật Giáo Hòa Hảo. Có hiểu được yếu pháp của đạo mới đi đến mục đích.

Cũng như người muốn tự đóng được thuyền bè cần phải hiểu rõ nghề mộc

Hôm nay chúng ta ôn lại yếu pháp của Phật Giáo Hòa Hảo.

“Đạo vô vi của Phật ân cần

Nói theo chí Thích Ca ngày trước”.

Đoạn này Đức Thầy cho chúng ta biết rằng: đạo pháp của Đức Thầy khai mở đây chỉ đúng theo chánh đạo vô vi của Đức Phật Thích Ca dạy ở thời trước mà bây giờ Đức Thầy nói chí theo.

Xét theo sám giảng của Đức Thầy đã dạy, thì chúng ta thấy rằng Đức Thầy xuống trần là do lệnh Đức Phật Tổ, với mục đích hưng truyền mỗi đạo vô vi của Phật. Mỗi cương yếu của giáo pháp Đức Thầy đã gồm có pháp Thiên và pháp Tịnh, cả hai pháp cùng hợp lại tu một lượt.

- Về pháp Thiên của Đức Thầy dạy, chỉ nhắm ngay ở chỗ vô vi thật tướng, nghĩa là nhắm ngay cái chơn không;

và làm cho mỗi người được thấy bốn tâm mình, hiểu bốn tánh mình tức là được thành Phật. Khi được trở lại thấy rõ bốn tâm chơn không điều mình của mình, tức là trở lại Phật tâm của mình, thì không còn câu nệ ở Phật cốt, Phật tượng hay những hình sắc bề ngoài nữa.

Vì những hình sắc bên ngoài chỉ là tiêu biểu của chơn tâm, nếu thấy được chơn tâm rồi thì ngoại cảnh trong tâm không ngại nhau thì không còn cố chấp hình sắc bên ngoài làm gì. Cũng vì thế, toàn cả trong đạo chúng ta không hề dùng đến đòn, kèn, trống phách, lầu phượng, xá hạc, đọc tụng ó la như các phái khác.

Với pháp Thiên này, chỉ chủ ở việc tự lực cứu cánh nghĩa là tự cứu mình, tự mình làm nên tội thì tự mình gắng chữa bỏ, mình vọng chấp ngoại cảnh mà thành mê, thì tự mình trừ diệt để được tỏ ngộ. Mình hiểu mọi việc tội, phước, Phật, Ma cũng đều do nơi mình cả, thì mình lấy sức của mình để cứu độ mình trước đi, không nên cậy dựa vào oai lực của ai độ mình; nếu mình không độ được mình thì người khác khó độ. Ví dụ: Mình đang chìm sâu đáy biển, mình không gắng sức đập mạnh cho nổi lên mặt nước, dầu người trên thuyền muốn cứu mình cũng không thể cứu được; còn mình gắng sức vọt lên mặt nước thì người trên mạn thuyền mới cứu mình được. Và như thế sự kết quả sẽ chắc chắn.

Vì lẽ cần lấy sức mình để độ mình, nên mỗi người luôn luôn chuyên tâm thật hành pháp Thập thiện, Bát chánh, Tứ diệu đế, hoặc trừ sáu căn, diệt sáu trần hay là tu pháp

Thập nhị nhơn duyên, v.v... Nghĩa là mình làm sao tiêu trừ được các phiền não và phá tan màn vô minh ở nơi mình để cho thân tâm thanh tịnh, mọi hình sắc bên ngoài không rử ren, náo nhiễu được. Và lúc nào mình cũng chuyên tạo công đức rộng lớn, trí huệ đầy đủ hầu khỏi vòng tử sanh sẽ còn phương tiện cứu vớt được kẻ còn mê đắm trong tục lụy.

- Còn pháp Tịnh độ, thì Đức Thầy dạy lúc nào cũng chủ tâm vào việc chuyên niệm sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” để nhờ oai lực của Đức Phật Di Đà tiếp dẫn mình về cõi Cực Lạc.

- Với pháp Tịnh là pháp chủ vào tha lực, nghĩa là chỉ nhờ ở sức hóa độ của người khác, chớ riêng mình không đủ năng lực độ lấy, như là phải gắng lòng để niệm Phật một cách thành tâm thiết ý để nhờ Đức Di Đà phóng quang minh, dùng thần lực ủng hộ cho mình trong khi niệm được vững vàng và tiếp độ cho mình sau khi mạng chung được vãng sanh về cảnh giới Tịnh độ. Với sự niệm tưởng ấy, mình nghĩ cho mình như kẻ ăn xin, đã đói khát nhiều ngày sắp chết một bên, cầu người chia cho cơm ăn đặng sống. Với lòng mong cầu van lạy như thế tất Đức Phật lấy đức từ bi cứu độ cho, đó là pháp Tịnh độ.

Hai pháp môn Thiên tông và Tịnh độ này, có hai cách cứu vớt khác nhau: Thiên tông là tự cứu lấy mình; Tịnh độ là nhờ người khác cứu cho. Tuy vậy, đến khi chứng đắc rồi cả hai cũng đồng đi đến cõi giải thoát như nhau cả. Sở dĩ có sự cứu độ khác nhau, vì trình độ chúng sanh có kẻ tự độ

được, thì dùng pháp Thiền; kẻ không tự độ được, thì dùng pháp Tịnh, cả hai pháp cùng mục đích dứt chúng sanh đến chỗ khỏi luân hồi sanh tử. Như thế, không còn phân biệt danh từ Thiền hay Tịnh nữa.

Sở dĩ Đức Thầy đem hai pháp Thiền, Tịnh dạy ra một lượt cho cả môn nhưn đệ tử của Ngài thật hành mỗi bữa, bởi vì thời này, kẻ thượng căn thượng trí có đủ năng lực tự tu tự độ lấy mình chỉ có số ít, nếu dạy ra pháp Thiền thì chỉ hạng người đó tu thôi, còn kẻ hạ căn hạ trí thì không thể tu theo nổi; trái lại, dạy thêm pháp Tịnh thì không những hạp bực hạ căn hạ trí mà bực thượng căn thượng trí họ cũng tu được. Vì vậy, Đức Thầy muốn độ cả hai hạng người trí và ngu, thượng căn và hạ căn, nên Ngài dạy cả hai pháp Thiền và Tịnh để hành một lượt, nghĩa là phải vừa niệm Phật để cầu sanh về cõi Cực Lạc, vừa chừa bỏ các điều tội ác nơi mình, giúp cho quả niệm Phật mau muôi, mau chín, hột giống lành được nảy nở chắc chắn.

Với sự gồm dạy cả hai pháp Thiền tông và Tịnh độ ra một lượt, rất thích hợp các giới chúng sanh ở thời này, do Đức Thầy đã quan sát rõ trình độ chúng sanh nên Ngài cần dạy hai pháp môn ấy.

Xin lặp lại một lần nữa, yếu pháp của Đức Thầy đã dạy gồm có môn Thiền tông và Tịnh độ. Pháp Thiền chủ vào tự tu tự độ; pháp Tịnh thì chủ vào tha cứu tha độ. Nếu mỗi người đều vừa tự lo cứu mình và vừa mong cầu sự giúp đỡ

của Đức Phật thì mau được thành tựu, chẳng khác nào xuống giống được mưa, tức là mùa màng thanh mậu.

Sự vãng sanh của những người tu pháp Thiền và Tịnh như vừa đã kể qua, chắc chắn sẽ được toại nguyện như thò tay lấy đồ trong túi của mình.

Để chứng chắc sự gồm tu cả pháp Thiền tông và Tịnh độ có sự chứng đắc hẳn hoi, xưa có Ngài Vĩnh Minh Đại sư tức là vị Tổ thứ sáu của pháp môn Tịnh độ, Ngài nói rằng: “Mỗi người đã tu pháp Thiền mà còn tu thêm pháp Tịnh thì chẳng khác nào cọp thêm sừng, cọp vốn mạnh hơn các thú mà còn thêm được sừng, thì càng mạnh lung nữa. Và kẻ ấy lúc hiện tại chứng đến bực Thiên như sư, sau sẽ bước tới quả phẩm Như Lai”. Thấy đây, chúng ta càng tin mạnh giáo pháp của Đức Thầy, nếu chúng ta tự chữa bỏ các điều tội nơi mình và vừa van cầu Đức Phật cứu độ thì phần vãng sanh rất mau lẹ. Chỉ trừ khi nào chúng ta không phải hành Thiền, không phải hành Tịnh, nghĩa là tu lơ là, niệm Phật lấy có thì dù có muôn Thiền hay ngàn Tịnh cũng không cứu chúng ta được.

LỊCH SỬ PHẬT THÍCH CA

Sáu bài vừa qua chúng ta đã rõ tại sao chúng ta cần phải tu? Do đâu chúng ta đặt đức tin nơi Đức Thầy? Sứ mạng của Đức Thầy như thế nào? Cũng như mục đích và yếu pháp của Phật Giáo Hòa Hảo ra sao rồi.

Khi chúng ta được hiểu Đức Thầy là một vị đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca, Ngài ra đời với sứ mạng cứu vớt quần sanh và chấn chỉnh Phật đạo, thì chúng ta cần phải hiểu đến lịch sử Đức Phật Thích Ca.

Có hiểu được lịch sử của Phật rồi mới vươn mình noi theo gương phẩm cao cả của Ngài, hầu khởi thẹn mình là người học Phật.

Bữa nay chúng ta tìm hiểu lịch sử Phật Thích Ca.

Thân thế của Thái tử Sĩ-Đạt-Ta:

Đức Phật Thích Ca tên tục là Sĩ-Đạt-Ta, họ Thích Ca, hiệu là Cù-Đàm, vốn là một nhà đại quý tộc ở Ấn Độ (nước Ấn Độ thời ấy chia làm bốn giai cấp: Bà-la-môn, võ sĩ, thương mãi và cấp nông dân, mà dòng họ Thích Ca thuộc về cấp võ sĩ).

Phụ thân của Thái tử là vua Tịnh Phạn Đầu Đà, còn mẹ Ngài là bà hoàng hậu Ma Gia. Cả hai ông bà đều là người nhân từ minh chánh, nên xứ Ấn Độ thời ấy mặc dù chia ra hơn hai trăm nước nhỏ, mà nước Ca Tỳ La Vệ thì

dân chúng không những có nền nếp tốt đẹp và đời sống được đầy đủ hơn hết.

Ngày và nơi đản sanh Thái tử

Sau khi lĩnh bà Ma Gia đến trước mặt vua Tịnh Phạn để cầu xin cho bà ở riêng cung thất để lo tu dưỡng đức hạnh, chỉ cấp cho bà một ít người tâm phúc, không cần đông người. Và bà xin vua thương xót kẻ nghèo đói như con đẻ, mà chu cấp tiền, thóc, vải bô cho họ được ấm no.

Đêm nọ, bà nằm mộng thấy bốn vị thần lực đến khiên giường bà lên chót núi Hy mã Lạp sơn, liền đó có một thớt tượng trắng có sáu ngà, miệng ngậm bông huệ từ trên không hốt nhiên bay xuống khai hông lĩnh bà chung vào, khi bà thức giấc biết mình đã thọ thai.

Ngày tháng trôi qua, vào bữa sớm mai kia bà dạo chơi trong vườn Lâm tỳ Ni, đang đứng ngắm nghía cái bông Vô ưu, liền đó Thái tử khai hông lĩnh bà chung ra. Ngày ấy, nhằm mừng tám tháng tư âm lịch, trước ngày chúa Jesus giáng sanh 563 năm. Từ đó đến nay là 2.517 năm tức gần 26 thế kỷ (mỗi thế kỷ một trăm năm).

Nhiều hiện tượng trong lúc sanh Thái tử

Trong lúc sanh Thái tử Sĩ-Đạt-Ta thì khắp quả địa cầu đều rung rinh, cả thảo mộc đều trở hoa quả tươi tốt, các loài cầm thú bay nhảy líu lo rất vui vẻ, trên không trung các chư Thiên trời nhạc chúc tụng, có mưa hoa cúng dường và

tắm rửa Thái tử. Cũng như chỗ sanh Thái tử có mấy hoa sen thật lớn hiện ra đỡ chơn Thái tử và còn một điều nữa là lúc ấy khắp cả thế giới được ngửi mùi thơm tho lạ thường.

Sở dĩ có những hiện tượng lạ thường như vậy, là bởi, Thái tử với chơn linh trước đó là vị Bồ Tát Hộ Minh từ cung Đâu Suất, Ngài dùng huệ nhãn quan sát thấy quả chúng sanh đã muôi Ngài có thể độ được. Ngài thấy hai vợ chồng vua Tịnh Phạn hiền đức và đã từng làm cha mẹ của Ngài hơn năm trăm kiếp, Ngài mới giáng sanh vào đó. Vì Ngài vô lượng kiếp đã từng cứu độ vô số chúng sanh có công đức không lường được, nên các Phật Thần ở mười phương thế giới chúc mừng Ngài ra đời tu chứng quả Như Lai và cứu vớt chúng sanh ra khỏi biển khổ. Do đó mới có hiện tượng như thế.

Tướng mạo của Thái tử và lời tiên đoán của ông Tiên A-tư-Đà

Gần thành vua Tịnh-Phạn có vị đạo sĩ thuộc phái Bà-la-môn tu chứng quả Tiên. Ông tên A-tư-Đà. Khi được nghe nhà vua hạ sanh Thái tử ông liền đến yết kiến. Sau khi xem tướng mạo của Thái tử, thì ông A-tư-Đà mũi lòng khóc. Bởi ông được có đạo nhãn; xem hiểu quá khứ vị lai, ông đoán biết ngày sau, nếu Thái tử ở tại trào sẽ làm vua đến bực Chuyển luân vương, trên hết các bực Thiên tử; còn Thái tử đi tu sẽ chứng bực chánh đẳng chánh giác (tức quả Như Lai).

Ông xét mình đã già, từ đây đến Thái tử lớn lên đi tu chứng quả phải ba mươi mấy năm nữa, chắc ông không thể sống đến đó để nghe được lời vàng của Phật dạy bảo, nên ông phải rơi lệ.

Cách giáo dục và tài năng của Thái tử

Sau khi sanh Thái tử được bảy ngày, thì lệnh bà Ma-Gia từ trần, có bà Ma ha Bà sa Bà đề là bà dì của Thái tử thay việc nuôi dưỡng Thái tử. Khi Thái tử lớn lên nhà vua mời các bậc danh sư về môn thiên văn, địa lý và các môn võ nghệ đến dạy Thái tử, như là dạy bộ kinh Phệ-Đà của phái Bà-la-môn, Thái tử nghe qua liền thuộc và giải nghĩa còn thông suốt hơn các giáo sư, khiến cho các giáo sư ngạc nhiên khiếp phục sự thông minh quán chúng của Thái tử.

Đời sống của Thái tử

Khi Thái tử lớn lên, vua Tịnh Phạn nhớ lại lời của ông A-tư-Đà cho biết ở lúc trước, nên Ngài rất lo sợ Thái tử đi tu. Ngài mới nghĩ ra một cách: bày những cuộc vui thú làm cho Thái tử say đắm mà quên đi việc xuất gia, rồi Ngài liền cho xây cất một tòa lầu để ở trong mùa thu, một tòa để ở trong mùa hạ và một tòa lầu để ở trong mùa đông: ba cái lầu ấy, để ở trong ba mùa nóng, lạnh và mùa không nóng không lạnh. Đồng thời vua Tịnh-Phạn truyền lựa năm trăm cô gái đẹp để đờn ca hát xướng và hầu hạ Thái tử mỗi ngày. Ngài lại cấp những thức ăn thượng hảo để làm cho Thái tử phải động ý say mê.

Trái lại, với những món ngon vật lạ và tiếng hát điệu đờn của các thế nữ, mặc dù đôi kẻ khác rất quyến rũ họ sa đắm, còn đối với Thái tử thì Ngài thần nhiên không hề cảm nhiễm, trên gương mặt Ngài thường biểu lộ lắm vẻ ưu buồn không kẻ xiết.

Thái tử lập gia đình

Khi Thái tử lên mười sáu tuổi, thì vua hội các quần thần chọn lựa được nàng Da-Du Đà-La làm lễ thành hôn cho Thái tử. Trước cuộc thành hôn đó có nhiều cuộc ly kỳ, là nàng Da-Du Đà-La là một cô gái đẹp như ở thời ấy, các vị vương tôn công tử đều muốn kết hôn cùng nàng, mới bày ra các cuộc thi, nếu ai có tài hơn mới được cưới nàng. Các cuộc thi ấy nào là bắn cung, đua ngựa v.v... môn nào Thái tử cũng thắng hết, nên cưới được nàng Da-Du Đà-La. Ngài có vợ, sanh được một người con trai tên là La-Hầu-La.

Lý do Thái tử xuất gia

Vào hôm nọ, thấy trong người buồn bã, Thái tử liền đến xin vua cha cho Ngài ra thành dạo chơi. Đức vua Tịnh-Phạn lúc nào cũng thương yêu Thái tử, mặc dù Ngài sợ Thái tử thấy cảnh khổ của đời mà đi tu, song vì lòng quá thương con nên Ngài chấp thuận lời xin ấy.

Ngày đầu, Thái tử gặp một ông già tóc bạc da nhăn, lưng cong gồi mỗi, mắt lò tai điếc, chùng như trong người ông ấy đã yếu ớt lắm nên thường hay run rẩy, xem rất khổ sở. Thấy thế, Thái tử càng lấy làm đau lòng lắm rồi.

Đến ngày thứ hai, Ngài gặp người bệnh, mày mặt bủng beo, da thịt ẻo uột, sự ăn uống không được, nên rất ốm yếu. Người ấy rên la tỏ ra rất đau khổ. Khi thấy người bệnh thì Ngài lại càng thêm đau đớn nhiều hơn nữa.

Đến lần thứ ba, Ngài lại gặp một người chết đang khiêng, những thân như quyến thuộc, như cha mẹ, vợ con, anh em theo đưa khóc kể quá thảm thiết. Ngài mới quay lại hỏi người đánh xe: “những cái già, cái bệnh và cái chết đó có ai tránh khỏi không?” Người đánh xe trả lời: “nếu con người sanh ra thì đều phải có già, bệnh và chết; ngay như Điện Hạ cũng không tránh khỏi cảnh huống ấy nữa”. Nghe người đánh xe trả lời như thế, Ngài rất buồn bã và hiểu ngay sự thống khổ của thế gian, dù bậc Thiên tử cao sang sung sướng thế mấy đi nữa, đến ngày kia cũng phải già, bệnh, chết; thân nọ rã ra bùn ra đất, chẳng được bền bỉ. Ngài rất chán ngán cho thân mạng huyễn vô hồi.

Đến lần thứ tư, Ngài lại gặp vị sa môn, vẻ người khoan nhã, dung dáng rất đoan nghiêm, không lộ chút gì tư lự, Thái tử lấy làm kính và hỏi: “Ngài là ai? Vị sa môn đáp, tôi là người khỏi cảnh già, bệnh, chết, bởi tôi không còn cảnh luyến ái việc gì cả”. Thái tử đang tìm cách để giải thoát cảnh ấy, được nghe vị sa môn nói thế khiến lòng Ngài không xiết vui mừng và Ngài hiểu rằng: “Nếu muốn khỏi mọi thống khổ thì phải mau xuất gia tầm đạo”. Ngài liền chào vị sa môn và bảo tên Xa Nặc đánh xe về (bởi vì cơ hóa độ của Đức Phật đã đến, nên Trời Đế Thích hóa ra vị sa môn để thức tỉnh Thái tử, khiến Ngài sớm đi tu để độ chúng sinh)

Về đến thành, Thái tử đi ngay tới Phụ vương là vua Tịnh-Phạn, xin Phụ hoàng cho phép Ngài đi tu. Nghe Thái tử xin đi tu thì lòng vua Tịnh Phạn hoảng lên và khóc lóc bảo Thái tử nên ở lại nối nghiệp trị vì thiên hạ, sau sẽ tu không muộn gì. Thái tử tâu rằng: “nếu cha có phép gì làm cho con đừng già, đừng bệnh, đừng chết và được cứu vớt các thống khổ của chúng sanh, thì con sẽ ở lại đây nối nghiệp cha, lo bề chăn dân trị quốc”. Lời yêu cầu ấy, vua Tịnh Phạn không thể làm sao được. Vua rất buồn và truyền lệnh cho cả thầy quân lính trong cung canh phòng nghiêm ngặt, không cho Thái tử đi đâu hết. Còn một mặt khác nữa, thì vua bày thêm các cuộc vui vẻ khác làm cho Thái tử nguôi sự đòi nài về việc xuất gia tầm đạo.

Mặc dù vua cha không cho, lòng Thái tử đã nhưt quyết đi tu, nên vào mùng bảy rạng ngày tám tháng hai, đầu hôm các mỹ nữ hiệp nhau ca xướng đờn địch ra về lá loi khêu gợi lòng Thái tử, cốt làm cho Ngài không còn nhớ việc đi tu.

Trời lần lần khuya, các cô mệt ngã bên tường mạnh ai nẩy ngủ. Lúc ấy Thái tử Ngài thấy dáng mặt các người lúc nãy đẹp đẽ xinh xắn, môi son má phấn, uốn éo lá loi, có vẻ yêu kiều diễm lệ, bây giờ ai cũng ngã ra ngủ như chết, mồ hôi đổ ướt đầm, son phấn trôi đùn lại, lúc nãy thơm bấy nhiêu thì bây giờ trở lại hôi hám bấy nhiêu, khiến Ngài càng chán hơn nữa. Rồi đó Ngài mới kêu tên Xa Nặc ra chuồng dắt con ngựa Kiên trắc đem cho Ngài, Ngài muốn vào thăm vợ con lần chót, nhưng Ngài sợ vợ con hay mà cản trở việc

đi tu của Ngài, nên Ngài nén lòng đi luôn. Ngài cùng tên Xa Nặc lên lưng con Kiền trắc nhảy ngang qua thành trốn đi vào lúc canh ba. Khi đó Ngài được mười chín tuổi.

Khi Ngài phi ngựa đến sông A-Nô-Ma, thì Ngài cùng tên Xa Nặc xuống ngựa, Ngài lấy gương cắt tóc của Ngài và Ngài lột áo mao giao lại cho tên Xa Nặc đem về thành tâu lại Phụ vương hiểu lòng Thái tử đã quyết định như vậy. Lúc Ngài cắt tóc có bốn vị Thiên Vương thỉnh tóc Ngài đem về Trời xây tháp để thờ.

THÁI TỬ THAM THIÊN VÀ THÀNH ĐẠO

Sau khi Thái tử giao áo mào cho Xa-Nặc đem về tâu lại vua cha, Ngài đem áo quần đang mặc đổi cho thợ săn để lấy đồ da mặc vào, rồi Ngài một mình một bóng lê chơn đi từ cánh rừng này đến cánh rừng khác để tìm đạo. Đầu tiên Ngài hỏi đạo ông A-La-La và ông Uất-đầu Lâm-phát. Hai ông này một ông chuyên tu ép xác cầu sanh cõi Trời, một ông chuyên tu về pháp phi phi tướng, để đến cõi vô sắc giới. Thái tử ở với hai ông này trong khoản sáu năm. Ngài thấy pháp môn ấy còn trong tam giới, mặc dù phước đức hơn các cõi Trời khác, khi hưởng hết rồi cũng trở xuống phàm trần, Ngài bèn từ giã hai ông mà đi nữa. Kế Ngài đến rừng Ưu Lô Tần Loa phía nam núi Tượng đầu, gần bờ sông Ni Liên Thuyền. Phong cảnh ấy rất tốt đẹp, Ngài nghĩ không còn đi tìm ai nữa, nên Ngài ngồi tại đấy tu khổ hạnh sáu năm.

Trong thời gian sáu năm ấy, Thái tử ngày chỉ ăn vài hột mè, đêm uống đôi giọt sương, thân thể Ngài còn da bọc xương. Hôm nọ Ngài đang đi suy nghĩ liên tếp xui dưới đất, vì cơ thể Ngài đã kiệt sức (lúc đó các vị Thần chạy về cõi Trời Đao-lợi cấp báo cho mẹ Ngài là bà Ma Gia hay rằng: Ngài đã thác, làm cho bà phải một cơn hoảng hốt, chẳng ngờ một hồi sau được tin Ngài tỉnh dậy).

Chừng Thái tử tỉnh lại, Ngài xét sự ép xác, hành thân phải đói ốm như thế này, lẽ phải chết mà đạo quả chưa thành, trí

huệ chưa mở thì chẳng những không cứu được mình và cũng không cứu được ai cả. Chi bằng ăn uống lại cho phục sức thì sự tu hành mới vững chắc hơn. Rồi đó Ngài nhứt định ăn uống lại. Đầu tiên có cô tiểu thơ Tu Xá Đề đem sữa đến dâng cho Ngài, khi uống sữa xong Ngài thấy khỏe lại bèn xuống sông tắm rồi đến gốc cây Bồ Đề ngồi tham thiền. Ngài thệ rằng: “Nếu ta không thành đạo chứng quả thì trọn đời quyết không rời khỏi cây Bồ-Đề này”. Ngài ngồi tại đây vừa được bốn mươi chín ngày thì vào đêm bảy rạng ngày tám tháng chạp Ngài có đủ thần thông từ sao mai mọc đến sáng, tức là Ngài thành Phật hiệu là Bổn sư Thích Ca mâu ni Phật (Bổn sư là Thầy của ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; Thích Ca có nghĩa là Năng nhơn: hay lấy điều nhân từ giúp đỡ cho chúng sanh; Mâu ni nghĩa là Tịch mặc: lòng lặng lẽ rộng không, không còn nhiễm ô, xao xuyến trước cảnh vật nào; Phật là chánh giác: hiểu biết tất cả sự vật và luôn luôn sáng suốt không có một mảy mê loạn nào cả). Khi Ngài thành đạo, toàn cõi Diêm phù đề đều rung động hết, trên lưng Trời có tiếng nhạc trời, có lời Thánh Tiên chúc tụng và có những đám mưa hoa rưới xuống cúng dường. Những hiện tượng lúc Ngài thành đạo không thể kể xiết.

Đức Phật đi truyền đạo

Sau mười hai năm tu hành, Thái tử thành Phật, Ngài cũng chưa đi truyền giáo vội, vì Ngài xét Phật pháp cao siêu mầu nhiệm vô cùng vô tận, e truyền ra chúng sanh không

hiếu đem lòng nghi ngờ, phỉ báng sẽ có tội nặng. Lúc đó có các vị Đế Thích Thiên Vương yêu cầu Phật lấy lòng từ bi trụ thể chỉ dạy cho chúng sanh, không nên nhập Niết Bàn gấp.

Đức Phật bèn dùng đạo lực quán xét căn cơ của chúng sanh rồi Ngài phương tiện thuyết pháp tam thừa: thượng thừa, trung thừa và hạ thừa. Tùy trình độ của chúng sanh như: chúng sanh tu hạng thượng thừa thì Ngài thuyết pháp thượng thừa trung thừa thì thuyết pháp trung thừa hạ thừa thì thuyết pháp hạ thừa. Ngài tùy theo căn khí của chúng sanh mà giảng giáo cho thích hợp, như một nhà đại lương y theo bệnh mà cho thuốc.

Lần đầu tiên Phật nhớ lại năm anh em cùng tu khổ hạnh với Ngài khi trước (vì sau khi Phật ăn uống lại, năm người ấy cho Phật sa ngã, nên bỏ qua vườn Lộc dã để tu). Phật bèn thân hành đến vườn Lộc dã giáo độ năm người ấy là Kiều-Trần-Như, Át-Bệ, Bạt-Đề, Ma-Nam Câu-Ly và Thập-Lực Ca-Diếp. Khi đến đó Ngài thuyết pháp Tứ diệu đế làm cho mấy ông này được tỏ ngộ và chứng quả A-La-Hán, bắt đầu từ đó ngôi Tam bảo có đủ: Phật, Pháp, Tăng. Và cũng từ đó Phật đi nước này, đến nước khác để cứu độ những hạng vua, quan và dân thứ tinh ngộ, không thể lường được.

Nên kể lại lúc Phật gần thành đạo, trong mình Ngài có những ánh hào quang soi chiếu ra sáng rực khắp nơi, thì trong rừng có Ma Vương tên Ba Tuần đoán biết Ngài sẽ đắc đạo. Nó sợ khi Ngài đắc đạo thì đạo của nó không ai theo

nữa. Ma Vương mới hội binh mã, khí giới cả muôn vạn người xông đến trước mặt Phật và nói: “Ông ngồi làm gì đây ? Ông phải qui phục theo chúng tôi để hưởng sự sung sướng, bằng không chúng tôi giết ông liền bây giờ” Phật vẫn ngồi tự nhiên, không trả lời. Chúng Ma Vương áp vào phá hại Phật, song bị ánh hào quang của Phật phóng ra, chúng vào không được. Ma Vương bèn truyền lấy cung tên bắn xả vào Phật, khi mũi tên gần đến Phật thì nó liền hóa thành bông sen rớt xuống không hại được Phật. Ma Vương trở về bàn với ba đứa con gái có cách nào làm ông Cù Đàm sa ngã không? Ba người con gái của Ma Vương liền đáp: “Để chúng con ăn mặc đẹp đẽ, trang sức nức nùng đến bày cuộc hoa nguyệt để coi ông có xiêu lòng không”. Nói rồi ba người con gái của Ma Vương đến chỗ Phật và nói: “Ông ở đây tu làm gì cực khổ, theo chúng tôi về hưởng lấy mọi sự sung sướng”. Phật cũng tự nhiên. Chúng nó dụ không được bèn về lột trần hết áo quần đến trêu ghẹo nữa, khi ấy Phật cũng thản nhiên và nói: chúng bây xấu xí lắm”. Lạ thay: Phật nói rồi, thì ba cô gái ấy, cái vẻ đẹp trước kia bỗng hóa ra tóc bạc, da nhăn, thành một bà già cộp. Chúng nó hoảng hồn ôm đầu chạy về thưa lại Ba Tuần, bảo cứu nó. Ba Tuần dạy: “chúng con đến lạy Phật xin Ngài cho trở lại, chớ cha không có cách nào cứu được hết. Ba người con gái ấy rất vừa bợ nợ vừa hãi hùng, trở lại trước Phật mà thưa rằng; vì chúng tôi không biết, nên mới phạm đến Đức Phật, nhờ lòng từ bi hi xả Ngài tha thứ và cho chúng tôi trở lại”. Khi đó Phật nói: “Các người đẹp lắm”. Lạ thay! Phật nói rồi, thì chúng trở lại đẹp hơn xưa. Từ đó lũ Ma Vương không còn phá khuấy nữa.

Đức Phật nhập Niết Bàn

Vào ngày rằm tháng hai, Phật đến xứ Câu-ly vào rừng Xa-nại đi lại hai cội cây Ta-la bảo đệ tử treo võng cho Ngài nằm. Lúc đó có ông Tu-Bạt Đà-La hơn trăm tuổi có lòng mộ đạo và đã nghe danh Phật mà chưa gặp, khi nghe Phật đến, ông tới xin Phật thọ làm đệ tử Phật nhận. Chính ông là đệ tử chót hết của Phật. Khi ấy Phật cho mời tất cả môn nhơn đệ tử đến rồi Phật thuyết kinh Niết Bàn cho họ nghe lần chót rồi Phật nhập tịch. Phật hưởng thọ được tám mươi tuổi. Thời gian giáo đạo cả thảy bốn mươi chín năm.

Tóm tắt, từ khi Thái tử Sĩ-Đạt-Ta xuất gia tầm đạo cho đến ngày đắc quả, thì gồm cả một tám gương đại tư, đại bi, đại hùng, đại lực. Đại từ là Ngài đem lại sự an vui cho chúng sanh. Đại bi là Ngài thương yêu tất cả chúng sanh, quyết tu chứng quả, tìm được pháp môn để cứu chúng sanh khỏi vòng khổ báo. Đại hùng là Ngài thắng phục Ma Vương không để chúng nó khuyến rủ việc nào. Đại lực là Ngài lia cha già, vợ đẹp, con xinh, không màng Ngài vàng điện ngọc, của tiền châu báu; và Ngài hi sinh bao nhiêu sự vui sướng, chịu sự hài gai áo bả để tu hành khổ hạnh suốt mười hai năm, và khi đắc đạo Ngài không nỡ vội nhập Niết Bàn, vẫn trụ thế bốn mươi chín năm trời, lê chơn xứ này, dời gót nước nọ đem hết lời vàng ngọc, pháp nhiệm mầu truyền dạy chúng sanh hiểu rõ kiếp đời giả tạm, tỉnh giấc mê lầm, hầu lãnh hội giáo thuyết cao siêu của Ngài, nhờ đó mà chúng sanh thoát khỏi quả khổ hại, được siêu rồi và chứng quả giải thoát rất nhiều. Khi biết đến chuyện của Đức Phật Thích Ca,

thì lòng chúng ta đâu khỏi thẹn, vì Ngài là vị Đông cung Thái tử, hưởng lấy mọi cuộc sang giàu gấp bội hơn chúng ta, mà Ngài còn rút bỏ một cách dễ dàng, nhứt là Ngài rút bỏ hồi tuổi trẻ, đương bộ thanh xuân (mười chín tuổi).

Vì lúc ấy là lúc đối với người ai cũng đương bay nhảy đua bơi, không chừa một việc nào. Thế mà Ngài cho việc giàu sang và đời son trẻ là vô thường, như chiếc dép rách, Ngài phải bỏ để đi tu. Còn đối lại chúng ta được sung sướng bao nhiêu, danh dự bao cao mà mãi say sưa đeo đấm, không vứt bỏ lòng dục vọng tham lam để cương quyết tu hành một phần nào như Phật. Như thế chẳng thẹn lắm sao? Sự tu của chúng ta không phải dám sánh với Đức Phật Thích Ca được, nhứt là thời kỳ này không thể hành phương pháp xuất gia như thế đó được, chỉ là tu tại gia cho tròn nợ tứ ân và cần ở một điều làm lành lánh dữ, và phải lột bỏ tất cả tâm phàm tục, đổi lại tâm thánh hiền: biết thương người mến vật, biết giúp đỡ kẻ khác vậy thôi, thế mà mỗi người đối với việc làm ấy còn nay lần mai lựa, khi lui khi tới không được một mạch như nhau, thì nghĩ lại chuyện xưa thiệt lấy làm hổ thẹn lắm.

Khi học sự tích Phật Thích Ca, chúng ta nên noi lấy gương ấy mà sửa mình, dù không làm được y như Đức Phật thì cũng phải làm được một phần nào, để vừa cứu mình khỏi bể mê luân chuyển vừa đáp lại tâm từ bi của Đức Phật

TỨ ÂN

Mặt dù chúng ta tu Phật, song vì hoàn cảnh gia đình, nhưt là còn nặng nợ quốc dân, thành thử chúng ta chỉ theo hình thức của kẻ tại gia cư sĩ. Đã là người tại gia cư sĩ thì không có những điều kiện, giới luật gắt gao như những kẻ ở chùa mà là chỉ giữ một ít điều răn cấm trong mỗi ngày vậ thôi. Và tu tại nhà dĩ nhiên về mặt giao thiệp giữa thân bằng quyến thuộc cũng như sự nhờ nhờ đồng bào xã hội càng lúc càng nhiều, dù giàu nghèo cũng không một ai tránh khỏi cả. Vì thế mà toàn thể người tu hành tại gia như chúng ta đều cảm thấy nơi mình rất nặng nợ tứ ân. Hễ còn thấy mình còn nặng nợ tứ ân thì mình phải cần hiểu rõ từ cách một để đáp đền cho xứng đáng, khỏi thẹn với xứ sở, nhưt là được đi đúng với lời giáo hóa ngọt ngào thâm diệu của Đức Thầy.

Bởi lý do đó, hôm nay chúng ta suy luận bài tứ ân.

“Một câu quân lý tứ ân,

Ta đừng phai lọt phong thần bảng ghi”

Đoạn này, Đức Thầy dạy rằng: nếu một câu quân thần đạo lý trong việc tứ ân mà mỗi người đều được khẩn chặt, không lọt phai, không phụ bạc, sau trước một mực đền đáp chu đáo, thì trong bảng phong thần sẽ được ghi tên. Cách ghi tên ấy, hoặc được phong thần trong triều chánh, nếu còn sống; nhược bằng đã vong thân cũng được ghi tên vào bảng ở Thiên đình. Đó là hai cách phong thần.

Tại sao những người lo về quân lý lại thường hay sanh về cõi Thần? Bởi lẽ người ấy mặc dù đã giữ giới trì trai nhưng lòng còn nóng nảy, còn giận hờn, còn phân biệt nhơn ngã và còn tranh đấu hơn thua, thì chỉ được sanh về cõi Thần hưởng lấy sự thong thả ở trong cái quyền oai khí phách của mình vậy thôi, chứ không đủ đức hạnh, chưa có công phu chứng vào quả Phật được. Còn có người bảo tại sao trường hợp của Quan Thánh lúc sống, ông đi bạch giáp về hồng giáp, sát hại không biết bao nhiêu mạng người, mà ông được phong làm Phật Già Lam. Đó là vì Quan Thánh chẳng những là trung nghĩa liêm sỉ gồm đủ, mà sau khi mạng chung Ngài còn phải tu một thời gian dài rất lâu mới chứng quả được. Điều này các cõi Thần dục giới, cõi Trời sắc giới, cõi Trời vô sắc giới đều có tu về bên Phật được hết, mà nếu các cõi ấy tu theo Phật lại rất mau, vì họ có phước đức sẵn. Nhược bằng kẻ có lòng trung lo việc đất nước, mà không lo tu Phật pháp, thì sau khi thác chỉ chứng quả Thần thôi.

Trở lại sự tu của chúng ta, toàn thể chúng ta hầu hết là tu tại gia, chỉ ở nhà lo việc công phu bái sám thường bữa, chứ không phải ly gia cắt ái, thí phát mặc áo cà sa như những nhà sư hay ni cô được. Như thế đủ thấy chúng ta còn đang nặng lòng với công cuộc sanh hoạt gia đình và sự đối đáp giữa mọi người trong xã hội, vì còn thụ hưởng sự giúp đỡ của đồng bào đất nước rất nhiều.

Đó là phần vật chất.

Còn về phần tinh thần, thì chúng ta rất nhờ ở sự khai mở của Phật, Pháp, Tăng khiến chúng ta tập tành được tâm

hòn từ bi, việc làm bác ái, nhưt là hiểu được luật hơn quá luân hồi, chúng ta mới nẩy lòng sợ sệt điều tội lỗi mà lo làm những việc phước thiện. Do đó, lúc hiện tại chúng ta khỏi phải phạm vào pháp luật khổ sở khốc liệt, khỏi phải làm vật gàn dở chê chán trước mặt mọi người và không làm những gì tai hại phiền khổ cho kẻ khác. Chẳng những thế mà ngày kia chúng ta sẽ khỏi phải vấp chơn trong sáu đường sanh tử và nói gần hơn là chúng ta khỏi phải quả đau khổ trả lại cho ngày sau.

1- ÂN TỔ TIÊN CHA MẸ: Mỗi khi nhìn lại thân xác chúng ta, thì chúng ta hiểu ngay rằng nhờ sự sanh sôi của cha mẹ. Cha mẹ trải qua thời gian chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, chịu lắm sự cực nhọc nuôi dưỡng chúng ta mới được lên vai vế như thế này. Trong thời gian cha mẹ nuôi dưỡng chúng ta, đã phải chịu biết bao lao tâm, phí lực. Lao tâm là lo tìm đủ phương pháp để nuôi chúng ta, nhưt là lo sợ khi chúng ta đau ốm, hoảng hốt khi chúng ta té ngã và lo liệu thương nhớ chúng ta khi đi vắng. Còn phí lực là cha mẹ đem thân làm việc này, việc nọ cho có tiền thóc, có vải bô, nuôi chúng ta đủ no và sắm cho chúng ta đủ mặc cho đến lúc khôn lớn.

Khi chúng ta thấy sự khổ nhọc của cha mẹ đối với chúng ta bao nhiêu, thì chúng ta nghĩ ngay rằng ông bà đối với cha mẹ cũng khổ nhọc bấy nhiêu, nghĩa là sự nuôi nấng từ trên chí dưới cùng một mạch như thế cả, nên khi chúng ta biết ơn cha mẹ cũng phải biết ơn ông bà nữa, vì nhờ có ông bà mới có cha mẹ.

Do những sự nhờ nhờ về mặt vật chất cũng như về tinh thần mà cha mẹ ta nuôi nấng, đồng bào ta đỡ đần, đất nước ta vun quén và nhờ Phật pháp khai hóa trí óc, nên mỗi người chúng ta đều thấy mình mang nặng bốn trọng ân mà lúc nào cũng phải tìm hết cách để đền đáp trong muôn một. Và trên con đường Phật pháp, chúng ta muốn tiến đến mức tuyệt cao thì việc làm đầu tiên là phải xử tròn nợ tứ ân như Đức Thầy đã nói.

“Tu đền nợ thế cho rồi,

Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen”.

Về tứ ân Đức Thầy có dạy, nên đây chỉ lặp lại sơ lược ý nghĩa:

Muốn đền ơn trọng đại của cha mẹ, thì trong lúc cha mẹ còn sống có dạy điều lành lẽ phải, chúng ta phải luôn luôn chăm chỉ nghe lời, còn gặp phải lúc cha mẹ ta làm việc sai quấy, chúng ta phải tìm cách hay ho khéo léo để khuyên lơn cho cha mẹ chừa bỏ để khỏi tội lỗi. Nhứt là chúng ta cần phải có được nhiều ví dụ hay ho để cha mẹ nghe theo hầu sớm quay về con đường Phật pháp, khỏi phải dẫn thân vào đường tội ác, dứt việc luân hồi. Còn như sự ăn mặc của cha mẹ, chúng ta tùy theo hoàn cảnh, tùy theo sức lực của mình mà cung cấp cho được đầy đủ, chớ nên đợi khi cha mẹ từ trần rồi vật heo vật bò tế tự, rước thầy làm trai đàn, tụng niệm linh đình vô ích, mà còn gây thêm tội lỗi cho phần hồn của cha mẹ, chớ chẳng cứu rỗi được phần nào. Và trong sự đáp ơn ấy, điều cần yếu là hiểu ngay rằng: trong bày con của

cha mẹ, thì người nào cha mẹ cũng thương hết, thì chúng ta phải đối xử với anh em cho được hòa thuận, tiêu biểu sự tốt đẹp trong gia đình và làm cho hương danh của gia tộc được thơm tho. Như thế làm sao cha mẹ không hài lòng, kẻ chòm diềng đâu có lý do nào chê đê bề gia giáo của cha mẹ chúng ta được.

Đến khi cha mẹ bệnh hoạn phải lo chạy chữa thuốc men, rũi cha mẹ mẫn phần, đành rằng: gốc trốc thì cành héo, cha mẹ khuất con cái phải đau lòng, nhưng chúng ta chớ lấy sự khóc lóc làm hiếu, mà là phải tập trung tinh thần trí não để cầu nguyện cho chơn linh cha mẹ được siêu thăng về cõi Cực Lạc. Đồng thời chúng ta gắng gổ tu hành để đem công đức hồi hướng cho cha mẹ được khỏi sáu nẻo trầm luân.

Còn muốn đền ơn ông bà, vì ông bà đã qua đời, chúng ta không thể đem những món ăn thức mặc để cung cấp được, thì chúng ta có cách là làm sao tránh được tất cả điều hư hèn tội tệ, để khỏi phải làm nhục nhã dòng dõi chúng ta. Giá như ông bà tổ phụ có làm điều chi sai quấy lưu lại cho con cháu, chúng ta cương quyết giữ lấy điều đạo nghĩa, không nên tiếp tục tà nghiệp ấy, mặc dù việc sửa đổi rất gay go, phải hy sinh rất nhiều, cũng rán làm cho được. Trường hợp này, ví dụ: ông bà có làm nghề thư phù ếm đôi lưu lại cho cha mẹ, cha mẹ truyền đến chúng ta, dù nghề đó có tiền của rất mau, danh vị rất lớn, chúng ta cũng cương quyết rửa bỏ để làm điều đạo lý. Đến như những nghề có thương tổn đến đất nước lại càng phải tránh hơn nữa.

Có được như thế, chúng ta mới có thể bỏ những vết đen của ông bà trên lịch sử. Khi toàn cả chúng ta đều cố gắng làm xong những khoản vừa kể qua, thì về ân Tổ tiên cha mẹ, chúng ta đã đền đáp được một phần nào. Khi chúng ta làm vẹn đạo nhi tử rồi, thì đối với Đức Phật là một điều mà chúng ta có thể tiến đến rất dễ.

2 – ÂN ĐẤT NƯỚC: Năm vóc thân của chúng ta có được là nhờ ở cha mẹ chia xương, xẻ thịt cho. Còn sự sống của chúng ta được vững vàng, có đủ điều kiện về mặt ở ăn đều nhờ đất nước quê hương cung cấp. Hái những cây cỏ lá rau và đứng trên miếng đất của Tổ quốc, cũng như từng nhờ sự truyền thụ của nòi giống, khiến cho sự sống của chúng ta được có đủ mọi điều nhu cầu, khỏi phải thiếu thốn.

Nói rõ là sự sống của chúng ta rất nhờ ở đất nước cung phụng, vì thế mà chúng ta lúc nào cũng nhận thấy nơi mình có bốn phận phải nâng thành, đỡ vạc trong lúc quốc gia bị kẻ ngoài giày đạp bức bách.

Chúng ta phải có đủ cách khôn ngoan khéo léo để làm cho nước nhà từ chỗ yếu ớt trở nên mạnh mẽ, từ chỗ bị thống trị trở lại độc lập phú cường. Gặp phải lúc nước nhà bị kẻ nước ngoài xâm lấn, chúng ta cần phải nỗ lực cứu cấp như lửa cháy mày, dù phải hy sinh rất nhiều và phải vào sanh ra tử, lòng vẫn hăng hái lướt tới và có quả cảm để làm xứng đáng một dân tộc tự giác. Với sự đối địch cùng kẻ ngoại lai là một bốn phận, mà lúc nào chúng ta cũng thiết thi cho kỳ được, nghĩa là làm đến khi nào gót chơn của kẻ ngoại

nhân không còn giẫm trên đất nước chúng ta, và họ không còn đàn áp dân tộc chúng ta nữa. Chẳng đó nước nhà chúng ta mới được độc lập và dân tộc mới thật tự do.

Nghĩ vì nước nhà được thanh bình thì đời sống chúng ta mới được vui tươi, cũng như dân tộc có tự do thì sự sinh hoạt của chúng ta mới đầy đủ, thế nên dù tổn hao bao nhiêu xương máu, tâm lực để cứu quốc an dân, chúng ta vẫn hy sinh làm cho được đến chỗ vinh quang sáng lạn. Song muốn cứu quốc, lẽ trước nhất, chúng ta phải tùy sức lực, tùy tài năng, tùy những điều kiện của mình đã có mà cung phụng cho xứ sở. Chúng ta có thể hy sinh những gì của mình đã có để làm cho xứ sở nhờ đến những lúc đau thương, trong cảnh giặc giã. Nhược bằng, chúng ta kém tài, thiếu đức không thể gánh vác mọi việc to tát được, thì hãy nhận lấy những việc vừa sức mình để làm; hoặc giả xét vì thời cơ chưa thuận tiện giúp đất nước, thà là chúng ta ngồi yên để chịu lấy tiếng không công cán gì, tuyệt nhiên không mó tay vào việc tai hại cho quê hương, nhất là không giúp tay kẻ địch bằng cách giúp lương, tiền hay chỉ ngõ, đem đường cho họ tiến chiếm và tàn sát dân tộc mình.

Dân tộc Việt Nam hơn bốn ngàn năm lịch sử vẫn tự cường và ngang nhiên ở vùng đất chữ S, mặc dù sống gần con hạm Trung Hoa mà không bị mất một miếng thịt nào cả. Và từng sản xuất rất nhiều anh minh tuấn kiệt; với những chiến sách, với những oai hùng đã từng sức một chống mười, chống trăm, chống ngàn, được thắng luôn một cách anh dũng. Bằng chứng là quân nhà Minh, nhà Nguyên, nhà

Thanh qua đây đều thất bại một cách nhục nhã. Với những thế kỷ trước như thế nào, thì thế kỷ này cũng vậy. Ông cha chúng ta để chúng ta, nếu ông cha chúng ta có chí hùng cường thì chúng ta cũng phải có chí hùng cường để làm cho nước nhà độc lập phú cường, để sánh ngang hàng với các cường quốc, làm cho hương danh của Tổ phụ được thơm tho và giúp nước nhà được miên viễn. Với sự cứu quốc quan hệ nhưt là ở giai đoạn này; chúng ta cần nỗ lực đem tài năng của mình để cáng đáng một công việc làm lớn nhỏ nào, có thể giúp cho Tổ quốc sớm phục hưng. Có được như thế, chúng ta mới đáp ân đất nước được một phần nào vậy.

3 – ÂN TAM BẢO: Ngoài ân đất nước, chúng ta còn nặng ân Phật, Pháp, Tăng là những đấng giúp chúng ta ở mặt tinh thần. Còn với những hình hài chúng ta được có và có những miếng ăn, tấm mặc đầy đủ là do ở sự đào tạo cung cấp của Tổ tiên, của cha mẹ, đó là phần vật chất.

Về mặt tinh thần, dù không nói chúng ta cũng tự thấy mình từng nhờ nhờ sự khai hóa của Đức Phật và các đệ tử của Ngài rất nhiều. Nghĩa là nhờ nơi ngôi Tam bảo mở mang đầu óc chúng ta được sáng suốt, để biết đến việc tu hành đạo đức, hầu khỏi chìm đắm trong bể mê ly. Đức Phật là một đấng trọn lành, trọn sáng, Ngài hàm dưỡng một tâm lòng từ bi bác ái vô cùng vô tận, thương yêu chúng sanh không bờ bến, vì thế mà Ngài sau khi tu hành đắc đạo thì đi truyền giáo khắp mọi nơi, khiến chúng sanh nhận rõ chơn lý, biết cơ nhưn quả, được cởi mở các mê lầm, gieo rầm những giống lành tươi tốt. Ngoài lẽ đó, chính Ngài truyền thọ cho

các đệ tử của Ngài những pháp giáo cao siêu, phổ biến từ vùng này đến vùng khác khắp cả năm châu để cho mỗi người không được gặp Phật, thì sẽ gặp đệ tử của Phật giáo độ, bằng không gặp được đệ tử của Phật, thì cũng nhờ giáo pháp do các Ngài dùng bút mực truyền tống cũng có thể tu hành được. Các vị đệ tử ấy, tức là các chư Tăng, các Ngài đã từng hy sinh vì đạo đức, nhắm ngay mục đích tự giác giác tha đi tới và các Ngài luôn luôn noi theo chí đức của Phật mà lăn xả trong cõi đời, có đủ phương tiện, đủ pháp nghi cứu vớt chúng sanh thoát khỏi mê đồ khổ hải.

Được thấy công đức lớn lao, pháp giáo sâu nhiệm của Đức Phật và các chư Tăng, nên chúng ta lúc nào cũng vẫn tôn kính Đức Phật lời lẽ đứng đắn, kể đó chúng ta đầy lòng tin tưởng và ca tụng sự nghiệp cứu đời của Ngài và chót hết chúng ta phải tự kiểm điểm thân tâm, để đi theo con đường của các vị đại đệ tử của Phật chỉ bảo.

Với điều chúng ta tin tưởng và phụng hành giáo pháp của Đức Phật và noi dấu chơn của các chư Tăng là việc chúng ta noi lấy gương Tổ tiên của chúng ta hồi trước. Vì Tổ tiên chúng ta đã nhận hiểu tấm lòng quảng ái, đức độ từ bi của Đức Phật, nhứt là hiểu rõ pháp giáo của Phật rất siêu mầu, nên chỉ Tổ tiên chúng ta luôn luôn hết lòng sùng bái và tín phụng theo từ việc một của Phật mà y hành. Với sự tín phụng và thiết hành này không ngoài lẽ vun bồi cội đức, gieo rải nguồn chơn, để làm cho nền đạo hạnh trong xứ được phát triển khắp dân gian, không một công dân nào mà chẳng hiểu việc tam qui ngũ giới, để xây dựng một tòa lầu đạo

hạnh từ trên chí dưới lộng lẫy xinh đẹp ở thời này đến thời khác, ai cũng cùng một nhịp tiến hành trên con đường Phật pháp.

Mỗi khi chúng ta được đọc hay được hiểu đến việc Tổ tiên chúng ta hết lòng thờ phụng Phật pháp, thì tự thấy nơi mình có bốn phận theo đòi gương phàm của Tổ tiên mà luôn luôn trau giồi trí huệ cho được mở mang để theo dõi con đường giải thoát. Khi chính mình được giải thoát thì sẽ tùy nghi dắt dẫn cho người làm đường lạc lối hầu có cơ tỉnh thức, biết lối trở về cùng chúng ta hưởng lấy sự an vui nơi cảnh Niết Bàn. Chúng ta phải làm cách nào để gieo hạt giống từ bi bác ái cho một ngày một được siêu mẫu, ăn nuốt tất cả cây cỏ vô dụng, khiến mặt đất Việt Nam chỉ rờng một thứ cây quý.

Có được như thế, chẳng những cứu nước nhà khỏi tòi phong bại tục, phá trai phạm giới, lại còn thấy mình theo dõi công trình vĩ đại của Tổ tiên, và đền đáp trọng ân của Đức Phật, và chót hết là gây lấy cho mình được duyên lành để ngày kia khỏi phải chìm đắm trong cõi tối tăm.

Khi mỗi người chúng ta đã tự xét và thiết hành như thế, đối với ân Tam bảo sẽ khỏi phải thẹn thùa một điều nào cả.

4 – AN ĐỒNG BÀO VÀ NHÂN LOẠI: Bất luận ai, khi mới sanh ra đều thấy mình đã nhờ nhờ đến sự giúp đỡ của mọi người xung quanh cả. Bằng chứng là đứa bé lúc ra đời đã được cô đỡ (bà mụ) giúp tay rồi vậy. Từ đó cho đến

lúc lớn khôn, hễ tuổi càng cao chừng nào càng thấy mình nhờ sự giúp đỡ của người xung quanh càng nhiều chừng nấy. Nếu được người giúp đỡ càng nhiều thì sự chịu ân ích càng to thêm.

Chúng ta được no là nhờ kẻ cày cấy, được ấm là nhờ kẻ may dệt, được nếp tranh mái ngói ở yên là nhờ đến kẻ thợ thuyền xây cất, cho đến lúc bệnh hoạn chúng ta cũng nhờ lương y chữa trị bằng món thuốc này, hay món thuốc khác. Giữa họ cùng chúng ta luôn luôn có sự liên quan mật thiết với nhau, những sự vui sướng thì họ cùng chúng ta chung hưởng, gặp phải lúc hoạn nạn thì chúng ta cùng họ đồng gánh lấy; họ với chúng ta không sai khác, cũng cùng một màu da, một sắc tóc, cùng nói một thứ tiếng như nhau và cùng chung một phong tục. Giữa họ cùng chúng ta quần tụ lại làm một thì gọi là quốc gia. Những kẻ ấy, là ai? Tức là những người mà chúng ta đã gọi bằng hai chữ đồng bào.

Sao gọi là đồng bào? Vì kẻ đó với chúng ta cùng chung một bọc sanh ra, cùng một chủng tộc, một nòi giống đã được roi truyền từ lâu trong đất nước; và đã từng viết những trang sử rất oai hùng, rất lừng lẫy trong những thời đại chống kẻ ngoại xâm. Giữa đồng bào chúng ta cùng chúng ta cũng đã chen vai thích cánh, tương thân tương trợ cho nhau lướt qua biết bao nhiêu nguy biến, và vẫn chung lo một phận sự là un đúc cho ngày mai hậu của giống nòi được sáng sủa tốt lành để tiếp tục lấy công trình vĩ đại, chí khí liệt oanh của bước đường ông cha chúng ta đã đi trước. Giữa đồng bào cùng chúng ta có một mối tình thân thiết nối liền

nhau cũng như gân với thịt, không thể rời rứt nhau lúc nào được. Nghĩa là không hề có đồng bào mà không có chúng ta, hay có chúng ta mà không có đồng bào, vì từng cá nhân một của chúng ta hợp lại làm thành một chủng tộc, cùng sản xuất trong một bào thai mới gọi là đồng bào. Kể ra đó là đồng cốt nhục vậy.

Thế nên, lúc nào chúng ta cũng tìm cách để giúp đỡ cho đồng bào về phương diện tinh thần lẫn vật chất, hầu có đáp lại những ơn ích của chúng ta đã thọ từ bé chí trưởng.

Vượt trên phạm vi đồng bào, chúng ta còn đến địa hạt của hơn loại nữa, tức là những dân tộc trên thế giới, họ đang gom nhóm tinh thần, tập trung sức lực quây quần trong việc làm này đến việc làm nọ, để sản xuất những món nhu cầu cần thiết, do đó chúng ta mới đủ món cần dùng. Nếu chỉ riêng có dân tộc chúng ta, không có dân tộc khác, thì dám hỏi dân tộc chúng ta có thể có chẳng? Và chúng ta có thể sống cách lẻ loi chẳng? Mọi vật cần dùng có thể đầy đủ không? Nhất là có thể nào tránh khỏi cuộc gió mưa đau yếu, hay những lúc biến di để giữ vững lối cách sống yên ổn chẳng? Hẳn là không. Vì nếu không có những sự cung cấp của các dân tộc khác, thì chúng ta chẳng thể sống vững và cũng thiếu phương tiện để sống. Ví dụ: nước ta không chế được tàu, xe mà không nhờ đến các nước khác cung cấp cho thì chúng ta có thể có được chẳng? Hoặc giả có những thứ thuốc ngoại quốc bào chế được, mà dân tộc chúng ta chưa có thì những lúc ốm đau có nhờ đến không? Với những phương tiện khác cũng vậy, chúng ta không có, hẳn phải nhờ đến

dân tộc khác giúp đỡ. Có thể nói giữa các dân tộc trên thế giới này, đều có sự nhờ nhờ qua lại luôn luôn, như người làm ra gạo lúa đem đổi kẻ có vải bô, kẻ làm ra vải bô đổi người làm ra xe tàu, hay người làm ra xe tàu đem đổi kẻ chế ra thuốc men v.v...Có sự đổi chác giữa nhau mới làm cho sự sống khắp dân tộc được quân bình cách ăn ở hay việc sử dụng.

Vì lý do trên đây, chúng ta cảm thấy giữa dân tộc của mình với dân tộc khác, nghĩa là với nhơn loại đều có sự nhờ nhờ nhau luôn, mà chúng ta cần phải biết ơn ích của họ và lúc nào cũng nghĩ đến họ cũng như mình nghĩ đến mình, không nên ỷ lại dân tộc mình mạnh mà lấn lướt hay chà đạp dân tộc yếu, cũng không cậy dân tộc mình khôn ngoan mà hiếp đáp giống lạc hậu, phải luôn luôn vừa giúp họ, để tiến hóa như mình. Nếu hết thấy dân tộc đã có được như thế cả, thì không thấy có cuộc dân tộc này xua binh xâm chiếm dân tộc khác, vẫn cùng chung xây dựng nền tảng bình đẳng bác ái khắp quả Địa cầu.

Tiến đến trình độ cao hơn nữa, nghĩa là đến một tâm hồn rộng rãi hơn, đó là tánh từ bi bác ái của Đức Phật. Vì Đức Phật Ngài luôn luôn lấy lòng thương xót tất cả nhơn sanh, chẳng những thế, Ngài còn thương đến những loài bò bay máy cựa nữa, tình thương ấy không thể lấy vật nào để lường được, vì nó rộng lớn không bờ bến nào làm giới hạn, tiến đến mức không phân biệt giống dân này hay giống dân khác, và cũng không phân biệt người sang hèn, hay kẻ ngu

người trí, ban bằng đẳng cấp xã hội chỉ đặt vào tâm hồn từ bi bác ái đại đồng, xem ai cũng là nhân loại chúng sanh cả.

Nếu chúng ta đi đến tâm hồn như thế, thì không có lý do nào chánh đáng hơn, vì sự lợi ích cho gia đình mà đàn áp giống dân khác, vẫn luôn luôn lấy lòng thương yêu tất cả mọi người, giữ làm việc nhân đem lại sự hòa cho giữa dân tộc này đến dân tộc khác nhờ đến. Thêm nữa là nêu cao tinh thần tha thứ sự lầm lỗi của hạng người này đến hạng người khác và tự thấy mình có bổn phận, như: có của thì giúp người thiếu thốn, có tài thì giúp kẻ nông nghên, biết chữ nghĩa thông thái chỉ dạy kẻ dốt nát, chớ không có ý chúng hiếp cô, cậy khôn lẩn đại bao giờ.

Còn nói gì đến hạng người đã xuất gia đầu Phật, ngoài những ân ích đã kể qua, họ còn nhờ đến sự giúp đỡ kẻ đàn na thí chủ rất nhiều. Những miếng ăn của họ cũng nhờ kẻ khác giúp, tấm mặc cũng nhờ kẻ khác may cho, những thuốc men để chữa trị cũng nhờ đến tín nữ thiện nam lo liệu, nhứt nhứt món gì của họ cũng nhờ kẻ khác cung phụng, vì thế mà đối với nhơn sanh họ luôn luôn cảm thấy mình chịu ân rất nặng, phải rán lo tu hành chứng quả để đem hết tâm hồn linh mẫn của mình ra dắt dẫn người ngu dốt, đại khờ và phở hóa những kẻ còn quay quần trong tội lỗi để có cơ ăn năn chừa bỏ việc quấy. Phận sự này họ phải làm suốt cả đời mà không biết mỏi, làm một cách tận tụy hy sinh, không chừa bỏ một việc lành nhỏ nào. Như thế mọi việc ân ích của mình thọ lấy từ lâu mới có đền đáp được ít nhiều.

THẬP ÁC

Vừa qua chúng ta đã hiểu bốn điều ân. Với bốn điều ân ấy muốn thiệt thi một cách cụ thể, nghĩa là muốn làm đến một kết quả đầy đủ hiển hiện, điều cần hơn hết là chúng ta rán chừa được mười điều ác.

Vì rằng, nếu chúng ta chỉ đền đáp những người chúng ta thọ ân, còn đối với kẻ khác chúng ta lại toàn làm điều hung ác với họ thì chẳng những họ sẽ bất bình mà với người chúng ta đáp ân kia, họ cũng không vui. Bởi vì chúng ta đền ơn đáp nghĩa cho một người này, còn đối với người khác thì chúng ta đem điều tội khổ cho họ, thì chẳng phải là việc làm của chúng ta đem cái vui của người này để đổi cái khổ của người khác hay sao? Chúng ta đáp ân cho người này, bằng cách đi cướp giựt của kẻ khác thì đâu phải là chánh đáng.

Xin nói hơn lần nữa, chúng ta muốn đền ơn cho người này, mà làm khổ cho người kia, chỉ gây lầy oán với người chớ nào phải cách đáp ơn như vậy.

Ít ra chúng ta muốn đền ơn đáp nghĩa những kẻ chúng ta đã nhờ nhờ là chúng ta trước phải chừa xong các điều tội ác và việc chánh đáng, thì trong sự đáp ơn ấy mới thật tình đáp ơn; và trong hành động ấy mới không gây điều khổ cho người khác.

Bởi thế, chúng ta hôm nay tìm hiểu rõ nghĩa thập ác.

“Nguyện cùng Phật dứt duyên trần cấu,

Phải trừ thêm thập ác huyễn thân”

Đoạn này, Đức Thầy bảo những kẻ đã mê, hôm nay muốn qui y đầu Phật thì hãy thành tâm nguyện cùng Phật rửa sạch tất cả bụi trần đang bám dính nơi lòng; đồng thời phải ngăn chừa được mười điều ác đương tích tụ nơi thân huyền hóa của mình nữa mới được.

Có một hôm nọ, Đức Phật cùng những đại đệ tử của Ngài thân đến cung Long Vương, nhân chỗ các loài ở cõi của Long Vương có những hình hài sai biệt nhau, Phật Ngài thuyết ra mười điều ác. Ngài nói rằng: “Sở dĩ ngày nay cả thủy chúng sanh ở trong biển khổ có những hình sắc ô dề thô mịn, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc lành mạnh, hoặc đau yếu, hoặc tốt tươi, hoặc xấu xí hầu hết do ý niệm và tư tưởng bất lành của thân, của miệng, của ý, ở mỗi chúng sanh gây ra. Vì tùy theo nghiệp tạo, hoặc lành hoặc dữ của mỗi người mà chịu lấy quả báo tốt hay xấu”.

Đức Thầy dạy: “Nếu ai muốn làm được trọn đạo làm người điều trước nhất phải gìn vẹn bốn điều ân. Nhưng muốn làm xong bốn điều ân, thì mỗi người phải chừa bỏ được ba nghiệp tội và mười điều ác. Đó chẳng khác nào người muốn làm giàu thì phải rán tránh sao đừng cho thiếu nợ. Vì nếu xung mình có của mà còn mang nợ nần thì đâu yên tâm và sao gọi là người giàu. Những người tu cũng thế, muốn cho mình được làm nên ông Thánh, ông Hiền mà những điều ác nơi mình chưa trừ bỏ xong thì đâu có thể nào làm ông Thánh ông Hiền được. Đó chẳng khác nào mình leo lên cây bắt cá, xuống nước mò trứng, việc làm ấy muôn lần không được một lần.

Trường hợp ở thời đại hiện nay có lắm người như vậy: trong lúc tu hành muốn mình mau chứng quả, hoặc được phép thần thông, được có gậy báu hay được lời vàng tiếng ngọc của các bậc Thánh Tiên ban cho, mà những điều của các Ngài dạy làm lành, làm phải không chịu làm, điều nào cũng lật ngược lại tất cả và làm xáo trộn cả pháp tinh nghiêm trong kinh kệ. Do đó mà sự tu hành của hạng người ấy không hề có linh ứng. Cái giả dối của họ, đối với phàm trần còn không ưa thích huống hồ Thần thánh các Ngài đã nghiêm nghị hơn thì không thể nào cấp phát cho họ những màu nhiệm gì được. Vì nếu cấp phát cho họ phép màu, chẳng khác nào giúp hổ thêm sừng sẽ thêm tai hại cho đồng bào nhơn loại chớ chẳng ích chi.

Mọi người đều có ba cái nghiệp nó thường ngăn che chơn tánh. Ba nghiệp ấy là cái nghiệp của xác thân, cái nghiệp của lỗ miệng và cái nghiệp của ý tưởng. Ba nghiệp này, là gốc để sanh ra mười điều ác.

- Về nghiệp của thân xác thường hay sanh sản ra ba điều ác:

1. Thân hay làm việc sát hại sanh mạng của người hay của vật.

2. Thân hay tập tành theo những nghề trộm cắp, cướp giựt của người này người khác đem về làm của mình.

3. Thân hay khởi làm những việc tà dâm hoa nguyệt nghĩa là lấy vợ con người một cách phi pháp làm ô nhục của phong tục.

- Nghiệp của lỗ miệng thường hay sanh sôi nảy nở ra bốn điều ác.

1.- Miệng thường nói đâm thọc, đến người này xoi xĩa người kia, đến người kia thì xoi xĩa người này, làm cho cả đôi đảng có sự chích móc thù hận lẫn nhau.

2.- Miệng hay thêu thùa dệt vẽ những lời khéo léo hay ho phỉnh phờ dối gạt người khác, hay ý trọng vào mình có quyền, có của mà nặng lời thóa mạ kẻ thế yếu thân cô.

3.- Miệng hay nguyên rủa, chửi bới kẻ phạm đến mình hay kêu réo Trời Phật để khiến sai những việc này đến việc nọ theo chỗ của mình đòi hỏi.

4.- Miệng hay bày lời dối mị, chuyện có nói không, chuyện không nói có, chuyện dưới sông lên nhà nói khác, trên nhà xuống sông nói khác, trong việc lặp đi lặp lại sai khác không giống nhau, toàn đem lời láo xược, làm cho giữa mình với kẻ khác hiểu lầm nhau sanh sự chia rẽ, gây lấy điều thất tín cho mình.

-Nghiệp của ý thường hay sanh sôi nảy nở ba điều ác

1 - Ý thường hay tham lấy của người này, của người nọ, dù món ấy nhỏ hay lớn, tiện giá hay quý giá cũng không bỏ một việc nào, chỉ muốn cho mình được đầy đủ ấm no,

làm cho kẻ khác phải thiếu hụt mát mát thân thể hư hỏng mà chẳng cần đến.

2 – Ý hay giận hờn căm tức những người làm lỡ hay đụng chạm đến mình, ý mình nổi xung lên để cào cấu, đối chọi lại bằng cách này hay cách khác cho nặng hơn, cao hơn để đè ép được người mới ung dạ.

3 – Ý thường nghĩ ngợi những điều mù mờ rối rít, không tìm hiểu được sự thật từng việc một trong gia đình hay ngoài xã hội, mỗi mỗi đều lấy tâm ý sai lầm, trí mê phán đoán, trong ngàn việc sai cả ngàn việc, gây nên tội lỗi cho mình, còn lây việc khổ đến người khác; và gây lây những ác báo cho đời mình sẽ tới.

Đó là mười điều ác mà hầu hết kẻ già người trẻ ít có ai tránh khỏi, người thì tránh khỏi được nghiệp của thân lại còn máng nghiệp của ý, tránh được nghiệp của ý mà chưa dứt nghiệp của khẩu v.v... thấy ít có ai được hoàn toàn chừa xong mười điều ác. Vì vậy, chúng ta đến những nơi đông đảo, hoặc chợ búa, hay chỗ hội nhóm cả trăm cả ngàn người mà thấy không người nào giống người nào cả, đó là do mỗi người đều có ý niệm khác nhau mới biểu hiện ra hình tướng khác nhau. Nhược bằng ai cũng chừa dứt mười điều ác thì trên non loại không kẻ giàu, người nghèo; không kẻ quá thông minh, người cực kỳ ngu dốt, hay giữa cá nhân này nghịch với cá nhân khác; hoặc phân biệt dân tộc này với dân tộc kia; và một điều rõ rệt hơn nữa là không sai khác hình hài giữa người ăn mày với người phú hộ. Như lời Đức Phật

nói: “Con người có những hình thể sai khác nhau là do ý niệm khác nhau”.

Được hiểu sự giàu nghèo, ngu trí toàn là do ý niệm thiện hay ác của mỗi người gây ra, thì mỗi người chúng ta dù đứng nhằm cảnh nào cũng cho rằng: do mình tạo ra, không lời than trách ông Trời ông Phật hại mình. Nếu mình muốn khỏi những điều khổ ở trên đời thì không có gì bằng gắng gổ chừa các điều ác thì sẽ khỏi khổ ngay.

Có câu: “Chường qua hườn đấc qua, chường đậu hườn đấc đậu”. Nghĩa là trồng dưa thì hưởng dưa, trồng đậu thì hưởng đậu. Việc làm lành làm phải bây giờ sau sẽ trả lại cho việc tốt đẹp vui sướng.

CHỪA THẬP ÁC ĐƯỢC NHỮNG CÔNG ĐỨC

Hiểu được thập ác. Muốn chừa nó một cách tinh tấn, cần phải hiểu chừa nó được những lợi ích gì? Hiểu được việc lợi ích của sự chừa thập ác thì trong chỗ hành động, dù có nguy nan thương tổn đến mình thế mấy đi nữa cũng không nao núng khờn mẽ được.

Vì thế hôm nay chúng ta tìm hiểu nghĩa chừa thập ác được những công đức:

“Ác trừ xong hiện ra thiện nghiệp,

Lóng nguồn chơn Phật tiếp dẫn cho”

Đoạn này, Đức Thầy bảo rằng: “Nếu chừa xong mười điều ác tức nhiên hiện ra mười điều thiện; và mỗi người cần phải lóng sạch nguồn tâm của mình tất được Đức Phật tiếp dẫn cho về cảnh giới siêu mâu”.

Thế theo ý chí của Đức Thầy, chúng ta tóm lược ý nghĩa cách chừa thập ác như dưới đây:

CHỪA ÁC SÁT SANH: Đức Thầy bảo rằng: “Tất cả mọi người khi mới sanh ra, trong lúc thơ bé ai cũng đều có tâm hồn trong trẻo và tánh nét hiền lành như nhau hết. Nhưng càng ngày càng lớn lên rồi tập nhiễm theo những thói xấu xa bạo ác của những hạng người xung quanh, rồi cái tâm

hòn trong treo kia lần lần biến đục và tánh nét hiền lành ấy đổi lại hung hăng táo bạo”.

Với tánh nét hung hăng táo bạo là một tội lỗi rất lớn, chúng ta không thể chứa chấp và tôn trọng nó được, thế nên mỗi người chúng ta trước khi chừa các điều ác thì phải chừa xong ác sát sanh.

Lẽ thứ nhất, đối với vấn đề tiền bạc cũng như vấn đề mèo mả hay tước quyền là một điều mà đa số người thường bị nó quyến rũ dẫn dắt vào đường sát hại, chúng ta hãy hiểu thế và cố gắng chừa tránh đừng để phạm vào. Ngoài ra với thù riêng, với lòng háo thắng là một việc rất đê hèn nhỏ mọn, chúng ta đừng để nó làm mờ đục trí óc, sanh ra những điều giết chóc. Nói rõ hơn, chúng ta đừng vì lợi riêng, đừng vì thù tư nữ xuống tay tiêu diệt kẻ khác một cách tàn nhẫn.

Lẽ thứ hai, đối với việc riêng của mình, mình khá cẩn thận, không nên vô tình hay cố ý gây ra những cuộc nổi da xáo thịt, nghĩa là đừng vì việc riêng mà con đem lòng giết cha mẹ; tôi tớ nữ bội hại chủ; đồ đệ sanh tâm giết thầy; chồng vợ đi hại lẫn nhau. Anh em sanh ra cuộc xâu xé và nữ sát hại những kẻ thân bằng quyến thuộc của mình một cách quá bất nhân.

Đó là đối với người, còn đối với cầm thú:

Lẽ thứ nhất, không nên quá tin tưởng nông cuồng vào việc tà thần, mỗi khi đau ốm không chịu tìm thầy thuốc thang chữa trị, không chịu đặt bàn cầu nguyện Trời Phật độ

cho, trở lại rước đồng, bóng quyền rũ loài ma quỷ, vật gà vật vịt cúng tế cho bọn chúng ăn, gây thêm sự bệnh hoạn nặng nề hơn nữa; chẳng những mang tội sát sanh mạng vật vô cớ mà lại làm cho bệnh nhân không được thuyên giảm một phần nào.

Lễ thứ hai, khi mình chưa trưởng trai được, thì vẫn phải còn giết những gà, vịt, heo, cá, nhưng phải nghĩ vì sự nhu cầu của đời sống mà giết hại, chớ không nên vịn vào lễ Trời sanh các vật để nuôi mình, rồi tha hồ giết chóc chúng nó quá vô cớ. Và phải tiết kiệm, chỉ đủ dùng trong mỗi bữa ăn thôi, không nên làm vun cổ thái quá ăn vào bụng rồi không còn thơm ngon gì mà thêm tội vô ích.

Lễ thứ ba, không nên nhân lúc quá hăng trong người, hay vì những cuộc vui với bè bạn nữ đem loài vật treo lên làm bia để mình dùng cung tên, súng ống hay giàng thun bắn cho vui mắt, vì chúng nó cũng có xác thân, biết đau đớn, biết tham sống, sợ chết như mình; mình hãy lấy lòng nhân để tránh sự giết hại chúng nó quá đáng.

Lễ thứ tư, đối với các loài như: bò, trâu, ngựa, chó, mèo là những vật giúp đỡ chúng ta rất nhiều, như: trâu, bò thì cày ruộng, ngựa thì kéo xe; chó mèo thì giữ nhà bắt chuột. Chúng ta thường nhờ sức lực của chúng nó một cách không tốn kém, nghĩa là đã lợi dụng chúng nó giúp cho mình được lợi cũng đủ rồi, không nên vì sự đòi hỏi của khẩu dục mà giết hại chúng nó để ăn thịt nữa.

Đức Phật Thích Ca nói rằng: “Nếu người nào chưa được ác sát sanh sẽ được mười pháp lìa khỏi sự phiền não”:

- Thứ nhất, mình bố thí cho các loài khỏi phải có sự sợ sệt, bởi vì mình không sát sanh thì có ánh quang hiền lành, khiến các loài thấy mình không có ác tướng, nên nó không bay chạy trốn tránh. Như các Đức Phật đi gần các loài thú, chúng nó không chạy; còn người thường hễ nó thấy bóng, chim thì bay, cá thì lội, thú thì chạy, vì nó thấy ác tướng của mình, nên nó phải sợ mình giết chúng nó.

- Thứ hai, đối với tất cả loài người hay loài vật lòng mình luôn khỏi việc lành lớn, nghĩa là mình không sát hại các loài ấy, trở lại còn thương xót tìm cách giúp đỡ các loài được an vui.

- Thứ ba, những tâm hay giận hờn, hay bày điều độc ác đều dứt khỏi tất cả. Vì sao? Vì người ta bày việc độc ác, hoặc khỏi tâm giận hờn là do thiếu lòng nhân, coi sự sát hại mạng người, hay mạng vật như thường, mới nở giận người, nở hại người mà lòng không chút núng nao thương xót.

- Thứ tư, được thân thể cường tráng, ít khi sanh ra ác bệnh cuồng táo bản bức khó chịu.

- Thứ năm, nếu được thân thể cường tráng thì điều sống lâu dĩ nhiên có được, vì thế mà người không sát sanh có những điềm phúc thứ năm là được sống lâu.

- Thứ sáu, không những hiện hữu được các giới người, giới súc sanh ràng rịt yêu mến, còn đối với các bực vô hình, như: chư Thần, chư Thánh đều âm thầm ủng hộ.

- Thứ bảy, nhờ không lòng giết hại, nên những oan báo không đưa lại được, các hột giống ác không còn chứa nơi tâm, khiến lúc ngủ không có cảnh dữ dần hiện ra, thường gặp cảnh vui vẻ.

- Thứ tám, các oan báo của ác nghiệp đã gây từ trước tới giờ, nay đều bị khô chồi, hư mộng tất cả, vì lòng sát sanh của mình đã dứt rồi, thì những oan báo không có cơ nào xen vào để nhiều hại mình nữa, như nhà mình đóng cửa rất kín không kẻ gian phi nào vào được.

- Thứ chín đối với cảnh; địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba đường rất dữ dần; thường hay chịu sự hình phạt, nào quăng lên núi đao, liệng xuống ao huyết, thiêu trong hầm lửa đều được khỏi tất cả, bởi giống sát hại nơi tâm mình đã trừ dứt, đổi lại những giống nhân từ thương xót, vì thế mà có thể sanh lên Thiên đường hay về cõi Cực lạc, chớ không bị nghiệp lực lôi vào ba đường dữ được.

- Thứ mười, khi mạng chung, nghĩa là sau khi bỏ xác thì được Thiện Tài Đồng Tử hay Ngọc Nữ Kim Đồng cầm lọng báu từ cõi Trời đến tiếp rước về cõi Thiên đường hưởng sự khoái lạc, vì lòng đã dứt xong nghiệp sát hại. Cũng như sống trong đời không còn thiếu nợ ai, nên sự đi lại tự do, thành thử chỉ sanh về cõi Thiên đường là cõi vui vẻ, không còn vào cõi kham nhẫn khổ hại ở thế gian.

Khi mình đã chừa xong nghiệp sát sanh tức được mười việc vừa kể qua, song mình không lấy đó làm đủ và còn hiểu rằng: mười cái phước đức này chỉ được lên cõi Trời hưởng sung sướng hơn cõi thế gian thôi, chớ không hơn cõi khác, khi hưởng hết phước đức cũng xuống thế gian, có khi phải đầu thai vào loài súc vật côn trùng, trong yếm trâu nữa. Thế nên mình không nhận các việc phước ấy làm thỏa mãn, liền đem hồi hướng về quả Phật để được tránh điều thối đọa và không còn chênh lệch sự sống ở cảnh này đến cảnh khác; cái thì lớn bằng núi Tu di hay nhỏ như hạt bụi, thì đến ngày kia thành Phật sẽ được tùy tâm của mình mà thọ mạng tự tại, nghĩa là tùy theo lòng mình muốn sống bao lâu thì sẽ được tự do, hoặc ngàn năm muôn năm v.v... cũng được cả. Do công đức rất mầu rất diệu của mình đã hồi hướng mà được như vậy.

CHÙA ÁC ĐẠO TẶC: Đức Thầy bảo rằng: bọn bất lương vô đạo thường hay dựa câu “bần cùng sanh đạo tặc, phú quí tác lễ nghi”, nghĩa là kẻ nghèo khổ lắm phải sanh nghề trộm cướp, còn người giàu có mới làm được lễ nghĩa, thế rồi họ mới tha hồ làm nghề trộm cướp của kẻ khác mà không chút ngại ngùng. Đối với kẻ ấy, ngày này đến ngày khác họ sống lần lữa trong hóc hẻm, chỗ ẩn khuất để thừa những đêm tối đi cạy cửa, đánh hầm vào nhà người khác để lấy của. Họ sống một cách biếng lười, mặc dù họ đủ tay chơn, đủ mắt mũi, đủ sức khỏe, đủ trí khôn như bao nhiêu người khác mà không chịu tìm nghề chánh đáng để nuôi thân, họ cứ sống ngoài pháp luật, họ không muốn làm mà muốn có ăn, có mặc được sống sang trọng như kẻ bá hộ. Đó

là những lớp người dơ bẩn nhứt của xã hội. Đã nói là phần tử cận bã của xã hội thì kẻ ấy không còn hữu dụng, mà chỉ là một vật làm cho người ta phải ghê gớm, phải nhòm nhựa vậy thôi.

Với những hành động bất lương và vô vị ấy, kẻ là một việc làm tội lỗi trong đời, chúng ta không thể học theo và cũng không muốn kẻ khác học theo, ví có kẻ nào đang làm nghề ấy chúng ta thẳng thắn bài bác hoặc khuyên lon họ chừa bỏ đi. Dù chừa nghề nghiệp trộm cướp ấy, phải lâm vào cảnh nghèo nàn cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, tá túc dưới một mái tranh hay trong một lò gạch cũng vẫn vui, miễn trong đời sống được thanh bạch, được lương thiện là quý; tuyệt nhiên không hề trở lại với nghề nghiệp đạo tặc.

- Lẽ thứ nhứt, nếu nghèo, thì với cái nghèo ấy càng nhiều bao nhiêu chúng ta lại càng phải rán làm cho mình được trong sạch bấy nhiêu. Để chi? Để đền trả lại nghiệp tạo của mình ở kiếp trước, vì kiếp trước hoặc mình phú hộ mà ăn xài phung phí cho lung, kiếp này trở lại nghèo nàn; hoặc kiếp trước mình đã vay nợ nhiều người mà không trả, cứ đánh lừa đánh lận, bây giờ phải trả lại, như là đem thân làm tội mọi và cào cấu đủ cách mà không đủ xài; hoặc kiếp trước mình quá tham lam, quá bòn xén không biết giúp đỡ ai một đồng một chữ, nên bây giờ phải chịu nghèo khổ túng cùng, mà nếu mình không biết ăn ở ngay thật thì nghiệp trước của mình chưa trả, lại còn vay thêm, thì nghiệp trước và nghiệp này hiệp lại thì kiếp sau còn nặng nề hơn kiếp này nữa; như

nghiệp nặng có thể làm trâu, ngựa cày ruộng kéo xe đày đọa hơn kiếp này bội phần.

Và không vì sự xúi bẩy của vợ con, của bè bạn hay của kẻ nào khác làm những nghề nghiệp: môn trốn cho người lừng quên mà lặn lưng lấy của, hay nhân lúc chật chội đông đảo mà móc túi người để lấy tiền đang sống. Hãy xem nghề nghiệp ấy dễ tiện lắm, miếng ăn ấy hôi thúi lắm, đồng tiền ấy tồi tàn lắm, ăn xài món ấy dù được sống ngàn năm hay muôn năm mình cũng không nên dùng.

- Lễ thứ hai, chúng ta là con dân của đất nước, dĩ nhiên có bổn phận giúp đỡ đất nước, nước loạn thì làm cho được trị, nước nguy thì làm cho được an và nước bị trị gắng đem lại độc lập; luôn luôn tôn trọng luật pháp của nước nhà và an ninh chung trong xứ, không nên tự mình làm nghề cướp bóc hay chủ trương cho kẻ khác cướp bóc làm cho lương dân ngày này đến ngày nọ đau khổ sợ sệt và làm rối rắm cuộc bình trị trong đất nước. Với nghề nghiệp trộm cướp dù rằng được có của dư muôn hộ, mình cũng chỉ coi đó là tội bằng núi non, bằng biển cả, không hề làm đến sự cướp trộm ấy, thử hỏi cướp trộm của ai?. Của đồng bào xã hội. Của đồng bào xã hội tức là của đất nước, nếu chúng ta cướp trộm của đất nước thì sẽ phải tội tội loạn; còn cướp trộm của nhơn loại, thì nhơn loại họ như mình cũng biết sống, biết ăn, nếu mình cướp trộm của họ, họ phải rên la, phải đói rách thì lòng chúng ta đau đớn. Vì thế chúng ta chẳng làm nghề cướp trộm của đồng bào xã hội cũng như của nhơn loại.

Hơn nữa người thật lòng trong trắng thì của rơi họ còn không lượm, như trường hợp của ông Quán Ninh cày đất gặp vàng ông không thèm ngó, vì của ấy là của vô cớ, huống là đi lấy của người bằng hành động cướp bóc trộm đạo. Có được thanh liêm như vậy, mới được ghi tên vào sổ sách để đời nhắc nhở ở thời này đến thời khác được.

- Thứ ba, dù không ai nói đến chúng ta cũng tự hiểu rằng: của cải của kẻ khác được có, nào tiền bạc, vòng vàng, quần áo hay nhà cửa ruộng đất đều do họ đổ ra bao nhiêu mồ hôi, bao nhiêu sức lực mới làm ra được. Khi họ hữu sự nhờ đến mình can thiệp hoặc giúp đỡ, rồi mình nhân đó mà tìm cách hối lộ, chận ngách, như thế là ăn cướp một cách khéo léo. Nếu đổi lại chúng ta có việc cần đến kẻ khác, mà họ tìm cách lặn lường hối lộ như thế, thì chúng ta giận không? Hẳn phải giận. Nếu chúng ta giận, thì chúng ta không nên mưu lặn để lấy của người ta như vậy.

- Thứ tư, tất cả việc lớn đến việc nhỏ, nếu việc ấy, của ấy, không phải của chúng ta, thì chúng ta không nên lấy cần, dù trái cà trái ớt hay cọng cỏ cọng rác cũng thế. Khi chúng ta muốn dùng đến vật nào thì cần phải đi hỏi người chủ của vật ấy trước, khi người bằng lòng cho mới lấy, chúng ta không nên cho rằng món đó quá nhỏ mà không cần hỏi ai, như vậy kẻ như tội ăn trộm.

Đức Phật Thích Ca bảo: “Khi chưa được ác đạo tặc thì được mười pháp bảo tín”.

- Thứ nhất, tiền của mình để dành chưa không bị nạn thiêu đốt, lụt ngập và cũng không bị nạn cướp giựt hay nạn con cái ngỗ nghịch phá tán.

- Thứ hai, sẽ được không những bà con quyến thuộc yêu mến mà đối với kẻ xa lạ họ cũng thương tưởng đến mình.

- Thứ ba, không bị kẻ khác dùng qui kẻ thế này hay thế khác lừa phỉnh dối gạt mình cho thất công, tổn của hoặc mất thân.

- Thứ tư, được các giới ở trong mười phương đều có những lời ngợi khen tán thưởng sự tốt đẹp của mình một cách hoan hỉ.

- Thứ năm, đối với tài sản cũng như sanh mạng của mình khỏi lo hư hao tổn thất tai hại.

- Thứ sáu, tên tuổi hiền lành của mình được bay đi khắp vùng này đến vùng khác ai cũng đều biết và kính nể.

- Thứ bảy, sống trong sanh chúng, tuy là chung lộn với nhiều người mà mình vẫn được tâm yên ổn, không sợ kẻ này cướp của, kẻ khác giựt đồ hay sát hại.

- Thứ tám, cả việc của cải tiền bạc, dung nhan sắc đẹp sức khỏe, tuổi thọ của mình cũng đều được toại ý an vui. Ngoài ra còn được có tài hùng biện bày giải mỗi việc được nhanh nhẹn hay ho.

- Thứ chín, trong lòng luôn luôn muốn làm việc bố thí: đem của tiền, gạo thóc của mình giúp ích cho kẻ thiếu thốn, hoặc giả đem đức lành trí sáng của mình ra để giúp đỡ người còn kém sút cho được sự hiểu biết như mình.

- Thứ mười, ngoài những việc lợi ích vừa qua, khi mình mạng chung, nghĩa là khi mình đã từ bỏ xác thì linh hồn được sanh lên cõi Trời hưởng mọi sự khoái lạc.

Khi chừa ác đạo tặc, dĩ nhiên được mười pháp bảo tín như trên. Tuy rằng được sung sướng hưởng sự khoái lạc hơn người rất nhiều, nhưng nó còn ở trong vòng lục đạo, chưa rời khỏi bánh xe luân hồi, dù ở cung Trời khi hưởng hết phước cũng đọa xuống thế gian. Thế nên khi được phước báo ấy mình chưa cho làm đủ, liền đem hồi hướng về ngôi vị của chư Phật tức được có trí thanh tịnh Bồ đề lớn lao.

Hồi hướng: bao nhiêu phước đức của mình đã có đều cầu về ngôi Phật tất cả; nguyện chứng quả Phật chớ không vui hưởng phước báo ở cõi người, cõi Trời cũng như dòng nước chảy về biển hết, chớ không chứa đọng ở ao cạn.

CHÙA ÁC TÀ DÂM: Đức Thầy bảo rằng: “Muôn việc lành sự hiếu đứng đầu, ngàn việc dữ tà dâm đứng trước”. Tức câu: “Thiên thiện dĩ hiếu vi tiên, vạn ác dĩ dâm vi thủ”. Còn trong đạo Phật cho rằng: “Việc sanh tử của tất cả chúng sanh đều do nguồn gốc dâm dục tạo ra. Bởi có vọng khởi dâm dục mới tạo ra thân xác của người, nhân đó mới có cái già, bệnh, chết chóc”. Nhưng tùy trình độ và hoàn cảnh của chúng sanh mà Phật chế cho những kẻ tại gia được

phép có vợ có chồng, nhưng tuyệt nhiên không được phạm tội tà dâm.

Đã hiểu tà dâm là một tội lớn, chính nó làm đảo lộn luân thường đạo nghĩa, nên chúng ta luôn luôn ngừa tránh nó, dù gặp phải hoàn cảnh câu nử thế mấy mình vẫn cương quyết tránh khỏi, thà chịu bỏ mạng, chớ đừng để cho phạm tội (Như trường hợp của ông Tỳ-khưu và Sa-di thường bữa họp nhau đi khất thực. Hôm nọ ông Tỳ-khưu mắc việc nhà, ông Sa-di đi một mình. Có nhà nọ, mọi người trong nhà đều đi khỏi, chỉ còn một cô gái đang độ mười sáu tuổi giữ nhà, khi Sa-di đến đó, cô gái mời ông vào nhà. Cô ấy ép ông vào phòng, bảo ông ung cô thì cô sẽ cung cấp đủ món cho ông dùng, khỏi phải đi xin nữa. Ông mới bảo cô ấy ra ngoài đóng cửa lại, kéo người ngoài dòm vào dị nghị. Khi cô ấy ra ngoài đóng cửa thì ông đi ngay lại nhà sau lấy dao rồi quì hướng về chỗ Phật mà nguyện rằng: “Con thệ không phạm giới, nhờ Phật tiếp rước linh hồn con”. Đoạn rồi ông đâm cổ mà chết. Nhà vua hay tự sự liền đến cúi đầu lễ bái và làm cuộc tống táng long trọng. Như thế vị Sa-di thà chết, không để phạm giới tà dâm).

- Thứ nhất, ở giữa triều chính, giữa vua chúa và bầy tôi luôn luôn lấy sự tôn ti trật tự đãi nhau: Vua giữ đúng đạo vua; tôi theo phép làm tôi không được suồng sã trong cung thất làm việc dâm loạn tội tệt.

- Thứ hai, trong gia đình, giữa cha mẹ con cái, giữa anh chị, em út lúc nào cũng phân biệt thứ bậc đầu đó rõ rệt,

từ sự ăn nói đến chỗ nghi ngại đều phải có ranh rập đàng hoàng không nên lạm dụng tình thương giữa cha con dẫn đến chỗ tội tệ hay giữa tình anh chị em đưa tới chỗ loạn luân cang kỷ.

- Thứ ba, kẻ giàu, khi người nghèo đến vay nợ, hay đến ở công cho mình, hãy đem lòng thương xót giúp đỡ họ, nếu kẻ làm công thì nói lương cho họ đủ sống, kẻ vay nợ nói lời cho họ dễ trả, có thể giúp phương tiện cho họ được thì giúp ngay; và luôn luôn tôn trọng trình tiết của họ, không nên như lúc họ nguy nan mà dùng tiền bạc mua họ làm cho mất trình hại tiết. Vì tiền bạc mất dễ kiếm lại, chớ lòng trinh bạch hư rồi khó chuộc lại được.

- Thứ tư, kẻ đương quyền, trong tay mình có thế lực, không nên dựa vào thế lực ấy phá hoại trình tiết của lương dân: trái lại phải thấy mình có bổn phận giữ gìn trong vùng kiểm soát của mình cho phong hóa tinh nghiêm, nề nếp không thương tổn; nếu có kẻ nào giở trò sở Khanh thì chính mình phải can thiệp và bài trừ ngay, thế mới có thể giữ còn danh giá của mình và trừ được sự hư hèn cho dân chúng trong vùng của mình kiểm soát.

- Thứ năm, những người không kể sanh nhai và cùng khổ quá họ phải buộc lòng đến ở với mình để chịu sự sai khiến, mình phải lấy tư cách của người chủ có lương tâm, biết nhơn đạo và giúp đỡ họ. Không nên cậy lấy quyền chủ mà bắt ép họ làm điều ô nhục mất cả trình tiết hư hại cả đời của họ. Nhứt là phải tôn trọng giá phẩm của họ cũng như

của mình và của gia đình mình, chỉ lo bảo hộ chứ không tìm cách phá hoại.

- Thứ sáu, bất luận nam hay nữ, nếu người kia không phải vợ mình hay chồng mình thì tuyệt nhiên không nên dùng lời lẽ trây trúa lá loi hay tiền của danh lợi mua chuộc lòng trong trắng của họ làm việc nguyệt hoa tình tứ, phải luôn luôn tôn trọng danh giá chung của gia đình, của xứ sở. Đối với kẻ lãng loàn, mình có bổn phận khuyên dức họ bỏ nét xấu xa ấy và mình vẫn treo gương trinh tiết cho kẻ xung quanh bắt chước. Như thế sẽ tránh cho xứ mình không có trò trên bệch trong dâu, lại cũng tránh cho gia đình mình khỏi sanh sự lang chạ.

Đức Phật Ngài bảo rằng: “Người nào chừa được ác tà dâm thì được kết quả bốn món công đức mà tất cả những hạng trí thức đều khen ngợi”.

- Thứ nhất, là cả mắt tai, mũi, lưỡi và toàn thân đều được dâu đó phì mỹ điều hòa, không cái nào trái thường, mỗi mỗi đều được tốt đẹp: Mắt không lệch, tai không lảng, mũi không sút mẻ, thân không tật nguyên v.v...

- Thứ hai, là được khỏi hẳn những chỗ ong bướm rộn rục, trí thần mình được yên tịnh, khỏi có sự gấu ó nào đưa lại cho mình.

- Thứ ba, là được tất cả mọi người gần xa quen lạ đều có những lời khen ngợi và kính phục ở tánh nét tốt đẹp của mình.

- Thứ tư, cả vợ con mình khỏi phải bị kẻ khác dùng cách này hay cách khác bày việc dâm bôn lãng mạ.

Khi được bốn món công đức như đã kể vừa qua, nếu mình biết đem hồi hướng về Phật quả, thì sau thành Phật được âm tướng mật tàng, như bộ âm của con ngựa.

CHÙA ÁC LƯƠNG THIỆT: Đức Thầy bảo rằng: “Những tội ác ở lỗ miệng, chỉ có ác lương thiệt là thứ nhứt. Chính nó thường gây ra sự hiểu lầm, nhận sai, làm cho giữa người này với người khác dắt đến chỗ cãi vã nhau, gây gổ nhau quay quần trong không khí nặng nề bản thủ kết thành cuộc thù oán”.

Như thế thì ác lương thiệt là một việc ác rùng rợn, chúng ta không thể để mình phải phạm đến tội lỗi ấy. Vì sao? Vì chỉ trong một lời nói của mình mà gây tạo cho bao nhiêu người khác phải khóc đứng than ngồi, có khi dẫn đến chỗ chém giết nhau máu đổ như sông biển. Trường hợp này, thường ở nhà ngoại giao, nhà du thuyết thay lời thế mặt cho một nước trong lúc nói chuyện: chỉ một lời nói mà thành nghiêng vách đổ, một lời nói mà trăm họ điêu linh đều do lương thiệt tất cả.

- Thứ nhứt, với việc nào cũng vậy, một nói một, hai nói hai, dù người đó với mình là người thù mà họ có hành động tốt thì nói tốt, không nên vì thù mà bác bỏ hết sự tốt lại nói xấu họ. Còn người kia mặc dù thân thuộc với mình mà làm điều xấu xa, thì cứ bảo là xấu xa, chớ mình trở lại che đở và nói họ tốt không thể được; vì rằng nếu người tốt mà

mình nói xấu, người xấu mình nói tốt gây sự làm hiểu giữa người này với người khác, thay vì người đó xấu thì cứ nói rằng xấu, đảng này mình lại nói tốt để người khác tưởng thiệt gần họ cho họ lợi dụng tiền bạc hay lợi dụng bằng xương máu người ấy. Đó là chính mình gián tiếp giết chết đời của người vậy. Bởi thế mình luôn luôn lấy lời nói công bằng chánh đáng. Lời lẽ công bằng, chánh đáng, là một lời lẽ được tất cả loài người từ xưa đến nay công nhận và trong việc xử thế nó vẫn giữ còn một mực giá trị, mặc dù người ta bày cách này bỏ cách nọ, nhưng họ không thể bỏ lẽ công bằng, trái lại luôn luôn lấy nó làm gốc.

- Thứ hai, mình không nên vì lợi riêng mà đến ông Mít đâm thọc ông Xoài, đến ông Xoài đâm thọc ông Mít làm cho hai ông gây ó để mình cười chơi hay trả thù thay cho mình. Với sự châm chích ấy mình làm cho đôi đảng hằn học nhau, chém giết nhau gây đổ máu để mình vui sướng, thì cái vui sướng ấy là tàn nhẫn, là xiềng xích, không nên làm. Phải luôn luôn lấy thuyết hòa ái cho giữa người này với người nọ thuận nhau, ví như họ có những sự gây thù kết oán nhau thì mình có bổn phận giải hòa. Vì họ có gây thù sẽ làm chết ai? Chết đồng bào vậy. Họ tranh nhau lên giá sanh hoạt sẽ gây sự nghèo nàn cho ai? Cho dân tộc mình. Họ làm dữ dẫn bạo ác gây sự thương tổn cho ai? Cho tinh thần đồng bào mình. Về mặt thực chất hay tinh thần đều gây tai hại cho dân tộc mình cả. Vì vậy mình không vui cho họ gây nhau, chỉ phải dùng đủ cách làm cho họ hòa thuận.

- Thứ ba, nếu mình là một nhà đại diện cho một nhóm người, hay một nhà ngoại giao đi đến nước khác giao thiệp, trong câu chuyện, mình khéo nói cho giữa mình với nước khác hòa nhau, không nên vì lợi cho mình mà xúi nước ông A đánh nước ông B để mình ngồi giữa bán khí giới, bán lương thực đặng thu lợi. Hai nước ấy cũng đồng nhơn loại như mình, mình xúi họ đánh giết nhau được, thì kẻ khác cũng xúi nước khác đánh nước mình được.

Thế nên mình nghĩ vì hòa bình chung mà không để vô tình cố ý gây họa cho ai. Dù chuyện lối xóm cũng vậy, ta cũng không xúi cho gia đình này gây lấy sự chích mác với gia đình kia để mình đứng trung gian gây lăm cảm tình được hậu lợi về mặt điền sản hay danh dự; phải luôn luôn đem lại tình liên ái giữa người này đến người khác, giữa dân tộc mình với dân tộc người, làm cho nhóm người này được ngủ yên, dân tộc họ được no ấm, như vậy mới có lương tâm hành đúng theo đạo làm người.

Đức Phật Thích Ca bảo: “Khi người chừa được tội ác lưỡng thiệt sẽ được năm việc không hư hoại”:

- Thứ nhất, là thân thể được vững chắc, tuy là giả thân nhưng nhờ được sự bảo vệ phò trì của người đời, của Thần Thánh nên khỏi bị những kẻ khác gieo hại.

- Thứ hai, là thân bằng quyến thuộc của mình, như: Cha mẹ vợ chồng anh em và bà con bên nội, bà con bên ngoại đều được thắt chặt tình quyến thuộc giữa nhau, không bị người khác chen vào bày sự phân rẽ. Bởi sao? Vì đời

mình không dùng hai lưỡi đâm thọc quyền thuộc ai chia rẽ, nên người khác không làm cách nào cho quyền thuộc mình phân ly được.

- Thứ ba, là đức tin của mình đối với Phật pháp vững chắc như trụ đá, không bị kẻ nào dùng lời lẽ khôn ngoan điêu xảo đánh đổ, hoặc bài xích làm cho hoài nghi lui sụt được. Vì sao? Vì mình luôn luôn lấy lời lẽ đơan chánh nói với người, nên mình không bị cái quả người khác dùng lời lẽ châm chích làm cho mình lay chuyển đức tin.

- Thứ tư, là không những đức tin bền chắc mà luôn cả việc đạo hạnh của mình cũng được vững vàng, không bị người dùng ngoại thuyết đánh đổ làm cho mình hư hỏng, mà là chỉ thường được người khác gia trì giúp đỡ, khiến sự tu hành của mình được kiên cố thêm.

- Thứ năm, là những người bạn lành của mình không một kẻ nào dùng lời dua mị hay khôn khéo làm cho chia cách được, mà là mình thường được kẻ khác giúp cho mình được có thêm nhiều bạn tốt; và những người bạn cũ của mình càng ngày càng thắt chặt thêm.

Khi được năm pháp bất hoại ấy, chúng ta không tự lấy làm thỏa mãn, liền đem hồi hướng về ngôi vị của Phật, nghĩa là nguyện được thành Phật, thì khi thành Phật, được có những quyền thuộc hoàn toàn chơn chánh tốt đẹp, không xảy ra những người xấu xa trong dòng họ và không bị những tà tinh quỷ quái dùng ma phù tà thuyết phá hoại việc tu hành, đường tấn đạo của mình.

CHÙA ÁC Ỡ NGÔN: Vì có tánh ỷ thị, tự cho mình là giỏi, tự cho mình là hơn hết, tự cho mình có tiền của nhiều, quyền thế to chẳng nhường nhịn ai, chẳng thèm kể đến ai, lại không vui lòng tha thứ cho một người nào, vì thế dẫn đến chỗ giết chóc, giữa người này với người khác, nói những lời cay nghiệt độc ác, làm cho đôi đàng sanh ra giận hờn phiền trách, nếu việc lớn, có thể đưa đến sự giết hại nhiều cách ghê rợn.

Được biết tánh ỷ thị thường dẫn người đến chỗ tội ác, bây giờ chúng ta không thể dung dưỡng nó được, cũng như không thể tập tành đến việc ấy, mà hãy tìm đủ cách tránh nó.

- Thứ nhất, kẻ làm chủ đối với tôi tớ trong nhà phải luôn luôn thương xót họ, vì quá nghèo khổ mới đem thân đến chịu sự sai khiến của mình, mọi việc nặng nề mình đều giao cho họ gánh lấy, như thế họ rất cực khổ trong việc làm cho mình mỗi ngày. Thế theo lòng nhân đạo mình phải thương họ trong hoàn cảnh cơ cực ấy, vẫn đối đãi tử tế trong câu chuyện và việc làm được ngọt bùi rộng rãi với họ. Lỡ khi họ làm sái ý muốn của mình, mình hãy chỉ lại cho họ nhớ rành để sửa lại, không nên nhân chỗ thiếu sót của họ mà mình chửi bới, hay thấy họ là kẻ ở công mà bị nhục họ.

- Thứ hai, người làm quan, trong tay có quyền hành, dưới trướng có nhiều kẻ phục vụ, đối với dân đã là một kẻ không quyền hành, họ dưới sự điều khiển của mình, mình hãy đối với họ cho có lễ độ nhân từ. Dân chúng phần đông là dốt nát. Trong chỗ dốt nát lẽ dĩ nhiên họ thường có

những việc làm sơ sót, mình hãy chỉ biểu cho họ, không nên thấy họ ngu khờ mà có những lời nhiếc mắng hay là đàn áp họ một cách quá đáng. Nên xét kỹ dân ở vùng cai trị của mình ngu dốt, chính mình phải chịu trách nhiệm. Vì họ dốt nát là tại mình thiếu tổ chức khai trí cho họ, họ sống một cách oi ả, bần chật là tại mình thiếu tổ chức kinh tế, nói tóm lại dân chúng họ sống thiếu thốn về tinh thần hay vật chất đều tại mình thiếu sáng kiến, thiếu tổ chức mà ra. Bởi thế trong chỗ ngu dốt, cùng đày của dân, mình phải tự trách lỗi mình và gắng làm cho họ được phát triển. Điều cần nhứt là mình không nên nhân sự dốt nát của họ mà lợi dụng xương máu họ để kê thành địa vị cho mình hưởng cảnh sang giàu. Dân chúng đó của ai? Của Tổ Quốc. Nếu mình lợi dụng dân chúng tức là lợi dụng Tổ Quốc. Như thế khác gì kẻ xâm lăng.

- Thứ ba, kẻ giàu có dư ăn dư để, nhà rộng của nhiều, đối lại với kẻ nghèo, mình hơn gấp bội, dĩ nhiên người nghèo phải đến nhờ mình giúp cho món này món khác, mình hãy đặt mình trong cảnh nghèo nàn như họ để mà giúp họ về sự ăn mặc, không nên ý mình giàu có nệm gấm, chăn bông mà không nghĩ đến người nghèo. Mỗi khi người nghèo đến nhờ mình, mình hãy mau mắn giúp họ những món vải bô, gạo thóc cho đời sống họ nói nang và tỏ ra chút yêu mến giữa tình đồng bào. Với điều cần hơn hết là mình tìm cách khéo léo để nói sao cho họ khỏi thẹn khi đến nhờ mình và an ủi cho họ vui vẻ để sống.

- Thứ tư, kẻ ở chợ búa có đủ phương tiện học hỏi, dĩ nhiên có nhiều khôn lanh hơn người đồng bái quê mùa, nhưng mình không nên thấy họ quê mùa, mà nỡ gạt họ để mua rẻ hay là lấy lợi nhiều trong những vật dụng họ cần đến; và cũng không thấy họ quê mùa mà dùng lời nói cao kỳ châm biếm, phải tự thấy mình có trách vụ binh vực họ, khi bị kẻ khác lợi dụng.

- Thứ năm, kẻ có sự học hỏi nhiều, đỗ bằng cao cũng vậy, phải lòng luôn khiêm nhượng. Không nên ý lại vào bằng cấp cao, học thức rộng nỡ dùng lời hạ nhục kẻ ngu khờ thấp kém hơn mình, hãy nghĩ rằng mình được học rộng, đỗ cao là nhờ họ cung cấp từ miếng vải, bát cơm, mảnh giấy, cây bút cho mình có đủ phương tiện để học đến thành tài, khi được thành tài, mình phải nỗ lực giúp đỡ họ, cũng như tấm ăn dâu phải nhả kén để đền ơn cho chủ. Như thế mới tỏ ra là kẻ biết ơn và sự học hành của mình mới hữu dụng.

Ý ngôn, ngoài nghĩa ỷ thị ra, nó còn có nghĩa thù dật nữa.

- Thứ nhứt, chớ nên dùng những lời lẽ bóng bẩy khêu gợi lòng dục của con người làm việc tội tàn, không nên viết loại sách tiểu thuyết diễn tả cảnh tình tứ dơ bẩn; không nên viết chuyện hoang đường vu khống làm mất đức tin chánh đáng của kẻ khác, chỉ cần nên cho ra đời những loại sách nào có thể khiến người xem qua rồi tự mình phải cải thiện và tinh thần được trong trắng.

- Thứ hai, không nên lấy áng văn chương, tài học hiểu của mình để bịa ra câu chuyện linh hoạt khéo léo gạt lừa kẻ khác, khiến họ lâm vào đường tội lỗi, ví dụ: không nên dẫn chuyện Trình Giảo Kim, Huất Trì Cung khởi cuộc giựt cướp làm lương thảo, khiến cho dân chúng tưởng làm sự ấy là phải, nên họ theo, phải mang lấy tội bất lương. Phải luôn luôn từ câu chuyện này đến câu chuyện khác, hoặc dùng lời nói, hoặc dùng bút viết ra đúng chỗ mắt thấy tai nghe của mình, để tránh sự nghe lầm làm quấy của kẻ khác.

- Thứ ba, về mặt tôn giáo chúng ta không nên bịa chuyện mơ mơ mộng mộng làm kẻ khác tin lầm, làm rối loạn đầu óc của họ phải đi sai chơn lý, luôn luôn phân biệt và giải thích mỗi việc cho hợp chơn lý đúng chánh pháp.

Đức Phật Thích Ca bảo: “Khi người nào chưa được ác ý ngôn thì được ba món quyết định chắc chắn”:

- Thứ nhất là chắc chắn được nhiều người tri thức yêu mến.

- Thứ hai là chắc sẽ đáp lại tất cả câu hỏi của người khác một cách thích hợp và đúng lý.

- Thứ ba là chắc được những công đức cao ngất lên trên thế giới người và thế giới Trời; đó là sự dĩ nhiên và chơn thật không phải dối trá

Khi được ba món quyết định mà mình không muốn hưởng ngay, liền đem hồi hướng về Phật quả, thì chừng khi

thành Phật sẽ được các đấng Như Lai ở mười phương thọ ký cho.

CHÙA ÁC KHẨU: Theo Đức Thầy bảo: “Bởi người hay thề thốt mắng chửi mà kết thành tội ác khẩu” Chúng ta cũng thường nghe dân chúng ngày nay, phần đông mở miệng ra thì chửi thề, dù việc ấy không đáng, họ cũng kêu mời Thần Thánh để giao nạp. Và có những công việc không hệ trọng gì, họ cũng dùng lời chửi mắng kẻ phạm đến họ. Những kẻ này, phần nhiều ở trong lớp người thiếu giáo dục, họ đã quen sống trong tập quán bất lương, mới có giọng nói lỗ mãng tục tằn như vậy.

Thề theo lời cam ngôn mỹ từ của nhà lễ giáo, thì những lời thề thốt chửi mắng ấy, rất chát chua khó nghe, không đáng để vào tai, hơn nữa nó là điều tội, toàn thể chúng ta cần phải gắng gở để chừa tránh nó.

- Thứ nhất, con cái phải có lòng tôn kính cha mẹ như vua Chúa Trời Phật, trong lời lẽ nào cũng phải thưa dạ vâng bảm một cách lễ phép. Những câu chuyện trình bày với cha mẹ cũng dịu dàng mực thước, nếu cha mẹ chưa nghe rõ hãy nhắc lại một cách kỹ lưỡng để cha mẹ hiểu tường tận. Người con, không nên vì cha mẹ lãng trí hay nặng tai mà đem lòng khinh bỉ, dùng lời nhiếc mắng nặng nề. Bởi câu nói ấy là câu nói của đứa con bất hiếu, với đứa con ấy là đứa con ngỗ nghịch, trong đạo lý không nhìn nhận, cũng như về mặt luân thường không muốn có những đứa nghịch tử ấy.

- Thứ hai, kẻ làm cha mẹ có bốn phận nêu gương cho con, từ việc làm đến lời nói đều phải cẩn thận để con bắt chước. Nếu cha mẹ hay chửi bới thì con cái sẽ học theo chửi bới, cha mẹ gian trá thì con cái học theo gian trá, như thế có hại không những cho gia đình mình, còn hại lây đến chòm xóm. Điều cần tránh hơn hết là mỗi khi đưa con làm điều sai quấy, kẻ làm cha mẹ nên dùng lời hiền lành dịu ngọt răn đe, tuyệt nhiên không kêu mòi cỗi này cỗi nọ để trừ nợ vật bất.

Đứng về mặt giáo dục, người cha mẹ chịu trách nhiệm tất cả việc làm của đứa con từ lúc nhỏ, nếu cha mẹ không dạy con để con làm điều sai quấy thì chiếu theo nguyên lý là cha mẹ phải gánh lấy tất cả tội trạng ấy. Thế nên cha mẹ phải quan tâm đến chỗ dạy con cho trở thành người tốt trong xã hội.

- Thứ ba, việc chồng vợ cần lấy ân tình đối xử nhau, đem câu chuyện hòa thuận để bàn luận nhau và lời xưng hô không dùng tiếng mây tao mi tớ, vì lời ấy thô tục bất nhã. Còn nói gì đến việc đào bới rửa xả nhau là điều cần tránh hơn nữa, vì có chích mích nhau, thì cả vợ chồng đều dùng lời nhỏ nhẹ để sửa chữa là tốt nhất.

Với một điều cần hơn nữa là giữa chồng vợ đối đãi nhau cho có lễ phép, rồi sanh con ra nó sẽ học theo gương ấy trở thành lễ phép. Đó cũng là gián tiếp để đánh thức cho những gia đình cơm không lành, canh chẳng ngon bắt chước theo.

- Thứ tư, giữa anh em ruột thịt mỗi chuyện gì cũng cần phải lấy lòng kính nhường và thuận thảo với nhau, không nên vì đụng chạm quyền lợi mà nữ đem nhau ra tụng đình kiện thưa hay dẫn đến miếu môn thề thốt; và cũng không nên bày ra mưu chước thâm độc hại nhau. Nếu giữa anh em có sự bất hòa thì chính là gây sự đau lòng xót dạ cha mẹ, mà nếu làm cho cha mẹ đau lòng xót dạ là đứa con bất hiếu.

- Thứ năm, ở chòm diềng đâu khỏi sự chích móc lẫn nhau, nhưng khi có sự chích móc khá giằn xếp cho đôi đảng được hòa thuận, không nên dẫn nhau đến chỗ xé râu măng nhieéc nặng nề, làm cho mối cảm tình giữa người lân cận mất hết.

- Thứ sáu, những kẻ được thế lực mạnh, quyền hành to, cố nhiên măng nhieéc ai cũng nhịn, nhưng họ nhịn chớ lòng họ không phục, khi có cơ hội đến thì họ măng nhieéc lại mình. Mình phải hiểu thế để tránh hẳn, đừng hăm he dọa nạt ai và không dùng lời quá nặng nề với họ; cần phải nhân lúc mình có thế lực nói cho người nghe lẽ phải, làm được việc lành. Như thế là điều duy nhất của người có đạo nghĩa.

- Thứ bảy, đối với Trời Phật Thần Thánh là một bực tối cao tối thượng: Trời ban bố cho vạn loài được nhuần gọi nắng mưa; Phật đã hy sinh đời tư để tu hành đắc đạo đem giáo pháp siêu mầu dạy cho chúng sanh khỏi tội lỗi; Thần Thánh là đấng sáng suốt từng làm xương sườn, xương

sống cho nhơn loại. Như thế chúng ta há dám khi dễ sao? Cần tôn kính các Ngài và xưng tụng công đức các Ngài đối với nhơn loại, chúng sanh. Và chúng ta luôn luôn có những lời van cầu các Ngài ủng hộ cho nhơn loại hòa bình, chúng sanh giải thoát. Tuyệt nhiên không nên vì việc tư lợi của mình mà kêu réo các Ngài mà sai khiến sự nọ sự kia. Vì sự sai khiến ấy không thể nào được, lại còn mang lấy tội trọng.

Đức Phật Thích Ca bảo rằng: “Những người nào chưa được tội ác khẩu thì được tám món tịnh nghiệp”:

- Thứ nhất, là những lời nào của mình nói ra cũng đều biết độ lượng xét nghĩ rộng rãi tường tận.

- Thứ hai, là những lời nào của mình nói ra cũng đều có lợi ích, hoặc cho gia đình mình hay cho kẻ khác.

- Thứ ba, là những lời nào của mình nói ra cũng đều phù hợp với chơn lý, nghĩa là nói đúng với sự thật của việc này đến việc khác.

- Thứ tư, là những lời nào của mình nói ra cũng đều được thanh tao nhã nhặn, người nghe rất vui vẻ và muốn nghe thật nhiều.

- Thứ năm, là những lời nào của mình nói ra được có lợi ích, đúng chơn lý và rất tao nhã, khiến người khác vâng giữ làm theo.

- Thứ sáu là những lời nào của mình nói ra không ngoa, không dối, vẫn đúng sự thật, vẫn êm ái, vẫn độ

lượng, vẫn có lợi ích, vì vậy người khác luôn luôn tin dùng đến.

- Thứ bảy là những lời nào của mình nói ra trước sau đều đúng đắn với chơn lý và có lợi ích cho mọi người, nên kẻ khác không vịn vào đâu chê bai được.

- Thứ tám là những lời nào của mình nói ra cũng khiến cho người khác rất vui lòng ưa thích để nghe chuyện này đến chuyện nọ mà không biết chán.

Khi được tám món công đức kể trên, mình chưa lấy làm thỏa mãn, bởi nó còn hữu lậu, liền đem hồi hướng về ngôi của Phật, nguyện được thành Phật không ham phước báo thế gian, thì sau thành Phật được tiếng nói vừa trong trẻo, vừa nghe xa như Đức Phật Như Lai.

CHÙA ÁC VỌNG NGŨ: Về ác vọng ngữ Đức Thầy có dạy rằng: “Trong câu chuyện của người này đem nói với người khác, thêm thừa dệt vẽ cho sai mất sự thật, hoặc chuyện không có gì mà mình khéo tô, khéo chuốt làm cho có; sự có ấy là một chuyện ngụy do mình tạo ra, hoặc làm lợi cho mình hay là lợi cho một nhóm người mà hại cho kẻ khác. Do đó có thể kết án cho ác vọng ngữ là nguồn cội đưa con người đến chỗ bất công.

Tại sao nó đưa đến chỗ bất công? Bởi mình vẽ vờ câu chuyện sai sự thật khiến người khác hiểu lầm, như người kia đáng trách phạt vì mình nói thêm bớt thành được ban thưởng, còn người đáng ban thưởng vì mình dệt vẽ trở lại bị trừng phạt, làm đảo ngược hết sự thật, thành thử người đáng

thương phải bị ghét, người đáng ghét trở lại thương, sự trùng phạt, sự thương ghét đều làm xáo trộn hết cả, vì thế gọi là bất công”.

Sự thêm bớt của ác vọng ngữ là một điều tội lỗi, nó làm hại nhiều người, có những sự chênh lệch, sự hiểu lầm nhau, nên chỉ chúng ta cố gắng chừa bỏ:

- Thứ nhất, việc một thì nói một, hai thì nói hai, không nên thêm bớt; những điều có thì nói có, không thì nói không, chẳng được thêm thừa hay chuốt ngót sai sự thật. Với những việc nào cũng vậy, mình cứ nói đúng sự thật, dù phải hao tài tốn của hay thiệt hại đến sanh mạng cũng vẫn vui. Vì nói sự thật mà có thiệt hại cho mình cũng khiến cho người khác thương tiếc và họ sẽ cho mình biết trọng chánh ngữ; và phần hồn khỏi bị tội cất lưới ở Địa ngục. Như thế, sự hại ấy, chỉ thiệt hại ở một đời mà sau này được nhiều kiếp thanh nhàn hơn.

- Thứ hai, đã nói sự thật thì những kẻ mặc dù có gây oán với mình từ lâu, bây giờ họ làm phải mình cứ nói phải, không vì thù trước mà mình nở bác bỏ tất cả sự phải của họ; còn sự thù dặt việc quấy cho họ là một điều phải tránh hẳn. Thẳng như, người mình đã thân yêu, khi họ có lỗi thì mình nói ngay rằng lỗi, không vì quá thương họ mà bào chữa cho sai mất sự thật; chỉ nên nói ngay ra, rồi mình tìm phương khác để cứu họ.

Nếu muốn tránh cho mình khỏi tội vọng ngữ phải nói đúng lẽ công bằng dù kẻ kia phiền hờn, chớ không vì sợ họ phiền hờn mà phải nói dối.

- Thứ ba, đòi mình rùi phải nghèo, thà cạp đất ăn, không vì muốn sống mà bày biện những việc giả dối để gạt người đang sống một cách hèn hạ. Vì nếu món ăn của mình bằng cách gạt người, thì món ăn ấy tuy hiện hữu thấy nó tiêu hóa, nhưng về phần vị lai thì nó sẽ tích tồn lại càng ngày càng lớn thêm và sức nó cứng sảng như sỏi sạn; sau khi mình thác sẽ sanh vào Địa ngục để ăn những sắt cục, uống những nước đồng để đền tội lường gạt kẻ khác lấy món ăn. Thế nên mình hãy đem lời lẽ chánh đáng, câu chuyện thành thật nói ra với những người mình muốn nói, dù sự thành thật chơn chánh đó mà phải nghèo khổ thế mấy cũng vẫn khư khư một mực không thay đổi.

- Thứ tư, không nên đem câu chuyện tốt lành, tài bộ kỳ bí của mình khoe với kẻ khác, cho họ kính sợ nể nang để lợi dụng tiền thóc hay kê nhắt lên địa vị cao quý.

Mình có được tài bộ hay ho cần phải giữ kín và luôn luôn nói ra những lời khiêm hạ. Như thế mình sẽ khỏi mang lấy tội khoe xất, lại còn được học hỏi thêm cho mình càng hay hơn.

Đức Phật Thích Ca cho biết rằng: “Nếu ai chừa được ác vọng ngữ thì được tám món công đức mà các vị chư thiên (tức các bực ở cõi Trời) khen ngợi”:

- Thứ nhất, là trong miệng của người ấy thường bay ra những mùi thơm như hoa sen.

- Thứ hai, người ấy được các hạng vua quan, dân dã, kẻ xa người gần ở trong cõi nhơn gian đều đem lòng kính phục.

- Thứ ba, người ấy luôn luôn nói những lời chơn thật, đúng lý của từ việc một, khiến cho mọi người ở cõi Trời và các vị chư thiên đều đem lòng yêu mến tôn kính.

- Thứ tư, người ấy thường được giọng nói dịu dàng thanh tao, khi nói ra ai nghe cũng đem lòng thương mến, nên họ thường an ủi được nhiều kẻ trong lúc khổ sở được vui vẻ, như là khiến kẻ ấy nghiêng theo con đường đạo đức.

- Thứ năm, người ấy cả ba nghiệp của thân, của miệng, và của tâm ý đều được trong sạch, không phạm vào mười điều ác.

- Thứ sáu, người ấy trong câu chuyện đối đáp với người này đến người khác, khỏi dè dặt, khỏi ngửa phòng mà không bị sai siển lầm lạc, và trong lòng họ luôn luôn được yên tĩnh vui khoái.

- Thứ bảy, người ấy mỗi lời nào nói ra đều đúng chơn lý, đúng sự thật, vì thế mà được các hàng chư Thiên đem lòng tôn trọng và họ sẽ vâng làm theo như người ở thế gian.

- Thứ tám, người ấy được có trí huệ cao hơn nhiều kẻ và họ sẽ uốn bẻ trừ dẹp được những thuyết tà để khiến

cho người đang làm lạc thấy rõ chơn tướng của kẻ nguy, và làm cho những người chưa bị làm lạc khỏi phải làm lạc.

Khi được tám món công đức trên đây mà biết đem hồi hướng về quả Phật, nghĩa là nguyện được thành Phật, chớ không muốn chỉ hưởng tám công đức ấy, thì sau thành Phật được lời nói chơn thật như lời của các bậc Như Lai.

CHÙA ÁC THAM LAM: Đức Thầy xác định tánh tham lam là thứ tánh thường hay làm cho loài người phải bị lấm sàu khổ. Cùng một nhận định ấy, các bậc cổ đức cũng thường bảo tánh tham lam là nguồn cội của sự lầm lỗi. Người đời hay chịu dưới sự khiến của lòng tham mới sanh ra lấm việc tội lỗi nặng nhẹ hoặc nhiều ít. Và cũng vì đó mới bị nghiệp lực lôi cuốn vào cõi đời để đền trả những nghiệp trước, thành có việc vào ra cõi mê khổ này. – Lại nữa, tánh tham lam là gốc sanh chiến tranh. Con người chế ra súng đồng, tạo ra độc khí, hạm to... toàn là đi theo tiếng gọi của lòng tham để chiếm nước này, cướp nước nọ đàn áp dân tộc khác.

Bởi thế ngài chiến tranh mới cháy, sự chém giết mới sanh ra, mà người đời kết án lòng tham là thân chết, là quỷ vô thường của cuộc chiến tranh.

Đã hiểu rõ tánh tham lam là một tội ác to lớn, và chính nó là nguồn cội của sanh tử, thì không vì một lý do gì khác để chúng ta dung dưỡng nó được, mà là cần rửa bỏ nó ngay. Nếu kẻ đã có tánh tham thì chừa đi; người chưa có thì hãy ngăn ngừa đừng cho phạm đến. Phải coi nó là một thứ

xấu xa nhứt và lên án nó là mẹ của các tội ác, thà là chịu thiếu thốn mà chết, không thể nẩy ra lòng tham vô đạo:

- Thứ nhứt, mỗi khi thấy của người khác, mặc dù của ấy rất quý, suốt đời của chúng ta cũng không có được, song chỉ hiểu thế thôi, tuyệt nhiên chúng ta không nên khởi lòng tham lấy về làm của mình. Lại cũng không tùng tam tụ ngũ bầy điều cướp giựt trộm cắp của người để sắm ăn sắm mặc hay trang hoàng cho gia đình mình cho xinh lịch. Còn nói gì lòng tham của người mà sanh sự hại mạng là cần phải tránh mãi mãi. Trái lại chỉ nên đem lòng bố thí. Cách bố thí, tùy tài sức của mình, có nhiều giúp nhiều, có ít giúp ít, thí ra mà không mong có lợi vào, chỉ vì người nghèo túng, tật bệnh, thiếu thốn mà giúp đỡ. Và lúc nào cũng đi đúng với đạo nhân, khéo chăm nom mọi bề ăn ở của người xung quanh được thân ái.

- Thứ hai, mỗi khi thấy sắc đẹp, dù sắc đẹp ấy tuyệt mỹ như Tây Thi, Bao Ty hay Đắc Kỷ chẳng hạn cũng xem thường, không nên sanh lòng luyến ái bày trò hoa nguyệt hoặc bày cách khéo léo phá hoại người mất trinh hư tiết một đời của họ. Chỉ nên nghĩ vì phong hóa nước nhà mà luôn luôn giữ mình cho trong sạch, và tôn trọng phẩm giá chung cho xứ sở.

Hai việc tài và sắc nếu người nào tránh được thì tất cả việc khác cũng tránh được. Vì nó là vấn đề quan hệ và kêu gọi nhứt, thế mà mình vẫn giữ vẻ bình thản và trong trắng

đôi với hai vấn đề ấy là hai việc rất khó nhứt, thì với việc khác rẻ hơn, mình sẽ bỏ dễ dàng.

Vì tham tài, mà ngày xưa gây lăm tình trạng tội hại chúa, con giết cha, trò phản thầy hay tở phỉnh gạt chủ.

Vì tham sắc, mà các triều vua Trụ, Kiệt, U, Lệ, thành nghiêng vách ngã, thân danh bị người coi thường và để tiếng nhơ xấu trên đời. Xem gương ấy, xem câu chuyện ấy chúng ta thấy tài, sắc có tai hại dường nào, há không đáng tránh sao?

- Thứ ba, mỗi khi thấy danh vị hay quyền lợi, dù bao lớn mình cũng chớ nên nảy sanh ra tánh tham muốn cho được về mình; và tuyệt nhiên không vì danh lợi nữ làm điều trái ngược đạo nghĩa, nhứt là việc đúng với đạo đức có ích lợi thiên hạ.

- Thứ tư, mỗi khi thấy quyền thế to tát là một việc ai cũng ưa, vì nó được oai vệ hơn người; nhưng mình không nên làm và chẳng bao giờ bày mưu thiết kế để chiếm đoạt. Nghĩ rằng quyền thế của người đã có, do người đem tài học hiểu gây tạo nên, hay là họ đã hy sinh xương máu mới cất nhắc được, nếu ta là kẻ không công, chẳng tài bộ, chỉ dùng trong vài mưu mô thâm độc để chiếm lấy địa vị của họ một cách táo bạo, như thế là việc làm bất chánh. Chỉ nên lúc nào cũng toan làm việc nghĩa để giúp đỡ mọi người tiến đến chỗ tốt và lúc nào cũng tôn trọng lẽ công bình.

- Thứ năm, mỗi khi thấy người lâm cơn nguy biến, gặp phải sự đáng lo, họ cần đến chúng ta hãy tìm cách giúp đỡ. Không nên nhàn vào chỗ hữu sự của họ cầu khẩn đến chúng ta, chúng ta nỡ đi kéo nài một đồng tiền đen, vật giá tối để sống một cách hèn hạ; hãy luôn luôn noi lấy đức tánh thanh liêm của người trước, tôn trọng công lý chung của xứ sở.

- Thứ sáu, tiền của sự nghiệp của cha mẹ để lại, mặc dù rất nhiều, chúng ta cũng chớ thấy đó động lòng tham lam thâm gôm dòn chứa một mình, bày ra mưu kế làm hại anh em, chia rẽ bầy lũ, rời rã máu xương làm đau lòng tử nhục mẹ cha, hãy nên xem trọng tình ruột thịt hơn của tiền để có thể xây dựng mối yêu thương chặt chĩa giữa anh em còn lâu dài mãi mãi.

Đức Phật Thích Ca bảo: “Khi chừa được ác tham lam rồi thì người sẽ được hưởng năm món thông thả tự do”.

- Thứ nhứt, là cả ba nghiệp: thân, khẩu, ý đều rảnh rang: mắt tai, mũi miệng, thân và các bộ phận khác cũng đều được đầy đặn tươi tốt.

- Thứ hai, những của tiền đồ đạt của mình vẫn được tự quyền mình xuất xử, những kẻ đạo tặc hay thù oán mình không thể nào chiếm đoạt hay cướp phá được.

- Thứ ba, phước đức nơi mình được nhiều, tùy theo lòng mình muốn như thế nào sẽ kết quả thế nấy, khỏi phải có nạn mưu cầu bất đắc.

- Thứ tư, nếu mình vào hàng vua Chúa, thì quyền bính của mình được tự do, vì nhờ mọi người thành tâm ủng hộ, cả muôn dân đều dâng phụng những vật báu, có năng lực phòng ngự cả nước.

- Thứ năm, sẽ được nhiều lợi ích quá hơn chỗ mình mong muốn gấp ngàn muôn lần, ví dụ: trồng công lúa chỉ được mười giạ mà mình được lên hai chục giạ, người ta hưởng một mình kết quả hai, quá hơn sức của mình đã muốn, nhờ ở đời trước mình không rít rắm keo kiệt.

Khi được năm món tự tại nói trên, lòng mình chưa lầy làm thỏa, liền đem hồi hướng về quả Phật, nguyện được thành Phật thì sau thành Phật được chúng sanh ba cõi đem lòng cúng dường và tôn kính.

CHÙA ÁC SÂN NỘ: Theo đây, Đức Phật cho rằng: “Tiếng nói của người trong lúc giận, bén hơn dao búa, vì nó có thể cắt đứt mối thương yêu, tình ân nghĩa một cách dễ dàng”. Ví dụ: như bà con thân thích của mình từ lâu yêu mến mình, mỗi việc chi cũng đều giúp đỡ mình, một hôm họ có chút lầm lỗi, mình nổi giận lên nói ra những tiếng nặng nề thô tục, thì những quyến thuộc, những thân bằng đã thương yêu mình trước kia đều phải ngơ ngác tất cả. Bắt đầu từ đó giữa mối tình thân thiết đều lợt lạt và đứt mất. Như thế, có phải tiếng nói trong cơn giận bén hơn dao búa không?

Phật nói thêm rằng: “Nếu người kia mong làm hại mình hay họ quyết tâm phân thân xẻ thịt riêng mình chẳng

hạn, lúc đó mình hãy mang cái áo giáp nhẵn nhụi vào, và ôm chặt cái cột trụ từ bi, nén lòng giận dữ xuống, phát ra tâm hoan hỷ, nhứt là cố giữ cho lỗ miệng đừng phát ra những lời mắng chửi, hay nói hung hăng với kẻ ấy. Vì sao phải có sự nhẫn nhịn như thế? Bởi lẽ nếu vì người đụng chạm riêng mình mà mình nổi xung lên, phát phẫn lên thì biển tâm đã nổi sóng gió, những cặn cẩu phiền não đều dấy cả làm mờ đục trí hóa. Chẳng thể thôi, mà bao nhiêu công đức, bao nhiêu tánh lành của mình đã uồn nắn vun bồi từ lâu, bây giờ tiêu tan hết. Do lẽ ấy, chúng ta phải gắng gổ để nhẫn nhịn”. Đó là lời của Đức Phật đã bảo như vậy. Còn Đức Thầy bảo rằng: “Cái tánh nóng hay xúi con người làm việc bất công, sai phép, nhiều khi việc rất nhỏ không dẫn được tánh nóng, mới khươi lên to tác, dẫn đến chỗ nhiếc mắng lẫn nhau, mà nếu càng không nhịn được thì càng đưa đến chỗ giết hại nhau”.

Đã hiểu tánh sân nộ nó thường hay làm lắm điều bạo ngược, và thường dẫn con người đến chỗ bất công mà khi xét nghĩ lại hối hận cũng đã muộn, nên chúng ta cần phải tránh nó; và hiểu nó là một điều dễ đưa đến tội lỗi phải luôn luôn ngăn ngừa hơn và kêu gọi đến kẻ khác cùng ngăn ngừa với.

- Thứ nhứt, việc riêng của mình có kẻ khác đụng chạm đến, chớ lấy đó bực tức gây ra thù oán đối địch, chỉ nên lấy lẽ công tâm phán đoán, coi sự ấy như thế nào? – Trong lúc phán đoán ấy, giữ vẻ mặt bình tĩnh để tìm ra

nguyên nhân của việc ấy để rồi đem lại sự hòa giải cho đôi đàng.

- Thứ hai, nếu có kẻ hiểu lầm hay họ cố tâm chỉ trích, khi ngạo mình, mình xem đó như luồng gió thoảng qua, chẳng gởi vào đâu, và cho rằng kẻ đó còn kém thiếu hay vì họ hiểu lầm mới có sự khi ngạo hoặc lời lẽ khích đó ấy, thì mình chỉ nên tha thứ và tìm cách cho họ hiểu sự thật của mình. Như thế, mình mới giữ còn hòa khí giữa người kia với mình, và còn được cải hóa cho người trở nên tốt đẹp.

- Thứ ba, khi mình làm lỗi có người thấy rõ: đem lời rầy mắng, trách cứ mình hãy vui vẻ, hãy nhận lời trách thiện ấy để sửa đổi lại. Không nên vì tự ái quá cao, khi nghe người rầy đến là sôi bùng lên, dùng lời nặng nề trả treo đối cự lại, chẳng những không học được điều hay lại cũng không chừa được lỗi và còn gây lầy sự bất hòa với người

Điều ấy, đối với chúng ta rất cần, vì trong đời dễ ai không lỗi; nếu có lỗi được người khác chỉ bảo cho là việc may mắn, cần nghe theo để sửa đổi từ ngày một, từ lỗi nhỏ thì sau sẽ được trở nên người không lỗi lầm nữa.

Ngay như Văn Vương là bực đại hiền, khi người khác nói đến điều lành ông còn lạy để học theo; còn ông Tử Lộ là người học trò giỏi của Khổng Tử, có ai nói ông lỗi thì ông vui mừng để sửa lại, trái lại ai nói ông phải thì ông buồn, vì sợ cái lỗi của mình chưa trừ hết được. Bực Hiền Thánh còn biết phục thiện như vậy, huống chúng ta kẻ ngu phàm há dám tự phụ rằng mình đầy đủ tốt lành sao?

- Thứ tư, nếu lòng của mình khởi muốn điều chi không được kết quả thì hãy cho đó là do mình thiếu cố gắng, thiếu phõng pháp, nên việc ấy không thành. Không nên nhận lấy chỗ bất thành ý nguyện đó, mà đâm ra giận giữ khoát nạt kẻ chung quanh, hay nghi họ làm chýóng ngại. Nhứt là những ý muốn không chánh đáng nó không được thành tựu thì mình lại càng hổ thẹn, càng nhận lỗi, không nên giận hờn.

Ý mình yêu kẻ kia mà không được trở lại hại họ là trường hợp vua Trụ ép duyên vợ Hoàng Phi Hổ tại lầu Trích Tinh, nàng ấy không bằng lòng, vua Trụ cố bức bách khiến nàng phải nhảy xuống lầu mà chết. Đó là lòng mình muốn không được trở lại hại người. Còn trường hợp nữa, như Bá Ấp Khảo đem xe trầm hương, ngọc quý đến dâng vua Trụ, xin cho Văn Vương khỏi tội ở Dũ-lý. Lúc đó vua Trụ muốn nghe Bá Ấp Khảo đờn, trong lúc đờn Đắc Kỷ nghe hay nàng bảo Bá Ấp Khảo dạy cho nàng đờn. Lúc dạy đờn Đắc Kỷ ởng ảnh muốn vào ngồi trong lòng Bá Ấp Khảo và cố ép liễu nài hoa, Bá Ấp Khảo không chịu mới lấy đờn đập trên đầu Đắc Kỷ – Đắc Kỷ thấy sự muốn của mình không thành còn bị hạ nhục, nàng mới vào tâu vua Trụ rằng: Bá Ấp Khảo ép duyên nàng, làm cho Bá Ấp Khảo bị tội tử hình. Đó là lòng mình muốn mà không được, trở lại hại người quá thâm độc.

Phải hiểu rằng: xác thân là mộng huyễn, ví: một người sống một đời cô độc, còn một người sống cả trăm ngàn người hầu hạ, khi chết rồi cũng ra bùn ra đất cả, không ai sống mãi để hưởng sung sướng. Thế thì không nên vì

huyền thân này mà làm việc tội tày, cần nghĩ đến sự cao siêu hơn, nghĩa là cần nghĩ đến chơn linh con người làm sao tỏ rạng được, làm sao đắc quả Phật và vào cõi Niết Bàn mới quý hơn.

- Thứ năm, trên con đường tu nhân hành thiện gặp nhiều chướng ngại hãy nhẫn nại để lướt qua, không vì chướng ngại mà sanh ra nóng giận bỏ phước công việc làm lành làm phải của mình, chỉ nên cố gắng đến khi nào việc làm ấy được kết quả đầy đủ.

Đức Phật Thích Ca bảo: “Khi người chừa được lòng giận hờn thì sẽ được tám món vui mừng ở nơi tâm”:

- Thứ nhất, là trong lòng chẳng hề móng khởi những điều độc ác để hại ai và luôn luôn vui vẻ không thấy sự buồn thảm đau khổ.

- Thứ hai, trong lòng không biến sanh bực tức hay nóng giận ai, dù rất có nhiều kẻ châm chích xúc phạm.

- Thứ ba, trong lòng không nghĩ đến sự kiện thua, tranh cãi với người nọ trong những việc nào cả.

- Thứ tư, lòng được dịu dàng hòa ái và luôn luôn thật thà ngay ngắn công bằng.

- Thứ năm, được có lòng lành, biết giúp đỡ và thương yêu mọi người cũng như các bậc hiền thánh.

- Thứ sáu, nơi lòng lúc nào cũng nghĩ ngợi những cách hay, những phương tiện để làm được những điều ích lợi cho mọi người và khiến mọi người được sự an ổn vui tươi.

- Thứ bảy, cả thân thể tướng mạo đều được đoan trang nghiêm chỉnh, thường ân nét khoan dung từ ái, khiến cả chúng sanh trông vào sanh lòng cung kính mến phục.

- Thứ tám, lòng hay đem lại sự hòa cho mọi người và hay nhẫn nhịn sự khó khăn, nhờ đó mà khi mạng chung được sanh lên cõi Trời Phạm chúng.

Khi được tám món công đức này, mình liền đem hồi hướng về quả Phật thì sau thành Phật được có thân tướng tốt đẹp, khiến những người khác xem đến chỉ thấy lòng thương yêu kính mến không hề chán chê.

CHÙA ÁC MÊ SI: Theo lời của Đức Phật dạy, thì do tâm trí tối tăm ngu muội khiến con người tạo ra muôn ngàn tội lỗi, năm này tháng nọ cứ quay quẩn mãi trong việc lo ăn lo mặc, lo hơn thua vinh nhục với đời và cứ chấp đời này là hơn hết không có cõi nào sánh bằng, nên không hề biết chán nản sự khổ, cũng như không hề nghĩ đến cách giải thoát. Do đó làm cội rễ cho việc đầu thai từ kiếp này đến kiếp khác, đã ngàn muôn ức kiếp rồi mà cũng chưa dứt được. Theo lời của Đức Phật cho biết thì mỗi một chúng sanh, mỗi lần sanh lên cõi đời mang một xác thân mà từ vô thủy lại đây đã vô số xác thân; những xác thân ấy chồng chất lại to gấp mấy lần núi lớn, còn nếu đem lấp thì đầy cả bốn biển. Hiện hữu chúng sanh không thấy cảnh ấy nên chẳng hề

lo sợ, mới vui sống trong cõi khổ, vui chịu đau thai, vui bỏ xác thân này lấy xác thân khác mãi mãi.

Đến phiên Đức Thầy bảo rằng: “Ác mê si chẳng qua là thiếu óc suy xét để phân tách việc phải việc quấy, cứ ôm giữ lấy sự hiểu biết cạn cợt tối tăm của mình, thành ra trong việc làm hay lời nói mới có sự sai siêng, lỗi lầm gây ra nghiệp dữ. Với kẻ này, đối với chơn lý họ không cần biết đến, họ chỉ hiểu qua loa một ít việc phải quấy với đời, rồi cứ tha hồ lấn chen cùng người để mưu cầu sự sống cho được yên vui vậy thôi. Và con người ấy, có thể nói là suốt đời họ chỉ nằm gọn trong chỗ mê muội, đắm đuối theo vật chất, theo những việc rất thấp hèn nhỏ mọn của huyễn thân, của thị dục, sớm còn tối mất. Hơn nữa, là họ thường hay làm những điều càn bậy, tin tưởng những việc mù quáng, họ hay nhận nghe các việc linh thánh có lợi lộc cho họ hưởng tức khắc là được. Ngoài ra họ chẳng cần biết sự giả dối của thân là gì? Chẳng cần tìm cảnh bất sanh bất diệt như thế nào? Vì đó mà họ chẳng thiết đến đường giải thoát.

Như đã kể trên thì mê si là một nguyên nhân của các tội ác, chính nó làm chúng sanh phải mù mờ tất cả chơn lý, nghĩa là làm cho chúng sanh không hiểu sự thật của vũ trụ vạn hữu. Do đó mới tạo ra lắm nghiệp tội để chịu sự luân hồi trong sáu đường, chịu lắm điều đau khổ. Bây giờ chúng ta đã giác ngộ và hiểu được sự độc hại của việc mê si, thì phải gắng gở để chừa bỏ nó, nghĩa là đổi nó ra trí huệ.

- Thứ nhất, mỗi câu chuyện nào của mình muốn nói ra phải lọc lừa kỹ lưỡng, cũng như việc nào của mình muốn làm ra cần phải xét nghĩ tận tường, luôn luôn lấy trí sáng suốt của mình để phân biệt được việc tội, việc phước hầu tránh được những lỗi lầm.

- Thứ hai, dầu mình được giàu to, học rộng hoặc quyền chức lớn lao cũng không nên tỏ vẻ tự đắc tự cao, không nên làm kiêu cách với ai, cần phải hiểu rằng: thân mình với bao nhiêu thân của người khác đều giả dối như nhau, có giá trị hay không là ở mặt tinh thần, chớ cái phàm thân ai cũng chịu sự sanh tử như nhau hết, dầu có kiêu cách hay ngạo mạn cũng không còn giữ mãi xác thân được.

- Thứ ba, dù ai có tài hô phong hoán vũ; kêu Trời Trời dạ; gọi đất, đất ơi, chúng ta cũng không vội tin tưởng, cần phải xét suy nhiều bận, tìm hiểu nhiều lần, khi biết rõ được họ thật chơn chánh mới đặt lòng tin theo, thứ là luôn luôn lấy chơn lý làm gốc trong sự tín ngưỡng.

- Thứ tư, cõi hồng trần mặc dù ngàn màu muôn sắc, danh lợi tiền của cám dỗ mỗi ngày, song lòng chúng ta không nên tham đắm. Hãy xem cõi này là cõi tạm, thân này là giả thân, muôn vật trên đời chẳng thường tồn, không một vật nào mà không biến hoại; chỉ có cõi Niết Bàn là tịch tịnh an vui, các Phật đều ở nơi đó, chúng ta hãy nhắm về chỗ ấy để khỏi mắc trong lưới mê và dứt sạch đường sanh tử.

Theo lời Phật Thích Ca dạy: khi người chừa được ác mê si thì được mười món công đức:

- Thứ nhất, người ấy ý được trọn lành trọn tốt và thường được những người bạn hiền đức kết giao làm những việc lợi ích cho đời

- Thứ hai, người ấy được tin sâu ở lẽ nhơn quả báo ứng, dù phải chết đi sống lại cả muôn lần, lòng tin tưởng ấy cũng không dời đổi được, như là họ không hề dám mó tay vào việc ác.

- Thứ ba, người ấy thường được các nhà đại đức hướng dẫn qui y Phật pháp, không bị kẻ tà sư rù quên theo ngoại đạo.

- Thứ tư, người ấy được lòng ngay ngắn và thấy biết đứng đắn chơn lý, không hề có sự nghi ngờ Phật pháp và luật nhơn quả.

- Thứ năm, người ấy thường được sanh lên các cõi Trời Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới, không bị đọa vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Thứ sáu, người ấy thường được tăng trưởng phước đức đến vô lượng, nghĩa là người ấy phước đức thêm rộng lớn đến không số lường được.

- Thứ bảy, người ấy khỏi phải ngăn ngừa mà vẫn được xa hẳn tà phái, trước sau đều tu theo chánh đạo.

- Thứ tám, người ấy lòng không còn câu chấp huyễn thân này là thiệt có, họ luôn luôn bỏ được tất cả việc làm ác.

- Thứ chín, người ấy thường trụ vào chỗ thấy chơn chánh một cách không bị ngăn che.

- Thứ mười, người ấy không sa đọa vào tám nạn: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trường thọ thiên, thế trí biện thông, Bắc cu lô châu, câm, ngọng, đui, điếc, sanh trước Phật hay sau Phật.

Khi được mười món công đức ấy mình liền đem hồi hướng về Phật quả thì sau thành Phật được mau chóng thành tất cả Phật pháp và được mau gồm đủ các phép thần thông tự tại.

BÁT CHÁNH

”Thiên lâm Phật Thích thuở xưa kia,

Non Tuyết rền ra bát chánh kia

Phổ hóa dân lành trong khắp chúng

Hoàn cầu bốn biển khắc danh bia”

Bài thơ này Đức Thầy kể lại truyện của Đức Phật Thích Ca ngồi tu sáu năm khổ hạnh tại núi Tuyết lãnh, khi thành đạo Ngài thuyết ra mục Bát chánh độ khắp chúng sanh trở lại con đường lành. Với tám điều chánh ấy, đưa vô số chúng sanh đến cõi giải thoát, thế nên Đức Phật Thích Ca được cả chúng sanh ở bốn biển trên hoàn cầu: người thì tượng hình cốt để thờ, kẻ thì khắc hiệu danh để ca tụng.

Đức Phật quán xét tất cả chúng sanh đang hồi mê muội, Ngài phương tiện thuyết ra tám điều chánh, để làm cho chúng sanh ai cũng có thể tu được, có thể cởi mở mọi điều đau khổ của kiếp phàm phu và gội rửa tất cả phiền não sân si nơi lòng được. Tám lẽ chánh này, rất thích hợp với các tầng lớp chúng sanh, kẻ tại gia cũng như người xuất gia, cả hai hạng đều tu được hết, vì nó rất giản dị tóm tắt. Cả hai mặt về tinh thần cũng như thể chất của chúng sanh thì pháp này lại càng dung hòa thích hợp, với chủ đích của nó cốt cải sửa tư tưởng của con người được trong sạch, ngôn ngữ của con người được chơn chánh và hành động của con người

được công bằng. Nghĩa là nó làm cho con người về sự nói năng, nghĩ ngợi hay làm lụng việc chi cũng đều được đến chỗ trọn lành trọn tốt. Được thế, sẽ cứu vớt toàn cả nhơn loại chúng sanh trên mặt Địa cầu không chìm đắm ngu muội, không còn những việc trái oan thảm khổ giữa người này với người nọ, sẽ tạo nên kiếp sống hiện tại tuy không được trường cửu nhưng rất được an vui. Cái kết quả cuối cùng của đạo Bát chánh là sẽ chặn được con lộ đầu thai, ngăn được làn sóng luân hồi sanh tử.

Đến lượt Đức Thầy bảo: Mỗi người sau khi trừ diệt được mười điều ác rồi thì mười điều thiện hiện ra, nhưng đó cũng chưa phải đầy đủ trên con đường đạo, mà là chỉ bước thêm một bước thôi, nghĩa là nó được trên hơn bốn điều ân. Muốn tiến đến một bước xa hơn nữa, để đến chỗ tuyệt diệu của đường đạo, thì mỗi người cần hành tám lẽ chánh. Tám lẽ chánh này, là một quyển kinh của người để đọc mỗi ngày, mà phàm là kẻ muốn lấp cạn sông mê, mở thông nguồn giác, dĩ nhiên là phải học đến nó. Được thế mới có thể tiến đến con đường giải thoát sanh tử được.

BÁT CHÁNH gồm có:

- Thứ nhất, Chánh kiến là chỗ dòm ngó xét xem mỗi ngày được đúng sự thật của việc này đến việc khác, không có sự chệnh lệch sai lầm không bị mù mờ đưa đến chỗ tội lỗi cho mình hay kẻ khác.

- Thứ hai, Chánh tư duy là chỗ tư tưởng, chỗ nghĩ ngợi của con người vẫn được chơn chánh, mặc dù nghĩ ngợi

ấy không hình tướng, không ai thấy được, nhưng chính mình tự thấy và hiểu nó một cách rõ ràng, nên kèm chế không để nó móng nghĩ điều quấy làm như đầu óc.

- Thứ ba, Chánh nghiệp là tất cả các ngành hoạt động nghề này nghiệp nọ, trong chỗ mưu tồn cuộc sống cho mình mỗi ngày đều phải chủ vào lẽ chơn chánh không hề tham gia vào những hành động trái với công lý, ngược với đạo nghĩa, có hại cho người hay cho mình.

- Thứ tư, Chánh tín tấn là lòng tin tưởng Trời Phật, tín ngưỡng đạo lý một cách chơn thành chánh đáng và cần phải tập trung toàn lực của thân tâm để xúc tiến cho công việc tín ngưỡng của mình sớm được thành tựu. Trong chỗ tiến tu ấy vẫn phải gặp nhiều trắc trở cản ngăn, nhưng lòng vẫn cố gắng lướt qua hết cái này đến cái khác để đạt mục đích.

- Thứ năm, Chánh mạng là đời sống đành phải có nhiều nhu cầu về sự ăn, sự mặc, chỗ ở hay những danh vị phụ vào, song phải được giữ chơn chánh không để người ta trông vào thân mình mà nhờm góm cho con người bạc ác. Không được đem những vật phi nghĩa, món bất lương trang sức cho thân; và trong chỗ đi, đứng, nằm, ngồi cả bốn oai nghi ấy đều giữ cho thân được đoan chánh. Được thế, mạng sống của thân gọi là chơn chánh.

- Thứ sáu, Chánh ngữ là lời gì của mình muốn nói ra hay luận bàn với ai cũng phải giữ cho chơn chánh, lập lại chuyện nào của người khác phải đúng sự thật, hay nói cho

người khác nghe sự gì cũng tỏ tường chơn chánh; thà là chịu câm không nên nói lời tà vạy.

- Thứ bảy, Chánh niệm là ngũ quan thường tiếp xúc với mọi cảnh, mọi cảnh ấn tượng vào đầu óc, nên chi con người có sự nhớ tưởng, nhưng trong chỗ nhớ tưởng cần những điều tốt lành, ngay ngắn, không nên chôn đầu óc trong những cái nhớ mơ quảng tà khúc làm điên đảo trí năng.

- Thứ tám, Chánh định, đã là giống hữu tình ai lại không có suy gẫm những việc này hay việc khác trong chỗ của mình đã được giao tiếp, song chỗ suy gẫm ấy, cần phải được chơn chánh, nghĩa là cần phải suy gẫm cho rõ ra nguyên nhân và cội gốc của đau khổ hồng trần, để rồi tìm phương pháp hay ho mâu nhiệm hơn để gội rửa nó, xa tránh nó, hầu làm cho tâm mình được bình, trí mình được tịnh mới khỏi có những mê lầm và sai phạm. Như thế khéo làm cho mình khỏi phải đọa lạc nhiều kiếp, cũng như không bị tà kiến ám ảnh.

- Đó gọi là ý nghĩa của đạo chơn chánh.

HÀNH BÁT CHÁNH ĐƯỢC NHỮNG LỢI ÍCH

“Câu bát chánh rán mài chạm da,

Tứ mục điều người khá hành y”

Hai câu này Đức Thầy có mỹ ý khuyên mọi người phải rán ghi chạm tám điều chánh và phải được hành y tứ diệu đề.

Bởi đó là hai vấn đề quan trọng của những ai muốn tiến đến mức giải thoát.

Hiểu được đạo Bát chánh là điều rất cao siêu và nó có năng lực diu dắt con người đến chỗ thoát khổ được, chúng ta không thể hiểu sông danh từ một của nó mà cần tìm hiểu đến chỗ cùng rốt của nguyên lý và cần phải biết đến chỗ lợi ích của nó như thế nào? Mới có giá trị. Bây giờ, chúng ta mạn phép thể theo lời của Đức Phật và Đức Thầy để kể sơ lược về vấn đề lợi ích của đạo Bát chánh ra đây hầu giúp nhau được hăng hái tu hành.

HÀNH CHÁNH KIẾN: Đoạn này Đức Thầy nói rằng: “Theo phân đông người ta thường bị lòng tự tôn lấy mình quá nhiều mới bị mờ ám trí huệ, trong chỗ nhận xét không được kỹ cương, nên thường có những hành động đi sai với sự thật. Tại sao thế? Bởi người ta càng tự tôn trọng huyễn thân của mình thái quá, mỗi mỗi việc làm nào cũng

nghĩ đến nó và chu cấp vật này đến vật khác cho được cao sang danh vọng như mọi người, thành thử đầu óc bị chôn nhốt trong đó; không nghĩ đến chỗ cao xa hơn, huyền diệu hơn mới bị đời lôi cuốn trí hóa mờ ám, làm sai siển chơn lý. Trong lúc hành động sai siển ấy, hoặc vì thiếu sự sáng suốt, hoặc vì có những thù riêng hay lợi tư mà con người nữ nhúng tay trong việc làm táo bạo; hoặc giả cứ nhắm mắt làm những việc bất công. Do đó đã khiến cho nhiều người vì mình mà phải chịu oan khức, phải chịu đau khổ.

Cũng bởi sự phán xét sai lầm đã gây tội lỗi và gieo họa đau thương cho nhiều người, nên mục Chánh kiến dạy chúng ta:

- Thứ nhất, đứng trước bao cảnh phức tạp, mặc dù nó rất rắc rối, chẳng níu giữa cái này đến cái khác như đứng trong bụi gai, song mình phải dùng trí năng bén thếp như cái kéo vanh cái này hót cái nọ để moi tìm ra mọi việc cho mình khỏi có hành động sơ suất và khỏi gây thiệt hại cho mình hay cho người.

- Thứ hai, không luận ở việc đời hay đạo, nếu việc ấy đến mình, mình hãy dùng óc sáng suốt để xem xét kỹ lưỡng, hiểu đến chỗ cùng tột của việc ấy, hầu tránh cho mình không bị thấy lầm, làm sai, gây tội khổ cho ai cả.

- Thứ ba, cần phải hiểu ngay rằng: mọi việc trong trần lụy này toàn là cùm, là trãng, là những xiềng xích để trói buộc những ai mó tay vào, xâm phạm đến nó; có thể kể cho cõi trần như là ngục tối, người sanh vào đây là bởi nghiệp tội ở kiếp trước, mình không thể tham đắm nó, tuy

phải ăn, phải mặc, phải sống như bao nhiêu cái sống của người khác, nhưng tâm hồn phải giữ cho thanh tịnh cao siêu vượt ngoài vòng tục lụy.

- Thứ tư, cần phải hiểu biết nhân quả không những nó trả lại cho việc mà nó còn trả lại cho ý nghĩ của chúng ta nữa; như việc làm có hình thể; có tiếng động thì nó trả lại cho sự chửi mắng, tù đày, đánh đập, nghĩa là bị hình phạt bằng hình thức; còn ý nghĩ nó không hình tướng, không sắc màu mà người cứ nghĩ quấy thì nó sẽ trả lại cho đầu óc bị tối tăm, bị điên đảo một cách vô hình.

Thế là luật nhơn quả được công bằng không những ở việc hữu hình luôn đến việc vô hình, nghĩa là việc làm của mình nó trả lại cho mình cả hành động đến tư tưởng. Vì vậy, mình phải đồng thời kèm chế cho thân đừng tạo tác điều quấy và ngăn ngừa trí não đừng nghĩ ngợi việc sai, phải luôn luôn trầm tư, mặc tưởng để khảo nghiệm tìm hiểu được những điều hay ho tốt lành hầu giúp đỡ cho đời.

- Thứ năm, phải nhìn nhận giáo pháp của Đức Phật là tuyệt cao, tuyệt diệu hơn hết, nó là chiếc thuyền to, cây cầu lớn đưa nhơn sanh khỏi bến mê, xa biển khổ được đến chỗ giải thoát cõi sanh tử luân hồi. Chúng ta cần phải đeo đuổi Phật pháp cho đến khi nào hiểu hết, thấy hết những việc làm huyền bí trong đó, khi đó tự thấy mình đứng đắn một Phật tử.

- Thứ sáu, phải quả quyết rằng: những phù hay, phép giới không đưa mình đến chỗ giải thoát, mà nó chỉ lèo

gạt mình trong đôi chút rồi biến mất. Chẳng những thế, có nhiều khi nó làm hại đến mình nữa, ví dụ: có nhiều người tự cho mình là có phù phép giỏi rồi sanh ra tự kiêu, tự đắc, có ai đụng chạm đến thì trở tài đối địch, nên thường hay bị hại. Bởi vậy chúng ta coi phù phép ấy là sự thương, không nên mong mọi ý lại vào nó.

Sau khi thật hành được Chánh kiến thì được có sáu món lợi ích:

- Thứ nhất, người ấy mặc dù đương sống trong chỗ rối loạn ngàn màu muôn sắc pha trộn lẫn nhau, giữa tiếng người, tiếng cầm thú reo hò xáo náo, nhưng họ cũng vẫn quan sát hiểu biết từ cái một trong ấy, không lầm lạc.

- Thứ hai, người ấy tâm được ròng rã một mực chánh đáng, mặc dù họ không phải kèm chế, khỏi cần cẩn thận mà việc quấy cũng không đưa đến họ. Nhứt là trong việc làm của họ ít bị lỗi phạm hay sơ sót.

- Thứ ba, người ấy ngó vào mọi sắc đẹp, như ngó nộm giấy, như hình của kẻ thuật sĩ, hóa ra chớ không phải là hình thiệt, nên lòng họ không hề tham đắm, không hề vọng khởi những điều tà.

- Thứ tư, người ấy từ ngoài đến trong thâm tâm của họ lúc nào cũng được ăn nhịp với nhau một việc làm lành làm phải, đúng đạo lý, có lợi ích cho quần sanh.

- Thứ năm, người ấy được thấy rõ nơi bản tánh của mình cũng có đủ Tam bảo: Phật bảo là giác, Pháp bảo là

chánh, Tãng bảo là tịnh, mà lúc nào họ cũng tùy thời, tùy cảnh, tùy theo tâm ý của mỗi người để làm những việc cứu độ.

- Thứ sáu, người ấy cặp mắt lúc nào cũng được sáng suốt, nhìn phủng qua tất cả vật, không có thứ ma nào dùng phép linh ám ảnh gạt gẫm họ được, họ soi thấu cốt tủy của mỗi thứ, vì thế họ không lầm lạc. Nhứt là nơi lòng họ luôn luôn tự do, thật hành theo lẽ phải, theo ý muốn chánh đáng của họ.

Tóm lại, mỗi khi người hành được chánh kiến, thì trong chỗ xem xét không còn lầm lạc nữa, thường thấy những việc lợi ích đều làm cho chúng sanh được nhờ nhờ đến.

HÀNH CHÁNH TƯ DUY: Theo Đức Thầy đã bảo: “Con người trong cõi trần phần đông thường hay bị ý dục vọng, lòng ham muốn xúi biểu chạy chọt cào cấu những lợi lộc, những vị danh, lo cho có quyền quý tước phẩm hơn người, nhứt là lo việc vợ đẹp hầu xinh, chồng giàu rẻ cả: Do đó bao nhiêu tâm hồn ý tưởng cứ điên đảo mãi và giam cầm mãi trong việc tham dục ấy, không còn biết nghĩ đến điều giải thoát hay việc đức hạnh.

Nếu con người cứ để đầu óc vào những việc lợi danh tình ái một cách tiêu ti eo hẹp, thì chi cho khỏi phải gây lấy điều tội lỗi xấu xa, làm hoen ố phong hóa nước nhà và thương tổn tổ đức, có nhiều khi cho tâm hồn thêm chìm sâu đáy bể.

Với khổ hướng ấy, ai xem qua mà không bị ly thống trách cho phần đông người chưa khỏi ác mộng, còn say sưa luyến ái mọi cảnh dục lạc mà ngày này ngày nọ cứ vùi giẫm sanh sống trong đó, không biết chỗ tội phước, chẳng hiểu rõ Địa ngục hay Thiên đường. Bởi đó mà mục Chánh tư duy dạy chúng ta:

- Thứ nhất, lúc nào cũng phải giữ tâm được lặng lẽ sõi sàng, hầu có đủ năng lực đủ trí linh đối phó với các cuộc rối ren, mọi cảnh xáo náo giữa cõi trần. Vì sao? Bởi nếu người sống trong cảnh rối rắm mà tâm không được bình tĩnh thì không thể tránh khỏi sự nhận lầm hiểu sai, dẫn đến chỗ lầm lỗi gây sự thương tổn cho người khác hay cho mình.

- Thứ hai, mặc dù hoàn cảnh bắt buộc mình phải sống chung đụng với nhiều người rất đê tiện xấu xa, song mình luôn luôn giữ tư tưởng trong sạch, không để luồng gió tục thổi vào và cũng chẳng cho kẻ khác dùng màu sắc đen tối nhuộm dơ tâm mình; phải ví mình như hột ngọc minh châu một màu trong sáng dù bao nhiêu bùn, bao nhiêu mực cũng không làm dơ nó được. Như thế mình mới có đủ sức cảm hóa kẻ xấu trở lại được tốt như mình.

- Thứ ba, cần phải đem hết sự hiểu biết, tài sáng suốt của mình ra tìm kiếm được chơn lý, được thấy sự thật cả vũ trụ nhân sanh để tùy tiện thật hành cái đạo giữa mình đối với mọi người, giữa mình đối với Trời Phật và mình đối lại tâm hồn của mình. Đối nhơn sanh cần phải làm sao đem lại cho họ những đức tánh nhân hòa, tâm hồn hỉ xả có lợi ích

chung; đối với Trời Phật mình làm sao vừa tôn kính các Ngài và vừa làm theo những lời của các Ngài chỉ dạy; đối với mình thì chính mình tự trị lấy mình đừng có hành động xấu xa, lời nói độc ác hay những ý tưởng đê hèn.

- Thứ tư, mình hãy quay cái thấy, cái nghĩ, cái nghe trở lại tâm hồn của mình để tìm làm sao, kiếm làm sao được con đường giải thoát, làm cho mình đứng ngoài cái già, cái bệnh và cái chết chóc đau thương. Muốn được thế cần phải có lòng hy sinh, vui với đạo đức mà chịu nghèo; vui với tu tỉnh mà hy sinh những điều khó, chỉ quyết tâm làm cho sự tu của mình đi đến quả phẩm được đầy đủ, công hạnh được tròn trịa, như thế gọi là đắc đạo.

- Thứ năm, mỗi khi đến trước bàn Phật hay các bàn thờ, mình đều tập trung tất cả đức tin, tất cả ý niệm làm một: vừa hết lòng thờ kính ơn trên Trời Phật và vừa tha thiết cầu khẩn các Ngài dùng oai linh, huệ lực ủng hộ cho cả thầy dân chúng trên quả Địa cầu mau hưởng được sự sống an ninh và mọi nghề nghiệp được phú túc. Như thế sẽ cứu được họ khỏi cảnh cơ cực lầm than và được cuộc sống ninh bình trên thế giới.

- Thứ sáu, trong mỗi ngày mình đều có để đầu óc nghĩ tưởng đến phương pháp nào hay, lời nói nào chánh, hầu cứu vớt được quần sanh còn đang ngủ vùi trong ác mộng, nghĩa là mình phải moi vét trong đầu óc của mình đem ra những điều sáng suốt, những lẽ nhiệm mầu để đánh thức kẻ hung trở lại hiền, người dữ trở lại lành, kẻ giả dối trở lại

chơn thật. Như thế mình sẽ cứu họ chỉ bị một kiếp khổ này thôi, chớ sau đây họ được siêu thoát đến cảnh giới bất sanh bất diệt của cõi Niết Bàn.

Khi mình đã hành xong Chánh tư duy thì được sáu món lợi ích:

- Thứ nhất, là được tránh khỏi mưu kế của người muốn gạt mình, tránh khỏi liên hườn kế của kẻ khác, kẻ khác không thể dùng mưu mẹo gì làm cho mình rối loạn đầu óc, để rơi vào bẫy của chúng được.

- Thứ hai, hột giống trí huệ nơi mình càng ngày càng được nảy nở tươi tốt thêm ra, cho đến khi được toàn vẹn sáng suốt bề trái cũng như bề mặt, bề dọc cũng như bề ngang, mỗi mỗi đều được bắn ra tia sáng soi rọi khắp nơi, không còn bị mờ ám, lạc lăm nào nữa.

- Thứ ba, đối với việc lớn như quả Đất, nhỏ như hột bụi mình cũng đều soi phủng đến cội gốc của nó được, nghĩa là bất tất việc gì hay thứ nào mình cũng được biết tường tận để tránh những điều lầm lẫn, chỉ làm việc lợi ích cho nhơn sanh.

- Thứ tư, đầu óc của người khác có ý nghĩ gì, tâm tánh của họ khởi ra cái muốn nào, chính mình đều được thông hiểu hết, biết rõ hết, nên tùy theo đó mà giúp đỡ họ, khiến họ được hài lòng, hầu có gây lấy tình cảm, gây lấy sự kính mến ở họ để độ họ biết tu hành, làm việc đạo đức như mình.

- Thứ năm, đối với các tầng lớp dân chúng, cao hơn hết là hạng vua chúa, thấp hơn hết là hạng dân dã, mình luôn luôn lấy lòng từ ái đối xử với họ; có thể giúp đỡ họ những phương pháp giải thoát; nâng đỡ họ, dìu dẫn họ một cách tận tụy. Nói rõ hơn là lòng thương yêu họ chẳng khác nào như người mẹ thương con, chẳng hề tiếc rẻ một điều nào mà chẳng giúp đỡ họ.

- Thứ sáu, các nghiệp mê lầm, mọi lòng sân si phiền não nơi mình được dứt xong, chỉ còn tâm đại từ, lòng quảng ái, làm hết cái phước này kế làm cái lành nọ, toàn là những điều có lợi ích, có phước duyên cho toàn cõi nhơn sanh.

Tóm lại khi người hành được Chánh tư duy, nghĩa là được có suy nghĩ hoàn toàn chơn chánh rồi thì chừng ấy không còn bị ngoại cảnh làm mê loạn đầu óc, cũng như chẳng còn sự ám ảnh nào làm điên đảo trí năng; đối với việc làm nào cũng được nhớ tưởng ở sự lợi ích vừa cho mình, vừa người khác được sống một cái sống an lạc như nhau. Còn về mặt chơn lý thì tự mình moi móc ra từ cái và hiểu hết chỗ tinh vi của nó, nên chi sự hành đạo được hoàn toàn chơn chánh bảo đảm đến chỗ thành công.

HÀNH CHÁNH NGHIỆP: Theo Đức Thầy đã dạy: “Đối với hạng người tu hành tại nhà, cố nhiên là họ phải có những hoạt động để cung phụng cho đời sống của họ, hoặc phải làm ruộng rẫy hay buôn gánh bán bưng, hoặc vào các sở lãnh lấy những công việc công tác thường ngày, với việc làm này chỉ có mục đích đủ cơm ăn áo mặc vậy thôi. Mặc dù

đời sống của hạng người ấy, bắt buộc họ phải làm những việc này việc nọ hằng ngày để kiếm tiền nuôi thân, song hành động của họ khác hơn hành động của kẻ đầu trộm đuôi cướp, nghĩa là họ không hề để tâm tìm làm những nghề nghiệp gì xảo trá, gian tà, cũng như họ chẳng hề mó tay cướp lấy của người khác một cách bất nhơn. Tại sao thế? Bởi họ nghĩ rằng: sự sống của người khác cũng như sự sống của mình, những món của họ có, họ đã hao nhiều tâm lực mới làm ra được, bây giờ mình cướp lấy đi tức là gián tiếp giết chết họ; mà giết chết họ thì không tránh khỏi nghiệp oan trả lại cho mình phải đỏi khổ ở ngày kia. Nhứt là phải nghĩ họ là nhơn loại là đồng bào, thì mình nên giúp họ hơn giết họ, vì họ đỏi như mình đỏi.

Hơn nữa họ nghĩ rằng: sở dĩ phải đi làm công này việc nọ là vì còn xác thân phải ăn phải mặc thì cần làm ra tiền ra thóc để nuôi sống, để tu đức vậy thôi, chớ họ không phải như thường tánh của kẻ khác, lo làm được giàu sang, se sua chung dọn; họ không chuộng vật chất, vì vậy họ không hề cướp giựt của người khác.

Bởi những nghiệp tà là ác nhân. Nó thường gây lấy khổ quả, khiến cho con người lúc sống bị xã hội đào thải, gia đình phiền giận; khi thác bị đọa vào Địa ngục; súc sanh chịu lấy mọi sự hình phạt, mọi thống khổ để trả lại việc làm lúc sanh tiền. Do đó mục Chánh nghiệp dạy chúng ta:

- Thứ nhứt, đối với các ngành buôn bán: không đặt rượu hay trử rượu bán lại cho người khác; không lòn lỏi mua

á phiện bán sỉ bán lẻ hay lập tiệm hút; không dụ dỗ gái tơ, rù quên trai trẻ làm việc mãi dâm; không nhân lúc hàng hóa khiếm khuyết mua trữ để bán đắt, và nếu mình có của, kẻ khác đến vay nợ không nên ăn lời quá nhiều. Nghĩa là với những nghề nào có tánh cách lợi dụng mình mà hại người thì không nên làm, cần phải tìm làm những nghề nghiệp ngay thật có tánh cách nhân đạo, miễn giúp cho đời sống mình được no cơm ấm áo, mà lại khỏi phải chịu lấy nghiệp tội về sau và cũng không gây điều như nhuốc cho dòng dõi.

- Thứ hai, đối với mạng sống và điều vui vẻ nơi gia đình của người cũng như của mình, mình lấy tư cách một kẻ đã giác ngộ luân lý nhân đạo cần phải giúp đỡ họ, giữ gìn tiếp với họ cho được an toàn; tránh hẳn không được có những việc làm cò bẫy hại mạng của người; cũng không thấy nhiều người hạnh phúc lại đâm ra ganh ghét mưu mẹo để phá hại, nhứt là không nên dùng tâm trong việc mưu sát, đánh đập họ một cách vô nhân đạo, có ý thức dã man.

- Thứ ba, đối với người khác dù họ được tài sản sự nghiệp to tát gấp trăm ngàn lần hơn mình, mình không nên động lòng tham lam quần tụ những bọn côn đồ, phường phá hoại làm những việc cướp bóc hay thâu đoạt của họ. Trái lại cần phải tôn trọng sản nghiệp của họ cũng như của mình, có thể có những tổ chức để bảo vệ chung, cùng được sản xuất chung để khiến cho nền kinh tế giữa người và mình được phồn thịnh. Mình có thể có những cách khéo léo hơn để làm cho trong xứ những kẻ quá giàu, hạng quá nghèo được trở lại điều hòa, nghĩa là đừng để cho đòn cân sanh sống bị

chênh lệch quá nhiều. Song phương pháp ấy phải hợp đạo lý, chớ không như kẻ vô thần đi lấy của người lại gọi là san bằng cấp tư sản.

- Thứ tư, đối với loài vật, mặc dù chúng nó là loài ngu độn, thường bị làm vật tư dưỡng cho loài người, cho giống mạnh, nhưng dù sao chúng nó cũng biết tham sống sợ chết, hơn nữa chúng nó vì nghiệp trước quá mê si, quá tham khác, mới đọa làm loài mang lông đội sừng, chúng ta nên lấy lòng nhân đức che đỡ chúng nó để khỏi sự tàn sát của giống mạnh quá tàn nhẫn. Tránh hẳn, không được trong lúc vui thích đem giết hại chúng nó để cời chơi hay vì sự đòi hỏi của khẩu dục lúc bất thường: đã dùng bữa rồi mà còn hớp bèo, hớp bọt sát hại loài vật làm món ăn trông quá phung phí. Chẳng những chúng ta không nên trực tiếp giết hại chúng nó, lại cũng không giết bằng cách gián tiếp là đem mồi cho người khác giết.

- Thứ năm, trên thế gian chỉ có lẽ công bằng là một vị chúa tể giải quyết được tất cả vấn đề, mà nếu người làm trái lẽ công bằng sẽ gây chiến tranh, gây tai nạn, lường lộn, cướp đoạt giữa người này với người khác. Chúng ta cần tránh những nghề nghiệp làm môi giới cho cuộc tranh tụng hay làm biện hộ cho vụ kiện thưa mà trong việc ấy chúng ta có ý binh vực cách bất công, nghĩa là việc quấy mà mình cãi cho phải, kẻ đặng mà mình viện nhiều có cho họ thất, kẻ thất mà mình viện nhiều có cho họ đặng, khiến cho người phải chịu ưu tư sầu não tím ruột bầm gan vì bị sự oan khốc. Nhưt là trong những việc làm lớn hơn nữa là lãnh phần ngoại giao

đại diện cho xứ mình đi đến các nước nói chuyện, không nên vì nguồn lợi cho xứ mình, hay vì muốn cho dân tộc mình mạnh mà nở xúi người đánh nhau, gây lấy sự giết chóc khổ thảm. Nếu mình biết xúi người đánh nhau, thì họ cũng biết xúi mình đánh nhau. Đó là lẽ cố nhiên của luật báo ứng và rất thông thường của tâm tánh người đời, không nên làm.

Khi hành được Chánh nghiệp thì được sáu món lợi ích:

- Thứ nhất, con cái mình được giữ lòng trinh bạch chánh đáng, mặc dù sống trong chỗ phồn hoa đô hội hay là gần những xóm dĩ thỏa điểm đàng, song cũng không làm như tiết con cái mình được. Thân thể của mình vẫn được cường tráng và xinh lịch, khiến cho gia đạo khỏi phải bối rối về việc tật bệnh; dáng mạo của mình khỏi bị người khác trông vào sanh lòng ghét bỏ; trí hóa của mình được thông minh, nhận xét mau lẹ, tìm hiểu rạch ròi khỏi có những sự lầm lẫn làm hại người. Ngoài ra, đối với người khác mặc dù họ có nhiều mưu mô, nhiều mách lới, có những chước xuất quỷ nhập thần cũng không làm sao gạt gẫm mình được; và đối với gia đình của mình vẫn được đủ no đủ ấm, khỏi phải lâm cảnh cùng khổ khốn đốn.

- Thứ hai, đời sống của mình được trường thọ. Và trong khoản sống ấy, thường được không những kẻ trong thân mà đối với người ở ngoài cũng được đem lòng thương yêu giúp đỡ cho mình những phương tiện, những cần thiết. Chẳng những thế mà đối với các loại phi nhân dị chủng cũng đem lòng cung kính mình và nếu mình cần đến họ thì họ cũng giúp đỡ mình được toại ý.

- Thứ ba, những tài vật điền sản của mình không bị người khác đem lòng cướp phá, chỉ được mọi người đem lòng thương yêu và gìn giữ cho.

- Thứ tư, đối với các loài vật, chúng nó vì quá cảm mến lòng nhân đức của mình, mà thường hay xoay nhiều bên mình tỏ ra muốn mình dịu dặt và tiếp độ chúng nó. Trường hợp này như trường hợp Đức Phật Thầy ở núi non đã độ thú cầm. Sở dĩ độ được chúng nó là nhờ công đức rất lớn, trí huệ to tát, khiến chúng nó không đem lòng hung dữ phá hại, lại trở nên hiền lành dễ dạy.

- Thứ năm, trong đời của mình khỏi bị những hàm oan, những nghiệp báo đeo đuổi phá hại, vì trước kia mình không gây ác nghiệp với người, nên khỏi phải các điều khổ ấy. Kỳ dư, đối với mọi người khác, mình khỏi phải bị họ dùng quyền uy cường thế để bức bách áp chế mình trong vấn đề nào.

- Thứ sáu, trên đường tu học của mình, từ chỗ cải ác tùng thiện, từ chỗ làm một ít điều lành, một vài việc phải lần lượt bước lên đến mức tối cao: đạt được quả giác của Bồ tát hay Như Lai.

Tóm lại, một khi tất cả nghề nghiệp của mình đều giữ gìn chơn chánh thì sẽ thấy cái lợi ích, trước hết những oan nghiệp, những ác nhân không hề đem lại cho mình được; kế đó lòng của mình vừa thấy vui vẻ và lặng an không có sự hốt hoảng lo lắng sợ sệt như bao nhiêu người khác. Vì sao? Bởi mình đã xét rõ những việc làm của mình vừa qua toàn là

chơn chánh, chỉ giúp người chớ không hại người nên mình tin chắc rằng không việc gì buồn thảm trả lại cho mình được, thành thử lòng vẫn an vui.

HÀNH CHÁNH TIN TẤN: Theo Đức Thầy dạy; “Đối với kẻ tu hành đã quyết tâm đến chỗ giải thoát thì mặc dù những thị dục, tức những lòng ham muốn có lớn lao thế mấy, có sức cám dỗ bao cao và nó có nhiều cách ép ngặt mình bao nhiêu đi nữa, cũng không để nó làm cho mình bỏ lòng tin tưởng Trời Phật được. Với lòng tin tưởng ấy phải được đứng vững như núi Thái Sơn và sự khao khát đạo lý rộng lớn như bốn biển Bốn biển có thể cạn, lòng khao khát chơn lý không thể hết; núi Thái Sơn có thể đổ nhưng đức tin Trời Phật không khi nào mòn. Được như vậy, tức là được lòng tin tấn- Có tin tấn tức có ngày được thành đạo.

Đã có nhiều người, lúc mới vào đạo thì lòng vẫn hăng hái, sớm chiều hương nước bái lạy không sót; biểu lộ đáng đạo mạo hiền đức chẳng ai bằng. Song cái hình dáng ấy, cái hăng hái ấy, chỉ được trong lúc đầu, sau lại buông lung sa ngã theo vật chất, theo tiền bạc, có đôi khi lại bỏ chánh đạo theo tà đạo. Như thế là tai hại cho sự tín ngưỡng của mình, vì nó chẳng đưa mình đến chỗ vinh diệu, lại thường dặt mình vào chỗ cuồng tín thâm khốc, gieo lầy nghiệp duyên với lũ ma quỷ. Đứng trước tình cảnh ấy, mục Chánh tin tấn dạy chúng ta:

- Thứ nhất, cần phải có tâm lực mạnh mẽ để đàn áp được, thắng qua được tất cả sự vọng động ham muốn vậy dù như xấu ở nơi lòng và thệ nguyện trọn đời mình vẫn theo

mãi con đường chánh đạo của Đức Phật đã khai mở. Nhứt là quyết tâm làm đúng theo phương pháp của Thầy Tổ đã dạy trong kinh sám. Thầy Tổ dạy mình cần làm những gì, cần bỏ những gì, thì mình nên y, cứ theo đó thật hành một cách đúng đắn.

- Thứ hai, tâm lực của mình phải được thêm phần mạnh mẽ để tròng qua tất cả gai chông gành hổ làm trở ngại trên con đường tu học và đánh đổ ruồng rẫy tất cả các sắc ở bên ngoài đương rù quên, đương cảm dỗ, đương lăm le nhiều hại mình, cốt làm cho mau đạt đến mục đích của mình đã nhứt định trên việc tu hành niệm tưởng Trời Phật.

- Thứ ba, tâm lực của mình phải được thêm sức mạnh mẽ, chẳng những để mình không bị lôi cuốn của những tà thuyết cho rằng: không có Trời Phật, không có Địa ngục Thiên đường, mà lại mình còn thêm được sức phá đổ những tà thuyết ấy để vạch cho quần chúng, cho các giới, thượng, trung, hạ lưu được thấy rằng có Địa ngục, có Thiên đường, có Trời Phật Thần Thánh; để rồi giữa mình cùng những người ấy đồng quay về Phật pháp, cùng tin tưởng luật nhưn quả báo ứng, cố gắng tu hành đến chỗ không còn bị bánh xe luân hồi lôi cuốn nữa.

- Thứ tư, lòng mình được phấn phát lên để noi theo tâm lượng từ bi bác ái của Đức Phật; có của đem của giúp cho người những khi đói khát nghèo ngặt; có hiểu được đạo lý, đem đạo lý chỉ bảo cho người trong lúc tối tăm; có sức lực mạnh mẽ, có phương tiện hay ho đem ra cứu cấp người

trong cơn nguy biến và quyết liệt đổ thành kiến nhọn ngĩa, đánh tan lòng ích kỷ của bao nhiêu tánh phàm.

- Thứ năm, lòng mình được phấn phát lên, dám hủy bỏ thân xác trong việc cứu cấp tai nạn của mọi người, chỉ làm cho mọi người được ở yên, sống vững, khỏi binh lửa, khỏi hoạn họa không màng đến thân xác của mình đau khổ hay mất mát.

- Thứ sáu, lòng mình được phấn phát lên để gọi rửa tất cả tội lỗi, tất cả hung ác ở nơi thân tâm của mình; và mình rán tìm làm những việc phước đức, những điều từ thiện, khiến người khác được thọ hưởng nhiều ít trong việc lợi lạc.

- Thứ bảy, lòng mình được phấn phát lên, làm cho sức tự giác càng lúc càng có nhiều quyết chí tu hành cho đến khi nào hoàn toàn thành công đắc quả: trước nhưt là đời mình khỏi luân hồi, kế đó cứu Tổ tiên cha mẹ, quyến thuộc của mình khỏi bễ mê, sau hết mình sẽ tùy tiện cứu độ được chúng sanh còn đang say đắm cõi dục lạc, được đến chỗ liễu sanh thoát tử.

Nếu ai thật hành được Chánh tinh tấn này thì được bảy món lợi ích:

- Thứ nhưt, giống Phật tánh nơi mình không bị màn vô minh che lấp, được đâm chồi nảy lá đến kết quả đầy đủ.

- Thứ hai, ngoài sự cung kính của người đời còn được quỷ thần khâm phục, nên đạo quả của mình đến phút cuối cùng sẽ được thành tựu.

- Thứ ba, được sức không sợ sệt, dù ở chỗ ác thú hay đứng trước hung thần. Ngoài ra lại được thành tựu viên mãn đạo hạnh Bồ Tát.

- Thứ tư, được người đem lòng tín ngưỡng cung kính như là cung kính Đức Phật Di Lặc.

- Thứ năm, được các giới chúng sanh đem lòng qui hướng, như là qui hướng Đức Phật Thích Ca.

- Thứ sáu, trí lực diệu minh nơi mình được mau đến chỗ mở tỏ cực điểm.

- Thứ bảy, sẽ được các Phật ở mười phương (Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Thượng phương và Hạ phương) ủng hộ gia trì cho mình sớm đến được quả Bồ Tát bất thối, nghĩa là đến quả vị không còn sụt lùi cõi luân hồi nữa.

Tóm lại, khi hành được Chánh tin tấn thì không bị rớt trong đường súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ, nếu còn đứng trong cõi Ta bà thì vẫn được tự do đi lại chỗ nọ chỗ kia phương tiện thuyết ra chánh pháp của Phật hay là bày việc bố thí để độ rồi được chúng sanh khỏi chón mê mờ, thoát vòng oan nghiệt của tứ khổ.

HÀNH CHÁNH MẠNG: Theo đây Đức Thầy nói rằng: “Theo phân đông người đời thường tìm kiếm đủ cách để điếm tô xông ướp xác thân và chỉ nuôi xác thân bằng những hành động không được chánh đáng”.

Vì thế làm cho trí huệ càng lúc càng điên đảo mờ ám, không còn nghĩ đến chỗ sâu xa của Phật pháp, cũng như chẳng quản đến việc biến hoại của xác chất. Nói rõ hơn là những hạng người ấy, chỉ biết làm sao cho thân được no ấm, được sang trọng, được lâu dài xe cộ lộng lẫy nguy nga; và kèm theo đó là họ muốn cho được thỏa mãn dục vọng của họ thôi, họ chẳng màng kể đến xác thân này ngày kia phải già bệnh, chết chóc. Do họ đem bao nhiêu tin tưởng, bao nhiêu tâm lực vào việc làm bổ dưỡng cho xác thân, khiến trí huệ không có cơ phát triển lại bị vật chất bao phủ, vì vậy người mới trở lại ngu muội tối tăm.

Đối với kẻ quá chuyên sống theo vật chất bỏ mất tinh thần thì chẳng khác nào người mù lâm lủi trong gai hố, không thể tránh khỏi sự nguy hiểm trong một ngày kia. Thế nên mục Chánh mạng dạy chúng ta:

- Thứ nhất, cần phải sống với tinh thần sáng suốt, đúng theo chơn lý không nên mê theo những lý thuyết bông lon, câu chuyện hoang đường, bày điều huyền hoặc làm chuyện lòe mắt người đời. Những phép thuật ấy, lý thuyết ấy, có linh thánh, có hiển hách cách nào mình cũng chỉ coi đó là lối ma mị chẳng bền lâu, chỉ trong một hồi rồi tiêu mất, quyết không đắm mê, không cầu cạnh. Vì sao? Vì nếu đeo

đuôi theo nó, sẽ vì nó mà xa lìa bản tâm mình, quên mất bản tánh mình, như thế chẳng khác nào nhà dột mà trông mưa, bịnh nguy mà uống thuốc độc sẽ có hại cho mình, chẳng những đời sống mà luôn cả tinh thần đạo đức nữa.

- Thứ hai, chớ theo cách sanh sống quá ích kỷ, chỉ biết lo cho mình được tiền rương, lúa lẫm, nhà rộng, của nhiều, chẳng giúp đỡ ai manh quần tằm áo, không phù trợ ai chai thuốc bát cơm, chỉ làm những điều có hại cho người trong chỗ ăn lời lãi quá nhiều hay lường công cướp việc làm kẻ; cần phải đi theo lẽ công bằng; trong lời nói hay việc làm đều phải cân nhắc, phải biện phân cho bằng thẳng, không nên muốn lợi cho mình mà hại người, cũng như chẳng vì người không hiểu mà mình nở lừa dối phỉnh gạt, luôn luôn ăn ở có nhân đạo; biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau.

- Thứ ba, dù gặp phải cảnh nghèo nàn khốn khổ, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, nhưng chẳng vì đó mà làm việc nịnh nọt bợ bung người khác để chen húp quá hèn hạ, luôn luôn sống với cái sống trong sạch cao cả; thà chịu đói mà chết, không nên lừa nịnh ai.

- Thứ tư, không nên mưu cầu cho cuộc sống của mình được lầu son cửa tía, xe ngựa rình rang, chỉ nên sống theo cách đơn giản: không để lỏa lồ, không để đói khát, chỉ làm sao cung cấp cho thân xác đủ ăn, đủ mặc mỗi ngày, để tìm được con đường bất sanh bất diệt là đủ rồi. Như thế, lúc sống được bình thản: khỏi tội lỗi với ai trong những việc làm bất chánh. Chẳng những thế, lại còn được sống về mặt tinh

thân được tiêu dao, linh hồn được siêu tục, ngày mạng chung được nhẹ nhàng gót sen về cõi lạc bang.

- Thứ năm, cần tránh tất cả việc bóng chày lên xuống, không sống theo lối lơ lửng ngây ngất của kẻ mê hoặc theo lối dị đoan, phải sống đúng với tinh thần của con nhà học Phật: lấy thiền định làm bản thể, dùng trí huệ làm tánh mạng, đem linh hồn đặt vào hoa sen ở cõi Cực Lạc, siêu sanh thoát tử, tịch tịnh an nhiên. Được thế, tức là không còn bị vắn vít trong cõi ngũ trược nữa.

Khi hành được Chánh mạng thì được năm món lợi ích:

- Thứ nhất, là trí huệ được mở mang, đè nén phá trừ được tánh nhiễm ô phiền não si mê.

- Thứ hai, được sống một cách nhẹ nhàng thư khoáng, không bị sự ràng buộc của cảnh trần, được tự do đi ngay đến đạo Bồ đề giải thoát.

- Thứ ba, mặc dù phải sống chung lộn với mọi người, nhưng tâm vẫn được lặng lẽ sáng sủa, không điên đảo, không si mê theo bao nhiêu kẻ phàm tánh.

- Thứ tư, thân thể tướng mạo được ngay ngắn chỉnh tề, toàn thân: mắt, tai, mũi, lưỡi đều được tốt tươi đầy đặn và được sống lâu.

- Thứ năm, thường phát tâm từ bi, làm những việc bố thí, không những bằng của cải mà đến đạo lý cũng đều

đem giúp đỡ cho mọi người một cách thành thật chẳng khác nào người mẹ lành lo lắng cho con cái khỏi sự thiếu hụt vậy.

Tóm lại, khi mạng sống của người được giữ đúng đường chơn chánh, tức được chánh mạng, thì chẳng còn lưu trệ trong cõi uế độ, cũng như những cảnh hưởng hung ác không đưa lại cho mình được và cả thân với tâm lúc nào cũng thấy nhẹ nhàng vui vẻ. Khi quả đã muồi, nhân đã mãn thì được tự do vào cõi giải thoát một cách vô ngại.

HÀNH CHÁNH NGŨ: Đức Thầy bảo rằng: “Sáu căn thường nhiễm sáu trần. Con người vì muốn trưởng dưỡng xác thân cho đủ mọi bề cơm ăn áo mặc và mọi sự yêu thích khác nữa, mới sinh ra lắm việc làm tội lỗi. Các việc tội lỗi ấy, lòng ham muốn là cội gốc. Trong chỗ ham muốn làm những nghiệp tội vẫn có nghiệp của miệng lưỡi trong đó. Vì sao? Vì muốn được những lợi ích cho mình mà lắm khi phải nói hai lưỡi, nói thêu thùa, nói hung ác, nói láo xược không những với người ở ngoài mà lại còn luôn người trong nhà nữa. Lời nói sai chạy sự thật thường có hại rất nhiều. Sự hại ấy hoặc cho mình hay cho người về mặt tinh thần hay vật chất, mà đối với đạo nhân hay đạo Phật cũng đều ngăn cấm việc ấy”. Do đó mục Chánh ngữ dạy chúng ta:

- Thứ nhất, bất luận già trẻ, nam nữ lúc nào cũng cần phải tập rèn trau sửa cho lời nói của mình được đúng với sự thật và nói một cách chơn chánh thông minh; thà chặm đụng với người, chớ không nói dối.

- Thứ hai, trong lúc đàm luận với người ngoài hay kẻ trong nhà cũng đều nói một cách ngay ngắn, phân biệt rành rẽ, đem những điều sai quấy chưa ai được biết để vạch ra, chỉ rõ ra cho người được thấy hầu sửa đổi, khiến cho họ bắt đầu từ đó trở đi không còn tái phạm nữa.

- Thứ ba, bắt luận đối với người lớn hơn mình hay kẻ nhỏ hơn mình cũng đều phải dùng lời lẽ hiền lành, câu chuyện nền nếp và có đức hạnh. Câu chuyện ấy được tốt tươi sẽ khiến cho người nghe có thể tập tành theo mà cải sửa tâm tánh, nét na trở nên hiền lành chơn chánh. Như thế là một việc làm rất lợi ích. Nói rõ hơn đối với kẻ trên mình như: ông bà, cha mẹ, anh chị, cô bác hoặc người trưởng lão, mình đều lấy những lời chân thật và tốt lành để trình bẩm, không vì người lớn tuổi sợ sệt mà mình lại dùng những câu khéo léo để đối phỉnh qua mặt họ; đối với người dưới mình như là: con em, cháu chắt hay những hạng còn thấp tuổi hơn mình, mình vẫn dùng lời lẽ có đức hạnh và lương thiện chỉ bảo khuyên nhắc, khiến cho chúng nó học đòi theo. Đó cũng là một cách uốn nắn chúng nó trở nên con người lịch sự trong xã hội sau này. Chẳng nên thấy chúng nó ngu muội, nữ dùng lời cao kỳ hay mưu mẹo lừa gạt chúng nó để lợi dụng vào việc bất chánh.

- Thứ tư, vào lúc nào cũng vậy, vẫn phải dùng những lời lẽ thành thật khuyên nhủ kẻ xa người gần, kẻ thân người sơ, già trẻ lớn bé chẳng hạn, khiến họ làm những điều phải, tạo mọi việc lành đem lại sự ích lợi cho nhơn quần xã

hội. Nhứt là công việc ấy được phù hợp với tinh thần đạo đức.

- Thứ năm, đối với kẻ có quyền thế to, tiền bạc nhiều ở trong thân hay người ngoài cũng vậy, mình vẫn không dùng những lời lẽ nịnh lừa ton hót họ đặng kiếm lợi danh tiền của. Vì những hành động ấy, sẽ làm mất giá trị của mình, khiến người ta coi thường mình; mà nếu người ta coi thường mình thì sẽ làm nhục quyền thuộc mình và gián tiếp làm hỏng dỗi mình. Đó là việc xấu hổ chúng ta không nên làm.

- Thứ sáu, trong mỗi ngày đều nói ra những lời dịu dàng êm ái, không cần phải nói văn hoa, không cần phải nói cao kỳ, nhứt là không nên sửa môi mấp ra vẻ cách điệu khó coi: cần nói lời dễ nghe dễ hiểu, nói gọn gàng và thành thật khiến người nghe vui vẻ, lại mình cũng khỏi phí thì giờ nói nhảm vô ích. Khi người vui nghe câu chuyện của mình nói ra, tức họ sẽ vui làm theo ý kiến của mình phác họa; nếu họ vui nghe theo ý kiến của mình để làm được việc tốt, đó cũng là phương tiện đem lại sự lợi ích cho mọi người vậy.

Mỗi khi thật hành được chánh ngữ thì được có sáu món lợi ích:

- Thứ nhứt, mỗi lời của mình nói ra sẽ được người khác đầy lòng tin tưởng, khi họ tin tưởng tức nhiên họ thật hành theo, nếu họ thật hành theo sẽ làm việc lợi ích cho xã hội nhơn quần.

- Thứ hai, mình sẽ khỏi phải bị người khác bày điều, đặt chuyện ngạo nghễ bao biếm, hoặc vu không mình trong việc có hại.

- Thứ ba, mình sẽ khỏi phải mang nạn ách vì lời nói, ngược lại nhờ lời nói mà tạo cho mình rất nhiều công đức. Tại sao? Vì lời nói hợp đạo lý, đúng nhân nghĩa và cứu được người khỏi mê si, khỏi tội ác, như thế gọi là lời nói có công đức.

- Thứ tư, về lời nói của mình sẽ được tuyệt diệu trôi hơn, hay hơn và có đặc cách siêu tục hơn người khác. Sở dĩ được có lời lẽ siêu vời như thế, là nhờ ở trí huệ của mình xuất phát ra.

- Thứ năm, trong lúc sống chung với mọi người sẽ khỏi phải bị hại, trái lại còn được nhiều người tốt lành kết bạn. Còn địa vị ở vào cấp nào cũng đều được vững vàng đến phút cùng rốt, nhờ ở sự ủng hộ của toàn cả nhơn sanh.

- Thứ sáu, những lời nói gì của mình đưa ra được người khác nhìn nhận và khen ngợi, nhưt là họ rất vui vẻ học theo từ chuyện một của mình đã bảo. Trong chỗ học hỏi ấy họ không hề chán nản. Tại sao? Vì trong lời nói hay câu chuyện ấy, ở chỗ này phải như thế này, đến chỗ khác phải như thế khác, rất thích hợp và dễ nghe. Vì vậy họ không nhân chỗ nào chê bỏ được.

Tóm lại, một khi người hành đúng Chánh ngữ thì khỏi phải bị khổ báo nơi lỗ miệng; không bị sút mẻ tật

nguyên. Và không bị lỗ miệng làm cho mình hay gia đình mình thọ hại, trái lại lỗ miệng thường có mùi thơm tho như hoa sen. Đó là kết quả quý báu của người hành đúng Chánh ngữ.

HÀNH CHÁNH NIỆM: lời Đức Thầy đã nói: “Tâm trí của con người phân đông hay có những sự tưởng nhớ các việc này, việc nọ: Những điều của mình đã có thì tưởng nhớ làm sao gìn giữ cho được còn mãi, hiện giờ món đồ để đâu và đối với người khác có được hơn không? Một khi vật của mình lại bị mất đi thì lòng nhớ mãi, cốt tìm đủ cách kiếm lại cho được, nhược bằng món ấy, bị kẻ khác cướp thì tìm cách giành giật lại. Còn những điều chi của mình chưa có mà kẻ khác đã có thì lòng vẫn hỏi thúc làm sao cho được có như người vậy. Khi việc đó được có rồi thì lại càng mến tiếc không muốn cho ai dòm hành rờ mó vào được. Hoặc đối với những việc làm có được thành công thì lòng vẫn man mác tưởng nghĩ đến và tự thấy sung sướng khoái lạc, thường tỏ vẻ tự đắc công việc của mình làm, người khác chẳng thể làm được. Khi việc ấy thất bại, thì lộ vẻ bức tức, xấu hổ, rồi tự tâm tìm đủ cách để hồi phục lại. Nói rõ là những sự tưởng nhớ ấy, toàn là do thất tình lục dục, xúi biểu con người tạo tác lăm điều, bày ra đủ việc để cung cấp mọi lạc thú cho lòng ham muốn của con người”. (Thất tình là: hi, nộ, ái, ố, cù. Lục dục là: danh vị, tài lợi, sắc dục, tư vị, hư vọng, tật đố).

Những tình những dục ấy, nó không ngoài việc làm cho các lợi danh, có thể thiếp, có uy quyền to tát, có tiền của

vinh dự mỗi mỗi điều ấy trong lòng người vẫn ghi nhớ và lo liệu tối ngày để thực hiện cho kỳ được. Do đó, khiến con người lẫn lóc giựt giành mãi với bao nhiêu người khác mà từ cổ chí kim chưa được mấy người thoát khỏi, chỉ thấy càng ngày càng chìm đắm trong ba đường sáu nẻo chịu sự hình phạt góm ghê của tứ Khổ.

Do sự niệm tưởng việc bất lành, ghi nhớ vật xằng xiên, rồi dẫn đến chỗ thật hành tà khúc gây lấy quả khổ cho chúng sanh nhiều đời, nên mục Chánh niệm dạy chúng ta:

- Thứ nhất, thay vào những niệm tưởng lợi danh cần phải niệm tưởng những phương pháp cao siêu chơn chánh để thật hành cho đúng giáo pháp của Đức Phật Thích Ca chỉ giáo, phải cương quyết rửa bỏ tất cả đầu óc mơ mộng, những chuyện hoang đường dơ bẩn không ăn nhập vào đâu mà lại làm cho đắm đuối cả tâm hồn lẫn xác thịt.

- Thứ hai, thay vào những ghi nhớ việc làm tổn non ích kỷ, cần nhớ đến sự giúp đỡ đồng bào khi túng cùng, phò trợ non loại lúc hữu sự, cốt làm sao giúp đỡ đời sống giữa người cùng mình ngang bằng nhau, cùng đầy đủ như nhau hầu thực hiện cõi sống an vui hạnh phúc. Với những điều nào lợi cho mình mà thiệt hại cho người, cần phải chừa bỏ ngay.

- Thứ ba, thay vào ý tưởng nghịch nhi, cần phải ghi nhớ đến công ơn sanh đẻ dưỡng nuôi của cha mẹ, cha mẹ đã từng mang nặng đẻ đau, sún cơm bú sữa, biết bao nhọc nhằn lo lắng cho con thì bổn phận của người con cần phải tận tâm

báo đáp. Trong việc báo đáp ấy, gồm cả hai việc tinh thần và vật chất. Về mặt tinh thần luôn luôn tu cầu cho cha mẹ khỏi nẻo trầm luân và lúc hiện tiền cần làm cho cha mẹ vui lòng. Về mặt vật chất cần làm nghề chánh đáng cho có tiền thóc, vải bô để cha mẹ có cơm ăn áo mặc. Những hành động bất hiếu, đối với đấng con hiền thảo cần tránh bỏ ngay.

- Thứ tư, thay vào tâm tánh ngạo mạn, cần phải biết ơn Đức Phật, cung kính Đức Phật, vì Đức Phật đã từng cứu độ quần sanh đã chịu bao nhiêu sự khó khăn lắm lời chỉ bảo. Sản nghiệp của Đức Phật là giáo lý của Ngài để lại chúng sanh mà hầu hết mọi người đều nhờ đó làm kim chỉ nam, làm mặt Trời mặt Trăng, thấy biết được phương hướng lối đường, tránh được chỗ nguy vong khôn khổ trên đời. Những điều ấy, chúng ta nên ghi chạm vào tâm khảm, rồi lấy ra từ việc một trong gương hạnh đó, để thật hành cho đến chỗ chí chơn chí mỹ.

Hãy trừ bỏ tất cả những điều nghi ngờ dự dự, hãy mạnh tin mỗi lời của Đức Phật đều đúng sự thật; điều nào Đức Phật chỉ, hẳn có chẳng hề không.

- Thứ năm, thay vào những ý niệm quá tôn trọng thân mình, cần phải nhớ ngay cái xác chất hiện hữu của mình đang mang đây là tứ đại (đất, nước, lửa, gió) hợp thành, sớm muộn gì nó cũng tan rã theo định luật của cơ tạo hóa, mà dù chẳng đợi ai nhắc đến mình cũng tự thấy cần phải tu. Vì cái già, bệnh và chết không chờ mình, và ngày giờ trôi qua vẫn trôi qua chớ không ngừng nghỉ. Khi hiểu

ngay đến thân là giả, cõi đời là mộng ngày tháng không chờ mình và các đục tình thường làm cho mình rớt trong hố sâu tội lỗi, thì cần phải đầy đủ cương nghị, dũng cảm để thắng các ma chướng nơi lòng, hầu thực hiện được đạo giải thoát.

- Thứ sáu, thay vào tấm lòng chấp nê cõi trần là vĩnh viễn trường tồn, cần phải nghĩ ngay kiếp đời của chúng sanh đầy dẫy thống khổ mà mình cũng là một chúng sanh ở trong cõi ấy, nếu không chóng tu hành thì không thể tránh khỏi sự nhận chìm của bao lượn sóng đục tình; hãy nên cương quyết lên, đập phá tất cả chướng ngại trên con đường tu học, để thực hiện được chí cao siêu của mình. Để làm gì? Để trước cứu mình khỏi chìm đắm trong bể tục, kể đó cứu chúng sanh còn mê muội có cơ hội tỉnh thức. Như thế mình sẽ theo dõi lòng đại bi của Đức Phật vậy.

Mỗi khi hành được chánh niệm thì được sáu món lợi ích:

- Thứ nhất, được các vị thiên long, quỷ thần ủng hộ mỗi ngày, khiến các tà ma, quỷ quái chẳng hề dám lân la nhiều hại mình được.

- Thứ hai, về phước đức cũng như trí huệ nơi mình được mỗi ngày mỗi to lớn thêm, gồm theo đó là thêm được đức hạnh. Đức hạnh ấy, càng bữa càng đầy đủ, cho đến không còn cặn cẩu nào trong đó. Do đó, khiến người khác trông đến mình sanh lòng kính mến.

- Thứ ba, các Phật ở mười phương trông vào sự tu hành và đức hạnh nơi mình gồm đủ, nên các Ngài đem lòng yêu kính, âm thầm ủng hộ bảo bọc cho, nếu phước đức mỏng khiến càng dày, trí huệ kém, khiến càng ngày càng được thêm hơn. Và các Ngài ủng hộ cho mình từ địa vị người cư sĩ tại gia lần lượt đến phạm vi xuất gia hành theo Bồ tát giới.

- Thứ tư, mình được có phước đức, trí huệ rộng lớn, khiến cho những việc làm của mình mau thành công, thành công một cách rục rỡ và kỳ diệu hơn mọi người, do đó được mọi người họ đem lòng khen ngợi và kính phục, thường hay xoay nhiễu xung quanh tỏ lòng hâm mộ và tín ngưỡng.

- Thứ năm, nếu mình chưa đủ sức thành tựu chứng quả kiếp này, thì kiếp sau sẽ chứng đến bậc đại Bồ tát, thân hành sáu độ, gồm đủ sáu thông, có đủ sức phổ hóa chúng sanh. Nghĩa là độ được các giống có tâm tình giác ngộ.

- Thứ sáu, những bức màn vô minh đang bao phủ đều bị cắt đứt, bao nhiêu nghiệp chướng từ lâu nay chồi đâm rễ bây giờ bị nhổ lên, thân tâm của mình được thông thả không bị cảnh ngoại trần ràng buộc. Đối với cảnh ngoại trần, mình không bị dính mắc một mảy nào, nên thường đi lại vô ngại.

Tóm lại, khi hành đúng Chánh niệm thì những ý thức vọng động, những tâm tưởng mê mờ hiện ra hình ảnh này, tướng mạo khác che phủ trí hóa của mình sẽ không còn nữa, mà là chỉ trở lại đầu óc của mình màu sáng suốt rỗng không.

Nói rõ hơn, trong lòng chỉ còn một Chánh niệm từ bi hi xả, nhờ đó lúc nào mình cũng yên vui để thi hành đạo giải thoát. Đạo giải thoát ấy, không những được đặt lên cho mình mà đến cả chúng sanh nữa.

HÀNH CHÁNH ĐỊNH: Theo đây, Đức Thầy thống trách: “Con người phần nhiều có những định ý: giàu thì muốn cho giàu thêm; sang thì muốn cho sang cả; chức nhỏ muốn cho được thăng lên to, nhứt nhứt điều nào họ cũng muốn cho một ngày một thêm lên sự sung sướng cao sang phần mình, chớ ít khi nghĩ đến việc làm công lợi công nghĩa được sự nhiều ít cho nhơn quần xã hội. Nói rõ hơn, phần đông người ta thường hay có những ý nghĩ hẹp hòi ích kỷ chỉ biết sống riêng, lợi riêng vậy thôi. Do chỗ người này cũng muốn sống riêng lợi riêng, người khác cũng muốn sống riêng, lợi riêng, mà cả hai hạng ấy trở thành hai thái cực một nóng một lạnh, chống chỏi ganh đua gây cuộc tranh đấu giữa loài người; nhỏ gây giặc nhỏ, lớn gây giặc lớn thành một bãi chiến trường trong nhơn loại. Với ý định nhỏ nhen thấp thỏi, chỉ là ý định xấu xa chẳng làm lợi cho ai, không đem sự tốt đẹp cho thiên hạ, vì vậy mục Chánh định dạy chúng ta”.

- Thứ nhứt, cần phải lóng lạng cái tâm của mình để tìm hiểu coi ngoài cõi ảo mộng này, bèo bọt này còn có cõi nào được lâu dài bền bỉ, được sống mãi, khỏi lo dật mà có mặc, khỏi cày cấy mà có cơm ăn, khỏi cửa xẻ mà vẫn có nhà cửa ở không? Nghĩa là tìm thấy được ngoài cõi này, còn có cõi khác trang nghiêm hơn, tốt đẹp hơn, con người không

tranh đấu, không tham lam, không chém giết, không dối mị, thì cương quyết thêm lên theo phương pháp của Đức Phật chỉ dạy hầu sang qua cõi ấy, để hưởng sự khoái lạc trường tồn vĩnh viễn hơn.

- Thứ hai, phải lóng lạng cái tâm của mình, để dẹp phá bức màn vô minh đã che phủ tâm trí từ vô thi đến giờ, để được thấy rõ bản tâm rỗng không và sáng sủa khắp cùng mười phương, ngang giáp bốn bề, không còn bị vướng mắc trong cảnh u buồn sợ sệt và chẳng còn vương vấn tình cảm hay ghét ghen trong thế gian, nhứt là sẽ khỏi phải chịu sự luân hồi chuyển kiếp trong cõi ta bà khổ hải.

- Thứ ba, hãy lóng lạng lòng mình để tìm hiểu được nguồn gốc của xác thân do tứ đại giả hợp, nó chịu dưới định luật của sự sanh, lão, bệnh, tử, dù làm vua cũng có ngày phải già phải chết, không giữ còn mãi cái xác thân son trẻ để hưởng sung sướng trong cảnh đài các phi tần mãi được. Nói rõ là phải tìm hiểu xác thân này giả dối, nay còn mai mất không chừng, và bên trong xác thân chứa đầy dơ bẩn: gan, ruột, phổi, phèo, đàm đẹn, cứt đái, hể tất hơi độ ba ngày thì nó phát ra mùi hôi thúi nặng nề, dù thân thích cách mấy cũng không thể nào gần hay ngửi được.

Do đó lòng của mình hết còn luyến ái, hết còn tham dục. Luyến ái cái gì? Cái xác thân. Tham dục cho ai? Cho xác thân. Mà xác thân là giả dối dầu có luyến ái, có tham dục cách mấy cũng không giữ còn được, chỉ một việc làm vô ích, một việc làm tạm giả, một việc làm ảo mộng, nên trừ bỏ đi là hơn. Thay vì tham của đời để tham pháp mầu của Phật,

hầu có cứu độ chúng sanh; thay vì luyện ái thân xác phàm phu hãy luyện ái cõi báu của Đức Phật là tịch tịnh an vui, mới gọi là người hiểu rõ cuộc đời giả tạm.

- Thứ tư, hãy lóng lạng cái tâm của mình để hiểu được chơn tâm của tất cả chúng sanh với mình đồng một thể, nó không hình sắc, không ranh giới, chỉ khác nhau ở chỗ mê ngộ thôi; nhược bằng mỗi người đều tỏ ngộ như nhau, thì được sáng suốt như nhau cả, chẳng khác ánh sáng nọ ánh sáng kia khi hòa nhau cũng đồng một thể sáng. Nghĩ thế, chúng ta đối với kẻ già người trẻ, kẻ thân người sơ không còn phân biệt, vẫn sanh lòng cung kính. Khi biết cung kính mọi người là phải biết thương xót họ còn mê hay tạo nghiệp ác, nên mãi còn trong tục lụy, rần cứu vớt khỏi bể trần.

- Thứ năm, hãy lóng lạng cái tâm của mình, để tìm hiểu rõ vạn vật trong vũ trụ: những vật lớn như núi, rộng như sông; những vật nhỏ như tro, như bụi cả hai cũng đều giả dối cả. Biển giả có khi biến đổi thành đất đồng; non núi có khi sụp đổ thành biển giả, cát bụi cấu hợp thành cồn bãi... Thế thì toàn cả vạn vật trên quả đất này, do sự cấu hợp mà thành có, cũng như hợp lại cây, lá, ngói, gạch cát thành cái nhà, khi quăng riêng ra từ món thì không thành cái nhà được. Hiểu thế chúng ta không còn chấp cõi này là thật có và không còn chấp nê đắm đuối những gì sản xuất ở cõi này nữa, hãy rần về cõi Cực Lạc là cõi không còn sự biến hoại.

- Thứ sáu, hãy lóng lạng cái tâm của mình để đè nén tất cả thị dục, tham lam, sân nộ, si mê và diệt sạch được

ngũ dục: mắt không nhiễm sắc, tay không nhiễm tiếng, mũi không nhiễm mùi, lưỡi không nhiễm vị, thân không nhiễm sự sung sướng, khiến cho bản tâm của mình được lặng sóng, gương trí huệ hiện ra một màu sáng chói, soi phủng cả núi cả non, cả vạn vật gấp bội hơn ánh trăng trong giữa trời. Đối với mọi cảnh ở ngoài, sang hèn, giàu nghèo, vua quan, dân dã, không để cho mình phải lầm lạc cõi trần, mọi sự lòng mình không nhiễm ô, không tham đắm, không để cho mình bị lượn sóng dục tình nhận chìm trong bể khổ, chỉ quyết tâm đi thẳng đến con đường giải thoát vào cõi chư Phật an trụ. Vì các Ngài khỏi sự sanh, già, bệnh chết; chúng ta hãy đến đó cùng hưởng sự an vui như các Ngài vậy.

Khi hành được Chánh định thì được bốn món lợi ích:

- Thứ nhất, không còn lòng mê đắm mọi hình sắc tốt xấu trong cõi trần, lúc nào cũng được thấy bản tâm diệu minh chơn như của mình.
- Thứ hai, không còn bị mơ tưởng mộng寐 dặt mình vào những tạo nghiệp hung ác tội lỗi; tâm tánh mình luôn luôn được giao thông với cõi thường tịch quang minh ở Cực Lạc một cách rộng lớn không cùng không tận.
- Thứ ba, không còn bị các tướng phân biệt người và ta, của người và của ta, giam hãm hồn xác vào chỗ chênh lệch âu lo nữa, vẫn thấy thân tâm đến chỗ bình đẳng, đối với người này cũng như đối với người khác không còn chỗ phân biệt thấp cao. Nhờ đó các giới chúng sanh đem lòng cung kính cúng dường.

- Thứ tư, không còn bị các tướng nhờn duyên cấu hợp trên đời làm mê mờ loạn động tâm trí; tâm trí thường được tự tại đến chỗ này như chỗ khác, đến chợ búa như đến thôn quê, thường được thung dung vô ngại. Nói tóm lại, là mình không bị vướng mắc cảnh nào, dù cảnh ấy cực kỳ điều xảo cũng vậy. Nhờ đó mà mình được khỏi bánh xe luân hồi và có đủ phương tiện cứu độ quần sanh.

Tóm lại, khi người tâm được Chánh định, tức sự loạn động không còn nữa, trở lại sáng suốt phân tách ra từ việc này đến việc khác, hiểu rõ ràng, thấy tường tận như xem chỉ ở lòng bàn tay. Nhân thế, mới biết đâu là đường về Cực Lạc, đâu là nẻo xuống ngục Vô gián: trước làm cho mình khỏi bề mê, sau đưa các chúng sanh đến cõi bất sanh bất diệt.

TỨ DIỆU ĐỀ

*“Tứ diệu đề ai có mến ưa,
Thì Lão cũng kể sơ thêm nữa”.*

Sau khi kể rõ đạo Bát chánh rất vi diệu, nó có năng lực cứu độ mọi tầng lớp chúng sanh, không những thích đương trong giới xuất gia mà luôn cả hạng người tại gia nữa. Tuy nhiên trước khi hành đạo Bát chánh, mỗi người cần phải hiểu được Tứ diệu đề là bốn cái thâm xét khéo mầu mà trước kia Đức Phật Thích Ca lần đầu tiên đem ra dạy cho năm anh em Kiều trần Như, Ác Bệ, Bạt Đề, Ma nam Câu Ly và Thập Lực Ca Diếp. Năm ông ấy nhờ Phật thuyết pháp Tứ diệu đề mà chứng quả A La Hán.

Tứ diệu đề của Đức Phật thuyết ở ngày trước với Tứ diệu đề của Đức Thầy dạy ra ở ngày nay, hai bên tuy có một vài điều sửa đổi hơi khác, song chung qui cũng cùng một mục đích đưa nhơn sanh đến chỗ giải thoát.

Tứ diệu đề của Đức Thầy dạy gồm có:

1. – Tập đề
2. – Diệt đề
3. – Khổ đề
4. – Đạo đề

TẬP ĐỀ: Có nghĩa là mới tu tập. Sau khi đặt chơn vào cửa đạo tức đã quy y thọ giáo với Thầy Tổ rồi, thì trước tiên cần phải tuân thủ từ điều một trong đạo đã chỉ dạy. Luật nghi ấy, dầu khó khăn, dầu chặt buộc với người tín đồ cũng vẫn phải kính cẩn và vâng lời. Nói rõ hơn, là sau khi vào đạo, mình phải sửa tánh tình khác hơn, lúc còn ngoài thế: từ cách thức đối đãi, từ tâm trạng bên trong luôn luôn được sửa đổi cho thuần lương chơn chánh hơn lúc chưa hiểu đạo lý. Đồng thời nỗ lực làm các việc công đức từ thiện.

DIỆT ĐỀ: đi đôi với việc sửa tánh là mỗi người cần phải chú thiết đến vấn đề diệt trừ những tập tánh tham lam, sân nộ, mê si. Những tập nghiệp này, phần nhiều là tội ác; mà các tội ác ấy, đối với đạo lý vẫn cấm hẳn và chính nó là đối phương của kẻ tu học. Vì vậy, người tu học đạo đức cần diệt trừ phiền não là trước nhất, mặc dù những ác tánh đó đã được mình dung túng tích trữ đã lâu, bây giờ cũng phải moi ra từng cái một để diệt trừ tận gốc, rửa sạch tận nguồn, mới có thể cõi bỏ được tất cả nghiệp ác đã có từ trước tới nay.

KHỔ ĐỀ: Những tội ác của con người đã gieo rầm từ lâu, chính nó đã ăn sâu trong tâm trí con người và đã kết thành thói quen: Nó thường quen làm những điều sai quấy, nói những lời tà và nghĩ tưởng mọi việc xấu xa. Sự sai quấy, các điều tà với bao nhiêu điều như xấu khác nữa, bây giờ mình diệt trừ nó là một điều rất khó. Song cái khó ấy, còn sửa chữa được, trừ diệt được. Ví dụ: Trường hợp người uống rượu, muốn bỏ rượu, mấy ngày đầu phải khó chịu, vì bệnh rượu nó hành; song cương quyết trừ bỏ, lâu ngày cũng quen

đi trở thành người không ghiền rượu. Nhưng trong chỗ diệt trừ các thói xấu nơi lòng là một điều khó, mà còn ngăn ngừa ngoại cảnh trong lúc tiếp xúc lại càng khó hơn. Như mình chủ trương lẽ chơn chánh lại gặp những người xúi làm việc tà mị, hay mình muốn tránh sắc đẹp lại bị sắc đẹp cám dỗ. Nhưng mà con người được tự giác và cương quyết giữ lòng đứng đắn tốt lành thì vẫn nghiêm nghị dũng cảm thẳng phục các việc thử thách ấy.

Chẳng những thế, lại còn gặp những trường hợp gai gạn hơn nữa là người làm lương thiện chơn chánh, lẽ ra phải gặp điều lương thiện chơn chánh trả lại tức khắc, ngược lại họ thường gặp nghịch cảnh khôn nài, gặp những điều bất trắc đưa lại nhiều hơn, nếu người ấy chẳng dùng trí huệ để hiểu ngay rằng: “Mình làm lành gặp dữ chẳng qua là nghiệp dữ của mình ngày trước còn dư, nên bây giờ trả lại cho thiệt sạch, khi sạch rồi không còn phải trả nữa”, thì chi cho khỏi thối chí ngã lòng và cho rằng tạo hóa bất công. Còn hiểu được nghiệp trước nghiệp sau chẳng chịt, nhân quả ba đời, thì với cái họa hại, cái nghịch cảnh nào mình cũng nhẫn nại được, lướt qua được, để làm những điều nào của Thầy Tổ đã chỉ giáo.

Phương chi, với con người tu hành, cố nhiên đã biết trước rằng: mình sắp làm việc khổ hạnh, cái khổ hạnh này là mục đích để cầu đạo giải thoát. Trước khi giải thoát phải giữ bỏ những sự luyến ái và nhiễm ô. Trong lúc mình rửa bỏ các việc đó, cần phải cạo gọt những đóm đen, những cội rễ của tập quán cho sạch thì rất khó - mà có khó mới thành đạo sự

thành đạo trong chỗ khó mới có giá trị; và giá trị ấy mới đáng để người đời noi dấu.

ĐẠO ĐỀ: Sau khi vào đạo, luôn luôn tập sửa tánh tình đúng theo con người giác ngộ. Thường tự xét lòng mình để diệt trừ những điều như xấu và hay chịu khổ hạnh, chịu nạn tai để gìn còn đức tin cao cả của con nhà Phật tử. Được thế, sẽ đến kết quả: Tỏ ngộ được đạo tâm. Khi đạo tâm tỏ ngộ thì tự thấy nơi mình nhẹ nhàng, trong lòng hiện ra một màu sáng suốt, soi chiếu được từ cái một của Vũ trụ vạn hữu, thế gọi là người có trí huệ hay chứng quả đó.

Cái tỏ ngộ đạo tâm ấy, cũng không lo tính trước hay hiểu trước được đâu, mà là nó đến con người một cách thành linh, như cái hoa muôn nở người ta không thể đoán được nó sẽ nở ở cành nào, chùng nào nó xảy ra thì mới thấy được. Người ta có thể biết trước là ở việc làm như đem rắm khổ qua thì chắc chắn ngày kia có khổ qua; rắm cam đường thì chắc chắn ngày kia có cam đường. Có thể thôi.

Vì vậy, trong lúc hành đạo, chúng ta tự tin rằng: với đức tin vững mạnh và lòng hy sinh trên lẽ đạo của mình ngày nay, chắc chắn sẽ được kết quả ở ngày mai theo ý nguyện của mình vậy. Do đó người ta vui chịu sự khổ, vui làm việc lành mà không chán mỏi.

Tứ diệu đề đã giải vừa qua đó là mô phỏng theo Tứ diệu đề của Đức Thầy đã dạy trong Sám giảng.

TỨ DIỆU ĐỀ CỦA ĐỨC PHẬT

Còn sau đây, lược giải Tứ diệu đề của Đức Phật Thích Ca đã thuyết ra ở thời trước, để chúng ta đối chiếu Tứ diệu đề của Đức Thầy thuyết ở thời nay, để biết rõ chỗ diệu dụng của cả hai vị cứu đời.

Tứ diệu đề của Đức Phật gồm có:

1. – Khổ đề
2. – Tập đề.
3. – Diệt đề
4. – Đạo đề

KHỔ ĐỀ: Là để tâm tìm xét đến các nỗi khổ của chúng sanh, những nỗi khổ ấy gồm có tám khoản:

- Khoản thứ nhất là khổ vì sự sanh.
- Thứ hai là khổ vì sự già,
- Thứ ba là khổ vì sự đau ốm,
- Thứ tư là khổ vì sự chết chóc,
- Thứ năm là nỗi khổ những người của mình thương yêu kính mến lại phải xa cách lạc loài hoặc giả bị chết chóc vĩnh biệt

- Thứ sáu là khổ nổi những người của mình đã thâm thù oán, những người của mình đương lòng ghét bỏ bất bình lại thường phải gần gũi, phải chạm mặt, phải kề vai, phải hội lại để nói những công chuyện này, bàn công chuyện khác.

- Thứ bảy, là khổ nổi những điều của mình mong muốn tìm tòi đã phé nhiều công lao, nhiều trí lực lại không kết quả, không đợc nhý ý, nghĩa là cứ thất bại mãi.

- Thứ tám, là khổ nổi trong thâm tâm: hoặc khi mừng quá, khi giận quá, khi sợ quá, khi thương quá, khi ghét quá, lúc thì mạnh mẽ lung, lúc đau thì yếu lung, trong người luôn luôn thấy bất bình khó chịu.

Những điều ấy đối với kẻ trần ai này chẳng được bao người thoát khỏi. Có thể nói hầu hết con người đều máng lấy hết tám điều khổ ấy luôn.

TẬP ĐỀ: Để trí tìm xét được hiểu ngay tám nổi khổ đã kể qua không ngoài tập nghiệp tham lam, sân nộ, mê si, tà kiến, ngạo mạn, nghĩa là do sự mê mờ ác loạn trong lòng của người tạo ra. Bởi con người tạo tác nghiệp bất lành mới sanh lộn trong trần mang lấy giả thân chịu những nổi khổ ấy.

DIỆT ĐỀ: Khi tìm xét được nguyên nhơn của tám nổi khổ kể trên do các nghiệp truyền não vô minh gây thành, bây giờ chúng ta muốn khỏi chịu các sự khổ ấy nữa, thì cần phải cương quyết diệt trừ nghiệp phiền não vô minh ấy đi. Khi các phiền não vô minh nơi lòng chúng ta bị diệt trừ rồi,

hắn không còn phải sanh trong cõi ta bà này, tất đâu còn chịu sự khổ não nữa.

ĐẠO ĐỀ: là tìm xét rõ ràng, hãy muốn diệt được những tập nghiệp vô minh phiền não thì không còn phương pháp nào hay hơn, vẫn tất hơn đạo Bát chánh. Bởi đạo Bát chánh, nó vừa được thích hợp, vừa được giản dị, dù hạng nào cũng có thể thực hành được: lại nó còn có năng lực diệu màu, ngăn đón diệt bỏ được tam nghiệp: thân, khẩu, ý của chúng sanh. Khi tam nghiệp của chúng sanh được thanh tịnh, ngoài chẳng nhiễm trần, trong chẳng loạn tâm, tâm và cảnh trần vẫn được vô ngại tự tại, tức nhiên tự thấy nơi lòng rỗng rang, sáng tỏ không bị vướng mắc một mảy bụi trần ai, cũng như chẳng hề bị một ảo tưởng nào làm điên đảo tâm trí, nhân đó được mắt thấy cùng phương khắp chốn, tai nghe rõ tiếng muôn loài, lòng hiểu ý niệm của tất cả chúng sanh. Như thế gọi là đắc đạo. Khi đắc đạo hẳn được vượt ngoài tam giới, không còn bận trong sáu đường, chỉ còn tùy theo chỗ thệ nguyện của mình mà vào ra cõi ta bà để phương tiện hóa độ chúng sanh thôi.

Lý do giữa hai bài Tứ diệu đề của Đức Phật và của Đức Thầy có hơi khác nhau ở chỗ đổi số đổi chữ lên xuống trước sau, là vì ở thời chánh pháp chúng sanh phần nhiều thượng căn thượng trí, Đức Phật phương tiện đem sự khổ của đời giải ra và kể cho biết nguyên nhân sự khổ ấy, rồi Ngài dạy cần đem phương pháp của đạo Bát chánh diệt trừ nó tức được đến chỗ giải thoát. Đến khi Đức Thầy ra đời nhằm thời mạt hạ tức là thời mạt pháp này. Chúng sanh phần

hiều là thiếu căn thiếu trí không thể dùng phương pháp như Đức Phật, không thể giải theo cách của Phật ở thời trước được, nên Đức Thầy phương tiện kể cho đời biết rõ luật nhân quả và cần phải tập làm những điều lành, diệt trừ những điều dữ, chịu khổ để tu hành thì ngày kia sẽ được đắc đạo. Như thế cả hai pháp môn chung qui cũng cùng đưa chúng sanh đến chỗ giải thoát cả.

Đôi chiếu hai cách giải bày Tứ diệu đề nơi trên, chúng ta nhận thấy, vì muốn hợp với trình độ và căn cơ của chúng sanh mà Đức Phật thở trước cũng như Đức Thầy hiện nay, phương tiện sửa đổi hơi khác nhau, chớ kỳ thật đến kết quả cuối cùng cũng chỉ làm cho chúng sanh được giải thoát khỏi mọi nỗi thống khổ trong trần vậy thôi.

Khi xem chỗ tương đồng và phương tiện như thế, chúng ta cần khảo nghiệm cả hai cách giải bày của Đức Thầy và của Đức Phật để dung hội lại hầu thật hành cho đến khi nào đạt được đạo quả vô thượng Đại bồ đề.

NGŨ UẨN (HAY NGŨ ẨM)

“Lời Ta dạy hãy nên suy nghiệm

Phải phá tan ngũ uẩn trong mình”

Đức Thầy nói “những gì của Đức Thầy đã dạy ra, cả thầy nhơn sanh cần phải để tâm xét suy nghiệm nghĩ cho tường tận, rồi cần phải phá được ngũ uẩn ở thân tâm”.

Sở dĩ Đức Thầy bảo chúng sanh cần phải phá tan ngũ uẩn (tức ngũ ẩm) là vì nó thường hay che mờ tâm trí của chúng sanh, sanh ra chứa chất đầy đầy ác nghiệp. Ngũ ẩm chẳng gì lạ, nó là năm cái che đậy. Che đậy những gì? Nó thường che đậy bản tâm chơn như diệu minh của mỗi chúng sanh. Nguyên lai tâm diệu minh chơn như rất sáng rất màu, song vì chúng sanh bị ngũ ẩm che đậy mà trở thành điên đảo lu mờ đi, vì thế mới có những sai lầm, những tham luyến các việc, gây lấy điều tội ác.

Cho nên đối với kẻ quyết tâm tu hành đến chỗ giải thoát, lúc nào cũng cần dùng chánh quán, nghĩa là quán tưởng chơn chánh đúng sự thật, phá trừ được ngũ ẩm để trở về tâm rộng không sáng sủa.

Ngũ ẩm gồm có:

1. – Sắc ẩm,
2. – Thọ ẩm,

3. – Tưởng âm

4. – Hành âm

5. – Thức âm.

- **SẮC ÂM:** Tức là sắc chất của huyền thân. Mang lấy huyền thân dĩ nhiên phải chịu sự: già, bệnh chết chóc. Nỗi khổ này, đeo đẳng hành hạ chúng sanh vô cùng. Đã mang lấy giả thân, chúng sanh chẳng lấy làm khổ, lại thường chấp giả thân là thiệt có, là thường tồn làm cho tâm trí vọng tưởng xằng xiên, nghĩ quẩn lo quanh những điều bất chánh.

- **THỌ ÂM:** Là lãnh chịu. Có sắc thân tức có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn này, thường tiếp nạp: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do chỗ tiếp nạp ấy, khiến chúng sanh khởi lòng lấy, bỏ, ưa, ghét, như: mắt thấy sắc đẹp thì ưa, thấy sắc xấu thì ghét; những điều lợi lộc thì lấy, những điều lỗ lã thì bỏ, các cái khác cũng thế. Mỗi căn chấp mắc mỗi trần, vì vậy sự chọn, lựa, lấy, bỏ, yêu, ghét, mừng giận luôn luôn chẳng chệch dính lú nơi tâm của chúng sanh.

- **TUỞNG ÂM:** Là tưởng tượng. Sau khi sáu căn tiếp xúc sáu trần thì khởi lòng hoặc ưa, hoặc ghét, hoặc lấy, hoặc bỏ, khiến tâm của chúng sanh ngày đêm cứ tưởng nhớ mãi những điều ấy, hễ việc mình ưa thì lo tính làm sao lấy cho được, những việc mình ghét thì lo tính làm sao bỏ cho được, những người ân lo tính gần gũi, những người thù lo tính giết hại, cứ tưởng tượng, cứ ghi nhớ lo lường như thế mãi.

- **HÀNH ẨM:** Là hành động. Khi lòng tưởng tượng, ghi nhớ những việc của mình đã tiếp xúc vừa qua, thì cứ lo liệu sao cho việc ấy được thực hiện, muốn được thực hiện việc ấy, cố nhiên phải hành động, những hành động ấy nó không ngoài những việc lấy, bỏ, ưa ghét đã kể trên.

- **THỨC ẨM:** Là nhận thức. Khi đang thật hành hay đã thật hành thì lòng nhận biết việc đó thành bại, tốt xấu và phân biệt của mình và của người mà sanh ra lòng tranh đua ở chỗ hơn thua.

Năm ẩm kể trên đây luôn luôn dính líu nhau, che mờ tâm tánh của chúng sanh, khiến có sự câu chấp sai lầm, gây nhiều tội ác. Sự liên lạc của năm ẩm như thế nào; Là hễ có sắc thân tức có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tức có tiếp thọ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh ra tưởng tượng ghi nhớ. Có những tưởng tượng ghi nhớ tức có những hành động công tác. Có những hành động công tác tức có những nhận thức việc nên, hư, tốt, xấu của người và của ta. Năm ẩm này đối với chúng sanh ở cõi Ta bà, có thể nói hầu hết đều máng lấy, chỉ có cõi Trời vô sắc giới không có sắc thân nên không có sắc ẩm, nhưng có: thọ, tưởng, hành và thức ẩm. Bây giờ muốn tiêu diệt được ngũ ẩm có phương pháp tối diệu là cần phải trừ diệt bản ngã, nghĩa là diệt lòng chấp ta. Khi lòng chấp ta đã diệt, tất không còn quá tôn trọng xác chất của thân nữa. Khi không tôn trọng xác thân, thì chỗ mình: thấy, nghe, ngửi, nếm và đụng chạm đâu còn khởi lòng ưa, ghét, lấy bỏ. Lòng ưa, ghét, lấy bỏ vật này vật nọ đã không còn nữa, thì những

tưởng tượng ghi nhớ việc oán, ân, ái, ố, thù, xả cũng không còn. Việc ân, oán, thù, xả, ái, ố mình đã không tưởng tượng, không ghi nhớ thì những việc làm dầu dặt, dầu hơn, dầu thua cũng không làm cho mình điên đảo hay buồn giận. Không buồn giận không điên đảo trong việc làm được hay mất, hơn hay thua thì đâu còn sự phân biệt tham chấp của người, của mình hay việc thắng thối giữa ta với người khác nữa. Nói tóm lại, con người vì tiếp nạp những vật này, tưởng tượng vật khác, hành động sự nọ, nhận biết việc kia, giai do lo cho xác thân mà ra cả. Nên khi không còn quý trọng xác thân, cố chấp xác thân thì các điều ham hố khác cũng không còn, như cây: nhánh, lá, bông, trái đều nhờ gốc rễ nếu gốc rễ bị bứng thì bông, trái, lá, nhánh cũng không còn sống được. Trong tâm kinh nói rằng: “chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách”. Nếu chúng sanh trở lại soi năm uẩn đều không: không chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nghĩa là năm uẩn rỗng không, không vướng mắc, không lưu trệ, tức nhiên vượt qua các khổ ách, luân chuyển nơi cõi Ta bà này vậy.

Huống lại, nếu người còn tham luyện giả thân, tất phải mất chơn thân, cũng như ưa ở bờ bên này tất phải mất bờ bên kia, ưa thích cõi trần tất mất cõi Phật, mền xác chất trọng trước hẳn không được gần cõi khinh thanh; và càng mền giả thân lại càng phải hồ tư loạn tưởng, cào cấu tranh đua từ ngày này đến ngày khác làm cho tâm hồn trí não cứ lo hơn thua với người đời; nguy biệ nhiều điều mưu mẹo lăm việc. Do đó mà tội ác sanh ra hết cái này đến cái khác chồng chất như rừng như núi, cứ mãi trôi lăn chìm đắm trong các cõi khổ.

Tóm lại muốn trừ diệt được năm uẩn (tức năm ấm) đã kể trên thì cần phải dùng quán tưởng chánh đáng, soi lại coi năm uẩn này có thiệt không? Khi thấy thân này là ảo giả, tư tưởng này là dối mị, những sự ham muốn cõi đời hoàn toàn nhỏ nhen thấp thỏi, nước bọt mây bèo thì phải định tâm diệt bỏ đi, để dùng tư tưởng trí hóa suy nghiệm tìm kiếm những việc gì cao siêu mầu nhiệm: không luân chuyển, không tử sanh, không biếm hoại, không uế trực, nghĩa là tìm cõi an nhàn tịch tịnh của Niết Bàn, tìm được chơn tâm rất sáng, rất mầu ngang giáp mười phương không chỗ nào không thấy, không chỗ nào không biết. Được như thế mới đến chỗ chơn thật khỏi phải chịu sự tuần hườn biến chuyển ở cõi tục phàm.

LỤC CĂN VỚI LỤC TRẦN

“Lo tu tỉnh mặc ai khinh ngạo,

Diệt lục căn đừng nhiễm lục trần”

Đoạn này mỹ ý của Đức Thầy muốn nói rằng: “Chúng sanh cứ lo bề tu tỉnh, chớ màng đến sự khinh chê ngạo báng của người đời, miễn lo cho mình trừ được lục căn, diệt được lục trần, căn trần đối nhau mà lòng không nhiễm ô tham đắm một mảy là cao quý”.

Trong bài ngũ uẩn hôm qua có nói rằng: Hễ người có xác thân tức có lục căn. Lục căn ấy, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Mỗi căn đều có chỗ dùng riêng biệt nhau, như: mắt để thấy chớ không để nghe được, còn tai để nghe chớ không để thấy được, đến mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy. Đặc tánh công dụng của mỗi căn thông đồng nhau và chẳng bao giờ đổi ngược chỗ công dụng của một căn nào được cả.

Sáu căn thường dưới quyền sử suất của cái tâm. Thăng như cái tâm ấy vọng động thì khiến cho sáu căn cũng phải vọng động theo, như: mắt hay nhiễm sắc đẹp, tai hay nhiễm tiếng hay, mũi hay ưa mùi thơm, lưỡi hay ưa vị ngon, thân hay thích sung sướng và ý thường hay mong cầu được chức trọng quyền cao. Do chỗ tham nhiễm ưa muốn ấy, khiến trí huệ lu mờ, thân tâm mỗi ngày mỗi loạn động và nhờ trược thêm. Nhân đó mới sanh ra lắm hành động tội ác,

mà những tội ác và hành động này, nguyên do ở vọng tâm mà ra cả.

Đối với vọng tâm, Đức Phật cho rằng đáng sợ. Vì nó độc hơn nọc rắn, dữ hơn ác thú, nó giết người hơn kẻ giặc thù, nó có sức phá hoại chẳng thua gì đám hỏa hoạn (nghĩa là có sức tàn hại chẳng kém lửa đỏ) và nó cũng nguy hiểm chẳng khác nào người bùng bát mật đầy cứ chằm ngó vào đó làm lũi đi tới mà quên mình sắp sụp hầm sa hố. Lại nó cũng có sức hung hăng táo bạo hơn thớt voi điên không xiềng chuồng và nó hay trèo leo nhảy nhót chẳng khác loài khỉ vượn; thật là vọng tâm rất khó mà kềm chế được. Bởi không kềm chế được vọng tâm, nên có lắm người làm những điều tội tệ bạo ác, mặc dù họ vẫn biết xấu hổ, vẫn biết tù tội, nhưng không thể sửa chữa được.

Ngược lại, nếu sáu căn ấy, dưới quyền suất xử của tâm chơn thì thấy đều được chơn chánh và cũng được tốt lành như nhau cả. Như mắt trông vào sắc đẹp, sắc xấu chẳng khởi lòng yêu hay ghét; tai nghe đến lời quấy, lời phải chẳng khởi lòng khen hay chê; mũi ngửi mùi thơm hoặc hôi chẳng khởi lòng ưa hay chẳng ưa; lưỡi nếm đến các vị ngon hay dở không khởi lòng thích hay không thích; thân đụng chạm những vật trơn hay nhám dày hay mỏng, lạnh hay ấm chẳng khởi lòng lấy hay bỏ; ý đối với các cảnh ngàn màu muôn sắc, việc người việc ta, việc hơn việc thua cũng không khởi lòng phân biệt câu chấp, nghĩa là sáu căn đối với sáu trần không nhiễm ô, không phân biệt, thường được thanh tịnh chơn chánh. Do đó hột giống trí huệ được nảy nở, thân tâm

được nhẹ nhàng trong sạch, ngàn muôn đức hạnh nhờ thế lần hồi được lớn thêm rộng thêm cho đến số không tính lường được.

Theo lời của Đức Phật bảo thì đối với kẻ trí lúc nào cũng đủ cách để kềm chế được lục căn; sự đòi hỏi của lục căn một cách bất chánh thì thà chịu chết chứ không hề chiều theo. Giờ phút nào cũng canh chừng gìn giữ sáu căn như canh chừng kẻ thù địch, không để một mảy dật lạc phóng túng, nếu để nó phóng túng được cái này thì sẽ kéo đến cái khác, từ cái nhỏ đến cái lớn, hay từ cái lớn này đến cái lớn khác rất dễ dàng.

Sự ham muốn không bờ mé, không hạng nhỏ lớn, có khi từ cái nhỏ dấy đến cái lớn, hoặc từ cái lớn trở lại cái nhỏ, vì vậy nếu muốn kềm nó thì phải kềm cả việc nhỏ đến việc lớn.

Vả lại, trong sự phóng túng dục lạc của con người không được trường cửu, dù mỗi một căn được tiếp nạp cả muôn ngàn trần: mắt được thấy cả muôn ngàn sắc đẹp, tai được nghe cả muôn ngàn tiếng hay; mũi được ngửi cả muôn ngàn mùi thơm tho; lưỡi được nếm cả muôn ngàn vị ngon; thân được mặc cả ngàn màu tổ sô, ngồi trên ngai vị cực cao cực quý; ý được thỏa mãn tất cả dục lạc cũng chỉ trong thời gian ngắn ngủi, khi xác thân này bỏ rồi, thì những sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, món ngon, và đài các trước kia cũng đều đi theo số phận tận diệt như xác thân cả. Như thế, dù có chiều theo sự ham muốn của lục căn cũng chỉ là một trò

chơi, một đứa trẻ giỡn bóng và vọc bọt mưa chớ chẳng ích gì.

Do đó, chúng sanh lúc nào cũng lấy chơn tâm điều khiển lục căn cho đến khi nào lục căn đối với lục trần vẫn được thanh tịnh, gần sắc cũng như ở chỗ không, chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng móng lòng ô nhiễm, chừng đó tự thấy mình được vô ngại và lòng ô nhiễm không còn tái phục được. Được như thế đạo quả Bồ đề sẽ thành tựu viên mãn.

Nói tóm lại, sáu căn chẳng khác nào cái cửa, thường hay chiêu dụ sáu trần: mắt thì rước sắc, tai rước thanh, mũi rước hương, đến lưỡi, thân và ý mỗi mỗi đều tiếp rước theo sở thích của nó cả. Bởi sáu căn hay nhiễm sáu trần, thành thử mới xúi giục chúng sanh khởi tâm kiếm tìm đào tạo những gì của nó đòi hỏi, ví dụ: nó đòi hỏi sắc đẹp phải tìm sắc đẹp cung cấp cho nó, chẳng được thì ưu sầu mong ngóng mãi không thôi. Đối với các việc khác cũng thế, cứ theo cái đà tham nhiễm ấy mà đi tới mãi. Trong chúng sanh, sống trong khoảng rộng rãi mà dường như bị giam cầm, vì mỗi ngày bị trói buộc rầy rắng, khiến sai của sáu căn, chẳng khác người tù bị lính khảo đảo sai khiến.

Sáu căn nguyên lai vẫn được rộng không sáng sủa, song vì bị ô nhiễm sáu trần thành thử mờ ám rối loạn, chẳng còn thấy xa, nghe rộng, hiểu biết đến chỗ cùng tột của vạn vật được. Cứ thế mãi kiếp này đến kiếp khác quanh quẩn trong chỗ ái dục. Vì bởi ái dục cõi trần, nên phải luân hồi mãi trong cõi trần, cứ chạy theo và chung sống với khách trần. Trái lại ước muốn được về cõi Phật tức sanh ở cõi Phật;

cũng như ưa muốn cõi trần tức sanh ở cõi trần vậy. Nhưng muốn sanh về cõi Phật, lẽ trước hết là tuyệt nhiên không nhiễm trần, bằng cách dùng chơn tâm diệu minh kèm chế được sáu căn, làm cho sáu căn đừng bị sự ô nhiễm sáu trần, nghĩa là đừng để sáu trần ràng buộc tất được chứng quả Bồ đề. Theo lời của Đức Phật bảo: “Khi sáu căn của chúng sanh không còn dính mắc sáu trần thì tự trong thân tâm sẽ phát ra một màu sáng suốt vô cùng vô tận, phá tan tất cả màu sắc tối đen; những gì dối gạt mình từ trước đến giờ đều trụ nguyên hình tất cả, chẳng khác nào đem nước sôi đổ trên khối tuyết, tan ra một cách mau lẹ. Khi được như thế, sẽ chỉ trong một niệm hốt nhiên được tỏ ngộ, mà từ địa hạt phàm phu ngu độn bỗng hóa thành một bậc có trí giác cùng tột, nghĩa là được có sự hiểu biết không chỗ nào sót lọt được”.

TRỪ TÁNH NHƠN NGÃ

“Tâm trần tục còn phân nhơn ngã,

Thì làm sao thoát khỏi luân hồi”

Đoạn này, ý Đức Thầy muốn nói rằng: “Lòng của kẻ tục trần cứ mãi phân biệt nhơn ngã thấp cao, thì biết bao giờ vượt khỏi sự đầu thai trong cõi trần thế được. Tại sao? Bởi nếu người cứ phân biệt nhơn ngã thì có tánh tham lam câu chấp, mỗi món đều muốn vừa hốt về mình, mỗi việc đều muốn lấn trước hơn người thành thử chạm đến quyền lợi, chạm đến danh thế của kẻ khác, như là càng chiêu thêm tội lỗi cho mình, vì thế có sự luân hồi để đền trả, là một lẽ cố nhiên”.

Trong bài đã cho biết rằng: Lục căn thường hay tham đắm lục trần. Sở dĩ có sự tham đắm ấy, chẳng qua vọng tâm phân biệt mà ra. Song vọng tâm phân biệt ấy, việc phân biệt nhơn ngã trước hết.

Tánh phân biệt nhơn ngã ấy ra sao? Trả lời ngay rằng: Nó làm ranh giới giữa mình với người và của mình với của người trong những việc hơn thua, cao thấp mỗi ngày.

Như:

- **NHƠN**: Là trong lòng lúc nào cũng phân biệt người khác, mình khác, của người là của người, của mình là của mình, muốn người khác phải đứng nép vào chỗ thấp hơn

mình và họ luôn luôn phải thua kém hơn mình mọi việc, nghĩa là họ phải hoàn toàn chịu dưới sự sai khiến và đứng sau mình luôn.

- **NGÃ**: Là trong lòng lúc nào cũng phân biệt người khác không bằng mình, mình lúc nào cũng coi hơn người, trong việc sanh cư thường đặt mình đứng trước và chỉ xem mình đáng được sống còn hơn người khác. Đồng thời những điều sung sướng quyền oai nào, mình cũng muốn chiếm trên hơn mọi người và được thụ hưởng các món sang trọng một cách đầy đủ hơn ai hết Nói rõ là chỉ biết xem mình quý trọng và đặt mình trên hết, mỗi việc gì tốt đẹp của người khác phải nhường lại cho mình hưởng tất cả.

- **CỦA NGƯỜI**: Là trong lòng lúc nào cũng phân biệt của người không phải của mình, thấy món chi của người khác được có tốt đẹp quý báu hơn mình, thì lòng tính toán đủ cách quyết lấy cho được để làm của mình, mặc dù trong cái muốn lấy ấy bất hợp pháp không được người kia bằng lòng cũng thầy kệ. Ngược lại, nếu người kia xấu xí hay là của họ kém hèn không sánh kịp mình thì mình lại tỏ ra khinh miệt ruồng bỏ, nếu kẻ ấy là kẻ thân bằng cố hữu từ lâu thì lại tìm cách xô đuổi và xa tránh họ.

- **CỦA TA**: Là trong lòng lúc nào cũng phân biệt cho những gì của mình đã có đều hơn kẻ khác tất cả, rồi có đủ cách gìn giữ giấu dốt chẳng rời. Lại chẳng muốn ai được có món ấy và không muốn người nào rờ mó hay dòm dõ đến món ấy. Rủi khi vật ấy mất đi thì chạy kiếm tờ mở, đem

lòng nghi ngờ đủ lẽ, nhiều khi lại nghi ngờ những người mà mình đã tin cậy, đã kính mến, nhứt là người ấy ở cấp trên trước của mình nữa. Có đôi khi vì mắt mát vật rất nhỏ hay có lớn đi nữa cũng không giá trị tuyệt đối lại nỡ mưu sát mạng người và khởi lòng độc ác dữ dằn, coi người của mình nghi và người mình đã bắt được trong việc cướp phá ấy như tro mắt kiến bã.

Cái lòng phân biệt ấy, tạo cho người một tánh tham: tham tiền bạc, tham mèο mở, tham chức quyền, tham lợi lộc.v.v.Cái tham ấy, với mục đích để bồi bổ tâm ướp xác thân. Do đó, bao nhiêu tâm trí đem dồn nhốt vào một ý nghĩ tham lam. Tham hết vật này tới vật khác cuồng quẩn trong chỗ đê hèn, khiến cho trí huệ càng lúc càng mờ mịt tối tăm. Khi trí huệ đã trở thành tối tăm mờ ám, lòng tham dục nổi lên tràn trề, thì những việc làm tội ác mới bắt đầu lan rộng ra một cách mạnh mẽ, cho đến tai nghe đầy tiếng ác, mắt xem đủ việc ác, lòng nghĩ vô số điều ác. Đến lúc mắt, tai và ý của người tạo nên những nghiệp ác chập chồng là sắp dẫn nhưn loại vào trường tranh đấu thảm khốc mà những điều oán thù, giận tức là một việc rất thường xảy ra trong chỗ tranh đấu ấy. Nhứt là có một điều nó thường diễn đi diễn lại trước mắt mọi người là sự phân biệt giai cấp: giàu coi rẻ kẻ nghèo; quan xem khinh người dân; trí chē ngạo kẻ ngu, đưa đến chỗ giàu to coi hèn giàu nhỏ; chức cao xem khi chức thấp; quyền rộng ngạo nghễ quyền hẹp. Những điều này tạo thành xã hội có từng bậc thấp cao, dường thể trên con đường đèo ải gồ ghề vậy.

Càng có sự chênh lệch nhiều, dĩ nhiên có sự đau khổ cách biệt giữa tình nhờn loại nhiều. Giữa tình nhờn loại càng cách biệt nhiều chừng nào càng đưa đến chỗ chia xẻ giết hại nhau nhiều chừng ấy, mà trên vũ đài tranh đấu thắng phụ ngã nhờn ấy, vào thời đại hiện giờ đang diễn ra nhan nhản trước mắt mọi người.

Như đã thấy sự thâm độc của lòng phân biệt nhờn ngã đường nào, bây giờ chúng ta muốn tiêu diệt nó thì hãy nghe theo lời của Đức Phật đã bảo như thế này:

Ngài bảo rằng: “Thân do bốn chất; đất, nước, gió, lửa hợp lại làm thành. Mỗi chất mỗi có tên riêng biệt nhau, nghĩa là hễ chất đất là đất, nước là nước, lửa là lửa, gió là gió, không thể nước mà nói lửa, lửa mà nói nước, đất mà nói gió, gió mà nói đất được. Mỗi chất đều đã có tên riêng biệt của nó; mà lại toàn cả các chất ấy trong thân người, đều là vật dơ dáy cả. Cái dơ dáy ấy, mỗi cái cũng có mỗi tên riêng như phần thì gọi là phần, nước tiểu thì gọi là nước tiểu, gan, ruột, phổi, pèò, mỗi mỗi đều có tên riêng như vậy. Thế thì những món dơ dáy ấy đâu có thể nào xưng ta được; không lẽ gọi phần là ta hay gọi nước tiểu là ta, hay gọi gan ruột...là ta, vì mỗi chất có tên riêng của nó thì cái ta ấy ở chỗ nào? Còn nếu đem bỏ phổi, pèò, ruột, gan mỗi cái riêng một nơi thì đâu còn thành con người. Con người đã không còn thì cái ta kia đâu có. Vì các món ấy kết hợp lại làm thành một hình thể thì tạm gọi là con người, là xác thân. Khi thân xác tan rã thì máu me theo nước, hơi ấm theo nắng, xương thịt theo đất, hơi thở theo gió, tức không còn xác thân nữa.

Thân do cấu hợp nhiều bộ phận mà thành hình rồi thân thức nhập vào đó mới cử động, có hiểu biết được đặt tên là người vậy thôi. Thế thì cái thân ấy, cái dơ dáy ấy không phải là ta và cũng không thiết là của ta, vì nếu thật của ta sao không giữ nó còn mãi, lại để cho nó già, bịnh chết chóc đến phải tan rã; vậy nó chỉ là một khối dơ bẩn chờ ngày tan rã thôi.

Đã hiểu xác thân như thế, thì lòng phân biệt ta hơn người và muốn của người đem làm của ta cũng chỉ là một việc làm giả dối, một việc làm mơ mộng trong chốc lát hay một thời gian năm bảy mươi năm rồi của ấy cũng giao lại cho người khác, thân xác ấy theo định luật thiên nhiên mà chịu sự tiêu diệt ra bùn đất. Nghĩa là đã hiểu cái khối thịt dơ bẩn này, nó không trường tồn, thì bây giờ dù có tham lam cho lung, phân biệt hơn ngã cho lắm cũng vô ích; càng dối mị nhiều chừng nào càng làm cho tâm trí tối tăm, hỗn loạn tinh thần chừng nấy. Chỉ nên lợi dụng xác chất này trong thời gian đương tiền để làm những việc gì ích lợi cho thiên hạ: nếu giúp nước thì nên làm theo Quốc Tuấn, Lê Lợi, Ngô Quyền đáng ghi tên trong sách sử; còn đứng trong cửa đạo thì phải làm theo việc làm của các bậc: Văn Thù, Phổ Hiền, Mục Liên, Quan Âm, Thế Chí hay các vị đại sĩ khác trong chỗ phổ độ chúng sanh sẽ được đời tôn sùng là vị cứu thế và mới đáng cho người thờ phụng tôn kính.

Nói một cách gần hơn là đã hiểu thân là giả dối, không nên quá tôn trọng nó, hãy tìm đường giải thoát. Con đường ấy là sớm làm cho được tỏ ngộ đạo Bồ đề. Muốn tỏ

ngộ đạo Bồ đề chẳng gì tốt bằng mỗi ngày nên khởi tâm đại bi. Tỏ lòng đại bi bằng cách tùy tiện theo sức mình để đánh thức những ai còn mê muội có cơ tỉnh ngộ cùng tu hành, cùng tạo việc phước lợi như mình và sẽ cùng hành một pháp môn thấy tánh thành Phật. Được như thế mới là việc làm cao quý, một công nghiệp không hư mất và biết dọn đường cho mình đến chỗ trường tồn vĩnh cửu.

Khi chúng ta khởi lòng như trên thì vọng tâm phân biệt nhơn ngã không còn nữa, cho đến lòng mê đắm theo ngũ dục cũng diệt mất, chỉ thấy nơi mình y theo Phật pháp để thiết hành một cách bình đẳng và được lòng thương yêu tất cả mọi người để làm việc phổ tế cho ai cũng được hưởng sự an vui phước đức cả.

Tóm lại, chúng ta đã quyết định trừ diệt lòng phân biệt nhơn ngã thì có một phương pháp duy nhất là hãy xem thân này không bền bỉ và của này không phải của mình, vì một ngày kia thân này đã mất rồi thì của ấy sẽ dời đến tay của kẻ khác. Huống lại, có thân này chẳng qua thời gian quá khứ mình đã khởi lòng thương ghét phân biệt nhơn ngã, tạo nhiều nghiệp bất lành, gây nhiều duyên trọng trược, nên mới sanh vào cõi này để đền trả lại những gì của mình đã đào tạo, đã ham muốn ở kiếp trước. Thế thì ngay kiếp này, mình chỉ nên lo trả lại những nợ nần đã vay tạo ở kiếp trước, không nên gây dựng thêm, vay nợ thêm những nghiệp xấu xa. Khi hết giống nhơn ngã, ái, ó hiện kiếp đã bị hư úng, thì ngày kia tức kiếp tới chắc khởi sanh vào cõi này gặt lấy thân

trọng trực, quả bất lành nữa. Như thế là mình đã có bài toán rất kỳ diệu, tính xong mọi nợ ở thế gian.

PHÁ VÔ MINH

“Bởi vô minh vọng tưởng vạy tà

Nên quay lộn Ta bà cõi khổ”

Theo đây, Đức Thầy đã xác nhận rằng: “cả chúng sanh cứ quay cuồng chuyển lộn trong cõi mê khổ này là bởi lòng vô minh vọng tưởng những điều vạy vò tà khúc mà ra”.

Có người hỏi vô minh như thế nào? Thì trả lời một cách gọn ghẽ rằng: vô có nghĩa là không, minh có nghĩa là rõ, cả chúng sanh tâm trí mê mờ không rõ biết được bản tâm chơn như thường trụ diệu minh của mình, trở lại lầm nhận các tư tưởng, các vọng tâm biến diệt làm chơn tâm chơn trí nên gọi là vô minh.

Bởi màn lớp vô minh che phủ cả chơn trí của chúng sanh mới có sự câu chấp sai lầm; kẻ thì chấp về sự tướng bỏ lý tánh, người chấp về lý tánh bỏ sự tướng, cứ mãi nhận việc ngụy làm việc chơn đem điều giả dối cho là chơn thiệt, nhân đó càng gây thêm nhiều nghiệp ác. Và bởi thấy biết không đúng sự thật nên mới lầm nhận giả thân này là thiệt thân, giả cảnh này là thiệt cảnh, cho cõi khổ này là cõi vui và lầm nhận những của cải, sự nghiệp của mình đã tạo đây là thiệt của mình, rồi cứ để lòng chăm ngó vào đó, nào là giữ gìn, nào là khởi lòng yêu mến không rời.

Sự nhận lầm ấy, chẳng khác nào người ngồi trên chiếc xe đang chạy, thấy cây chạy theo bên xe; và cũng như người chèo thuyền thấy trăng lội theo sau thuyền. Đến khi xe ngừng thì kẻ ngồi trên xe trở lại thấy cây không chạy, chỉ vì chiếc xe chạy mà dường như cây chạy; còn thuyền đậu thì kẻ chèo thuyền thấy không phải trăng theo, chỉ vì thuyền đi mà dường như trăng lội theo, chớ sự thật thì không phải thế. Do chỗ tưởng lầm và nhận lầm ấy, cả chúng sanh lần lần đi xa chân lý, đi xa sự thật, cứ quay theo bao nhiêu giả cảnh, giả thân, giả tình, giả thể, bị những nghiệp tạo của mình kết thành lực lượng mạnh kéo lôi mãi trong cõi sanh tử, cũng như đĩa nhỏ tự xoay tròn cái thân thành bị chóng mặt cháng váng, thấy nhà cửa đảo lộn ghê tởm vậy.

Đã bị lầm lạc và luân chuyển mãi trong cõi khổ, nhưng cũng chưa được bao nhiêu nhận rõ chỗ mình đã lầm và cũng chưa biết cái lầm ấy, cái khổ ấy là nguyên lai vì vô minh vọng tưởng tạo nên, thành thử không chịu nghiên ngẫm tìm tòi những phương pháp kỳ diệu để đối phá lại cái vô minh, cái vọng tưởng đang che phủ nơi mình. Và chẳng cái vô minh vọng tưởng không trừ diệt được, không bình định được, dù cho có phép thần thông biến hóa cũng không tránh khỏi sự luân hồi. Chẳng khác nào con dơi có tài bay nhưng không thể tránh khỏi một ngày kia trở lại hóa chuột hay thành chồn, vì lẽ chưa biến đổi được cốt chất.

Để tìm phương pháp đối phá bức màn vô minh vọng tưởng ấy.

Thuở xưa trong khi Đức Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm có đoạn Ngài nói đại ý như vậy: “Theo Phật Ngài đã thấy thì toàn cả chúng sanh ai cũng đều có đủ trí huệ và luôn cả tướng công đức như Đức Như Lai, song vì họ cứ đem cái tâm phiền não vọng tưởng tham đắm mọi cảnh trước mắt, vì thế nên chưa chứng được trí huệ và đức tướng ấy. Nếu có một chúng sanh nào sớm biết xa lìa được phiền não và vọng tưởng tham chấp đã kể trước, tức thì cái trí hiểu biết tất cả và cái trí không học mà tự thông minh tất cả, tự nhiên hiện rõ nơi tâm của mình vậy. Đó chẳng khác nào nước đục mình đem đựng vào bồn để yên lắng một lúc sau, bùn cát lần lượt lắng xuống, tức nhiên màu nước trong hiện ra, đó là đã bắt đầu trừ được tâm phiền não và vọng tưởng rồi. Tuy thế mà bùn và cát còn nằm dưới đáy bồn, một khi khuấy động lên thì nó đục lại như cũ, thế nên muốn nước đó đừng trở lại đục, thì hãy gạt bỏ những bùn cặn còn nằm dưới đáy bồn đi, chỉ còn thuần nước trong từ trên mặt tới dưới đáy, như thế đã đoạn diệt được cội gốc vô minh vậy.

Khi làn sóng gió vọng tưởng vô minh đã bình định xong, tức thì đèn trí huệ sáng tỏ, ánh nhựt quang minh hiện ra rõ ràng, tự mình được thấy mọi cảnh giàu sang sung sướng, chè rượu điểm đàn, đờn ca xướng hát, mọi cuộc thích thú và lợi danh, tình mà mình đã tham đắm từ trước tới nay chỉ là một việc làm giả dối, một việc làm lầm lạc chẳng khác nào bầm mí mắt ngó thấy hai mặt trăng, tức mặt trăng thứ hai là mặt trăng giả, như nhận lầm con người của nhà thuật sĩ hóa ra tưởng là người thiệt, rồi đem lòng luyện ái, chẳng ngờ đó là người giả do phép thuật hóa ra sẽ biến mất.

Lại cũng như đám mây trắng ở lưng trời, đứng tưởng tượng lâu thấy người đi, thú chạy: Tưởng tượng con chó thì thấy con chó, tưởng tượng con người thì thấy người, mà sự thật thì đó chỉ là mây, do hơi nước bốc lên cấu thành, vì mình vọng tưởng mà thấy hình con người hay con vật chó không phải thật.

Mình được nhận đúng, biết rõ như thế, là nhờ ngọn đèn trí huệ soi chiếu, cũng như nhờ ánh mặt trời mọc lên làm sáng cả vạn vật, mà đêm rồi mình nhìn lầm bụi cây là người đứng, bây giờ mới thấy rõ lại đó chẳng phải người. Thế thì cái mình nhận lầm đêm rồi đã mất hết. Cái trí huệ của mình cũng thế, khi nó đã hiện ra thì những điều mình đã hiểu lầm trước kia, bây giờ sẽ được giải quyết tất cả. Khi đó mình tự thấy rằng: những sự giàu sang phú quý, danh lợi, ái tình từ trước tới nay chỉ là những cảnh trong giấc mộng chó không phải sự thật; tham đắm nó chỉ phải luân hồi vào ra cõi khổ, máng lấy mọi điều tai ách chó không phước lạc gì.

Còn Đức Thầy chỉ phương pháp diệt trừ vô minh là phải làm như thế này: “Đối với người đã chuyên tâm tu học đạo đức, muốn cho trí huệ mình được mở mang sáng tỏ ra, trước hết cần phải tìm được phương pháp diệt trừ vô minh. Nhưng muốn diệt trừ vô minh thì nên tuần tự, nên cố gắng nhiều ngày. Việc làm trước hết là phải giới mài nung nấu khối tinh thần của mình được mạnh mẽ cứng rắn. Nó cứng rắn cho đến đổi chặt đứt những gì trở ngại trên đường đi của mình. Và nó được mạnh mẽ thắng phục tất cả những vật muốn lôi cuốn mình trở lại tục lụy. Lúc nào cũng tự đào tạo

cho mình có một con đường quyết định duy nhất. Con đường ấy, phải được rõ ràng và phù hợp với ý nguyện của mình đang tu học. Và lấy lòng quyết định duy nhất ấy, làm giềng mối cho mình trừ khử được những lòng cố chấp, thấy sai lầm như: trừ được thói quen theo việc làm quấy, trừ được lòng chân chờ trước việc phải, trừ được lòng ham muốn việc bất chánh, trừ được tánh ngạo nghễ tự phụ, trừ được lòng ghét ganh, gièm siểm nịnh bợ; và cũng trừ luôn lòng hay lo lợi riêng, hay nghĩ điều riêng, hay gây gổ kích bác, hay say sưa mê đắm theo việc ân tình dục lạc, và trừ được lòng phiền não tức: tham lam, sân nộ, mê si, vì chúng nó hay làm náo loạn nhiều nhưng tâm trí mình bị mờ ám rối ren. Nếu những điều ấy mình đã trừ diệt xong, tất nhiên tâm trí được trở lại thanh tịnh, mà tâm trí được thanh tịnh thì trí huệ hiện ra, làm cho sự nghe thấy và nghĩ ngợi của mình bắt đầu từ đó hoàn toàn sáng suốt trong sạch vậy.

Để kết luận câu chuyện này, chúng ta muốn tìm được phương pháp diệt trừ vô minh, thì có một phương pháp đồng với hai phương pháp của Đức Phật và Đức Thầy mà chúng ta đã trưng dẫn vừa qua, trong kinh có câu: “Nếu tâm sanh tất cả việc gì cũng sanh, khi tâm dứt tất cả việc gì cũng dứt”, ví dụ: ông thợ mộc muốn cất cái nhà thì liền nghĩ đến cột, kèo, vách phen, bàn ghế và các bộ phận trong nhà. Thế là do tâm ông sanh nên cái nhà và cả việc trong ấy mới sanh. Nhược bằng ông thợ không nghĩ đến việc cất nhà thì những bàn ghế hay vách phen kia đâu có sanh ra. Đó là tâm ông dứt nên cái nhà và cả việc trong ấy dứt.

Khi tâm mình đã dứt hết vọng động thì muôn việc gì cũng đều dứt hết, tâm mình vọng động mãi thì tất cả việc gì cũng sanh ra. Thế nên có thể tóm vào một câu là hễ vọng tâm chúng sanh được lặng thì các tướng vô minh phiền não đều dứt lặng theo, chỉ còn một bản tâm thường trụ bất biến và sáng suốt vô cùng vô tận, tâm ấy tức Phật tâm vậy.

LUẬT NHƠN QUẢ

“Luật nhơn quả thật là cao viển,

Suốt cổ kim chẳng lọt một ai”

Theo Đức Thầy, nhận cho luật nhân quả thật rất cao rất xa mà từ xưa đến nay không một nhơn vật nào khỏi phải bị đứng trong luật ấy, và cũng không hề lọt khỏi sự trả lại của nó.

Nhơn quả ấy như thế nào? Nhơn là hạt giống. Quả là trái bông. Hễ mình gieo rầm hạt giống gì thì lên trái bông nấy, mà hễ mình càng gieo thì nó càng lên, dù gieo cả trăm ngàn lần thì nó cũng lên cả trăm ngàn lần, chớ không sai chạy một mảy. Như thế gọi là nhân quả. Luật nhơn quả rất kín nhiệm và khéo mầu, bất luận lúc nào nếu người còn tạo nghiệp nhân tức là có kết quả mà kết quả ấy, được tốt hay xấu, về Thiên đường hay xuống Địa ngục, được đời tôn kính hay khinh chê giai do ở chỗ tạo nhơn của mình mà ra cả.

Hầu hết vạn vật chúng sanh trong sáu cõi phạm đều do nhân quả kết hiện: những kẻ giàu sang phú quý kiếp này là do làm việc chẵn bản, bố thí ở đời trước; người nghèo khổ túng thiếu hiện nay là do lòng tham lam bòn xén ở kiếp qua; và mọi vấn đề vui hoặc khổ.v.v... trên đời này cũng đều do tạo nhân trước cả. Đó chẳng khác nào người được biết chữ do ở lúc nhỏ có học, kẻ không học lớn lên phải dốt. Thêm một ví dụ nữa: Sự phản ứng của luật nhân quả không xê dịch

cũng như mình lấy tai đánh mặt trống thì tiếng trống dội lại vào tai mình nghe trước, nếu mình đánh mười cái dội lại mười cái, đánh trăm cái dội lại trăm cái không sai một. Xem thể đủ hiểu việc gì của mình làm, trước sau gì nó cũng trả lại cho mình hết. Nhân đó mới nói luật nhân quả rất cao xa mầu nhiệm, dù vua, quan, dân dã cũng không tài nào thoát khỏi luật ấy.

Vấn biết luật nhân quả rất cao xa và mầu nhiệm, song sự kết quả, nghĩa là sự thành hình của nó có chậm có mau. Sự chậm mau ấy tóm lược:

- Lễ thứ nhất nhân quả trong một đời: là mình tạo nhân lành ở kiếp này được hưởng quả lành ngay kiếp này; tạo nhân dữ ở kiếp này, chịu quả dữ ngay kiếp này, chớ không kéo đến kiếp tới.

- Lễ thứ hai nhân quả trong hai đời: Là mình tạo nhân lành ở kiếp này phải chờ kiếp tới mới hưởng được quả lành; tạo nhân dữ ở kiếp này, phải đợi kiếp tới mới chịu kết quả dữ, chớ không trả liền ở kiếp này.

- Lễ thứ ba nhân quả trong nhiều đời: Là mình tạo nhân lành ở kiếp này, chờ năm ba kiếp sau hay cả năm bảy chục, một trăm kiếp sau nữa mới được hưởng quả lành; tạo nhân dữ chờ năm ba kiếp sau hay năm bảy chục, một trăm kiếp sau nữa mới trả lại quả dữ, chớ không trả ngay ở kiếp hiện tại.

Nguyên lai của nhân quả có chậm có mau chẳng qua vì tạo nghiệp của người mạnh hay yếu; hễ tạo nghiệp mạnh thì kết quả mau, tạo nghiệp yếu thì kết quả chậm. Chẳng khác nào hột giống cái ngòi nó mạnh thì nứt mầm sớm, cái ngòi nó yếu thì nứt mầm muộn vậy. Do thế ấy, chúng ta từng thấy trên đời có kẻ làm hung dữ mà được giàu sang, còn người hiền lành phải nghèo khổ; thì những người hung dữ mà được giàu sang ấy, chẳng qua kiếp trước họ tạo nhân lành, biết bố thí nên sanh lên kiếp này, nhờ cái dư phước ấy mà được giàu sang. Song kiếp này họ không lo tạo phước thêm, thì kiếp tới họ sẽ trở lại nghèo khổ khốn nàn. Còn những người hiền giờ làm hiền lành mà nghèo khổ, chẳng qua kiếp trước họ tạo nghiệp bất thiện, tham lam hoặc vay thiếu người không trả nên kiếp này chịu nghèo khổ; nhưng bằng kiếp này làm phước lành thì kiếp tới được hưởng đầy đủ sung sướng.

Hiểu như thế thì chúng ta giải quyết xong những nỗi lòng thắc mắc và không cho việc ấy là bất công nữa.

Tóm lại, luật nhân quả nó trả lại y hệt việc mình đã tạo tác, sự tạo tác như thế nào nó trả lại như thế nấy, trước sau không thể dời đổi khác hơn nữa được. Nó chi phối hầu hết mọi loài, loài nào sanh trong cõi này đều đi trên con đường nhân quả cả. Về mọi cái thọ hưởng vui, sướng hay cực khổ cũng đều do sự trả lại của luật nhân quả mà ra. Nhân quả ấy, nó vi tế, nó kín nhiệm đến nỗi chộp con mắt, lảng lỡ tai cũng đều do luật ấy trả cho.

Luật nhân quả không riêng vị một người nào, ngay như Đức Phật Thích Ca, thuở xưa trong lúc thuyết pháp, Ngài còn bị một bà già lại đòi tiền. Bởi kiếp trước Ngài bảo lãnh số nợ của người khác, mà người ấy không trả nên Ngài phải trả, mặc dù kiếp đó Ngài đã chứng quả Như Lai.

Bây giờ, chúng ta muốn khỏi vướng mắc nhân quả ở kiếp tới thì ngay bây giờ chúng ta hãy nỗ lực tạo tác nhân lành, dù nhiều gian lao trở ngại, nhiều sự hy sinh cũng phải rán làm việc lành ấy cho đến khi nào được tròn đủ thì chừng đó chúng ta tự tin rằng: Bao nhiêu kiếp tới nữa không hề có cái ác quả nào trả lại cho mình được. Vì sao? Vì mình không tạo nghiệp ác, cố nhiên không có quả khổ trả lại.

LÝ LUÂN HỒI

“Chỉ một kiếp Tây phương hồi hướng,

Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi”

Theo đoạn này, mỹ ý của Đức Thầy dạy rằng: “Nếu có một chúng sanh nào thật lòng tin theo sự niệm Phật và phụng hành đúng theo giới luật, thì chỉ trong một kiếp được sanh về cõi Tây phương an dưỡng. Được về cõi ấy, thoát khỏi đường mê, dứt xong cuộc luân hồi sanh tử”

Thế nào gọi là luân hồi? Luân có nghĩa là bánh xe. Hồi có nghĩa là quay tròn. Cả chúng sanh từ vô lượng kiếp trở lại đây, hết kiếp này đầu thai kiếp khác, hết kiếp khác đầu thai kiếp khác nữa cứ chìm nổi xuống lên mãi trong sáu cõi phàm phu, đã bỏ vô lượng cái xác thân, đầu thai vào vô lượng cha mẹ, đào tạo vô lượng gia đình mà vẫn còn đào tạo như thế mãi, chưa được bao nhiêu người dừng lạiặng, cũng như bánh xe cứ quay tròn mãi, không biết đâu là đầu, đâu là cuối, cứ lên lên, xuống xuống, luân luân, chuyển chuyển như thế, nên gọi đó là luân hồi.

Nguyên lai, chúng sanh luân hồi ấy, đều do tạo nghiệp của xác thân, của lỗ miệng, của ý mà gây ra cả. Tạo nghiệp của thân thì hay sát sanh hại mạng, trộm cướp giết giành, tà dâm hoa nguyệt; tạo nghiệp của miệng thì hay nguyên rửa thề thốt, chửi mắng tục tằn, đâm thọc bài xích, thù dệt những chuyện hoang đường làm hại lòng tốt của kẻ

khác, hay bày điều đặt chuyện lừa gạt người đời; tạo nghiệp của ý thì hay tham lam danh lợi của tiền làm điều bất chánh giận hờn nóng nảy, ích kỷ tổn nhờn và câu chấp nhờn ngã gây sự mờ ám trí huệ. Những nghiệp ác ấy, cứ chuyện nói nhau gây thành một lực lượng mạnh mẽ lôi kéo chúng sanh vào cõi khổ để đền trả những nghiệp tạo của mình vừa qua. Cứ thế mà hết đầu thai kiếp này thì đầu thai kiếp khác, khi thì bỏ thân người mang thân thú, khi thì ra cửa ngạ quỷ vào đường Địa ngục: lúc khổ, lúc vui, lúc làm dân, lúc làm quan, lúc mạnh lành, lúc bịnh tật kẻ thoi vô số. Ngoài cách đầu thai vì nghiệp nhân đã tạo kiếp trước, còn có một lý do nữa là lòng khát ái, lòng tham luyến cõi trần nên phải đầu thai để được thỏa mãn dục vọng. Tóm lại sự luân chuyển của cả chúng sanh cứ quay cuồng, cứ tiếp nối cuộc đầu thai mãi không ngừng, không dứt, như thế gọi là cuộc luân hồi rất thống khổ.

Sự đầu thai có bốn cách:

- Lễ thứ nhất, là do nghiệp tạo của người đã chất chứa từ lâu, đợi khi có cơ hội khiêu gợi đến kích thích đến tức thì cái nghiệp lực ấy nó phát mạnh lên lôi kéo thần thức đi đầu thai.

- Lễ thứ hai; là do nghiệp tạo của người ở hiện tại nó kết thành thói quen, lúc nào lòng cũng mơ màng tưởng nhớ đến việc đó, vì thế mà cái nghiệp lực ấy nó phát mạnh lên dẫn dắt thần thức đi đầu thai.

- Lễ thứ ba; Là do nghiệp tạo của người quá đồi thậm trọng nó đến một sức mạnh vô song, vì thế mà mỗi khi

tâm vừa tưởng niệm đến việc đó là nghiệp lực ấy, nó phát mạnh lên dẫn dắt thần thức đi đầu thai,

- Lẽ thứ tư; Là do những nghiệp tạo trong lúc sắp chết, lúc đó khởi lòng thương vợ con, mến tiền của, tức giận kẻ thù, hay buồn thảm việc chi chẳng hạn, nó quá mạnh mẽ đến cực độ, nên khi chết rồi nghiệp lực ấy liền phát mạnh lên dẫn dắt thần thức đi đầu thai trở lại.

Sự đầu thai của cả chúng sanh đều tùy theo nghiệp tạo của mỗi người mà sanh vào chỗ vui hay chỗ khổ không giống nhau. Và tuy cũng đồng mày ngang mũi dọc mà tướng mạo hình dáng có xấu có tốt không ai giống ai cả. Theo trong Cu Xá Luận cho rằng: “Những người lúc sanh bình quá say đắm sự dâm dục, quá nghĩ việc dâm dục, thì kiếp sau sanh làm chim bồ câu, chim se sẻ, chim oan ương những loại đó thường luyến tình, thích giao cấu; những kẻ quá ôm lòng giận giữ hờn trách, thì kiếp sau thường sanh vào loại rắn rít, loại lầy thường ôm nọc độc nơi mình; kẻ ngu muội si mê quá, không biết phân biệt phải trái, cứ làm càn làm bướng, nghe thấy lộn xộn, không nghĩ suy, không tìm hiểu được sự thật, thì kiếp sau thường đầu thai vào loài heo, dê, trai, hên, loài ấy rất ngu đần biếng nhác; kẻ kiêu căng tự đắc quá, chỉ biết mình hơn hết, chẳng biết nhượng trẻ kính già, thì kiếp sau thường sanh vào loài hùm, beo, sư tử loại ấy hung dữ coi mình mạnh hơn và lớn hơn hết các thú khác; kẻ hay chế giễu, bỡn cợt, hay nói đùa hay chọc gẹo người, thì kiếp sau thường sanh làm loài khỉ vượn, giống ấy hay nhăn nhó, hay leo chuyền nhảy nhót, còn kẻ rít bôn quá, tham

lam quá, chỉ muốn thân vô, không muốn xuất ra một đồng một cắc cho ai, lại thường hay ôm lòng ganh ghét người có của hơn mình, kẻ ăn mặc tốt hay sung sướng hơn mình, thì kiếp sau thường đầu thai vào loài chó chịu sự đói khát. Những điều ấy, toàn là ác nghiệp của người gây ra.

Nhược bằng hành thiện nghiệp thì kẻ hành được mười điều lành, thì kiếp tới sanh vào cõi Trời hưởng lấy khoái lạc, kẻ hành được năm điều lành thì kiếp tới sẽ sanh vào loài người có khổ có vui; kẻ làm được mười điều lành mà còn ôm lòng nóng giận, ganh ghét, phân biệt ngã nhân, thì kiếp sau hay sanh vào cõi Thần A Tu La cũng hưởng được phần thông thả, nhưng thường hay chiến đấu với các vị chư Thiên.

Mọi cách đầu thai ấy, hoặc vui hoặc khổ, mỗi mỗi đều khác nhau, nhưng dầu có vui đi nữa cũng còn trong sáu cõi phàm, tức là còn nằm trong bánh xe luân hồi chưa thoát khỏi được; chỉ từ bậc La Hán trở lên sẽ hoàn toàn chặn đứng bánh xe luân hồi, không trở lại trong vòng lục đạo.

Nói tóm lại, việc luân hồi là việc khổ lớn lao, đối với kẻ đã từng khảo nghiệm Phật pháp, cũng như thường để tâm suy xét đến sự giả dối cõi đời, thì không khỏi phải ngậm ngùi thống trách mình chưa được tự giác sớm, chưa ăn năn sớm, nên mới kéo dài sự đầu thai, sự chết chóc nhiều kiếp. Bây giờ mình đã hiểu rõ sự ấy, thì chẳng còn chần chừ chậm trễ nữa, cần phải cương quyết hy sinh cả tài sản tánh mạng này để tìm lấy con đường giải thoát. Con đường giải thoát ấy

muốn được trọn vẹn, thì giờ phút nào mình cũng lấy chơn trí giác để đánh phá được lòng mê muội, tham đắm. Và luôn luôn nơi lòng mình thường tập trung cái tư tưởng lành, để đối phá những tư tưởng ác, đến khi nào trong tâm trí của mình rỗng rã một thứ lành, khỏi giữ gìn lo nghĩ mà nó vẫn hiện lành tốt đẹp, lẽ cố nhiên bánh xe luân hồi đối với mình không quay nữa được, mình sẽ được tự do đi đến cõi Niết Bàn tịch tịnh. Như thế gọi là giải thoát hay thành đạo vậy.

BỐN PHÁP NHIỆP HÓA

“Tùy phong hóa dân sanh phù hợp,

Chấp bút thần tả ít bốn kinh”

Theo đoạn này, Đức Thầy cho biết rằng: “Trong việc hóa độ, Đức Thầy tùy theo phong hóa, trình độ và căn cơ của chúng sanh mà dùng thần bút viết ra những lời kinh, tiếng kệ cho được phù hợp, khiến mỗi người dễ nghe, dễ hiểu và dễ hành. Nếu nghe được, hiểu được thì mới có thể hành đạo đúng được. Nhược bằng dùng phương pháp không thích hợp trình độ, không phù hòa tâm trạng và phong hóa của mỗi xứ và mỗi chúng sanh thì không khiến cho người nhận được chân lý và cũng không thể theo đúng được lời của mình chỉ bảo”.

Bởi thế cho nên, người tín đồ muốn noi theo chỉ hướng của Đức Thầy thì cũng cần phải tùy nghi theo mỗi trường hợp để làm việc đạo lý y như Đức Thầy đã làm đó vậy. Nghĩa là người tu học Phật pháp, ngoài việc cứu độ cho mình khỏi tội lỗi, hết mê muội, lại cần phải độ cho kẻ khác, hết tội lỗi, hết mê muội như mình. Song muốn độ được kẻ khác, điều cần yếu hơn hết là phải hiểu tâm lý và hoàn cảnh của họ: người nghèo thì phải dùng phương pháp gì để độ họ tu hành; kẻ giàu thì phải dùng phương pháp gì để độ họ tỉnh ngộ; trong hàng dân dã làm sao cho họ niệm Phật; trong hàng quan trường làm sao cho họ thanh liêm, mỗi mỗi đều phải có những phương pháp gì cho thích ứng cho vừa vặn sự

hiểu biết và thực hành của mỗi người, mới có thể làm cho họ chịu tu và hành theo lời của mình giảng giải. Những cách độ rồi ấy, ngày xưa có lắm nhà Đại đức thường dùng bốn phương pháp nhiếp hóa. Bốn pháp nhiếp hóa này, lời lẽ tuy ít oi nhưng nó có năng lực rất thần bí sẽ làm cho các giới chúng sanh quay trở lại con đường đạo đức, khiến từ chỗ mê muội trở nên tỏ ngộ Phật Pháp.

Bốn pháp nhiếp hóa là :

1. – Bồ thí nhiếp hóa,
2. – Ái ngữ nhiếp hóa,
3. – Lợi hành nhiếp hóa,
4. – Đồng sự nhiếp hóa,

BỒ THÍ NHIẾP HÓA: có nghĩa dùng đủ cách bồ thí để gieo rắc lòng kính mến với mọi người, hầu khiến họ nghe theo lời đạo lý của mình chỉ bảo và vui làm theo những việc làm chơn chánh như mình đã treo gương.

Được thế, mình sẽ tiện bề dẫn dắt họ trở lại biết tu hành đạo đức rất quý báu tốt đẹp, có những tư cách lịch sự và biết lễ phép với kẻ trong nhà đến người ngoài.

Bồ thí có ba cách:

- Cách thứ nhất là Tài thí, khi muốn độ hạng người nào mà chúng ta thấy rằng: không thể đem lời nói hay sức lực giúp họ được, vì họ là kẻ nghèo. Thế thì chúng ta chỉ

nên: hễ thấy họ có bệnh thì giúp cho họ thuốc men để điều trị; thấy họ rách rưới thì đem vải bô cho họ may mặc lành lẽ; thấy họ đói kém hãy đem lúa gạo cấp phát cho họ được no lòng, đến như nhà cửa hay ruộng đất cũng sẵn sàng giúp đỡ họ, và làm cho họ nhận rõ lòng mình biết thương yêu họ: trong lúc họ nghèo đói chẳng những mình không ghét bỏ, không rẻ khinh lại còn tận tâm cứu giúp họ, tức nhiên họ sẽ nặng lòng cảm mến tâm đức của mình vậy. Nhân đó mình có thể lần lượt đem câu đạo lý chỉ bảo họ, vạch cho họ hiểu tại sao đời họ phải nhiều sự nghèo khổ? Để họ được biết rằng sự khổ của họ ngày nay là do nghiệp tạo bất lành vừa qua, khiến họ đem lòng kiên sợ luật Nhơn quả và chán ngán sự thống khổ của đời mà quay lại con đường Phật pháp. Từ đó mình bắt tay với họ để dìu dắt nhau đến chỗ toàn thiện.

- Cách thứ hai là Pháp thí, chúng ta muốn độ được kẻ giàu có, thì không thể đem tiền của, gạo lúa, thuốc men giúp họ được, vì họ đã có dư rồi. Chỉ có điều là dùng giáo pháp của Phật giảng giải cho họ hiểu rõ việc giàu có của họ ngày nay là do việc làm phước của họ ngày trước, nếu bây giờ họ cứ lo say đắm rượu chè, mê man tiền của, ý trọng vào của tiền nhiều, thế lực mạnh quên việc tu hành phước đức, thì đến ngày kia không tránh khỏi phải trở lại làm một người nghèo khổ để đền trả nghiệp tội xa xỉ trong lúc giàu có, nếu nghiệp ấy nhẹ; còn nghiệp nặng sẽ khổ nữa. Và cũng kẻ luôn cho họ hiểu đời là tạm giả dù của cải muôn xe, ruộng đất có bay thẳng cánh, có quyền thế to tát như đế vương, kẻ hầu người hạ cả muôn người đi nữa, đến khi chết rồi cũng chỉ nằm tro troi dưới ba tấc đất, bao nhiêu của cải đã có lúc sanh

binh đều để lại cho người khác xài, ruộng đất rộng lớn trước kia phú mặc cho vợ con, cho người dung kẻ lạ chia nhau xâu xé, mình đâu còn giữ mãi được sao! Chỉ có cõi Cực Lạc rộng không thể lường, người đông không số đếm, đất thì đất ngọc, người thì người vàng, vật thực khỏi sấm sanh mà vẫn có ăn có mặc, không ai giành giựt với ai, nên cầu sanh qua đó được hưởng trường cửu hơn hết.

Mình tùy tiện bày kể như thế, khiến người ấy thấy của cải này không bền bỉ, không giá đáng, nên vui vẻ bố thí tu hành theo Phật Pháp. Từ đó trở đi giữa mình cùng họ thường khuyến khích chỉ bảo cho nhau tiến mạnh trên việc làm có nghĩa siêu mầu giải thoát được.

- Cách thứ ba là Vô úy thí, có nghĩa đối với người dù giàu hay nghèo, dân hay quan, nếu họ lâm trong tình cảnh sợ sệt hay gặp phải lúc khốn đốn thì mình nên hy sinh tài sản quyền lực và có thể đem cả thân mạng của mình để đỡ ngăn binh vực họ khỏi nguy hại thương tổn đến tinh thần hay thể chất. Ví dụ: nếu họ chìm thuyền thì mình lội ngay ra vớt họ mà chẳng sợ nguy hiểm tánh mạng; họ cháy nhà mình xách gào đến chữa tiếp mà không nệ cháy da phỏng trán; hoặc giả trong lúc họ bị người khác dùng sức mạnh áp chế thì mình đứng ra can thiệp cho họ khỏi sự bức bách của người kia v.v... Ngoài ra, những việc khác cũng như thế, mình làm sao họ hết sợ sệt được trở lại an vui, để gây tình thân cảm với họ. Sau khi họ yêu mến mình và kính nể mình, thì từ đó mình chỉ bảo cho họ nghe theo việc làm lành làm

phải đúng đạo lý. Đưa họ đến con đường Phật Pháp. Như thế, mình đã cứu họ khỏi đau khổ cả xác chất lẫn linh hồn.

ÁI NGŨ NHIỆP HÓA: Có nghĩa dùng tất cả lời lẽ vừa dịu dàng, vừa nhơn đức nói ra cho người khác nghe, khiến lòng họ thấy vui thích trong câu chuyện rất đúng lý mà đem lòng yêu kính nể nang ở lời nói của mình. Nhân đó mình dẫn họ từ câu chuyện thế gian đến câu chuyện Phật pháp, làm cho họ nhìn nhận lời ấy hữu lý, tất nhiên họ không ngần ngại sẽ qui Phật tu hiền.

Ái ngữ có bốn cách:

- Cách thứ nhất là Thành thật ngữ, lúc nào mình cũng dùng lời thành thật để nói với người, khiến người đem lòng tin tưởng ở lời của mình đã nói, từ câu chuyện này đến câu chuyện khác vẫn được đúng đắn không sai chạy, không điêu ngoa, không hề dối gạt họ để thủ lợi, làm hại đến sanh mạng tài sản của họ. Như thế, từ đó trở đi mình có thể dùng lời Phật Pháp nói với họ, họ sẽ đủ lòng tin tưởng và vui vẻ đặt chơn trên đường đạo đức lo việc tu hành như mình.

- Cách thứ hai là Hòa thích ngữ, lúc nào mình cũng dùng lời lẽ hòa nhã thích hợp tâm trạng, hoàn cảnh của người mình muốn độ, khiến họ vui nghe câu chuyện của mình nói và hăng hái làm những điều của mình khuyên. Được thế sẽ làm cho lời của mình nói bao nhiêu cũng không làm cho người nghe chán nản và từ đó trở đi họ sẽ nắm tay với mình làm việc đạo đức đúng theo giáo điều của Phật pháp.

- Các thứ ba là Thông minh ngữ, mình muốn giải bày một câu chuyện nào cũng cần được rành mạch và đầy ý nghĩa báu quý trong ấy. Từ việc này đến việc khác, về sự cũng như về lý, phân tách đâu đó đúng đắn phù hợp, khiến người nghe nhận rõ điều phải điều quấy, đâu là có nghĩa, đâu là không nghĩa, làm cho họ để ý. Sau đó mình sẽ nhấn mạnh những chỗ nên làm chơn chánh ích lợi cho mọi người, khiến họ thấy việc ấy rất cần thiết không phải chuyện huyễn để vui theo và làm theo.

- Cách thứ tư là Tỷ dụ ngữ; Trong lúc nói chuyện với người khác thấy rằng không thể dùng lấy câu chuyện suôn sẻ cảm hóa họ được, thì mình nên tìm đủ cách ví dụ, hoặc đem người làm ví dụ, hoặc đem vật làm ví dụ cốt làm sao người ấy thấy rõ việc lợi hại, nên hư rất có nhiều bằng chứng mà người khác đã máng lấy rồi, khiến họ không còn ngần ngại để theo những việc làm của mình đã chỉ bảo. Bắt đầu từ đó mình đã thêm được một người đồng môn, một người thiện hữu trên con đường Phật Pháp.

LỢI HÀNH NHIẾP HÓA: Có nghĩa chúng ta nên dùng tất cả những lợi ích cho mọi người về mặt tinh thần hay vật chất. Việc làm ấy có mục đích làm cho người cảm mến lòng tốt của chúng ta, khiến cho họ thấy rõ chúng ta lúc nào cũng chú tâm đến đời sống, đến trí não của họ, hầu đặt cho họ một đức tin rất tốt đối với chúng ta. Bắt đầu từ đó chúng ta sẽ lần lượt đem lời đạo lý chỉ bảo họ, khuyến tấn họ bỏ được điều dữ, làm được điều lành, và những hành động tội lỗi của họ, họ tự biết hổ thẹn để cải sửa.

Lợi hành có ba cách:

- Cách thứ nhất là thân tác lợi: Mình đích thân làm được những lợi ích cho người, không phải nhờ tay người khác làm thay, để cho người của mình muốn cứu giúp, thấy rõ lòng mình thành thật giúp đỡ họ, giúp một cách tận tụy, giúp một cách trực tiếp, khiến họ càng thấy mình thành thật giúp đỡ họ chừng nào họ lại càng đem lòng cảm mến mình chừng nấy. Chẳng những lòng họ cảm mến với nghĩa cử quá tốt đẹp của mình, lại họ còn tin tưởng mạnh mẽ ở việc làm của mình nữa. Nếu họ tin tưởng việc làm của mình chính đáng tốt đẹp, đó là một cơ hội quý báu để mình tiến tới khuyên nhủ họ trở lại con đường tu hành đạo đức.

- Cách thứ hai là phương pháp lợi, Thấy rằng chúng ta không thể đích thân đi làm thay cho người việc ấy được, vì không phương tiện; thì chúng ta hãy chỉ họ những phương pháp vừa với hoàn cảnh và có đủ phương tiện cho họ thực hiện được việc lợi ích. Lợi ích ấy, hoặc chữa sửa trí óc của họ từ chỗ dốt nát trở nên thông hiểu, hoặc bảo trợ đời sống của họ từ chỗ nghèo ngặt trở nên nở nang. Những điều khác cũng như thế, khi người ấy nhận được phương pháp quý đáng của chúng ta, họ đem thật hành có kết quả, cố nhiên họ không quên ơn chúng ta, mặc dù chúng ta không nhắc nhở hay nghĩ đến ơn ấy. Khi họ nhận mình là vị ân nhân của họ, lúc đó mình có thể nói cho họ nghe, bảo cho họ làm những điều đạo đức chơn chánh, nhất là cần giúp họ hiểu luật Nhơn quả báo ứng. Từ đó, mình mới có cơ hóa độ họ và làm cho họ tự biết sửa chữa cái lầm lỗi ở mỗi ngày.

- Cách thứ ba là Tấn đức lợi, Đối với người đã hiểu biết đạo đức, hoặc sâu, hoặc cạn, hoặc lâu, hoặc mau, hoặc đã nhiều ngày hay mới đầu hôm sớm mai chẳng hạn, chúng ta cảm thấy cần phải làm cho đức trí của họ được mở mang sáng tỏ, thì nên gần gũi họ, hoặc chỉ họ những yếu pháp để tự trao luyện cho mau tỏ ngộ; và những điều nào có thể làm lớn công đức, sáng trí não mà chúng ta đã làm rồi, thấy có thực nghiệm nên chỉ dạy ngay cho họ, chớ nên ích kỷ để riêng mình làm, nghĩa là nên đem chỉ cho người khác những bí quyết của mình đã thấy rõ hiểu rõ. Bởi sự tu của mình không những tự độ lấy thân mà còn độ được kẻ khác, cố nhiên phải chỉ bảo kẻ khác cách nào cho họ chóng tỏ đạo tâm, đến giải thoát.

Được như thế, chúng ta tự thấy trong một ngày gần đây sẽ được thêm một ngọn đuốc thứ hai trong việc phổ hóa chúng sanh. Ngọn đuốc ấy, là người mà chúng ta vừa chỉ cho bí quyết đó.

ĐỒNG SỰ NHIỆP HÓA: Có nghĩa khi chúng ta muốn hóa độ một người nào mà chúng ta thấy rằng không thể đứng xa để độ họ được, thì chúng ta cứ hy sinh vào ở chung với họ, ngày này tháng nọ luôn luôn treo một mảnh gương trong sáng tốt lành cho họ soi vào để tự sửa chữa những vết đen đúa trong thân tâm. Hoặc giả trong lúc gần gũi họ, chúng ta sẽ giúp đỡ họ những gì còn thiếu kém và an ủi họ những khi gặp phải đau khổ, khiến cho họ nhận thấy đạo đức của chúng ta rất xứng đáng và tinh thần rất siêu việt, nghĩa là có một tinh thần cao cả hơn người thường tục, thế là

họ tự cảm thấy: nếu họ cứ lẩn xả, trong trường đời, chỉ chuốc lấy những điều tội lỗi và đứng mãi chốn bùn trịn hôi tanh cho đến chết cũng chẳng ra gì, chỉ bằng qui đầu theo Phật pháp lo việc tu hành, sẽ hưởng được khoái lạc ở ngày mai hậu. Như thế là chúng ta đã cứu độ được một linh hồn rồi vậy.

Đồng sự có bốn cách:

- Cách thứ nhất là Sĩ đồng sự, Sau khi mình dùng đạo nhãn thấy rằng: cần phải độ được giới quan trường, nghĩa là hạng người đang làm việc trong các cơ quan hành chánh hay quân sự thì mình nên vào ngay trong cơ sở ấy để làm chung với họ. Trong khi gần gũi họ mình sẽ đem hết lý lẽ siêu mầu của Phật pháp, biểu lộ tư cách con người hữu đạo, để họ thấy mình là bậc mô phạm và chơn lý của đạo Phật là tuyệt đối, hơn nữa nó có một ý nghĩa đặc tôn, chủ trương lẽ từ bi hi xả trên hết tất cả chủ nghĩa. Chủ trương ấy rất bình đẳng không những với loài người mà luôn cả loài vật, không còn thành kiến nhơn ngã, sắc màu, chỉ đặt vào một tình từ bi bác ái. Khi họ nhận thấy như thế, tức nhiên họ phải quay lại con đường đạo đức như mình và chắc chắn họ sẽ thân mật kính mến mình, sẽ cùng chen vai thích cánh với mình trên đường tu hành đạo đức:

- Cách thứ hai là Nông đồng sự, Cảm thấy cần phải hóa độ kẻ ruộng rẫy tư tâm, mà chúng ta thấy rằng không thể đứng xa để độ họ được, thì nên vào làm việc ruộng rẫy tư tâm như họ. Trong lúc đó nếu mình đủ sức thì cung cấp cho họ vốn liếng, giống má, canh cụ, hoặc ruộng đất để giúp cho

họ trong sự gặt hái nông thóc được nhiều, đời sống được no cơm ấm áo, cả gia đình được vui vẻ sống còn. Thế thì bắt đầu từ đó họ tự thấy lòng họ nặng ơn đối với mình, tức thì mình đã có cơ hội chỉ bảo họ những lời đạo đức, mà mình tin rằng họ không thể từ chối. Hơn nữa, họ đã quá tin tưởng mình và nhận lời mình vừa phát biểu với họ là một việc lợi ích cho họ, tức nhiên họ nhận làm ngay. Thế là mình đã xui họ vào con đường đạo đức rồi.

- Cách thứ ba là Công đồng sự; Khi mình muốn hóa độ kẻ làm công thợ, nếu phương tiện thì hãy nên vào ngay trong xưởng, ngay trong sở, ngay trong chỗ của họ đang làm để ngày này tháng nọ cùng đi làm với họ, từ câu chuyện thân mật lần lượt dẫn đến câu chuyện đạo đức, vì đã hiểu nhau nhiều và có cảm tình lẽ cố nhiên câu chuyện của chúng ta đưa ra họ sẽ nhận lấy. Khi họ nhận lấy câu chuyện đạo đức của mình là đúng đắn, thì họ sẽ thật hành theo từ chỗ tin tưởng yếu ớt lần hồi họ đến chỗ tu tỉnh mạnh mẽ, sau rốt họ sẽ trở nên một người tín đồ hoàn toàn tốt đẹp như chúng ta.

- Cách thứ tư là Thương đồng sự: Thấy cần phải hóa độ được hạng người buôn bán, thì mình phải phương tiện vào làm việc buôn bán để đi lại giao hàng đặt hàng, và đàm luận những điều hay lẽ phải với họ nhiều lần, để gây cho họ một mối cảm tình và sự hiểu biết đối với mình; rồi lần lần giải bày cho họ hiểu được đạo lý, khiến họ biết việc làm nào tội, việc làm nào phước. Tội phải như thế nào? Phước phải như thế nào? Làm cho họ biết sợ nể luật nhân quả, và rất chán ngán sự luân hồi. Khi đó chúng ta sẽ nói mạnh thêm

vấn đề Phật pháp, làm họ cảm nhiễm mà hăng hái tu hành, đồng thời họ sẽ chỉ lại cho người trong nhà họ cùng lo tu hành hết cả.

Để kết luận, bốn pháp nhiếp hóa này, căn cứ trên tâm lòng từ bi hỉ xả, vì muốn hóa độ thấy các giới chúng sanh mà phải phương tiện, hoặc đem của cải giúp đỡ người trước, rồi sau lần hồi độ họ; hoặc dùng lời lẽ hiền hòa dịu ngọt tiếp đãi họ hằng ngày cho họ cảm mến trước, rồi sau phương tiện độ họ; hoặc tự làm cho họ được lợi ích, để gây cho họ một tin tưởng trước, rồi sau phương tiện hóa độ họ; hoặc giả vào ngay chỗ họ đang làm, để làm chung với họ, để trong lúc gần gũi thường ngày đặng thuyết hóa họ theo con đường tu hành đạo đức. Những việc làm này không phải theo thói thường, mà là cần phải hy sinh đời mình để dám chết vì việc nghĩa, hay hủy bỏ đời mình vì Phật pháp và nhận lấy lời cay tiếng đắng, nhận lấy sự thử thách của đời, mới có thể độ được người đời. Có độ được người mới giúp cho cả thế hệ, cả xã hội ấy được thêm ánh sáng tốt lành. Đó là một điều lợi ích, mà cả Phật tử không một người nào từ khước cả.

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Toàn cả trong đạo chúng ta đều tu Pháp môn Tịnh độ. Pháp môn này, chủ vào sự niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc. Đã niệm Phật A Di Đà lẽ cố nhiên phải biết sự tích của Ngài như thế nào? Khi hiểu được sự tích của Đức Phật A Di Đà, mới hiểu được đại nguyện của Ngài ra sao? Từ đó mình mới có một đức tin mạnh mẽ đối với sự niệm Phật mà mình quả quyết rằng ngày kia sẽ được Đức Phật rước về cảnh giới của Ngài, hưởng lấy sự an vui.

Thân thế Đức Phật A Di Đà

Vào thời quá khứ có một thế giới tên San Đê Lam. Thế giới ấy có Đức vua Chuyển luân Thánh Vương tên Vô Tránh Niệm cầm quyền cả thủy các vua chúa, các chư hầu trong thời đó. Đức vua có một vị đại thần tên Bảo Hải. Vị đại thần ấy có một người con trai tên Bảo Tạng. Ông Bảo Tạng có tướng mạo tốt đẹp hơn người và nghiêm nghị rất mực. Với tuổi trẻ mà lòng ông chẳng luyến ái việc đời, chỉ một lòng xuất gia tu hành được đắc quả hiệu là Bảo Tạng Như Lai.

Sau khi đắc đạo, Đức Bảo Tạng Như Lai lần lượt đi thuyết pháp nhiều nơi. Một hôm nọ ông thuyết pháp gần thành vua Chuyển luân Vương. Vì Bảo Hải Đại thần tâu vua nên giá ngự đến chỗ Phật để nghe thuyết pháp. Khi nghe Phật Bảo Tạng thuyết pháp, vua lấy làm hoan hỉ liền phát tâm cúng dường những món trân hào y cụ cho Đức Phật và

các đệ tử của Ngài trọn ba tháng. Nghĩa là trong ba tháng ấy, Đức Phật cũng như các đệ tử của Ngài khỏi đi hành khất các nơi, chỉ yên ở trong tịnh xá dùng cơm của vua cúng dường;

Bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà:

Vị Bảo Hải đại thần thấy vua chú tâm đem thực phẩm cúng dường Đức Phật để cầu hưởng phước báo chớ lòng vua chưa có sở nguyện nào lớn, nên ông liền khuyên vua chớ ham phước báo cõi người hay cõi Trời, vì phước ấy, dù có to lớn gấp muôn lần cái núi thì cũng có ngày hưởng hết. Khi hưởng hết cũng trở lại phạm phụ tục tử. Chi bằng vua nên phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ đề được giải thoát khổ báo, sẽ hưởng những phước trí, công đức vô cùng vô tận, chẳng bao giờ trở lại cõi phạm chịu sự luân hồi sanh tử.

Khi nghe xong, vua lấy làm vui mừng và quyết tâm làm theo lời của vị Đại thần Bảo Hải vừa tâu, vua liền thân hành đến trước mặt Đức Bảo Tạng Như Lai phát ra bốn mươi tám lời thệ nguyện:

- Nguyện thứ nhất của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trong cõi của Ngài tuyệt nhiên không hề có cảnh Địa ngục, giới ma quỷ hay loài súc sanh cho đến các loài côn trùng nhỏ nhít cũng không có.

- Nguyện thứ hai của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trong cõi của Ngài không hề có phụ nữ, bất luận loài người, loài vật, dĩ chí những loài côn trùng nhỏ nhen ở thế giới khác, nếu sanh về cõi Ngài đều từ trong hoa

sen nơi ao thất bảo tại cõi của Ngài sanh ra, khỏi phải sanh đẻ như cõi phàm phu.

- Nguyên thứ ba của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trong cõi của Ngài đến bữa ăn khỏi phải nấu nướng, khỏi sấm sữa, các thức ăn tự nhiên hóa hiện đến trước mặt. Các thức ăn ấy, đựng trong mâm, bát làm bằng bảy món báu (vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, mã não, hổ phách) thơm ngon dị thường. Khi ăn xong thì cả mâm, bát, đĩa, muổng, đến những thức ăn còn dư lại tự nhiên biến mất, đến bữa khác cũng vậy đều hiện đủ theo ý của mình muốn.

- Nguyên thứ tư của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trong cõi của Ngài nếu muốn mặc thì tự nhiên lụa là, gấm nhiễu hiện đến khỏi phải ươm dệt, may vá. Ví dụ đang mặc y phục đen như thế này, lòng mình muốn đổi y phục trắng, thì tự nhiên hóa thành y phục trắng khỏi phải đi thay; còn mặc y phục trắng muốn đổi y phục vàng, thì nó hóa y phục vàng tức khắc.

- Nguyên thứ năm của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì toàn cả trong nước của Ngài đều có những cung điện, lầu các, ao hồ, cây cỏ toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, với vô lượng báu vật và trăm ngàn mùi thơm kết thành. Vì thế các thứ ấy, có vẻ đẹp phi thường, màu sắc tốt tươi cực diệu và mùi thơm ngào ngạt bay khắp trong nước, đến cả mười phương, nếu một chúng sanh nào nghĩ đến thì lòng liền phơi phới tu hành theo hạnh đức của chư Phật.

- Nguyên thứ sáu của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả thầy mọi người ở cõi của Ngài đều một lòng biết thương yêu nhau, cung kính nhau suốt năm này tháng nọ cho đến vô lượng vô biên kiếp không hề có một mảy ganh ghét nhau.

- Nguyên thứ bảy của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả mọi người ở cõi của Ngài, tuyệt nhiên không hề khởi lòng dâm dật và cũng không có sự giận giữ hay câu chấp tà kiến.

- Nguyên thứ tám của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả mọi người trong cõi của Ngài đều đồng nhưt tâm lành, mỗi khi đàm đạo, người kia muốn nói việc chi, người nọ đã biết trước, nhờ thế nên không có sự hiểu lầm nhau.

- Nguyên thứ chín của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả mọi người trong cõi của Ngài suốt cả năm này tháng nọ cho đến vô lượng kiếp không hề nghe thấy một tiếng ác của địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh, huống là có thật việc ấy.

- Nguyên thứ mười của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả mọi người trong cõi của Ngài đều hiểu xác thân là giả dối, mặc dù nó toàn là kim cương, là châu báu, nhưng cũng không hề khởi lòng tham chấp.

- Nguyên thứ mười một của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trong cõi của Ngài tuy cũng có các hạng người, hạng Trời, nhưng mà hình dung cũng đồng một sắc

vàng chói như nhau hết và diện mạo đều được đoan chính thùy mỹ cả.

- Nguyên thứ mười hai của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài dù đã chứng bực Thinh Văn hay Duyên Giác cũng không thể nào hiểu biết được tuổi sống của Ngài là bao nhiêu ngàn muôn ức kiếp.

- Nguyên thứ mười ba của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, ví dù cả mười phương muôn ức thế giới người, Trời hay bực Thinh Văn, Duyên Giác có đủ thần thông hiệp nhau lại cộng kể cũng không thể nào biết được số người trong cõi của Ngài là bao nhiêu, nghĩa là con số người ở cõi của Ngài đông cho đến đổi bực Thinh Văn Duyên Giác cũng không biết hết được.

- Nguyên thứ mười bốn của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thấy đều được hưởng tuổi sống vô lượng kiếp, không như cái sống ngắn ngủi ở cõi Ta bà.

- Nguyên thứ mười lăm của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thấy đều hưởng sự khoái lạc như là một vị Tỳ Khưu đã chứng đến quả lậu tận, nghĩa là chứng đến quả rất sạch hết những nghiệp hoặc mê si. Bởi một vị Tỳ Khưu tu chứng đến quả lậu tận thì thân tâm khoái lạc vô cùng vô tận không còn một mảy bợn nhơ, chẳng một việc nhỏ khổ não, nói rõ là đến chỗ cùng tột an vui.

- Nguyên thứ mười sáu của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài đều an trụ vào bực chánh tín, nghĩa là lòng luôn luôn tin tưởng chơn chánh, xa lìa tất cả vọng tưởng xằng xiên trái ngược và sạch hết những tánh phân biệt nhơn ngã, ái ó cho đến cả sáu căn cũng đều được trong sạch lặng lẽ hết cả.

- Nguyên thứ mười bảy của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì sự nói pháp cho đến việc hành đạo của Ngài đều hơn các Phật mười phương bội phần.

- Nguyên thứ mười tám của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thấy đều có túc mạng thông, được biết cả trăm ngàn ức triệu kiếp của mình vừa qua, nghĩa là được biết cả trăm ngàn ức triệu kiếp trước của mình không sót một mảy.

- Nguyên thứ mười chín của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thấy đều có thiên nhãn thông được thấy suốt qua cả trăm ngàn ức triệu thế giới khác, nghĩa là chẳng cần đi đến các thế giới khác, chỉ ngồi một chỗ mà thấy rõ hết các việc ở nơi ấy.

- Nguyên thứ hai mươi của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thấy đều thiên nhĩ thông, nghe cả trăm ngàn ức Đức Phật ở mười phương thuyết pháp lòng rất vui vẻ vâng giữ theo.

- Nguyên thứ hai mươi một của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài

thầy đều có tha tâm thông, được biết tâm niệm của chúng sanh ở trăm ngàn ức triệu thế giới khác, nghĩa là những chúng sanh ở các thế giới khác khởi một ý niệm gì là người trong cõi của Ngài thầy đều biết rõ cả.

- Nguyện thứ hai mươi hai của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của Ngài thầy đều có thần túc thông, chỉ trong chốc lát đã đi đến cả ngàn muôn ức thế giới khác, nghĩa là người trong cõi của Ngài khi muốn đi chỉ trong một vài giây đồng hồ là đã đi qua cả ngàn muôn ức thế giới khác, chớ không phải chậm chạp và không nhờ đến thuyền tàu, xe cộ như cõi thế gian.

- Nguyện thứ hai mươi ba của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả mười phương thế giới đều nghe danh Ngài, các Phật thầy ngợi khen công đức của Ngài, dĩ chí cõi người hay cõi Trời đến các loài côn trùng nhỏ nhít, khi nghe danh hiệu của Ngài lòng bèn vui mừng cung kính, thì cũng đều được sanh về cõi của Ngài hưởng lấy cảnh an vui.

- Nguyện thứ hai mươi bốn của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì trên đỉnh đầu của Ngài phóng ra ánh hào quang sáng hơn trăm ngàn lần mặt Trời, mặt Trăng. Song ánh hào quang ấy vẫn được mát mẻ chớ không hầm nóng như ánh mặt Trời hay ánh sáng của lửa đỏ.

- Nguyện thứ hai mươi lăm của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì hào quang của Ngài soi khắp cả cõi Trời, cõi người đến các loài khác; các loài khác thấy

được hào quang ấy liền khởi lòng lành đều sẽ được trở sanh về cõi Ngài.

- Nguyên thứ hai mươi sáu của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả chúng sanh ở các thế giới khác nhờ hào quang của Ngài chạm đến thân họ, nhiều hơn các cõi người và cõi Trời.

- Nguyên thứ hai mươi bảy của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả cõi người và cõi Trời ở mười phương, nếu đã phát lòng Bồ đề gìn giữ trai giới, tu theo hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ mà muốn sanh về cõi của Ngài, thì Ngài hiện thân đến tiếp dẫn về cõi Ngài sẽ chứng bực Bồ Tát bất thối chuyển.

- Nguyên thứ hai mươi tám của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả thế giới người và Trời ở trong mười phương khi nghe đến danh hiệu của Ngài, bèn đem dâng hương, rải hoa cúng dường Phật Ngài, hoặc đem những món y thực cung cấp cho những vị sa môn, hoặc xây dựng chùa tháp, hằng giữ giới trì trai một cách trong sạch và một lòng tưởng niệm danh hiệu của Ngài chỉ trong một ngày một đêm không ngừng dứt xao lãng thì cũng được sanh về cõi của Ngài.

- Nguyên thứ hai mươi chín của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các thế giới người, Trời ở khắp mười phương nếu thành lòng tin tưởng vui mừng nguyện cầu cho được vãng sanh về cõi của Ngài, chỉ nhứt tâm niệm danh hiệu của Ngài mười tiếng, nghĩa là một lòng niệm

mười tiếng Nam Mô A Di Đà Phật ắt được sanh qua cõi của Ngài thỏa lòng mong ước. Chỉ trừ những hạng người đã phạm tội ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết La Hán, làm chơn Phật ra máu, phá hòa tăng chúng, lại còn chê bai ngạo báng chánh pháp của Phật thì không đặng vãng sanh.

- Nguyên thứ ba mươi của Đức Phật, Ngài nguyên khi thành Phật, thì cả chúng sanh ở mười phương thế giới, mặc dù bao nhiêu đời trước họ làm những điều hung ác, mà bây giờ nghe đến danh hiệu của Ngài liền sanh lòng ăn năn, sám hối, lo làm những điều phước thiện, vâng giữ kinh kệ luật giới, thì đến ngày lâm chung cũng được sanh về cõi của Ngài, không còn sa đọa trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Nguyên thứ ba mươi một của Đức Phật, Ngài nguyên khi thành Phật, thì các giới người, Trời ở khắp mười phương nghe đến danh hiệu của Ngài liền cúi mình lễ bái và trong lòng rất hoan hỉ tin tưởng đến Ngài mà lo tu hành theo phẩm hạnh của bực Bồ Tát, thì người ấy sẽ được các giới ở cõi người và cõi Trời đem lòng tôn kính trọng nể.

- Nguyên thứ ba mươi hai của Đức Phật, Ngài nguyên khi thành Phật, thì có vô số vô biên phụ nữ trong mười phương thế giới kia nghe đến danh hiệu của Ngài lòng vui mừng và hết sức tin tưởng, liền phát tâm cầu đạo giác, lại chán ghét thân gái, thì người ấy sau khi mạng chung được khỏi sanh trở lại làm thân gái nữa.

- Nguyên thứ ba mươi ba của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, nếu có những bực Bồ Tát đã sanh về cõi của Ngài, thì tất cả đều vào bực nhưt sanh bổ xứ, nghĩa là sẽ còn một kiếp nữa chứng đến bực Như Lai. Nhược bằng các vị ấy, có bản nguyện muốn qua các cõi khác để phương tiện hóa độ các giới chúng sanh, thì Ngài sẽ dùng oai thần giúp cho mỗi vị đều được tròn xong tâm hạnh và bản nguyện của mình.

- Nguyên thứ ba mươi bốn của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì mọi người trong cõi của ngài, nếu muốn sanh qua cõi Phật khác, tức nhiên được sanh đúng như lòng đã muốn, không hề bị rớt trong ba đường ác đạo.

- Nguyên thứ ba mươi lăm của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát trong cõi của Ngài muốn dùng những hoa thơm hay phướn báu, lọng báu, ngọc tốt, chuỗi tốt hay các món phẩm vật khác đem cúng dường vô lượng thế giới chư Phật ở mười phương, thì các món ấy chỉ trong khoảnh khắc đã đem đến chỗ các Phật ấy.

- Nguyên thứ ba mươi sáu của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát trong cõi của Ngài khi muốn đem cả ngàn muôn thứ nhu dụng để cúng dường cho vô lượng Đức Phật ở mười phương, hoặc cho những chúng sanh ở thế giới khác, thì các món ấy đều tự nhiên hóa hiện ra đủ thứ như lòng của vị ấy muốn, khỏi phải mua sắm như cõi thế gian.

- Nguyên thứ ba mươi bảy của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát trong cõi của Ngài cả thấy đều vâng giữ kinh pháp của các Phật đã thuyết và mỗi vị đều có tài hùng biện và trí huệ cả.

- Nguyên thứ ba mươi tám của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ Tát trong cõi của Ngài cả thấy mỗi vị đều tài biện luận và trí huệ rộng lớn không thể lường được.

- Nguyên thứ ba mươi chín của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát trong cõi của Ngài thấy đều có được xác thân bằng thứ kim cương na la diên như Ngài, chói ánh vàng tía, gồm đủ cả ba mươi hai tướng chánh và tám chục tướng phụ rất trang nghiêm tốt đẹp.

- Nguyên thứ bốn mươi của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì toàn cả trong nước của Ngài thấy đều hoàn toàn yên tịnh, như các bực Bồ tát muốn trông thấy được vô lượng thế giới khác hay được thấy tất cả cõi Phật, tức thời các cõi ấy đều hiện ngay trong thân cây báu (chẳng khác nào mình đem cuốn phim chiếu rõ những vật ở nước khác, nghĩa là trong thân của mỗi cây báu ở nước Cực Lạc, khi các vị Bồ tát muốn thấy thế giới nào, thì thế giới ấy liền hiện ngay trong cây ấy rõ như soi mặt trong gương).

- Nguyên thứ bốn mươi một của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát trong cõi của Ngài, mặc dù công đức còn kém nhưng cả thấy đều thấy rõ trường thuyết pháp khai đạo ở các thế giới Phật khác, hiện

rõ ra nơi cây báu ở cõi của Ngài. Ví dụ: Vị Bồ tát muốn nghe thấy Phật Lưu Ly Quang phương đông thuyết pháp, thì trong cây báu hiện rõ Phật Lưu Ly Quang đang ngồi thuyết pháp; còn muốn thấy Đức Phật ở phương tây thuyết pháp, thì trong cây báu hiện rõ Đức Phật phương tây thuyết pháp. Với các cõi khác cũng vậy đều tự nhiên hiện rõ thần diệu gấp ngàn mấy vô tuyền truyền thanh, truyền hình của thời này.

- Nguyên thứ bốn mươi hai của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả vạn vật; nào ao hồ cây cỏ, đất cát, lầu đài, châu ngọc trong cõi của Ngài mỗi món đều có vẻ tốt đẹp trang nghiêm và có những hình sắc đặc biệt, dù cho một vị nào được có thiên nhãn đi nữa cũng không thể phân biệt nổi từ số, từ tên của các màu, các sắc, các vật trong cõi của Ngài được.

- Nguyên thứ bốn mươi ba của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì cả thầy muôn người trong cõi của Ngài muốn nghe pháp lúc nào đều có lúc ấy. Ví dụ: Muốn nghe pháp ở trong cây báu tức thời trong cây báu nói ra; muốn nghe pháp trong loài chim tức thời các loài chim nói ra; muốn nghe pháp trong hồ nước tức thời trong hồ nước nói ra; muốn nghe pháp trong tiếng gió, tiếng sáo, tiếng rèm tức thời trong đó nói ra. Những pháp ấy, tùy theo ý nguyện của mỗi người muốn được nghe pháp chi, thì trong mỗi món ấy đều phát ra pháp ấy.

- Nguyên thứ bốn mươi bốn của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì tất cả các bực Bồ tát, Thinh văn trong cõi của Ngài trên đỉnh đầu mỗi vị thầy đều có hào quang và mỗi vị nói pháp, hành đạo không khác gì các Đức Phật.

- Nguyên thứ bốn mươi lăm của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các Bồ tát mới phát tâm ở trong cõi khác khi nghe đến danh hiệu của Ngài thì lòng qui y tinh tấn thêm, cả thầy đều được vào chánh định thanh tịnh và giải thoát.

Và các vị ấy đã từng cúng dường các Đức Phật ở mười phương vô số vô biên không thể nghĩ bàn lường tính được.

- Nguyên thứ bốn mươi sáu của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát mới phát tâm ở cõi khác càng qui y tinh tấn thêm, cả thầy đều được các phép tam muội cả.

- Nguyên thứ bốn mươi bảy của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát mới phát tâm ở cõi khác càng qui y tinh tấn cả thầy đều được chứng đến bực bất thối chuyển, nghĩa là không còn lui sụt lại cõi phàm phu nữa.

- Nguyên thứ bốn mươi tám của Đức Phật, Ngài nguyện khi thành Phật, thì các bực Bồ tát mới phát tâm ở cõi khác, khi nghe đến danh hiệu của Ngài liền qui y tinh tấn tu

hành chứng vào bực nhứt thứ nhứt, thứ nhì, thứ ba đúng theo pháp của các Phật, vẫn không bao giờ lui sụt trở lại cảnh giới lục đạo.

Sau khi Vua Vô Tránh Niệm phát bốn mươi tám lời thệ nguyện trước mặt Đức Bảo Tạng Như Lai thì quả đất đều rung động, các vị chư Thiên rải hoa cúng dường và trời nhạc chúc tụng ngợi khen công đức của Vua. Khi ấy, Phật Bảo Tạng liền thọ ký cho vua sau này được thành Phật hiệu A Di Đà làm giáo chủ tại thế giới Cực Lạc.

GẤP NIỆM PHẬT

*“Muốn niệm Phật chẳng cần sớm tối,
Ghi vào lòng sáu chữ Di Đà”*

Về sự niệm Phật, Đức Thầy dạy chúng ta chẳng đợi sớm đợi chiều mà lúc nào cũng cần phải niệm danh hiệu Phật luôn luôn ấn vào tâm khảm của mình, lòng mình niệm Phật một cách thành kính, mỗi một niệm đều từ trong đáy lòng của mình phát ra, chớ không như bao nhiêu cái niệm của người khác chỉ ở đầu môi chót lưỡi. Được như thế, sự niệm Phật mới có ấn chứng mau lẹ.

Vừa rồi chúng ta đã hiểu bốn mươi tám lời đại nguyện của Đức Phật A Di Đà mỗi người nhận ngay rằng lời nguyện ấy lớn lao thành thật, nếu chúng ta hành đạo và tin tưởng Đức Phật một cách chí thành, hẳn Đức Phật y theo lời nguyện của Ngài sẽ không bao giờ bỏ chúng ta. Nói rõ hơn, chúng ta đã tin tưởng bản nguyện rất lớn của Đức Phật, nên toàn cả chúng ta đều chuyên tâm niệm Phật. Nhưng sự niệm Phật cần phải sớm được chừng nào hay chừng nấy. Vì cái chết không hẹn ngày, hẹn giờ và nó không từ một ai cả, nếu chúng ta trễ biếng gặp phải lúc bất trắc, thử hỏi còn đủ thì giờ để niệm Phật không? Có bảo cái sống nán lại để niệm Phật được không? Hẳn không. Nếu không bảo cái sống nán lại được và không chặn đứng sự tai nạn trong lúc đưa lại bất ngờ được, thì trong lúc thì trong lúc yên tĩnh vô sự cần phải nhứt tâm gấp rút niệm Phật, chừng ngày kia có sự biến đổi

như thế nào, mình cũng đã giao cảm với Đức Phật bằng tâm niệm từ lâu, tức là mình đã dự bị sẵn công đức rồi, dù có chết linh hồn cũng được Đức Phật tiếp độ cho.

Song, muốn cho niệm Phật mau có chứng nghiệm thì mỗi người cần phải có sự nhận định rõ ràng. Theo Ngài Huệ Viễn Pháp sư là Tổ thứ nhất về môn tịnh độ ở Trung hoa. Ngài có khuyên người đời: “Chớ tham đắm tiền bạc, vì nó là một vật ô uế, thường làm cho lòng người trở nên dơ bẩn xấu xa; chớ cầu cạnh tước lộc quyền oai, vì nó chẳng khác nào xiềng xích, gông cùm, thường trói trắng giam hãm thân xác con người; chớ say mê sắc đẹp, vì nó có sức bén thép như dao búa, kẻ nào rờ mó đến khó tránh khỏi đứt tay, có khi phải hại đến tánh mạng nữa”. Chính sắc đẹp thường giết nhiều người rồi, kẻ có danh vọng như là Vua Trụ, Kiệt, U, Lệ, Tề cũng vì say mê sắc đẹp, nên bị sắc đẹp giết chết cả sanh mạng đến danh thể của các ông một cách nhục nhã. Còn những mớ khăn áo đẹp, thức ăn uống ngon, đám ruộng béo, vườn xinh, nhà to cửa rộng mỗi mỗi đều là cạm bẫy, lưới rập, thường phỉnh gạt người đời sa vào đó, bị treo đầu thất cổ hoặc bị chà sát bầm giập thể thống thân danh, như là thường bị nó làm cho người phải đọa đày trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới chịu lắm thống khổ.

Thế thì những việc đã kể trên không đáng nhẽm một điều nào cả, chỉ có một điều cao quý hơn, siêu vời hơn là mỗi người cần phải cương quyết rút bỏ lòng tham luyến cõi Ta bà ngũ trược, quyết cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc. Khi về Cực Lạc được thân bằng hoa sen, cảnh toàn làm bằng bảy

báu, bạn lữ quyến thuộc là các vị thượng thiện nhân, ấy mới được còn mãi và an vui hơn hết. Và một khi chúng ta thành tâm cầu sanh về cõi Tịnh độ, dĩ nhiên là chúng ta nhận ngay cõi ấy trang nghiêm thanh tịnh hơn cõi Ta bà uế trược này. Mà việc cầu sanh về cõi Tịnh độ không ngoài pháp niệm Phật, vì một tiếng niệm Phật chẳng khác nào một nhịp cầu, càng nhiều tiếng niệm Phật, càng nhiều nhịp cầu nối liền nhau từ bờ mê cõi Ta bà qua bến giác cõi Cực Lạc, đưa chúng ta đến chỗ thỏa lòng mong ước. Được hiểu thế, nên sự niệm Phật đối với chúng ta không còn do dự chần chờ nữa, phải cố gắng niệm, cái niệm này nối liền cái niệm tới không để gián đoạn. Vì nếu để tiếng niệm Phật hở cách sẽ là có một dịp cho tiếng niệm phàm phu xen vào, nghĩa là tâm niệm Phật lãng quên, tức là tâm niệm phàm phu sanh ra khuấy rối; như thế có bao giờ thành tựu trong cuộc vãng sanh về Tịnh độ được.

Huống chi, nếu mình còn ngờ vực, còn lẩn lưa không chịu gấp rút niệm Phật, không chịu quyết tâm cầu sanh Tịnh độ, cứ mãi quay cuồng theo tánh phàm, theo việc thế, thì ngày mạng chung thường có mười điều khiến mình không còn thì giờ chuẩn bị để niệm Phật được.

Mười điều ấy là:

- Lẽ thứ nhất, trong lúc hấp hối rủi chẳng gặp người lành khuyên cho niệm Phật, thì không làm sao nhớ để niệm được.

- Lễ thứ hai, trong lúc gần mạng chung bao nhiêu cảnh giới ác, do nghiệp tạo bất chánh của mình trong lúc khỏe mạnh gây ra đã hiện rõ trước mắt mình thấy, tai mình nghe và trong người bứt rứt không hề rảnh giây phút nào, thì đâu có thể gì niệm Phật được.

- Lễ thứ ba, rủi phải mang lấy chứng bệnh bất ngờ trầm trọng, khô hầu tắt tiếng, lúc đó thấy mình kinh hồn sợ sệt đâu còn nhớ đến sự niệm Phật, mà dầu muốn niệm Phật cũng không làm sao niệm cho ra tiếng được.

- Lễ thứ tư, rủi phải thứ bệnh cuồng tâm loạn óc, thì đâu còn tự chủ được mình nữa, thành một người điên dại thì đâu thể nào niệm Phật được.

- Lễ thứ năm, rủi bị té sông, biển, ao, hồ mà chết, hoặc bị hỏa hoạn hay núi lửa khạc lửa mà chết, chết cách cấp tốc, chết cách bất ngờ hốt hoảng, đâu còn được thì giờ để niệm Phật.

- Lễ thứ sáu, rủi phải bị loài ác thú: cọp, hùm, beo, gấu vồ bắt, lại lúc ấy không người tiếp cứu nhắc nhở cho niệm Phật, thế thì làm sao nhớ niệm Phật được.

- Lễ thứ bảy, nếu chần chờ chẳng may gặp những người bạn hung ác, chỉ biết làm điều tội lỗi, không tin Trời Phật, không tin luật như quả, họ khuyên làm những điều ma mị, rồi mình đem lòng tin theo, thì có bao giờ biết và nhớ đến sự niệm Phật được.

- Lễ thứ tám, chẳng may vì trúng thực quá nặng, hay vì trong giấc ngủ mê mang rồi chết luôn, thì đâu được hay biết trước để niệm Phật.

- Lễ thứ chín, khi ra trận rũi phải bị tên đạn của kẻ địch xuyên qua chỗ nghiệp của cơ thể chết một cách mau lẹ, thì đâu kịp nhớ để niệm Phật, nói rõ hơn là không còn sống phút nào để niệm Phật.

- Lễ thứ mười, rũi phải từ núi cao té xuống hay rơi vào vực thẳm, hoặc lọt xuống giếng sâu chết một cách hốt hoảng, chết một cách bất đắc, thì đâu còn bình tĩnh để niệm Phật được.

Trong lúc lành mạnh yên ổn không chịu chuyên tâm niệm Phật, đợi khi gặp phải mười trường hợp bất trắc xảy ra trong lúc mạng chung như đã kể trên, thì không tài nào bình tĩnh hay được nhớ Đức Phật để mà tưởng niệm được. Và lại nếu lúc sanh bình đã làm đầy đầy tội ác, ngày mạng chung lại chẳng niệm được một tiếng Phật, thì cái tội lỗi kia đâu được giảm bớt chút nào, tất nhiên không tránh khỏi sa đọa vào các đường luân chuyển. Mà cái điều dễ làm cho con người mau luân chuyển hơn hết, là nếu không niệm Phật thì phải niệm phàm, mà hề niệm phàm thì toàn là những niệm tội lỗi. Gàn dút hơi, những nghiệp tạo, những vọng tưởng lúc khỏe mạnh đã tạo, gây đó, đều hiện rõ ra hết, hoặc thấy viên đá lớn trên không rớt đè, hoặc thấy người cầm cưa, người cầm kéo, người chế dàu, kẻ xách đèn thiêu đốt, cưa xẻ, đánh đập, đủ thứ làm cho hốt hoảng la lớn lên, bò càn bò

niêng, làm cho dễ dứt hơi và dễ làm cho thân thức theo nghiệp lực dẫn đi luân hồi rất mau lẹ.

Nhược bằng trong lúc ấy người biết niệm Phật, niệm Phật ấy được thành tâm, dầu niệm một tiếng đi nữa, cảnh giới hung ác cũng tiêu mất không còn hiện ra dữ dằn táo bạo được. Đó là nhờ Đức Phật gia hộ.

Để kết luận bài gấp niệm Phật, khi chúng ta muốn cầu sanh về cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà để khỏi chịu vào sanh ra tử, đổi xác thay hình trong cõi hồng trần này nữa, thì có một điều thích ứng và cần biết hơn hết là phải nhứt tâm tưởng niệm Đức Phật A Di Đà. Sự niệm Phật ấy sớm cũng như chiều, ngày cũng như đêm, giờ này đến giờ khác luôn luôn không xao lãng; và trong lúc niệm Phật chúng ta có một đức tin mạnh mẽ rằng những tội ác gì của mình đã làm từ lâu, bây giờ nhờ sự niệm Phật mà các điều ấy được diệt mất hết và bao nhiêu công đức phước huệ nơi mình sẽ lần lượt sanh ra, thần trí của mình sớm muộn gì cũng được mở mang; nhứt là nhờ sự niệm Phật mà các Phật mười phương hộ trì gia bị cho mình thêm phần tinh tấn để được mau chóng vãng sanh về Cực Lạc. Kỳ dư, nhờ công đức niệm Phật của mình mà Tổ tiên cha mẹ của mình cũng đều được siêu hóa về Tịnh độ.

Có sự tin tưởng mạnh mẽ như vậy, mới khiến cho sự niệm Phật của mình không bị lãng xao thối đọa và chắc được vãng sanh.

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,

Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà”

Theo Đức Thầy dạy, người niệm Phật trước hết phải dứt bỏ được tà tâm, giữ gìn đúng theo giới luật và sửa trị lòng dạ của mình không còn xấu xa nhiễm loạn những điều trần tục nữa. Vì người niệm Phật mà không chừa tâm tà, không gìn giữ luật giới, chỉ niệm cho lấy có chớ không thành tâm thì chẳng khác nào kẻ nấu cát muốn thành cơm; để ruộng không mà muốn có lúa thì chẳng khi nào có được.

Dùng pháp niệm Phật, một là để cầu sanh về cõi Cực Lạc, một là mượn câu niệm Phật để tiêu diệt vọng tâm, nếu vọng tâm không trừ được thì không khi nào được chánh niệm. Chánh niệm không có thì bao giờ được vãng sanh Cực Lạc; thế nên đồng thời với sự niệm Phật cần kèm chế vọng tâm đừng cho phạm giới cấm mới có hiệu lực.

Những người tu pháp môn Tịnh độ thì chủ yếu ở chỗ niệm Phật để cầu sanh về cõi Cực Lạc, mà được vãng sanh hay không giai do ở sự niệm Phật ấy thành tâm hay không thành tâm vậy thôi.

Vì lý do ấy, chúng ta muốn cho sự niệm Phật của mình mau đến kết quả hiển diệu, nghĩa là được có hiệu nghiệm thật sự, thì trong lúc niệm Phật cần phải gồm đủ những điều dưới đây:

- Lễ thứ nhất, trước khi khởi đầu niệm Phật, hãy ngồi lại ngay ngắn đừng dựa vào vách, phải ngồi thẳng lưng đừng để cong cúi, ngồi bán già hay ngồi kiết già tùy ý; song với người tại gia cư sĩ nên ngồi bán già tốt hơn. Bán già là chon mặt gác lên về chon trái; còn kiết già thì chon mặt gác lên về chon trái, chon trái gác lên về chon mặt, cặp mắt ngó ngay chót mũi, lấy chót mũi làm ni, không ngó qua ngó lại, thông thả thở độ mùi hơi để cho cơ thể điều hòa, vì vừa mới làm công chuyện, khi ngồi lại cơ thể chưa điều hòa, nên phải ngồi thở chừng mùi hơi rồi sẽ bắt đầu niệm cho được bình tĩnh hơn.

- Lễ thứ hai, khi bắt đầu niệm Phật, cần phải gom hết lòng tin tưởng Đức Phật hiểu mình đương ngồi niệm Phật. Minh tin Đức Phật hiểu mình đương ngồi niệm danh hiệu của Ngài, thì mình mới không phóng tâm nghĩ những điều quấy. Cũng như biết cha mẹ mình thấy rõ việc làm của mình, nên mình không dám làm càn.

- Lễ thứ ba, tuy mình ngồi trong phòng kín hay ngồi nơi vắng, mình vẫn tưởng rằng Đức Phật Di Đà đang ở trước mặt mình và xung quanh mình đều có chư Phật mười phương đưa mắt ngó vào mình, lòng mình rất vui mừng cho sự trì niệm của mình có Đức Phật Di Đà chứng minh và có các Phật mười phương chứng kiến, không dám có cử chỉ nào vô lễ đối với các Ngài. Như ở thế gian đối với ông quan hay ông vua mình còn không dám vô lễ, huống gì đối với Đức Phật là đáng tối cao tối thượng, sánh cao ngàn muôn lần hơn vua quan ở thế gian, mình há dám khinh lờn sao? Nghĩ thế

mới khiến thêm sức kèm chế tâm mình trong lúc ngồi niệm Phật cho được đoạn nghiêm.

- Lễ thứ tư, vừa để lòng tưởng có Đức Phật Di Đà trước mặt và có các Phật mười phương xoay chung quanh mình, đồng thời cần phải chận đứng tất cả niệm tưởng xằng bậy, giữ tâm trí mình chỉ còn một niệm Phật, không một niệm nào khác. Tâm niệm ấy, phải được tha thiết van lơn cầu khẩn Đức Phật mở lòng từ bi gia hộ cho mình được trừ xong các nghiệp chướng, chẳng khác người ăn xin van cầu vị trưởng giả giúp họ cơm nước vậy. Nói rõ hơn, như người đói sắp chết cầu khẩn người khác giúp đỡ cơm vậy.

- Lễ thứ năm, trong lúc niệm Phật rán gìn cho hơi thở và tiếng niệm được song phẳng nhau, nghĩa là cho điều hòa ăn nhịp giữa tiếng niệm với hơi thở, đừng thở mau niệm chậm, hay thở chậm niệm mau làm hai cái sai trệ nhau, mất thăng bằng trở nên điên đảo tâm trí xen nhớ tưởng những việc khác.

- Lễ thứ sáu, trong lúc niệm Phật chẳng những niệm bằng tâm mà luôn cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của mình cũng đều tập trung vào chỗ niệm, nghĩa là trong lúc đó mắt không vọng xem sắc đẹp, tai không vọng nghe tiếng hay, mũi, lưỡi, thân và ý cũng không vọng động việc khác, chỉ thuần một niệm Phật trong lòng.

- Lễ thứ bảy, trong lúc niệm Phật cần phải câu niệm rồi kế tiếp câu niệm tới, cái niệm tới kế tiếp cái niệm tới nữa, nó cứ dính liền nhau như sợi dây xích, khoen này liền

khoen nọ, khoen nọ liền với khoen kia không để hở cách một khoản nào, khiến cho các vọng tưởng phàm phu không có nhân chỗ nào trống mà chen vào được, nghĩa là những vọng niệm ham tiền bạc, tướng sắc đẹp, tham danh lợi, không thừa chỗ nào hư để chen vào phá rối cõi lòng.

Tâm niệm Phật của mình cứ theo mục đó mà niệm tới, lần lượt chỉ còn rỗng rã một lòng niệm Phật, không xem vào các loạn tưởng nào khác, dầu cho lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói, nín vẫn nghe trong lòng mình có tiếng niệm Phật luôn, chẳng khác hơi thở lúc mình ngủ thức gì cũng thở tự nhiên, nghĩa là lòng mình vẫn nhớ niệm Phật khỏi phải kèm chế, không cần phải bắt buộc kèm chế nữa. Được như thế, nếu túc căn của mình có nhiều, nghĩa là hột giống niệm Phật của mình ở kiếp trước đã có gieo thì nó hợp lại với sự niệm Phật của kiếp này, trở nên sức mạnh, tung cái vỏ mê si, nảy sanh trí huệ rất mau lẹ. Nhược bằng, kiếp trước của mình ít niệm Phật ít tu hành, hột giống trí huệ còn kém, chỉ mới niệm Phật kiếp này thì tuy nó chưa mở trí huệ ngay được, nhưng đến ngày mạng chung Đức Phật cũng hiện thân đến rước thần thức về cõi Cực Lạc.

Tuy nhiên, chẳng phải cứ ngồi đó chủ vào sự niệm Phật một cách rỗng không như thế đó mà đủ điều kiện chúng quả được, theo Đức Phật Thích Ca dạy: “Nếu người muốn cho mình vãng sanh về cõi Cực Lạc, đồng thời với sự niệm Phật cần phải làm ba việc phước”.

- Lễ thứ nhất, đối với cha mẹ luôn luôn phải có hiếu, nuôi cha mẹ được no ấm, lúc bệnh lo thuốc men, lúc mạng chung lo tống táng và cầu cho được siêu rỗi linh hồn. Đối với Thầy dạy chữ hay dạy đạo cho mình cũng vậy, đều phải hết lòng vâng giữ lời dạy bảo và cung cấp những nhu cầu cần thiết cho Thầy. Kế đó cần phải khởi lòng lành đối với người xung quanh, vì mọi người xung quanh rất có nhiều kẻ thiếu thốn việc này hay việc khác về vật chất hay tinh thần, mình nên giúp họ được phần nào thì cứ giúp. Lễ chót hết là rón tránh sao cho khỏi việc sát hại. Song muốn tránh được nó cần phải nhớ làm mười điều lành. Mười điều lành ấy, khi làm xong sẽ tránh được nghiệp sát hại, tham lam, trộm cướp v.v...

- Lễ thứ hai, cần phải giữ đúng tam qui: đối với Phật phải noi theo chí đức từ bi của Ngài, đối với giáo pháp phải chuyên đọc để tìm hiểu yếu lý để thực hành cho đúng; đối với các Thánh Tăng luôn luôn soi gương sáng suốt của Ngài trong việc hành đạo và gìn giữ chánh pháp dạy bảo kẻ mê muội. Sau đó phải ít nhất là gìn được năm giới: không sát sanh, đạo tặc, tà dâm, ả tửu, vọng ngữ.

- Lễ thứ ba, để giúp cho sự niệm Phật mau tiến đến chỗ thành tâm, mỗi người cần phải phát tâm Bồ đề, cầu đạo giải thoát. Tin tưởng mạnh mẽ luật nhân quả báo ứng không sai chạy, dù kẻ mưu thần chước quỷ cũng không lọt ngoài vòng phân định của nó. Và đối với Phật Pháp rộng như biển, không phải biết một ít giới răn, một ít câu chuyện mà gọi là đủ được, cần xem kinh Đại thừa của Đức Phật giảng dạy

pháp tu giải thoát hơn việc hưởng phước báu cõi phàm. Kinh Đại thừa ấy như: Lăng Nghiêm, Kim Cang, Di Đà v.v... lời Phật nói trong ấy rất màu rất diệu. Song khi mình đọc đến mà cứ cầm giữ đó không truyền ra thì chẳng ích lợi gì cho ai, nên cần đem ra dạy lại cho người khác được hiểu, khi hiểu họ mới tiến đến chỗ hành đạo như mình. Như thế gọi là pháp thí.

Nếu đã niệm Phật lại còn biết làm thêm ba việc phước như đã kể qua, gọi là người tu tịnh nghiệp; mà cách tu ấy các Phật ở thời quá khứ hiện tại, vị lai thường dùng nó làm nguyên nhân chính của việc giải thoát.

Đến phiên Đức Thầy dạy: Đối với phương pháp niệm Phật lẽ trước tiên là để chế trừ được vọng niệm của chúng sanh, vì trong tâm của mỗi chúng sanh thường có những vọng niệm sai lầm này, kể vọng niệm sai lầm khác cứ chuyền nói nhau chưa hề dứt. Bởi vậy mới đả đui các việc trần thế khiến cho cõi lòng chúng sanh thường thấy phiền não rối loạn, sợ sệt, lo buồn không được an lặng vui vẻ. Nếu mãi như thế thì cái tâm ấy càng mờ lu rồi rít có bao giờ trở nên sáng sủa thấy biết đúng đắn được. Bây giờ chúng ta nên thành tâm niệm Phật thì mỗi khi khởi lên một tiếng niệm Phật thì diệt trừ được một tiếng niệm phàm phu, càng nhiều tiếng niệm Phật càng diệt được nhiều tiếng niệm phàm phu. Trái lại ngưng một tiếng niệm Phật thì sẽ khởi lên một tiếng niệm phàm phu; cái này lui, cái kia tới, cái kia tới, cái này lui; giữa cái niệm phàm với cái niệm Phật thường tranh đua nhau, nếu cái lực lượng niệm Phật mạnh thì thắng được

lực lượng niệm phàm; còn như lực lượng niệm phàm mạnh thì thắng được lực lượng niệm Phật, nên mỗi người cần phải tăng gia lực lượng niệm Phật cho mạnh mẽ để lấn áp cái niệm phàm phu. Khi lấn được cái niệm phàm phu rồi, thì những việc ham muốn, các cảnh dục tình rồi không còn nảy nở ra được.

Nói một cách rõ hơn, mình niệm Phật là niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật để nương theo bản lai thanh tịnh ấy, gương siêu mẫu ấy để lòng mình trở nên thanh tịnh. Hễ lòng mình được thanh tịnh y như tâm thanh tịnh của Đức Phật, thì những điều trược nhiễm trần ai không còn. Nhưng trước khi đến mức hiền lương, thanh tịnh, mỗi người cần làm mười điều thiện đặng hộ trợ cho sự niệm ấy, vừa có công đức, vừa có phước lợi cho đời, khiến sự vãng sanh của mình mau đến chỗ thành tựu.

Nói tóm lại, thể theo lời của Đức Phật và Đức Thầy đã dạy bảo trên, thì mỗi người của chúng ta muốn cầu sanh về cõi Tịnh độ, đồng thời với sự niệm Phật cần phải đền xong nợ tứ ân, thật hành được thập thiện, vâng giữ pháp tam qui, gìn xong năm giới cấm, lại phát tâm Bồ đề cầu đạo giải thoát, chót hết là mở lòng thương xót mọi người để tìm phương cứu giúp họ ở phương diện này hay phương diện khác, khiến họ được sự lợi ích. Được như thế, sự niệm Phật của mình sớm muộn gì cũng được toại lòng nguyện ước, nghĩa là được vãng sanh về cõi Phật.

LỢI ÍCH CỦA NIỆM PHẬT

“Chữ lục tự trì tâm bất viễn,

Thì lâm nguy có kẻ cứu mình”.

Đức Thầy bảo: mọi người hãy giữ chặt sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” trong lòng đừng để phút nào xao lãng, thì sau này dù gặp phải nạn ách đưa lại cũng được ơn trên hiện thân đến cứu giúp hoặc khiến người khác cứu giúp cho khỏi sự nguy hại. Câu này giống câu: “Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chi đáo Tây phương”. Chỉ tưởng một câu Di Đà chớ không tưởng điều gì khác, thì khỏi phải nhọc khảy móng tay là đã được vãng sanh về cõi Phật.

Tuy nói dễ song chẳng phải dễ, bởi sự niệm Phật mà được cầm chặt trong lòng, không lúc nào để quên, thì đâu phải là chuyện dễ làm. Hướng lại chúng sanh thường giao tiếp với mọi cảnh, thành thói quen nhớ, quen tưởng đến các cảnh ấy nhiều hơn nhớ Đức Phật, hễ lòng hơi xao lãng một chút là nó liền xen vô rồi. Nên nói giữ một niệm Phật không rời là điều khó lắm. Nhược bằng lòng không xa tiếng niệm Phật thì chẳng nhọc khảy móng tay đã đến Tây phương là lẽ cố nhiên.

Lời đó chẳng phải lời ngoa, vì chúng sanh khởi niệm một cái là đã ngang giáp mười phương, trải qua ba đời, bởi nó vô hình vô ảnh, không vật nào ngăn cản được. Cho nên

nó đi mau không có cái gì mau bằng. Cái niệm như thế thì việc đáo Tây phương cũng như thế.

Hễ lòng khởi một niệm Phật là đã dứt được một niệm chúng sanh, càng khởi nhiều niệm Phật càng dứt được nhiều niệm chúng sanh, cho đến tâm cứ niệm Phật mãi thì các niệm chúng sanh đều dứt hết. Khi đó, trong tâm chỉ tồn một niệm Phật chớ chẳng còn một niệm chúng sanh nào xen vào nữa. Như thế gọi là tâm Phật. Được tâm Phật thì có vô lượng công đức, vô lượng quang minh, vô lượng thọ mạng giống như Đức Phật. Được công đức vô lượng là được có lòng từ bi rộng lớn không ngăn; được quang minh vô lượng là được sáng suốt gấp ngàn muôn lần của ánh sáng nhật nguyệt và thông hiểu hết cả vạn vật không một điều nào che khuất được; được vô lượng thọ mạng là tuổi sống không số lường nổi. Đó là ba đức lớn của Đức Phật A Di Đà.

Cũng vì tâm thuần niệm Phật tức là tâm Phật nên người niệm Phật thường được mười việc lợi ích:

- Lợi ích thứ nhất, người niệm Phật thường được các vị đại lực Thần tướng ở các cõi Trời ngày đêm thường ần mình ủng hộ, khiến các loài quỷ mị, ác thần không xâm phạm được.

- Lợi ích thứ hai, người niệm Phật thường được Đức Quan Thế Âm và các vị Bồ Tát ở mười phương giúp đỡ, khiến tâm niệm ấy càng tinh tấn trừ xong được phiền não nơi lòng, được đến chỗ nhứt tâm bất loạn, thanh tịnh giải thoát.

- Lợi ích thứ ba, người niệm Phật tức niệm bản lai thanh tịnh của Đức Phật, nhứt là sở cầu vãng sanh về cõi cực lạc, nên thường được Đức Phật A Di Đà dùng hào quang soi chiếu vào thân và nhiếp độ cho ngày kia được vãng sanh.

- Lợi ích thứ tư, người niệm Phật nhờ sự màu nhiệm của Đức Phật và nhờ nơi lòng đã diệt xong những ác duyên, vì thế mà những loài quỷ mị dữ dằn chẳng hề nhiều hại được, rắn độc cũng không va chạm được, cho đến thuốc độc cũng không làm hại tánh mạng.

- Lợi ích thứ năm, người niệm Phật thường được các vị đại lực thần tướng, Đức Quan Âm, các vị Bồ tát và ánh từ quang của Đức Phật soi nhiếp mỗi ngày, dầu gặp phải nạn nước, lửa, đao binh cũng khỏi và không mang lấy những cái chết bất đắc kỳ tử hay tù đày.

- Lợi ích thứ sáu, người niệm Phật mặc dù trước kia đã tạo nhiều tội oan, nhiều ác báo, mà bây giờ đã quyết tâm cầu sanh về Tịnh độ, nơi lòng luôn niệm Đức Phật, không vọng tưởng điều ác, thành thử những tội oan, những ác báo ấy, không nhân vào đâu mà đòi nài được. Đó chẳng khác nào đốt ngọn đèn trong hang tối ngàn muôn năm, thấy đèn trở lại sáng tỏ hết.

- Lợi ích thứ bảy, người niệm Phật tâm thường nhớ tưởng Đức Phật, khao khát được vãng sanh về cõi Phật, vì thế cái vọng tưởng ác độc xấu xa đã dứt, nên trong giấc ngủ không thấy chiêm mộng dữ dằn, chỉ thấy những cảnh tốt lành quý báu chưa từng có, nhứt là có khi thấy Đức Phật hiện thân vàng chói đến an ủi khuyến tấn.

- Lợi ích thứ tám, người niệm Phật được ảnh hưởng bản tâm từ bi của Đức Phật, hơn nữa được trừ diệt những ác tướng nơi lòng, mà mình tin rằng chẳng có việc ác nào trả lại, nên cõi lòng thường thấy vui vẻ và những việc làm lớn nhỏ trong lẽ đạo ở mỗi ngày thường được thành quả tốt đẹp.

- Lợi ích thứ chín, người niệm Phật tức tâm kia đã hết còn niệm phàm, nên thường được công đức, được quang minh, được ảnh hưởng oai lực của Đức Phật, khiến cho cả nhơn dân xa gần đem lòng cung kính và nếu người ấy ở trong phạm vi xuất gia hay độc thân cư sĩ bề sanh hoạt có thiếu thốn sẽ được mọi người đem lòng cúng dường những món y thực.

- Lợi ích thứ mười, người niệm Phật nhờ lúc bình thường vẫn chú tâm tưởng niệm đến danh hiệu của Đức Phật, nên được Đức Phật phóng hào quang nhuần gội, các vị Quan Âm Bồ tát và chư vị thần tướng ở các cõi Trời thường ẩn thân ủng hộ, nên người ấy lúc lâm chung không bị những cảnh hung ác hiện đến hay loài ma quỷ hóa hình nhiễu hại, khiến lòng được an vui không sợ sệt, lại còn được bình tĩnh niệm Phật hoặc niệm ra tiếng hay niệm trong tâm một cách rõ ràng. Nhờ thế, mà tự họ được thấy Đức Phật và các vị Quan Âm. Thế Chí hiện thân đến, hoặc phóng hào quang tiếp dẫn cho vãng sanh về cõi Cực Lạc, ngồi trên tòa sen báu, hưởng quả bất thối.

Ngoài mười việc lợi ích vừa kể trên còn những lợi ích khác nữa, như niệm Phật sẽ có hiệu lực trừ được vọng tâm,

hễ mỗi khi tâm mình khởi vọng tưởng bất lành thì nhớ niệm Phật ngay, tức khắc trừ được vọng tưởng ấy. Những vọng tưởng tà khúc được dứt sạch, thì tâm mình trở lại thanh tịnh, ngọn đèn trí huệ sáng lên, khiến cho sự thấy biết của mình không còn bị mê lòng sai suyễn, khỏi phải đắm vào những tội lỗi nữa. Kế đó là khi hội giống niệm Phật của mình được muối mặn, chẳng những phần mình được siêu hóa về Tịnh độ, lại còn được cứu vớt Tổ tiên cha mẹ bảy đời thoát khỏi cảnh đọa lạc hồng trần, được vãng sanh Cực Lạc như mình vậy.

Bởi niệm Phật có công đức, phước lợi vô lượng vô biên như thế, nên trong kinh có nói: “Sanh tử hải trung, niệm Phật đệ nhất”: trong biển sanh tử chỉ có pháp niệm Phật là trên hết. Lại trong kinh còn nói: “Nhu môn học đạo như nghị tử đăng u cao sơn, niệm Phật vãng sanh như phong phàm nhu thuận thủy”: Học các pháp môn khác, chẳng khác nào con kiến bò từ chơn núi đến chót, còn tu pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh về Cực Lạc, chẳng khác nào thuyền đi nước xuôi, buồm gặp gió thuận, đưa thuyền đi mau đến nơi đến chốn.

Tóm lại, lợi ích của niệm Phật không thể kể hết, ngoài kết quả có công đức trí huệ vô lượng vô biên, còn được các Phật mười phương hết lời khen ngợi, các vị Quan Âm, Thế Chí, chư Bồ tát, chư Thiên thần ở các cõi, ngày đêm ủng hộ mình, dù gặp tai nạn to lớn cũng được khỏi. Và dù cho người căn cơ có ngu độn cách mấy mà biết thành tâm niệm Phật cũng được chứng đắc đạo quả, như là được

vãng sanh Cực Lạc. Tổ tiên cha mẹ quyến thuộc bảy đời số đông không lờng cũng được ảnh hưởng vào công đức niệm Phật của mình mà đồng được sanh qua cõi Tịnh độ. Vì lý do ấy, toàn cả trong đạo chúng ta ngày cũng như đêm, giờ trước như giờ sau, năm này như năm khác nơi lòng luôn luôn cố gắng niệm Phật.

BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO

Đối với kẻ tu hành, trước nhứt cần phải bảo trọng lòng ham mộ đạo lý của mình đừng để làm lạc vào đường tà mị. Kế đó trong lúc thiệt thi đạo lý cần đầy đủ tinh thần hăng hái để chặn đứng được những tư tưởng bất lành, phát dương được những lý lẽ cao siêu để giúp mình chống đến mức giải thoát rốt ráo. Song muốn đến kết quả toàn mỹ thì phải hiểu rành ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Sao gọi là trợ đạo? Bởi những pháp ấy có năng lực trợ giúp những kẻ tu hành đến bậc diệu quả Bồ đề. Và lại chữ trợ đối với chữ Chánh, như: mình khởi tâm Bồ đề cầu đạo giải thoát đó là Chánh; những phương pháp để giúp cho mình thành tựu được đạo Bồ đề giải thoát đó là trợ. Kẻ muốn đưa mình đến chỗ hành đạo và quả đức viên mãn, không thể lấy Chánh bỏ trợ, hay lấy trợ bỏ Chánh, mà là hai phần trợ và Chánh phải giúp lẫn nhau mới thành đạo và hóa đạo được.

Theo Ngài Duy Ma Cật đã bảo: “Các giới chúng sanh quyết tâm đoạn được tất cả nghiệp hoặc phiền não, chướng ngại ngăn che và những điều xúi mình làm những điều dữ dằn, tội lỗi, nên phải thật hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo để giúp mình trên lẽ thật hành Phật pháp mau mờ tỏ trí huệ và tiến đến diệu quả.

Ba mươi bảy phẩm sắp kể tới đây: Từ trước tới nay các vị cổ đức, các nhà hóa chúng không hề rời nó; các Ngài

luôn luôn lấy nó để trợ giúp cho công cuộc cứu đời của các Ngài mau được thành tựu. Và trước đó, pháp ấy đã giúp cho các Ngài trên lễ tu hành được khỏi sự rù quên phình gạt của kẻ tà sư ngoại giáo, lại cũng tránh được sự che mờ của giả thân huyền thức, vì trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo chỉ rõ sự nhận xét nơi mình, nơi mọi vật bên ngoài và chỉ cho mình những phương tiện để tiến đạo.

Đôi với các vị cổ đức, chúng ta nhận thấy ở các Ngài có một đức hạnh đầy đủ, công nghiệp cứu đời rộng lớn, trí huệ sáng tỏ gấp mấy ngọn đuốc thế gian, các Ngài từng dẫn dắt người lầm đường lạc lối, ra khỏi rừng độn lưới mê mà các Ngài còn dùng ba mươi bảy phẩm trợ đạo làm món trợ duyên cho sự hành đạo và việc tự độ, độ tha. Huống chi chúng ta là kẻ sơ cơ hậu học há chẳng dùng những phẩm ấy để giúp cho từ việc cứu mình lần lượt đến chỗ cứu người sao?

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có:

- Bốn pháp Niệm xứ,
- Bốn pháp Chánh cần,
- Bốn pháp Như ý túc,
- Năm căn,
- Năm lực,
- Bảy pháp Giác chi,
- Tám pháp Đạo phần.

BỒN PHÁP NIỆM XỨ

- *Pháp thứ nhất quán Thân bất tịnh*: là hãy xem lại cái thân xác của mình, để thấy rõ nó thanh trực như thế nào? Nó chỉ hãnh diện với đời bằng lớp da bao bọc đẹp đẽ bên ngoài, chớ bên trong của nó chứa đầy những chất hôi hám khó ngửi. Đã thấy được sự dơ bẩn bên trong xác thân thì lòng mình đâu còn tưởng xác thân là đẹp đẽ nữa và không có lý do gì để mến trú nó, chỉ nên lợi dụng nó làm một con ngựa để cho ông đại tướng chon tâm của mình cỡi, để khắc phục được sáu giặc trần, hầu suôn đường bén lối cho mình đi thẳng đến ngôi giải thoát và đạt thành bản nguyện cứu vớt quần sanh. Kỳ dư, chẳng nên vì nó trau chuốt món ăn thức mặc, nữ tạo những điều tội lỗi.

- *Pháp thứ hai quán Thọ thị khổ*: là hãy xem lại huyệt thân nó không những dơ bẩn, giả dối lại còn làm nguyên nhân cho mọi nỗi già yếu, ốm đau; cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mỗi ngày đều có tiếp xúc với ngoại cảnh hoặc thuận, hoặc nghịch, gây thành mối vui buồn, thương, ghét... Khiến mình cảm thấy nơi thân cứ nặng nề rút rả mãi, thật là một nỗi khổ không ngần. Khi hiểu xác thân là nguyên nhân cho các sự khổ già, bệnh, thương, ghét, thì mình chỉ xem nó là thứ thường làm hang ổ cho vô minh, sào huyệt cho ma quỷ làm cho chúng sanh vì nó chịu sự thống khổ trên đời, đến khi mạng chung còn đầu thai trở lên tiếp tục chịu mọi nỗi khổ ấy nữa. Cứ thế mà nối liền nhau mãi, ngàn đời muôn kiếp chưa xong, thế thì lấy chỗ nào để gọi thân này là sung

sướng, cõi đời này là an vui được ư? Hãy nhận ngay xác thân là khổ, sở dĩ mang nó là do mình đã tạo nghiệp trước kia, mà bây giờ phải trở lại để đền trả rồi biến hoại chớ không giữ nó còn mãi được, thì đâu nên tung tiu cung dưỡng nó trong việc làm tội ác cho phải luân hồi. Chỉ nên hy sinh nó làm những việc gì ích nước lợi dân, để tạo cuộc thanh bình chung cho đồng bào nhơn loại là một điều quý báu hơn hết.

- *Phần thứ ba quán Tâm vô thường*: Là đã xem xét rõ cái thân chẳng những nó giả dối dơ bẩn, mà cái tâm cũng không được thường tồn. Bởi sao? Bởi nó là vọng tâm. Vì vọng tâm nên giờ trước nó vui, giờ sau nó buồn, bữa trước nó thương người, bữa sau nó ghét người; giờ này nó tính tha người, giờ tới nó định hại người, thật là nó bất thường, không trụ chánh ở việc nào, nó cứ theo ngoại trần mà thay đổi mãi không ngừng. Thấy rõ con người dường như bị ngoại cảnh chỉ huy hơn là tự mình chỉ huy, nếu ngoại cảnh đưa lại thuận thì vui, còn ngoại cảnh đưa lại nghịch thì buồn. Những cái vui buồn, cái thương ghét ấy, do vọng tâm chạy theo ngoại cảnh, ngoại cảnh chỉ phối nó, sai khiến nó, mới sanh ra. Thật nó là giả tâm chớ không phải thật tâm. Chúng ta thấy sự khổ của thân biết được cái giả dối của vọng tâm, liền định tĩnh cõi lòng, xét rõ ràng mọi việc rồi sẽ phán đoán, thế là một phương tiện cho mình khỏi bị ám ảnh của vọng tâm, khỏi sự dẫn dắt ngoại cảnh.

- *Pháp thứ tư Quán pháp vô ngã*: Là đã xem xét kỹ cái thân dơ bẩn, và có cái thân mới chịu mọi sự khổ. Còn cái

tâm thì hay hướng theo ngoại vật mà đời trôi trở mãi. Cho đến những ngoại vật hay những vật của mình sấm sanh cấu tạo cũng toàn là thứ giả dối, như các cảnh trong giấc mộng, không một vật nào còn mãi, dù nhà vôi vách gạch của người lăm công đào tạo thật chắc cũng chỉ trong một thời gian là sụp đổ; mặt đất dù đóng cừ xây đá cũng trong thời gian rồi hóa ra sông biển; đến đồ mớ áo quần, tiền bạc cũng toàn là thứ giả dối, hễ vào nước thì rã, vào lửa thì cháy, không khi nào giữ còn mãi được. Như thế có gì gọi là của ta? Sấm sanh nó chỉ dành cho kẻ khác, sau này xài chớ mình đâu sống mãi với vật ấy. Nó chỉ là vật lưu truyền, chuyển từ tay người này đến tay người khác, không khi nào ngừng. Nghĩ vậy, còn chấp cái gì nữa. Chỉ để làm truy cứu cho thấy rõ chỗ nhiệm màu Phật pháp, hầu làm sao về cảnh giới Tịnh độ bất diệt mới gọi là trường cửu, vì cảnh vật ở cõi đó không già, không bệnh, không chết chóc như cõi này.

Nói tóm lại, bốn pháp niệm xứ này để đối trị lòng tham chấp tập nhiễm, như: quán thấy cái thân như nhớp thì không còn mến trứu xác thân, chỉ lợi dụng xác thân làm điều từ bi bác ái lợi ích quần sanh. Quán thấy cái thân là đầy da thúi chẳng những nó như nhớp mà còn làm nguyên nhân cho sự ốm đau chết chóc, thương ghét, mừng giận thì dù ngũ quan xét soi tiếp xúc cả vạn vật cũng không đắm nhiễm, chỉ như là một ánh nắng giúp thế gian thấy đường lối và ấm áp vậy thôi, tới chùng lặn thì lặn, đến khi mọc thì mọc, chẳng bị cảnh vật nào trói buộc mình được. Quán thấy vọng tâm bất thường khi vui buồn, khi mừng giận, khi thương ghét, toàn là vì ngoại cảnh đưa lại gây thành những điều vui,

buồn, mừng, giận ấy. Ví dụ: khi gặp cảnh thuận lợi thì lòng sanh mừng, gặp cảnh trái nghịch thì lòng sanh giận, mừng giận giai do vọng tâm sở chấp ngoại cảnh mà ra, chớ ngoại cảnh không can gì đến mình cả: như người cho tiền là trọng mới đem lòng tham mến nó, rồi làm cho nó chạy được đi được, nói năng được, thay thế chơn tay, mất mũi do người, người biến nó thành ông thần sống chết của nhơn gian, chớ thật nó là vật vô tri vô giác có biết gì đâu! Như thế thì vọng tâm ấy giả dối, hiện tượng của mê si, chúng ta đã thấy biết rõ ràng như vậy thì chẳng còn chiều theo nó nữa, nên tìm lại nguồn cội thanh tịnh chơn như của bản tâm. Còn quán thấy vạn vật chung quanh, hoa kiểng có ngày tàn, trâu bò có ngày chết, nhà cửa có ngày sập, bàn ghế có ngày mọt mối ăn, cả thấy vạn vật trên đời cũng có ngày biến hoại ra bùn đất, nước, lửa, điều nào mình mua sắm thì tạm gọi là của mình, chớ thật ra thì nó không lệ thuộc của ai. Ví dụ: chiếc xe của mình đi, nếu đưa kẻ khác đi cũng được, chớ chiếc xe ấy không nói nó thuộc của chủ nó. Chỉ vì người ích kỷ tư tâm, việc của mình sắm là cho rằng có của mình, rồi bắt đầu giữ gìn giành giựt vậy thôi. Hiểu như thế, chúng ta thấy các vật không phải của ta và nó là món lưu chuyển thì chỉ nên đem nó làm món giúp cho người được nhờ là hay hơn hết, như có tiền thì giúp tiền, có thóc thì giúp thóc, khiến người khỏi phải thiếu hụt v.v .. được như thế, là mình chỉ huy sự vật, chớ sự vật không chỉ huy mình được. Nếu mình chỉ huy vạn vật thì mình tự do muốn ở cõi trần thì ở, muốn về cõi Phật thì về cõi Phật chừng nào cũng được.

BỐN PHÁP CHÁNH CẦN

- Lễ thứ nhất, người tu hành việc làm đầu tiên là những việc của mình đã làm tội lỗi độc ác vừa qua, thì hãy gấp rút trừ bỏ, đừng để tái phạm. Vì nếu mình tu hành mà còn tiếp tục làm chuyện ác như lúc chưa tu, thì cái tu hành ấy ai nhìn nhận cho và có bao giờ thành được ông Phật ông Tiên gì!

- Lễ thứ hai, những việc làm tội lỗi độc ác của mình vừa qua, mình cương quyết diệt trừ được, thì mình cũng nên chặn tiêu những việc ác sắp tới đừng cho sanh ra. Phải trừ diệt nó hồi còn trong trứng, làm cho nó khô hư ngòi mộng, thì những việc ác vừa qua mình trừ xong, mà việc ác sắp tới nó cũng không còn sanh nở nữa được.

- Lễ thứ ba, sau khi trừ bỏ được những việc ác đã làm vừa qua, chặn tiêu được việc ác sắp làm tới, đồng thời mình hãy đổi lại những việc làm lành để trám đầy những chỗ làm ác, khiến cho các việc ác không có chỗ trống để trở lại mình lần thứ hai. Và khi việc lành đưa đến mình hãy chụp làm ngay. Ví dụ: người đến xin cơm, có cơm hãy giúp liền, người đến xin tiền, có tiền thì cho ngay, nghĩa là những việc lành đưa lại mình không bỏ, dầu việc lớn nhỏ gì cũng vậy.

- Lễ thứ tư, mình đã làm những việc lành thì hãy cần tiếp tục làm lan rộng ra, như trước là một tới mười, rồi mười tới trăm, từ trăm làm tới ngàn muôn cho đến khi nào

mình thấy không còn sơ sót, không còn khinh rẻ điều lành nào, thì việc lành của mình sẽ được toàn thiện toàn mỹ.

Nói rõ, bốn pháp Chánh cần có năng lực giúp cho người trừ những việc ác đã làm vừa qua ngăn chặn những việc ác sắp tới, đồng thời nó cũng giúp cho con người chưa làm được những việc lành trở lại làm những việc lành, đã làm những việc lành sẽ lần lượt làm lớn thêm, từ làm ít đến làm nhiều, từ việc nhỏ đến việc lớn, từ một nhóm nhỏ đến nhóm lớn, việc lành nào mình cũng làm được đầy đủ thì mới tin rằng: Những ác báo không khi nào trả lại cho mình được.

BỐN PHÁP NHƯ Ý TỨC

- *Pháp thứ nhất, Dục như ý tức:* là như khi muốn làm những việc lành thì hãy làm cho việc lành ấy được thực hiện đúng như lòng của mình muốn. Hoặc giả như lòng muốn cho hột giống trí huệ của mình sớm được nảy nở, nảy nở một cách nhiệm màu, thì mình hãy cố gắng làm đúng theo giáo pháp của Phật, để cho hột giống ấy sớm được nảy nở. Nói rõ hơn, những điều lành của mình đã muốn thì hãy làm cho kết quả đúng theo ý của mình, như thế là Dục như ý tức.

- *Pháp thứ hai, Niệm như ý tức:* Là khi lòng tưởng nguyện việc lợi ích cho quần sanh hoặc siêu thoát cho đời mình, thì mình hãy làm cho cái tưởng nguyện ấy được thành hình đầy đủ, nghĩa là được kết quả rõ ràng đúng theo lòng của mình đã nguyện tưởng. Ví dụ: Lòng mình nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc thì hãy chuyên tâm niệm Phật Di Đà cho đến khi được vãng sanh về Cực Lạc một cách viên mãn, như thế gọi là Niệm như ý tức.

- *Pháp thứ ba, Tinh tấn như ý tức:* là trên cái nguyện chánh, trên việc làm lành, mình hãy hăng hái lướt tới để làm cho thành tựu. Lòng hăng hái ấy được đầy đủ mạnh mẽ luôn, không khi nào lui sụt, khờn mẽ. Nói rõ hơn, việc nào của mình muốn làm phải đủ tinh thần hăng hái để làm cho được thành tựu việc ấy một cách nhiệm màu đúng theo lòng hăng hái của mình, như thế là tinh tấn như ý tức.

- *Pháp thứ tư, Tư duy như ý túc*: Là tư tưởng của mình, mình hãy giữ cho thanh cao, chỉ tưởng nghĩ những điều từ bi bác ái. Cái tư tưởng ấy, không phải để trong đầu óc, mà phải đem thực hiện đầy đủ theo lòng mình đã nghĩ, như thế gọi là Tư duy như ý túc.

Bốn pháp này, người quyết tâm hành đúng thì nó có một năng lực dũng mãnh và mâu nhiệm, khiến cho người mở được đạo nhãn thấy suốt khắp cả vạn vật; trí hiểu suốt từ cội gốc đến ngọn ngành của việc này đến việc khác không lầm; tai nghe suốt khắp cả tiếng của muôn loài, không hề có một tiếng lầm lẫn sót lọt; thân nhẹ nhàng muốn đi đâu đều được đến đó cả, đến một cách mâu nhiệm lạ lùng hơn đi đến chớp và biết được lòng của cả chúng sanh, khi họ muốn những gì đều đã hiểu ngay để tùy theo sở cầu của họ mà giúp đỡ cho được toại nguyện.

NĂM PHÁP CĂN

- *Pháp thứ nhất, Tín căn*: Là lúc nào cũng lấy lòng tin tưởng nơi chánh đạo của Phật làm cội gốc. Với lòng tin ấy, được tuyệt đối, không còn tin một tôn phái nào khác, cứ lấy lòng tin theo chánh đạo một cách chắc chắn, như thế mới có thể bảo đảm việc tu hành của mình được thành tựu đầy đủ.

- *Pháp thứ hai, Nguyện căn*: Là đã tin nơi chánh đạo của Phật, rồi thệ nguyện theo dõi. Lấy lòng thệ nguyện ấy làm cội gốc cho sự theo đuổi của mình cho đến khi được kết quả.

- *Pháp thứ ba, Niệm căn*: Là lấy lòng niệm tưởng chánh đạo của Phật làm cội gốc, ngoài ra không để cho trí óc tưởng niệm việc tà mị tội ác nào khác. Chỗ tưởng niệm này, còn có nghĩa ghi nhớ. Lúc nào cũng ghi nhớ Đức Phật, mong cầu cuộc vãng sanh.

- *Pháp thứ tư, Định căn*: Là khi lòng đã tin, đã nguyện, đã niệm tưởng chánh đạo của Phật, thì hãy lấy chủ định làm cội gốc, nghĩa là mình nhứt định theo chánh đạo không hề theo tà đạo. Có nhứt định chắc chắn như vậy, mới có thể đưa mình từ thời gian này đến thời gian khác vẫn giữ một lòng chánh đạo, không hề thay vào tà đạo.

- *Pháp thứ năm, Huệ căn*: Là mặc dù đã tin, đã nguyện, đã niệm tưởng, đã chủ định theo chánh đạo, song

phải luôn luôn lấy trí huệ sáng suốt của mình tìm học chơn lý trong đạo Phật như thế nào, hầu chọn lấy cái tinh vi, cái siêu thắng làm căn bản. Nói rõ hơn nên lấy trí huệ làm cội gốc cho việc tu tấn của mình để tránh sự lạc lầm.

Năm pháp này, mỗi người thật hành được đúng đắn thì nó sẽ có công năng siêu mầu giúp đỡ cho người thêm lòng tin chắc chắn, ý nguyện thành thật, tâm niệm chơn chánh, ý định vững vàng và có cái trí huệ sáng tỏ giúp sự hành đạo của người đi ngay chánh lý của đạo Phật đã vạch sẵn: và được giữ còn tâm đức của mình đã phát nguyện, đã tin tưởng, đã ghi nhớ về sự tu hành cầu đạo giải thoát.

NĂM PHÁP LỰC

- *Pháp thứ nhất, Tín lực:* là trong các việc mình chỉ tin tưởng chánh đạo của Phật là mạnh mẽ hơn hết, nó có sức lực thắng qua các lòng tin tưởng khác để đạt thành ý nguyện.

- *Pháp thứ hai, Nguyện lực:* là trong các việc mình chỉ mong muốn chánh đạo của Phật là mạnh mẽ hơn hết, nó có sức lực thắng qua các mong muốn khác để đạt thành chỗ mình đã ghi nhớ niệm tưởng.

- *Pháp thứ ba, Niệm lực:* Trong các việc mình chỉ ghi nhớ chánh đạo của Phật là mạnh mẽ hơn hết, nó có sức lực xua đuổi các ghi nhớ khác để đạt thành chỗ mình đã nhưt định.

- *Pháp thứ tư, Định lực:* Trong các việc mình chỉ quyết định theo chánh đạo của Phật, là mạnh mẽ hơn hết, nó có sức lực thắng qua các quyết định khác, để đạt trí huệ và quả mẫu.

- *Pháp thứ năm, Huệ lực:* Là trong các việc mình chỉ nhận xét về chánh đạo của Phật là mạnh mẽ hơn hết, nó có sức lực đối phá tánh mê si, tìm hiểu rõ ràng đứng đắn hơn các nhận xét khác, để đạt thành đạo giải thoát.

Năm pháp này, khi thật hành được sẽ có năng lực giúp cho lòng tin, ý nguyện, tâm niệm, chủ định và trí huệ của người được mạnh mẽ lần hơn các sức mạnh để theo đuổi được chánh đạo và mục đích của mình đến chỗ giải thoát viên mãn.

BẢY PHÁP GIÁC CHI

- *Thứ nhất, Trạch pháp giác chi:* Tự hiểu mình đã chọn được đạo pháp chánh, nhưng không hề khởi một ý niệm khinh khi, ngạo báng những đạo pháp tà, đến những người ở trong đạo pháp ấy mình cũng vẫn lấy lễ khiêm tốn lễ độ đối với họ, tránh những lời có thể làm họ hiểu lầm mình xiên xỏ họ, chỉ nên tìm cách khéo léo làm cho họ tự thấy đang ở trong đạo pháp bất chính để quay theo đạo pháp chơn chính như mình. Đạo pháp không chơn chính tức đạo pháp đi sai chơn lý của Đức Phật đã vạch sẵn, nói rõ hơn là nó không đưa người đến mức cứu cánh giải thoát.

- *Thứ hai, Tinh tấn giác chi:* Tự biết mình trong chỗ tu hành rất tinh tấn nhưng không hề khởi một ý niệm câu chấp theo pháp tu khổ hạnh: không ăn uống, không nói năng, nằm hoài, ngồi hoài, chôn nửa thân dưới đất, hoặc phơi nắng ngoài trời.v.v... Chỉ nên làm theo chánh pháp của Phật, không chấp nê những hình tướng bên ngoài, chỉ cần trau sửa tâm hạnh, trừ mê si đổi lại trí huệ, trừ hung tàn đổi lại hiền lương, trừ ý nghĩ phạm phu đổi lại tâm niệm thánh đức, thế mới đạt thành kỳ nguyện siêu suất tam đồ lục giới.

- *Thứ ba, Hỷ giác chi:* Tự biết mình được tỏ ngộ, được chứng đắc đạo pháp, nhưng không lấy đó làm vui mừng thái quá, chỉ để lòng khi đắc pháp cũng như lúc chưa đắc pháp vẫn thản nhiên, thế là cái pháp ấy mới được viên mãn. Vì rằng nếu mình được tỏ ngộ mà lòng cứ nơm nớp vui mừng làm cho thân trí điên đảo, thì không khỏi lạc vào tà

kiến. Và lại khi đắc pháp lòng mình còn háo danh tự phụ, khoe khoang tự đắc, thì dù có thần thông trí huệ cũng không bao lâu sẽ trở lại mê si, như lúc chưa đắc pháp. Chỉ nên khởi lòng mừng, là mừng cho mình có đủ điều kiện hóa độ quần sanh và mừng cho mình sắp thực hiện được lòng từ bi bác ái trong một ngày gần đây. Như thế cái mừng ấy chỉ đặt trên nền tảng từ bi, trên phương diện cứu đời, không lấy gì làm tội lỗi.

- *Thứ tư, Trừ giặc chi:* Tự biết mình đã trừ xong các nghiệp phiền não: tham lam, giận dữ, mê si, nghi ngờ, nhạo báng và bao nhiêu lỗi lầm khác, nhưng không hề khởi một ý niệm cho rằng mình đã trừ diệt được phiền não tội lỗi. Nếu sanh lòng chấp rằng mình đã trừ diệt được phiền não thì mình đã lọt trong cảnh phiền não, vì trong khi mình khởi lòng nghĩ mình trừ diệt được phiền não, là mình đã có nghĩ đến cái phiền não rồi. Thế thì đâu gọi mình đã trừ xong phiền não. Hơn nữa, trong khi mình cho rằng mình đã không còn phiền não thì đâu khởi đem lòng khinh khi những người mà mình cho họ còn phiền não. Nếu còn khinh khi người là còn phân biệt hơn ngã, còn phân biệt hơn ngã thì còn tranh chỗ hơn thua vinh nhục. Như thế thì mình đánh một vòng trở lại gốc phiền não sanh tử như cũ rồi, sẽ làm một việc lầm lạc, một điều tai hại cho mình ở ngày kia vậy. Do đó mà dù mình đã diệt được phiền não cũng không hề vọng chấp mình đã được.

- *Thứ năm, Xả giặc chi:* Tự biết thân tâm mình đã giữ sạch hết thầy những tánh tình luyến ái các vật trong

nhơn gian, nhưng không khởi lòng chê cái này ghét cái nọ, mà vẫn giữ lòng bình đẳng như như, đối với người nào cũng thương yêu rất mực, xem mọi kẻ khác như thân bằng quyến thuộc của mình, biết nhận rõ các vật trên đời là giả hợp, dù không bỏ cũng không còn, mà đã bỏ được cũng là một sự thường, cần gì phải chấp. Chỉ nên đem những phương pháp nào mà mình đã dùng trừ diệt được tội lỗi, dứt bỏ được sai lầm, để chỉ lại cho người khác thật hành có kết quả như mình, đó mới là một việc làm giá đáng không ngần và một gương mẫu cao cả trong vòng từ bi bác ái.

- *Thứ sáu, Niệm giác chi:* Tự biết đầu óc của mình lúc nào cũng niệm tưởng những điều chánh không hề xen một niệm tà, tuy nhiên lòng vẫn tự ti tự tốn chẳng hề phô trương với người khác rằng: Tôi ngày tôi không hề khởi một niệm quấy, vì nếu trong lúc mình niệm chánh mà mình đem khoe với người khác, hay tự cho mình đã niệm chánh, trong lúc đó mình đã sanh lòng phân biệt đến cái niệm tà rồi, chẳng khác nào người khởi lòng nhớ đến màu trắng, thì họ đã tự thấy trong đầu óc đang đối chiếu với màu đen vậy. Chỉ nên thấy mình niệm chánh thì cần giữ cho cái niệm ấy được tròn đủ, thì sẽ đem lại kết quả như ý.

- *Thứ bảy, Định giác chi:* Tự biết thân tâm của mình được an tịnh chơn chánh, nhưng không hề khởi lòng phân biệt rằng mình lúc nào cũng trụ vào chỗ chánh, vì nếu mình chấp rằng mình đã định chánh mà mình còn khởi lòng phân biệt, tức trong lúc khởi lòng đó đã sanh loạn rồi, nghĩa là lúc phân biệt ấy mình đã đem cái cảnh loạn vào đầu óc

mình, để đối đầu với cái định thì trở thành loạn động rồi chớ đâu còn gọi là định nữa. Nhược bằng lòng mình đã định mà không khởi tâm chấp trước vào cái định đó thế mới giữ còn mãi cái định ấy được và gọi là chánh định.

Hành được pháp này, sẽ có một năng lực giúp đỡ cho người trở nên giác ngộ, đầy đủ về phương diện chọn lựa chánh pháp đến phương diện hăng hái vui mừng, dứt bỏ, xa lìa, ghi nhớ và an định mỗi mỗi đều được chơn chánh mà không khoe khoang không phân biệt, không tự cho mình làm được cái này, bỏ được cái nọ, khiến cho tâm trí lúc nào cũng được bình đẳng không sự câu chấp, không sanh phiền não nhờ đó mà được hoàn toàn trở lại bản tâm rỗng không sáng suốt đến mức giải thoát cùng tột.

TÁM PHÁP ĐẠO PHẦN

- *Phần thứ nhất, Chánh kiến:* Có nghĩa trong chỗ xem xét nào cũng chơn chánh, cái xem xét chơn chánh ấy là phải thấy biết được sự thật, dù việc của mình hay của người khác, rón tránh tà kiến để khỏi những cách đối xử sai lầm, hành động trái ngược có hại.

- *Phần thứ hai, Chánh tư duy:* Có nghĩa trong chỗ tư tưởng của mình lúc nào cũng giữ được chơn chánh, cái tư tưởng ấy nó không tướng hình, chẳng có vách thành nào bằng sắt đá mà ngăn cản nó được, trong chớp mắt nó đã xuyên qua cả muôn ngàn non biển, nó thường lên đi lục lạo từ nhà này đến nhà khác không ai hay biết. Cái tư tưởng nó nhanh lẹ như thế, mỗi người phải giữ nó, nếu để phát sanh tư tưởng tà thì sớm muộn gì cũng sẽ hành động tà. Và lại, càng tưởng tà vạy chừng nào, càng khiến cho đầu óc đen đúa chừng nấy, mà nếu đầu óc con người bị đen đúa, tức là cái linh trí bị mờ ám. Linh trí là chủ tể của sự quan sát của con người, nếu nó bị lu mờ thì mình chẳng còn nhận xét sáng suốt nữa, còn nói gì phần đọa lạc là cố nhiên không tránh khỏi.

- *Phần thứ ba, Chánh nghiệp:* có nghĩa trong việc làm nào của mình cũng cần giữ cho chơn chánh, mặc dù vấn đề sanh sống đòi hỏi mình rất nhiều về sự ăn, mặc, ở và những nhu cầu cần thiết khác. Luật đạo không cho phép mình vịn vào vấn đề sanh sống mà làm những việc tà vạy.

Trên thế gian không thiếu chi nghề nghiệp, mình nên chọn việc chơn chánh để sống; thà sống trong cảnh nghèo túng mà được giữ còn tâm hạnh trong sạch chơn chánh hơn sống trong cảnh giàu sang mà năm này tháng nọ chôn nhốt trí não vào chỗ tội ác. Sách sử đánh giá con người ở chỗ chơn chánh, chớ không đánh giá ở chỗ tiền bạc, vì tiền bạc không đưa con người đến chỗ hạnh phúc và nó cũng không trường cửu. Nếu sách sử đánh giá tiền bạc là quý, sao không thấy chỗ nào khen ngợi vua Trụ, Kiệt, người Thạch Sùng, Vương Khải, chính các ông ấy có của tiền nhiều hơn thiên hạ. Thế thì đủ biết sách sử chỉ đánh giá con người chơn chánh, mà kẻ tu hành cần phải giữ nó và chính nó là nguồn gốc cho sự giải thoát vậy.

- *Phần thứ tư, Chánh mạng*: có nghĩa trong đời sống của mình cần phải giữ chơn chánh. Muốn cho mình được sống vững mà nỡ giết chết đời sống của người khác, đó là việc làm tàn nhẫn tội ác. Hãy coi cái sống của người khác như cái sống của mình, mình muốn sống, người khác cũng muốn sống và trong việc làm của người cũng như việc làm của mình rón tránh những tai họa cho người do mình gây ra.

Vì có nhiều khi người ta trọng đời sống mình hơn người khác, nên nhiều khi họ dùng bàn tay sắc bén mổ xẻ người khác để cướp những quyền lợi, nhứt là họ thường nhẫn tâm dùng đủ mưu kế sâu độc phá hoại hạnh phúc kẻ khác. Nói rõ hơn, kẻ ấy chỉ đặt cái sống của họ trên cái sống

của người khác, cái sống ấy như loại ký sanh trùng hay làm hại đời, chứ không ích cho đời.

Với cách sanh sống ấy, con người học đạo luôn luôn bài trừ và đào thải khỏi vòng đạo lý, chỉ biết một cách sinh sống của người học đạo là phải sống trong bao nhiêu cái sống tốt lành. Sống đây để làm những việc ích nước lợi dân, sống để treo tấm gương đạo hạnh bất diệt, sống làm rạng vẻ giống nòi. Có thể cái sống mới không then thùa, nhứt là cái sống không uống công sanh thành của cha mẹ. Kẻ tu hành cần lấy cái sống này làm chiếc thuyền đưa mình đến bến giác.

- *Phần thứ năm, Chánh ngữ*: Có nghĩa trong những lời nói nào của mình đều phải giữ chơn chánh. Mỗi ngày mình nói rất nhiều, không chuyện này cũng chuyện khác mình phải nói. Trong lời nói ấy, không bắt buộc mình nói quấy, mình cũng không có lý do gì phải nói quấy cho tội lỗi miệng. Hơn nữa, lời nói ra, lỗi tai người khác nghe, việc làm ra, con mắt người khác thấy, hai cái đều có kết quả tương đương, nhiều khi chưa làm mà chỉ nói không cũng đủ hại rồi. Lời nói là một việc hệ trọng của con người, nó có thể đem lại cho con người hạnh phúc hay tai hại. Thế nên, lúc nói cần liệu lượng kỹ càng để tránh sự lầm lạc. Câu mình nói ra không khi nào lấy lại được, vì nó không hình tướng mà chỉ vang dội vào tai của người khác nghe thôi. Song, với kẻ hiểu đạo rất cần dùng lời nói để làm phương tiện giúp đỡ cho người khác được hiểu câu chuyện siêu màu, việc làm chánh đáng, đó cũng là một việc giúp đời.

- *Phần thứ sáu, Chánh tín tấn:* có nghĩa trong chỗ sản xước mạnh mẽ của mình cần giữ được chơn chánh. Trong việc làm chơn chánh đem lại phúc lợi chung cho cả mọi người, thì hãy nên hăng hái làm cho được kết quả. Hoặc việc làm giúp cho trí hóa mình được triển khai, đạo hạnh mình được sáng sửa thì hăng hái để làm. Trái lại, không nên nghe người có tiền nhiều mà hăng hái đến cướp giựt, nghe chỗ đó có những hương hoa nhiều mà hăng hái đến đó thường ngoạn, hoặc nghe đâu có những trò vui muốn đến đó hưởng thích thú, vì cái hăng hái trong việc làm tà vạy sẽ gây tai hại cho mình hoặc cho người, đối với kẻ đạo đức không nên làm đến.

- *Phần thứ bảy, Chánh niệm:* có nghĩa đối với ý niệm của mình, lúc nào cũng giữ cho chơn chánh. Cần ghi nhớ những điều lịch sử khen tặng, xã hội quý yêu, Phật pháp khuyến tấn, ruồng bỏ những cái nhớ xằng bậy, những cái nhớ có tai hại như: rượu chè, cờ bạc, mèο mở v.v... cái nhớ tưởng xấu xa ấy, chiếm đầy trí não, nên cái nhớ tưởng tốt lành không nhân chỗ hở để chen vào được. Đối với thời đại này người học đạo cần nhớ Đức Phật như đứa con xa nhớ nhà, chỉ mong ngày trở về, chớ để đầu óc tưởng nhớ việc khác, được thể tất nhiên được gặp Phật.

- *Phần thứ tám, Chánh định:* Có nghĩa nơi tâm mình lúc nào cũng chủ định chơn chánh. Chủ định ấy có thể làm lợi cho nhiều người, làm sáng được tâm đức mình, khiến mình không ngồi tội lỗi, thanh mậu phước đức làm cho trí huệ mình mở mang và cần phải chủ định cứu độ nhơn

sanh. Đó là chủ định cao quý. Trái lại không chủ định việc tà ác. Nhược bằng mình chủ động việc tà ác, người khác cũng chủ định việc tà ác thì cả hai hợp lại thành cuộc đấu tranh gớm ghiếc, vì kẻ này cũng muốn lợi, kẻ kia cũng muốn lợi nên phải gây cuộc cầu xé giành giật lẫn nhau. Điều ấy, người học đạo cần cự tuyệt, dù ai quynh rủ lôi kéo cách mấy cũng phải xa lánh.

Thật hành được tám pháp này, nó sẽ có năng lực giúp đỡ con người thấy biết không rối loạn lầm lạc, nghĩ tưởng không mờ mịt xấu xa; việc làm không gây những sự tổn hại cho mình hay cho người; đời sống không làm cho người khinh khi rẻ rúng; lời nói được có giá trị, chẳng bao giờ nói sai suyền độc ác; hăng hái trên lễ tốt lành, không hề bị thị dục đưa đẩy vào chỗ cuồng ngông táo bạo; ghi nhớ những lẽ chơn chánh không ghi nhớ các tập nghiệp xấu xa đảo ngược đầu óc; đến tâm định vẫn được vững vàng không bị đời đời, nhứt là tâm được chủ định việc thanh cao sáng suốt, không nằm trong chỗ tối tăm. Nói rõ hơn, tám pháp này, khi hành được, nó sẽ giúp cho sự thấy biết của con người được rõ ràng sự thật, nói năng được đúng đắn, ý nghĩ được trong sạch và việc làm nhân đức, đem lại nhiều lợi ích cho mọi người về việc đời hay việc đạo, mà những lẽ này đối với kẻ tu hành lúc nào cũng gắng gổ để làm cho được. Có làm được những điều đó, mới thấy người tu hành giúp đỡ cho đời một phần nào về kết quả xứng đáng.

Đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo đã kể trên, người tu học Phật pháp lúc nào cũng phải nhuần thấm trong trí não,

khi đứng ra giúp đời, hãy tùy tiện từ pháp một trong ba mươi bảy pháp để sử dụng cho khéo léo thích hợp, nghĩa là tùy hoàn cảnh và trình độ mọi người xung quanh, nhưt là người mình muốn cứu độ làm cho họ nghe theo đạo lý, và cái đạo hạnh của mình cũng đến mức rộng lớn.

Đối với ba mươi bảy pháp này, chẳng những nó giúp cho người tự độ lấy mình mà còn làm cho mình có phương tiện độ được người khác, chẳng khác nào người làm ruộng mà có được trâu bò hay giỏi thì đám ruộng ấy khỏi phải chậm trễ mùa màng; như người ra trận mặc cỡi trên con ngựa hay sẽ giúp cho đường tấn thối mau lẹ, và khắc phục kẻ địch một cách nhanh chóng; như người đi rừng sẵn búa bén trong tay ruồng phá cây cối sẵn bìm cản trở và trừ được thú dữ, cứu mình khỏi mang tai họa. Thế là lợi ích của ba mươi bảy pháp này chẳng phải nhỏ, mỗi người cần ôn cố đề thi thiết phước lợi cho quần sanh.

ĐẠI KHÁI PHÁP TỬ THƯỜNG NGÀY CỦA MỘT TÍN ĐỒ P.G.H.H

“Sống tranh đua khi chết cũng xương tàn

Mượn đũa huệ đánh tan mùi tục lụy”.

“ Muốn cho rắn đặng hóa cù

Xả thân làm phước Diêm phù vượt qua”.

Mỹ ý Đức Thầy muốn nói rằng: “Con người trong lúc sống, dầu có cực lực tranh đấu với mọi người, đem lại những thắng lợi tiền của đầy đầy, chức tước cao sang, đến ngày bỏ xác cũng bỏ hết, chỉ còn lại một nắm xương tàn tạ dưới nắm mồ che kín vậy thôi. Thử hỏi từ trước đến nay, biết bao nhà triệu phú, cũng lắm bực oai hùng nhưng có một tay nào thoát khỏi vòng hái của tử thần chăng? Thật ra không một người nào khỏi cả. Nếu chết thì mọi vật đều hết, chỉ còn cái tội phước đem theo một kiếp khác nữa, để tùy đó mà hưởng quả vui hoặc khổ thôi. Đã biết kiếp con người ngắn ngủi, dầu lắm sức tranh đấu hơn thua với mọi người cũng chẳng ít gì, chi bằng sớm mượn ngọn đũa huệ chiếu phá cảnh u mê, xông khói thiền cơ đánh tan mùi tục lụy. Khói thiền cơ thơm dịu lâu dài; mùi tục lụy chua cay ngắn ngủi, kẻ nào ô nhiễm nó sẽ chết vì nó. Trái lại vượt khỏi nó sẽ được hưởng một kiếp sống trường miên vĩnh cửu ở cõi Niết Bàn”

Tuy nhiên, chớ chuyên tâm vào việc tu huệ không mà cần phải thêm tu phước, vì nếu tu huệ không chỉ được hưởng phần sáng suốt, nhưng kém phần phước lợi, là một khuyết điểm về phương diện cứu giúp người đời. Song muốn làm phước cần nhứt là phải quên lợi riêng của mình đi, mới có thể đem tiền của vật thực của mình để giúp kẻ khác. Cũng như con rắn phải nhả được viên ngọc quý trong miệng mới có thể hóa thành cù. Nhược bằng còn tiếc ngậm viên ngọc ấy mãi thì chẳng hóa cù được. Người tham tiền của nhiều chẳng đem giúp đỡ cho ai, thì khó mà qua cửa Diêm phù.

Vì bởi vọng tâm của chúng sanh không số lường, nên pháp giáo của Phật cũng không số lường, để cùng có đủ pháp đối trị lại cái vọng tâm ấy. Đó chẳng khác nào bịnh với thuốc, vì bịnh có nhiều thành ra thuốc phải có nhiều, để tùy theo bịnh nào thì có thuốc nấy điều trị. Nói rõ hơn là bởi tạo nghiệp của chúng sanh rất nhiều, nên Đức Phật phải có nhiều phương pháp để tùy theo mỗi tạo nghiệp mà chỉ cho mỗi phương pháp, cho chúng sanh mượn đó đặng trừ diệt. Thế chỉ là một phương tiện trong việc phổ độ chúng sanh, nhưng dầu bao nhiêu pháp, bao nhiêu môn cũng không ngoài hai lẽ tu phước và tu huệ.

- **Tu phước:** Nghĩa là làm những việc phước. Việc phước ấy là đem của cải ra cấp phát cho những người nghèo khổ; lập ra những viện chẩn tế cho kẻ bần nhơn được hưởng nhờ manh quần tấm áo, nhỏ nước bát cơm; xây cất những gian nhà nuôi hộ những người già cả yếu đuối không con cái phụng dưỡng; dựng lên những viện lãnh trẻ nít mồ côi cha

mẹ để nuôi dạy tử tế; mở ra những nhà thương thí có đủ thuốc men để điều trị những bệnh nhân nghèo nàn không đủ tiền mua sắm dược liệu để điều trị lấy; tạo lập những nhà bảo sanh để hộ sanh những sản phụ chữa hoang đẽ lạnh, hoặc thiếu điều kiện sanh sản tại nhà vì họ quá nghèo; thấy chùa tháp miếu môn hư sập, xúc động lòng tôn kính Trời Phật liền mua sắm nguyên liệu để tu bổ lại kín đáo, khiến trên linh đài không bị đột đổ, hương khói không phai mờ; gặp đường sá hư hao cầu kỳ gián đoạn lo bồi đắp cát bắc lại cho mọi người dễ bề lưu thông. Đó là những hạng người có tiền bạc dư giả nhiều, có thể làm những lợi ích lớn lao cho xã hội. Còn đối với những người ít tiền bạc cũng có thể làm việc bố thí được. Ví dụ: Gặp người ăn xin, cho một bát cơm hay một cục bạc, mà lòng mình muốn sao có tiền nhiều để giúp họ nhiều hơn mới thỏa lòng. Thì một bát cơm, một cục bạc ấy sẽ có giá trị bằng vựa lúa to, đồng bạc lớn vậy. Như thế thì người thí ít thật lòng, người thí nhiều không thật lòng, chưa chắc rằng người thí nhiều có phước hơn người thí ít. Theo sự ghi tội phước, chỉ ghi lòng tốt hay không trong sự bố thí, chứ không ghi vật bố thí nhiều hay ít. Ví dụ: mình cầm cục bạc cho người, trong lúc đó lòng mình khởi lên ý nghĩ: phải chi có hai chục đồng cho người, thì chừ Thần ghi hai chục đồng, chứ không ghi một cục. Còn người cho kẻ khác hai chục đồng mà khi người đi rồi, lại có ý tiếc muốn cho một cục thì chừ thần ghi một cục, chứ không ghi hai chục đồng. Thấy đó đủ biết việc làm phước chẳng phải đợi có của nhiều mà chỉ do lòng từ thiện hay không từ thiện vậy thôi.

- **Tu huệ:** nghĩa là lo trau giồi trí huệ. Muốn cho phần trí huệ được phát triển, thì cần phải mượn giới luật làm hàng rào ngăn chặn những điều làm lỗi. Kế đó trong mỗi ngày hãy dành được nhiều thì giờ tu tập pháp Thiền định, nghĩa là hoặc ngồi lại quán tưởng tướng hảo Đức Phật, hoặc ngồi lại lóng lạng vọng tâm, không móng sanh những ý nghĩ xấu xa bất thiện, hoặc suốt ngày lẫn đêm nơi lòng luôn luôn giữ mãi sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” khiến lòng chẳng còn một mảy nghĩ ngợi nào khác hơn niệm Phật. Niệm Phật cho được thuần phục nơi lòng như mặt nước hồ một màu trong vắt, chỉ còn một mặt trăng hiện ra trong ấy. Được như thế, chẳng bao lâu sẽ mở khai trí huệ, tự mình, được thấy rõ chơn tâm của mình, cũng như thấy một vật để trước mặt. Ngoài ra còn bao nhiêu sự vật trên thế gian mình sẽ dùng lấy trí huệ ấy, soi phủng tận nguồn gốc của nó.

Về phần tu huệ thì cả mọi người, ai cũng có thể tu được, vì nó không tốn của cải, không luận sức khỏe nhiều hay ít, nó thuộc về phần lý tánh, chỉ ai biết soi lại tâm trí mình và biết giữ gìn nó được lặng lẽ tốt lành, thì sẽ được mở trí huệ.

Đức Phật cho trí huệ như chiếc thuyền rất bền chắc, không có một lượn sóng đục tình nào đánh đắm được, nó giúp người lướt khỏi cái biển khổ: sanh, già, bệnh, chết để sang qua bến giác. Nó như là một ngọn đuốc có sức sáng to lớn, chiếu phá được cảnh tối tăm màn lớp vô minh, hiện rõ những hình ảnh chơn thật cả mọi việc, nói rõ hơn, là được hiện rõ cái chơn trí diệu minh của chúng sanh. Nó cũng như

một món thuốc thần sẽ chữa lành thứ bệnh thất tình, lục dục của các giới chúng sanh, khỏi phải bị quay cuồng siết bó trong cảnh ấy nữa. Nó cũng như một lưỡi búa có sức bén thép cực kỳ, sẽ ruồng phá những gai góc, những sắc bìm, những lòng si mê tà kiến của tâm vọng chấp nhờn chấp ngã, của sự luyện ái nơi cõi hồng gian.

Bởi trí huệ có năng lực siêu mầu như thế, nên khi người mở trí huệ lẽ cố nhiên đã diệt xong các phiền não, không còn bể ái dục, nơi lòng lúc nào cũng được lặng lẽ yên vui, chẳng hề bị một mảy trần ai trói buộc. Đức Phật bảo: “kẻ có trí huệ, họ soi tỏ được tất cả sự vật, không một vật nào mà họ không hiểu nguyên nhân kết quả, tuy rằng họ còn đương mang xác thịt như bao nhiêu người khác, song chính họ là bậc đại nhân đầy đủ sáng suốt, họ có thể nối ngôi chư Tổ để tiếp độ quần sanh sau này, chẳng nên thấy họ còn mang xác thịt như mình mà đem lòng khinh mạn.

Theo thói thường của mọi người từ trước đến nay, hễ lo tu phước thì quên tu huệ, lo tu huệ thì quên tu phước, vì vậy mà kết quả bị chênh lệch. Người lo tu phước không, thì ngày kia có của tiền nhiều, danh vọng to, con cháu đông đảo, nhưng kém phần thông minh sáng suốt và cũng còn trong bánh xe luân hồi. Còn người lo tu huệ không thì ngày kia trí hóa thông minh sáng suốt hơn bao nhiêu người khác, nhưng họ phải chịu nghèo, vì kiếp trước không bố thí cho ai. Thế thì hai cái phước, huệ rời nhau sẽ kết quả chênh lệch, như: người giàu có mà ngu ngốc, kẻ thông minh mà nghèo nàn, thì cái giàu có ấy đâu lấy gì làm sung sướng, còn cái

thông minh kia sẽ thiếu phương tiện giúp đỡ kẻ thiếu hụt. Thế nên người tu cần gồm cả hai việc tu phước và tu huệ, để ngày kia có kết quả đủ hai phương diện phước trí. Về phần phước thì được đầy đủ cách ăn, mặc, ở; về phần trí thì được đầy đủ sáng suốt, để đủ cách giúp cho người khác tránh việc tội lỗi; và hậu lai của họ sẽ được hưởng phần giải thoát.

Nói rõ hơn, đối với người muốn cứu đời, thì cần phải có đủ phước lẫn huệ để tùy theo lòng của chúng sanh muốn những gì, mình được có những nấy để giúp họ. Ví dụ: họ muốn được cơm tiền, bô vải, thì mình có cơm tiền, bô vải giúp họ; họ muốn được phương pháp mở trí huệ thì mình có phương pháp mở trí huệ giúp cho họ, mỗi mỗi việc gì của họ muốn thì mình đều có giúp họ hài lòng thích ý, hầu vui vẻ phát tâm Bồ đề, mong cầu đạo giải thoát. Đó là một việc mà ngày xưa Đức Phật Thích Ca thường làm và các vị Tổ kể đây cũng từng thiết thi các việc ấy để giúp mọi lợi ích cho nhơn sanh.

Kết luận bài hôm nay mỗi người của chúng ta muốn thực hiện được tinh thần từ bi hỉ xả, lẽ cố nhiên không để cho sự tu của mình bị hạn chế vào một ranh giới nào làm cho chênh lệch, mà là cần phải làm cho đạo hạnh được tròn đủ mọi bề. Nếu muốn cho đạo hạnh được tròn đủ thì trong đạo chúng ta cần phải tu cả phước và huệ. Phần tu phước thì nên đem của cải của mình đang có giúp cho người, phần tu huệ thì phải trau giồi trí huệ cho sớm được khai thông. Khi trí huệ được khai thông thì đem chỗ nhận thấy của mình chỉ lại cho đời hiểu rõ mỗi kết quả của mỗi hành động trong

nhân gian, khiến họ vui lòng bỏ điều tội ác. Như thế, mình đã có đủ phương tiện giúp đời và chính đó là một tinh thần tự giác, giác tha của người hành đạo.

BAN HOẰNG PHÁP

MỤC LỤC

Số TT		Số trang
	Vài nét về Thanh Sĩ	3
1	- Đạo làm người	5
2	- Tam Tòng và Tứ Đức	15
3	- Tự Trị	21
4	- Đức Hạnh	27
5	- Hiếu Thảo	35
6	- Lễ Độ	43
7	- Công Chánh	49
8	- Khiêm Nhượng	57
9	- Khoan Dung	63
10	- Thanh Bạch	69
11	- Kiệm Tiết	75
12	- Trung Thành	81
13	- Kiên Trinh	87
14	- Điềm Tĩnh	93
15	- Suy Xét	99
16	- Cương Quyết	105
17	- Ôn Hòa	111
18	- Nhẫn Nhục	119
19	- Hồ Thẹn	127

20	- Cần Mẫn	135
21	- Đạo Phật	141
22	- Tại sao chúng tôi đặt đức Tin nơi Đức Huỳnh giáo chủ?	147
23	- Đại lược vài khoảng về sứ mạng của Đức Thầy	153
24	- Mục đích đạo Phật Giáo Hòa Hảo	159
25	- Yếu pháp của Phật Giáo H.H	171
26	- Lịch sử Phật Thích Ca	177
27	- Thái Tử tham thiền và thành đạo	185
28	- Tứ Ân	191
29	- Thập Ác	205
30	- Chừa Thập Ác được những công đức	211
31	- Bát Chánh	255
32	- Hành Bát Chánh được những lợi ích	259
33	- Tứ Diệu Đề	295
34	- Tứ Diệu Đề của Đức Phật	299
35	- Ngũ Uẩn (hay Ngũ Âm)	303
36	- Lục Căn với Lục Trần	309
37	- Trừ tánh Nhơn ngã	315
38	- Phá vô Minh	323
39	- Luật Nhơn Quả	329

40	- Lý Luân Hồi	333
41	- Bốn pháp Nhiếp hóa	339
42	- Sự tích Phật A Di Đà	351
43	- Gấp niệm Phật	365
44	- Phương pháp niệm Phật	371
45	- Lợi ích của niệm Phật	379
46	- Ba mươi bảy phẩm trợ đạo	385
47	- Bốn pháp niệm Xứ	387
48	- Bốn pháp Chánh cần	391
49	- Bốn pháp như ý túc	393
50	- Năm pháp căn	395
51	- Năm pháp lực	397
52	- Bảy pháp giác chi	399
53	- Tám pháp đạo phần	403
54	- Đại khái pháp tu thường ngày của một Tín Đồ PGHH	409
62	- Mục lục	417